

ANDREA HIRATA

Chiến binh cầu vồng

*Tác phẩm có tầm
ảnh hưởng sâu rộng
nhất Indonesia*



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

indochina

Andrea Hirata

CHIẾN BINH CẦU VỒNG

CHƯƠNG 1

MƯỜI HỌC SINH MỚI

Buổi sáng hôm ấy, hồi vẫn còn bé, tôi ngồi trên chiếc ghế dài trong sân trường. Dưới tán cây filicium già nua rợp bóng. Cha tôi ngồi bên, hai tay ôm lấy vai tôi, gật đầu mỉm cười chào những ông bố bà mẹ khác đang ngồi cạnh con mình trên chiếc ghế dài đối diện. Hôm nay là một ngày trọng đại: ngày đầu tiên đi học.

Cuối những chiếc ghế dài ấy là cánh cửa để ngỏ dẫn vào một lớp học trống trơn. Khung cửa cong queo. Thật ra, toàn bộ ngôi trường đang trong tình trạng ọp ẹp như thể nó sẽ đổ sập xuống bất kỳ lúc nào. Hai giáo viên đứng ở cửa cứ như hai vị chủ nhà đang chào đón khách đến dự tiệc. Một người đàn ông luống tuổi nét mặt điềm tĩnh, thầy hiệu trưởng K.A. Harfan Effendy Noor, còn gọi là thầy Harfan và một cô gái trẻ măng quần jilbab - khăn trùm đầu, cô NA. Muslimah Hafsari, hay cô Mus. Giống như cha tôi, hai người họ cùng đang mỉm cười.

Nhưng nụ cười của cô Mus trông mới gượng gạo làm sao: cô đang lo lắng. Nét mặt cô căng thẳng và các cơ cứ rần rật một cách bồn chồn. Cô đếm đi đếm lại mãi số học sinh đang ngồi trên hàng ghế dài bên ngoài, lo lắng đến độ chẳng để ý gì tới mồ hôi đang vã xuống chảy cả vào mắt. Những giọt mồ hôi đua nhau rịn ra xung quanh mũi làm nhòe nhoẹt lớp phấn trang điểm, vạch những đường sọc loang lổ khắp mặt khiến trông giống như người hầu gái của nữ hoàng trong Dul Muluk, một vở kịch cổ của làng chúng tôi.

“Chín em, mới có chín em thôi, thưa thầy, vẫn còn thiếu một,” cô nói với thầy hiệu trưởng giọng âu lo. Thầy hiệu trưởng Harfan đưa mắt sang cô với ánh nhìn trống rỗng.

Tôi cũng cảm thấy căng thẳng. Căng thẳng bởi vì cô Mus đang bồn chồn không yên, và vì cảm nhận được sức nặng từ cha đè lên toàn bộ cơ thể tôi. Mặc dù sáng nay trông ông có vẻ dễ chịu và thoải mái, nhưng cánh tay thô ráp của ông choàng quanh cổ tôi khiến tôi nghe được cả nhịp

tim ông hồi hả. Tôi biết ông cũng đang căng thẳng, và tôi cũng nhận thức được rằng đối với một người cha bốn mươi bảy tuổi đông con làm nghề thợ mỏ với đồng lương eo hẹp, cho con đi học không phải là chuyện đơn giản. Dắt tôi đến làm đũa giúp việc cho bà chủ cửa hàng tạp hóa người Hoa ở phiên chợ sáng, hay cho tôi ra bờ biển làm cu li để giúp giảm đi phần nào gánh nặng tài chính cho gia đình là việc dễ dàng hơn nhiều. Cho một đứa con đi học có nghĩa là phải trang trải nhiều khoản chi phí trong suốt mấy năm trời, và đối với gia đình tôi ấy là một việc chẳng hề dễ.

Người cha đáng thương của tôi.

Tôi không đành lòng nhìn vào mắt ông.

Sẽ tốt hơn nếu ngay lúc này tôi đứng lên trở về nhà, quên đi chuyện học hành, nổi gót mấy ông anh và cả những người anh em họ của tôi nữa - trở thành một cu li...

Cha tôi không phải là người duy nhất đang trong tình trạng căng thẳng như vậy. Nét mặt của những bậc cha mẹ khác cũng cho thấy dường như họ không thực sự đang ngồi trên dây ghế này. Giống như cha tôi, họ cũng đang đưa dòng suy tư của mình trôi về phiên chợ sáng với ý nghĩ con trai họ nên đi làm thì hơn. Họ không mấy tin vào chuyện nếu con cái được học hành - mà họ cũng chỉ đủ trang trải cho chúng đến hết bậc trung học cơ sở là cùng - tương lai của gia đình họ sẽ tươi sáng hơn. Sáng nay họ buộc phải có mặt tại ngôi trường này, hoặc là để chính quyền địa phương không khiển trách tại sao chẳng chịu đưa con em đến trường, hoặc là vì nghe theo lời chính quyền những mong cho con mình thoát khỏi cảnh một chữ bẻ đôi cũng không biết.

Tôi quen mặt hết thấy các bậc cha mẹ và cả mấy đứa con của họ đang ngồi đằng trước tôi kia - ngoại trừ một thằng bé nhỏ thó nhếch nhác với mái tóc đỏ xoắn tít cổ vùng ra khỏi cái nắm tay siết chặt của cha nó. Người cha đó chẳng giày dép gì cả, còn chiếc quần ông đang mặc được may bằng loại vải cotton rẻ tiền. Tôi không hề biết họ.

Những đứa con còn lại đều là bạn chí cốt của tôi. Như thằng Trapani đang ngồi trong lòng mẹ nó kia, hoặc thằng Kucai ngồi cạnh cha nó, hay con Sahara, mới lúc này đã cáu kỉnh với mẹ nó chỉ vì muốn mau được vào lớp học, rồi còn Syahdan, cái đứa chẳng có cha mẹ gì đi cùng. Chúng tôi là hàng xóm, và đều là những người Belitong-Mã Lai thuộc cộng đồng,

nghèo nhất trên đảo. Như ngôi trường này đây, Trường Tiểu học Muhammadiyah, cũng là ngôi trường làng nghèo nhất ở Belitong. Có ba lý do khiến các bậc phụ huynh đưa con em đến học trường này. Một là, Trường Tiểu học Muhammadiyah không bắt buộc đóng học phí, và phụ huynh có thể đóng góp bất kỳ thứ gì vào bất kỳ lúc nào họ có khả năng. Hai là, phụ huynh sợ rằng con em mình với tâm tính yếu đuối có thể dễ bị cái xấu lôi kéo, thế nên họ muốn chúng được dạy dỗ theo những nguyên tắc khắt khe của đạo Hồi ngay từ khi còn nhỏ. Ba là, không một trường nào khác nhận con em họ vào học.

Cô giáo Mus, lúc này càng trở nên bồn chồn tợn, cứ dỗi mắt chăm chăm ra đường cái với hy vọng có thêm một học sinh mới nữa. Nhận thấy hy vọng của cô thật khó thành hiện thực, chúng tôi đâm hoảng. Vậy nên không giống như mấy trường tiểu học khác nơi buổi tựu trường dành cho học sinh lớp-một ngập tràn niềm hân hoan, không khí của ngày đầu tiên đi học tại Trường Tiểu học Muhammadiyah này lại nhuộm một màu âu lo khắc khoải, và người lo lắng hơn cả chính là cô giáo Mus và thầy hiệu trưởng Harfan.

Hai con người khốn khổ đang lâm vào tình trạng đứng ngồi không yên như vậy là do chỉ thị từ vị thanh tra trường học của Sở Giáo dục và Văn hóa miền Nam Sumatra rằng: Nếu trường Tiểu học Muhammadiyah năm nay có ít hơn mười học sinh mới, thì ngôi trường lâu đời nhất ở Belitong này sẽ bị đóng cửa. Do vậy, trong khi cô Mus và thầy hiệu trưởng Harfan lo lắng trường sẽ có nguy cơ đóng cửa, các bậc phụ huynh lại lo lắng về những khoản chi phí, còn lũ trẻ chúng tôi - chín đứa nhỏ mắc kẹt chính giữa - lại lo cả bọn sẽ không được đi học mất thôi.

Năm trước Trường Tiểu học Muhammadiyah chỉ có mười một học sinh. Thầy hiệu trưởng Harfan không mấy tin rằng năm nay trường sẽ đạt chỉ tiêu mười học sinh, nên thầy đã âm thầm chuẩn bị bài diễn văn đóng cửa trường học. Thầy chỉ mong muốn duy nhất một điều - thêm một học sinh nữa. Thực tế đó sẽ khiến cho bài diễn văn càng thêm xót xa.

“Ta sẽ đợi đến mười một giờ,” thầy hiệu trưởng Harfan nói với cô Mus và với cả những bậc phụ huynh hoàn toàn không còn chút hy vọng nào. Bầu không khí im phăng phắc bao trùm.

Khuôn mặt cô Mus giờ đã hơi sưng lên do cố nén những giọt nước mắt

cứ chực trào ra. Tôi hiểu cảm giác của cô hiện giờ, vì niềm hy vọng được đứng lớp của cô cũng lớn lao ngang bằng niềm mong ước được đi học của bọn tôi. Hôm nay là ngày đầu tiên cô được làm cô giáo, cái giây phút mà bao lâu nay cô hằng mong mỏi. Cô vừa tốt nghiệp trường Sekolah Kepandaian Putri (trường dạy nghề dành cho nữ sinh) tuần trước, một trường trung học cơ sở ở Tanjong Pandan. Cô chỉ mới mười lăm tuổi. Đáng buồn thay, cái mong ước bỏng cháy được làm cô giáo của cô đang sắp bị thực tại cay đắng kia dập tắt một cách phũ phàng - trường học có nguy cơ đóng cửa chỉ vì thiếu một học sinh.

Cô Mus đứng thẩn người ra bên dưới cái chuông, nhìn chăm chăm vào khoảng sân trường rộng lớn và con đường cái phía trước. Vẫn không thấy ai xuất hiện.

Mặt trời lên cao, sắp Ngọ. Nỗi chờ đợi thêm một học sinh nữa chẳng khác nào nỗ lực cố tóm bắt một con gió.

Trong lúc ấy, các bậc phụ huynh có lẽ đang miên man với suy nghĩ rằng thiếu đứa học sinh thứ mười có nghĩa là con cái họ sẽ không phải đến trường nữa - thật tốt hơn nhiều nếu cho chúng đi làm kiếm tiền. Cả tôi lẫn mấy đứa kia đều cảm thấy tim mình như vỡ ra: thật đau lòng khi phải đối mặt với những người cha người mẹ nghèo khổ cơ cực, đau lòng khi phải chứng kiến những giây phút cuối cùng của ngôi trường cũ kỹ trước khi nó bị đóng cửa vào chính cái ngày đầu tiên đi học của bọn tôi, và đau lòng quá đỗi khi biết rằng cái khao khát học hành mãnh liệt của bọn chúng tôi sẽ bị dập tan không thương tiếc chỉ bởi thiếu một học sinh. Đứa nào đứa nấy đều rũ cả xuống.

Còn năm phút nữa là đến mười một giờ. Cô Mus không thể che giấu nỗi thất vọng được nữa. Những dự định lớn lao của cô dành cho ngôi trường tội nghiệp này sắp vỡ tan tành trước khi cô kịp bắt tay vào thực hiện, và ba mươi hai năm toàn tâm toàn ý dành cho sự nghiệp trồng người thâm lặng của thầy Harfan sắp khép lại vào buổi sáng bi thảm hôm nay.

“Chỉ có chín em thôi, thưa thầy,” cô Mus thốt lên giọng run rẩy. Cô dường như không còn nghĩ ra được điều gì khác mà cứ lặp đi lặp lại mãi cái thực tế mà ai nấy đều đã rõ. Nghe giọng cô cứ như thể cô sắp chết đến nơi.

Rốt cuộc, thời khắc quyết định đã điểm. Mười một giờ năm phút rồi mà

tổng số học sinh vẫn chưa đủ mười. Niềm hân hoan vô bờ bến khi được đến trường trong túi giờ đã gần như cạn sạch. Tôi hất tay cha ra khỏi vai. Sahara nức nở khóc trong vòng tay mẹ nó bởi vì quả thực nó muốn đi học tại trường Tiểu học Muhammadiyah này biết mấy. Con nhỏ mang tất và giày, jilbab, chiếc áo cánh, mấy cuốn sách, một chai nước và túi xách - tất cả đều mới toanh.

Thầy hiệu trưởng Harfan đến bên các bậc phụ huynh và chào lần lượt từng người một. Thật đau lòng. Ai cũng vỗ vỗ lưng thầy tỏ ý an ủi. Hai mắt cô Mus giờ giàn giụa nước. Thầy hiệu trưởng Harfan bước ra đứng trước các bậc phụ huynh. Trông thầy thật khốn khổ khi chuẩn bị đọc bài phát biểu cuối cùng của mình. Thế nhưng, ngay khi thầy vừa thốt ra được mấy từ, “Assalamu’alaikum, cầu chúc mọi người an lành,” thì thằng Trapani hét tướng lên và chỉ tay về phía ngoài sân trường, khiến ai nấy đều giật bắn cả mình.

“Harun kìa!”

Ngay lập tức, tất cả đều quay lại nhìn, và ở xa tít ngoài kia là một cậu con trai gầy nhẳng cao kều đang lóng ngóng tiến về phía chúng tôi. Quần áo đầu tóc của cậu rất tinh tươm. Cậu mặc sơ mi trắng dài tay được bỏ gọn gàng trong quần soóc. Hai đầu gối cậu lục cục va vào nhau theo mỗi bước đi loạng choạng. Một phụ nữ trung niên béo tròn đang chặt vật cố nắm chặt tay cậu. Cậu con trai ấy là Harun, một cậu con trai vui nhộn và là bạn tốt của cả bọn chúng tôi. Cậu đã mười lăm tuổi, ngang tuổi với cô Mus, nhưng đầu óc hơi kém phát triển. Cậu vô cùng sung sướng và bước đi thật nhanh gần như chạy, như thể cậu không thể đợi thêm một phút giây nào nữa để được nhập bọn cùng chúng tôi. Cậu chẳng để ý gì đến mẹ mình, còn bà thì khắp kha khắp khởi chạy theo cậu con trai, cố nắm chặt tay cậu.

Cả hai gần như thở không ra hơi khi đến được trước mặt thầy hiệu trưởng Harfan.

“Thưa thầy,” bà mẹ nói trong hơi thở hỗn hển. “Làm ơn nhận thằng Harun với. Trường dành cho trẻ đặc biệt mãi tít ở đảo Bangka. Chúng tôi không đủ tiền để cho thằng bé học ở đây.”

Harun khoanh tay trước ngực, nét mặt bùng lên rạng rỡ. Mẹ cậu nói tiếp.

“Và quan trọng hơn cả, đưa nó vào học trường này còn hơn là cho nó ở nhà, thằng bé cứ rượt đuổi bọn gà con chạy tán loạn hết cả.”

Harun ngoác miệng cười, để hở những chiếc răng dài, vàng khè.

Thầy hiệu trưởng Harfan cũng cười. Thầy đưa mắt nhìn cô Mus, nhún vai.

“Đủ mười rồi đấy,” thầy nói.

Harun đã cứu chúng tôi! Tất cả đồng loạt vỗ tay hoan hô. Con nhỏ Sahara không thể nào ngồi yên được nữa, nó đứng thẳng lên sửa sang những nếp gấp trên jilbab và xốc xốc lại túi xách cho chắc chắn. Cô Mus mặt đỏ bừng. Cô giáo trẻ giờ đã thôi khóc, lấy tay quạt vội mồ hôi trên khuôn mặt nhoe nhoẹt phấn.

CHƯƠNG 2

NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÓ DÁNG NGƯỜI GIỐNG CÂY THÔNG

Khuôn mặt cô Mus mới một ít phút trước còn sưng húp, nhòe nhoẹt phần, giờ tươi rói như đóa hoa huệ tây trên rừng Himalaya. Cô rướn thẳng người hết như thân cây của loài hoa xinh đẹp ấy. Tấm khăn của cô mang về mềm mại trắng muốt của hoa huệ tây, và quần áo của cô thậm chí cũng tỏa ra mùi hương hoa huệ tây ngọt ngào. Với nét mặt hơn hờ tươi vui như thế, cô bắt đầu sắp xếp chỗ ngồi cho chúng tôi.

Cô Mus đến bên từng bậc cha mẹ đang ngồi trên những chiếc ghế băng dài, thân mật chào hỏi vài ba câu trước khi bắt đầu điểm danh. Mấy đứa khác đều đã vào lớp và đã có bạn cùng bàn, chỉ còn lại tôi và đứa con trai nhỏ thó nhếch nhác tóc đỏ hoe xoắn tít – cái đứa tôi chưa hề gặp lần nào ấy. Thằng đó cứ ngọ nguậy suốt, và ở nó bốc ra mùi cao su cháy.

“Ông Cik, con trai ông sẽ ngồi cùng bàn với Lintang”, cô Mus nói với cha tôi.

Ồ, vậy ra tên nó là Lintang. Tên gì mà kì cục quá.

Nghe thấy thế, Lintang ngọ nguậy cổ vùng ra khỏi vòng tay cha. Người cha cố hết sức giữ yên nó, nhưng Lintang rốt cuộc cũng thoát ra được và chạy ù vào lớp tìm chỗ ngồi. Tôi bị bỏ lại đằng sau, đứng trân trân nhìn vào lớp học. Thằng nhóc đó cứ như đứa bé ngồi trên con ngựa non – sung sướng, chẳng muốn xuống tẹo nào. Nó đã vượt qua biết bao nhiêu khó khăn để được đi học cơ mà.

Cô Mus lại gần cha Lintang. Ông giống hệt một cây thông bị sét đánh: đen trũi, héo hắt, gầy gò, và khô đét. Ông làm nghề đánh cá nhưng nhìn mặt ai cũng nghĩ ông là một người chần cừu tốt bụng – một người hiền lành, nhân hậu và chứa chan hy vọng. Tuy vậy, giống như mọi người dân Indonesia khác, ông không nhận thức được rằng đi học là một quyền cơ bản của con người.

Không như những ngư dân khác, giọng ông nghe rất nhẹ nhàng. Ông kể cho cô Mus nghe một câu chuyện.

“Hôm qua”, giọng ông căng thẳng, “một đàn chim pelintang pulau về đậu trên bờ biển đấy.”

Ông tiếp tục kể cho cô giáo nghe về chuyện những con chim thiêng đó về đậu lại một chốc trên đọt cây hạnh như, báo hiệu một cơn bão sắp đổ bộ vào, và thời tiết ngày càng khắc nghiệt hơn, khiến cho biển cả nổi trận lôi đình. Ngư dân vùng Belitong, như cha của Lintang, có một niềm tin mãnh liệt rằng sự xuất hiện của loài chim này báo hiệu cơn bão đang đến gần.

Chắc chắn rằng tất cả những thế hệ trước trong gia đình của người đàn ông có dáng người giống cây thông này chưa khi nào thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của đói nghèo, cứ mặt nhiên trở thành những ngư dân trong cộng đồng người Mã Lai này. Những ngư dân này không thể độc lập làm việc được – không phải vì biển không đủ rộng, chỉ là vì thiếu thuyền. Năm nay, cha của Lintang muốn bẻ gãy cái vòng lẩn quẩn đó. Đứa con trai cả, Lintang, sẽ không trở thành một ngư dân như cha nó. Thay vào đó, Lintang sẽ ngồi bên cạnh một cậu nhóc khác với tóc xoắn tít – là tôi – và ngày ngày sẽ đi xe đạp đến trường và về nhà. Nếu nó thực sự muốn trở thành một ngư dân, thì đoạn đường dài bốn mươi cây gập ghềnh sỏi đá kia sẽ đập tan quyết định đi học của nó. Cái mùi khét lẹt tôi ngửi thấy lúc nãy thật ra là mùi của đôi xăng đan cunghai làm từ lớp xe ô tô nó đang đi. Đôi giày mòn vẹt và bốc mùi khét vì Lintang đã phải đạp xe hết một đoạn đường dài mới đến được trường.

Gia đình của Lintang ở Tanjong Kelumpang, một ngôi làng cách bờ biển không xa lắm. Để đến được đó, bạn phải đi qua bốn rừng cọ rậm rì, những vùng đầm lầy khiến cho người làng tôi mỗi khi đi qua đều rợn cả tóc gáy. Nơi này, gặp phải cá sấu là chuyện thường – những con cá sấu to bằng thân cây dừa hay bò ngang qua đường. Ngôi làng ven biển của Lintang nằm ở cực Đông của Sumatra và có thể nói là nơi hẻo lánh và đói nghèo nhất đảo Belitong. Đối với Lintang, nơi có ngôi trường nó đến học đây như thể là một thành phố mang tầm cỡ quốc tế, và đến được đây nó đã phải bắt đầu đạp xe từ lúc subuh, giờ cầu kinh sáng, khoảng bốn giờ. Ái chà! Cái thằng nhỏ thó đó...

Khi tôi vào lớp lại gần Lintang, nó chào tôi bằng một cái bắt tay siết

chặt, cứ như một người cha bắt tay chàng trai đầu tiên đến cầu hôn con gái mình vậy. Bầu nhiệt huyết dồi dào trong người nó truyền sang tôi, lan khắp người tôi như một nguồn điện cao áp. Nó thao thao đầy hứng khởi, bằng một thứ phương ngữ vùng Belitong, đặc trưng của dân vùng sâu vùng xa, nghe rất thú vị. Mắt nó sáng rực lên khi lia khắp phòng học với vẻ háo hức không giấu đi đâu được. Nó cứ như một cái cây dương xỉ. Hễ có vài giọt nước rơi xuống cánh hoa là ngay lập tức nó bắn tung phấn ra – lấp lánh, rực rỡ và đầy nhựa sống. Ở bên cạnh Lintang, tôi cứ có cảm giác như thể mình đang bị thách tham gia một cuộc chạy đua cự ly một trăm mét vậy. “Cậu chạy nhanh đến mức nào?” ánh nhìn của nó thách thức.

Cô Mus phát cho tất cả các bậc cha mẹ mẫu đơn để điền các thông tin liên quan đến tên tuổi, nghề nghiệp, nơi ở. Ai nấy cầm cúi viết, trừ cha của Lintang. Ông dè dặt đón lấy tờ mẫu, nắm chặt trong tay, bồn chồn. Tờ giấy ấy cứ như một vật thể lạ trong nắm tay ông. Ông nhìn quanh quất, sang trái, rồi sang phải, nhìn những bậc cha mẹ khác đang hí húi điền vào tờ mẫu. Ông lúng túng đứng lên.

“Cô giáo à,” ông chậm rãi nói. “Thứ lỗi cho tôi, tôi không biết đọc biết viết.”

Rồi cha của Lintang rầu rầu nói thêm rằng ngay cả đến năm sinh của mình ông cũng không biết nốt. Đột nhiên Lintang đứng lên đến bên cha mình, lấy tờ mẫu từ tay ông rồi đồng dục, “Con sẽ điền vào tờ mẫu này sau, thưa cô, chùng nào con biết đọc biết viết hăng!”

Mọi người sững sốt ngược nhìn Lintang, một đứa nhóc dám đứng ra che chở cho cha nó.

Chính tôi cũng cảm thấy bối rối. Một đứa nhóc trong thoáng chốc phải trải nghiệm quá nhiều thứ mới mẻ. Căng thẳng, mừng rỡ, lo lắng, ngượng ngập, bạn mới, cô giáo mới, mọi cảm xúc lẫn lộn rộn lên trong lòng tôi.

Một chuyện nữa khiến tình huống tệ hơn: ấy là đôi giày mẹ mới mua cho. Tôi thụt chân ra đằng sau cổ giấu để không ai trông thấy. Đôi giày đen sọc trắng bằng nhựa cứng giống như giày đá banh xấu không chịu nổi. Bữa sáng nay, mấy ông anh trai cười nắc nẻ. Chỉ một cái liếc mắt của cha tôi thôi là mấy ông tướng đó im bặt. Nhưng chân tôi thì đau và lại còn ngượng nữa chứ, tất cả cũng chỉ tại đôi giày này mà ra cả.

Trong lúc ấy, đầu thằng Lintang cứ xoay qua xoay lại như đầu một con cú. Đối với nó, khung cảnh hỗn độn của lớp học – một cây thước gỗ, một lọ hoa bằng đất sét do mấy anh chị lớp sáu làm trong giờ thủ công nằm chễm chệ trên bàn cô Mus, một tấm bảng đen cổ lỗ sĩ và những mẫu phấn vung vãi khắp sàn, một số mẫu vừa mới bị nghiền nát bốc lên một lớp bụi mỏng – khiến nó cực kỳ ngạc nhiên và thích thú.

Rồi tôi trông thấy cha của Lintang, người đàn ông có dáng người giống cây thông ấy, nhìn thằng con đang ngấm nghĩa xung quanh với niềm háo hức ngày một dâng cao, miệng ông cười mà lòng ngổn ngang – buồn vui lẫn lộn. Tôi hiểu. Người đàn ông đến năm sinh của mình cũng không biết tưởng tượng ra cảnh thấy thằng con sẽ rầu rĩ đến thế nào nếu buộc phải thôi học năm lớp một hay lớp hai bậc tiểu học vì những lý do muôn thuở liên quan đến tiền bạc hay những bức bách đầy bất công của cuộc sống. Đối với ông, giáo dục là một điều bí ẩn. Nếu cha Lintang nhớ không lầm thì trong bốn đời dòng họ nhà ông. Lintang là người đầu tiên được đến trường. Còn nhiều thế hệ trước đó nữa mà ông không thể nào kể hết được, những thế hệ sống cách đây đã lâu rồi, khi người Mã Lai vẫn còn sống rày đây mai đó. Họ mặc quần áo làm từ vỏ cây, ngủ trên các cành cây và thờ mặt trăng.

Nhìn chung, cô Mus xếp chúng tôi ngồi chung dựa trên nét giống nhau của hai đứa. Lintang và tôi ngồi cùng bàn vì tóc cả hai đều xoắn tít. Trapani ngồi cùng Mahar vì hai đứa đó dễ coi nhất, có nhiều nét giống hệt những ca sĩ Mã Lai truyền thống được mọi người hâm mộ. Trapani không màng gì tới lớp học; nó cứ liếc trộm ra ngoài cửa sổ, dõi theo cái đầu của mẹ nó nhấp nhô lẫn với đầu các bậc cha mẹ khác.

Nhưng Borek và Kucai được xếp ngồi chung không phải vì chúng trông giống nhau mà vì cả hai đều nghịch như quỷ sứ. Chỉ mới một lúc thôi mà thằng Borek đã kịp lấy khăn lau bảng chùi khắp mặt thằng Kucai. Nhất là con nhỏ Sahara, đứa con gái nhỏ người quần khăn ấy, nó cố tình hất đổ chai nước của thằng A Kiong, khiến thằng nhóc người Phúc Kiến – Trung Quốc khóc thét lên như thấy ma hiện hồn. Sahara đúng là một con nhóc ương ngạnh hết chỗ nói. Chuyện chai nước hôm đó đã khởi sự mối thù nghịch giữa hai đứa kéo dài mãi cho đến những năm sau. Con khóc của thằng A Kiong suýt chút nữa khiến cho buổi học đầu tiên đầy rộn ràng kém vui đi.

Đối với tôi, sáng hôm ấy là một buổi sáng không thể nào quên, nó luôn hiện hữu trong tâm trí tôi suốt hàng chục năm sau đó. Sáng hôm ấy, tôi trông thấy Lintang lóng ngóng đánh vật với cây bút chì to tổ bố, đầu chì không được vót nhọn, cứ như cầm con dao thái. Cha nó đã mua phải bút chì không phù hợp. Nó có hai màu khác nhau, một đầu màu đen, đầu kia màu xanh da trời. Đó chẳng phải loại bút thợ may dùng để làm dấu lên vải hay sao? Hay thợ đóng giày dùng để làm dấu lên da? Dù cho thế nào đi nữa, đây dứt khoát không thể là bút dùng để viết.

Ông cũng mua phải loại vở không phù hợp. Ấy là một cuốn vở bìa màu xanh dương loại ba ô li. Có phải ấy là loại vở dùng cho lớp hai khi chúng tôi tập viết chữ thảo không nhỉ? Nhưng có một điều tôi không thể nào quên được, đó là buổi sáng hôm ấy, tôi được mục kích một đứa con trai miền biển, bạn cùng bàn, lần đầu tiên được cầm bút vở. Và suốt những năm sau đó, mọi thứ nó viết ra đều là thành quả của một bộ óc sáng sủa, một câu nói thốt ra từ miệng nó đều tỏa rạng một thứ ánh sáng chan hòa rực rỡ. Và cùng với thời gian, đứa con trai miền biển nghèo khó ấy đã xua tan đám mây đen u ám bấy lâu bao phủ ngôi trường vì sau này cậu đã trở thành một nhân vật kiệt xuất nhất tôi từng gặp trong suốt cả cuộc đời mình.

CHƯƠNG 3

TỦ KÍNH TRUNG BÀY

Muốn miêu tả ngôi trường của bọn tôi thì chẳng khó khăn gì. Ấy là một trong hàng trăm - thậm chí là hàng ngàn - ngôi trường cũ kỹ xập xệ ở Indonesia. Nói không ngoa, nếu có con dê nào đang nổi cơn động dục chạy đâm sầm vào thì nó sẽ ngay lập tức đổ ầm xuống thành một đồng gạch vụn cho xem.

Ở đây chỉ có hai giáo viên đảm nhiệm tất cả các môn và tất cả các khối lớp. Bọn tôi không có đồng phục gì cả. Ngay cả toa lét cũng không nốt. Ngôi trường này nằm ngay bìa rừng, thế nên mỗi khi thấy buồn đi, bọn tôi chỉ cần chui vào bụi rậm là xong. Cô giáo thường phải đi theo trông chừng, nhỡ có đứa nào đụng phải rắn rết nơi nhà xí lộ thiên đó.

Ở đây cũng không có dụng cụ sơ cứu y tế. Hễ đứa nào ốm, dù bất kỳ bệnh gì - tiêu chảy, sưng, ho, cảm cúm, ghẻ ngứa - cô giáo đều cho uống ngay một viên thuốc tròn to cỡ cộ như cái cúc áo đi mưa. Viên thuốc màu trắng, dạng dẹt, uống xong là no luôn. Trên viên thuốc có ba chữ cái to tướng: APC - Aspirin, Phenacetin và Caffein. Viên thuốc APC trở thành huyền thoại khắp miền ngoại ô Belitong như một thứ thần dược có thể chữa bách bệnh. Viên thuốc chữa bách bệnh đó là giải pháp của chính phủ dành cho người nghèo thiếu thuốc men.

Trường chúng tôi chưa khi nào được các vị quan chức, các nhà quản lý giáo dục, hay những thành viên của hội đồng lập pháp đến thăm hỏi lấy một lần. Chỉ có mỗi một anh ăn mặc hết ninja là đều đặn đến thôi. Anh đeo trên lưng một cái bình bằng nhôm có vòi kéo lê theo sau. Trông cứ như anh sắp lên mặt trăng ấy. Anh này do sở y tế cử đến làm nhiệm vụ phun thuốc diệt muỗi. Cứ hễ thấy luồng hơi trắng đậm đặc phụt ra giống như những đám khói tín hiệu là bọn tôi nhất loạt hò reo vang dội.

Trường bọn tôi không cần bảo vệ vì chẳng có thứ gì đáng giá để bọn trộm nhìn ngó. Người ta biết chỗ này là trường học nhờ vào một thứ duy nhất - cái cột cờ bằng tre đã ngã vàng. Trên đó lủng lẳng một tấm

biển màu xanh lá cây có vẽ hình mặt trời tỏa tia nắng màu trắng. Chính giữa tấm bảng có hai dòng chữ:

SD MD

Sekolah Dasar Muhammadiyah

Có một câu được viết bằng tiếng Ả Rập ngay bên dưới biểu tượng mặt trời. Năm lớp hai, khi đã rành tiếng Ả Rập, tôi mới biết câu *amar makruf nahi munkar* ấy có nghĩa là “nên làm điều thiện, tránh làm điều ác” - nguyên tắc số một của Muhammadiyah, tổ chức Hồi giáo lớn thứ hai tại Indonesia với hơn ba mươi triệu tín đồ. Lời răn ấy khắc sâu vào tâm trí chúng tôi và ở mãi đó trong suốt những năm tháng học làm người; đứa nào cũng thuộc nằm lòng.

Nhìn từ xa, ngôi trường cứ như thể muốn đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Những xà gỗ đã mục ruỗng nằm xộc xệch, không thể chịu nổi cái nặng trình trịch. Nó giống như một kho chứa củi dứa khô. Kết cấu của ngôi trường không theo một lối kiến trúc quy củ nào. Cửa sổ và cửa lớn không thể đóng được vì không khớp với khung, nhưng đằng nào thì cũng đâu cần phải khóa.

Quang cảnh trong lớp học có thể được miêu tả bằng những từ như thế này: ít sử dụng, lạ lùng, gọi lên lòng thương cảm đến ngậm ngùi. Một trong những thứ ít được sử dụng nhất là cái tủ kính trưng bày bằng cấp cửa đóng không khít. Chỉ có thể đóng kín cánh cửa bằng cách gấp một tờ giấy làm cái nêm. Bên trong một lớp học đích thực, cái tủ trưng bày như thế thường lưu giữ ảnh các cựu học sinh thành đạt hay ảnh chụp thầy hiệu trưởng cùng bộ trưởng bộ giáo dục, hoặc thầy phó hiệu trưởng cùng các vị thứ trưởng giáo dục, có khi cái tủ ấy cũng được dùng để trưng bày giấy khen, huy chương, chứng chỉ, kỷ niệm chương về những thành tích vang dội của nhà trường. Thế nhưng trong lớp học của bọn tôi, cái tủ kính to tướng ấy đứng chơ vơ tui hỏ nơi góc phòng. Nó trống hơ trống hoác trông hết sức thảm thương vì chẳng có vị quan chức nào muốn đến thăm thầy cô giáo trường bọn tôi, trường cũng chẳng có lấy một cựu học sinh nào đáng tự hào, và đương nhiên là bọn tôi chưa đạt được một thành tích đáng tuyên dương nào cả.

Không giống lớp học ở những trường tiểu học khác, bên trong lớp chúng tôi không có một bảng nhân nào. Bọn tôi cũng không hề có lịch. Thậm chí chẳng có lấy một tấm ảnh của Tổng thống hay Phó Tổng

thống Indonesia hay biểu tượng của quốc gia - con chim có hình dáng kỳ lạ với cái đuôi có tám sợi lông luôn ngoảnh nhìn phía bên phải ấy. Thứ duy nhất treo trong lớp học là một tấm áp phích. Nó ở ngay đằng sau bàn của cô Mus với sứ mệnh che chắn một lỗ hồng bụi chẳng trên vách tường ván. Tấm áp phích in hình một anh chàng có bộ râu quai nón rậm rì. Anh mặc áo choàng dài buông thõng, khoác trên vai một cây ghi ta hết sức kiểu cách. Đôi mắt u sầu của anh cháy bỏng, như thể anh đã kinh qua hết những thử thách cay nghiệt của cuộc đời, và trông anh có vẻ thật sự quyết tâm chống lại hết thảy mọi bất công, mọi tệ nạn trên trái đất này. Anh đang ngược mắt trông lên bầu trời, và bao nhiêu là tiền đang rơi xuống. Anh là Rhoma Irama, một ca sĩ nhạc dangdut[1], thần tượng âm nhạc của người Mã Lai - Elvis Presley của chúng tôi. Phía dưới tấm áp phích có hai câu mà vào ngày đầu tiên đi học tôi không hiểu gì cả. Nhưng đến khi học lớp hai, lúc đã có thể đọc thông, tôi mới biết đó là: RHOMA IRAMA. HUJAN DUIT! Rhoma Irama, cơn mưa tiền!

[1] Thể loại âm nhạc phổ biến ở Indonesia

Trưng bày ảnh Tổng thống và Phó Tổng thống cùng quốc huy Garuda Pancasila - có hình con chim lạ với tám cái lông đuôi luôn ngoảnh đầu nhìn sang bên phải (Garuda) và năm nguyên tắc quốc gia (Pancasila) - là điều bắt buộc tại bất kỳ trường học nào ở Indonesia. Để được đánh giá là một trường điểm, những tấm hình này là yếu tố quyết định. Nhưng với trường bọn tôi thì như thế cũng chẳng ra sao vì trường này có phải là trường điểm gì đâu, và chẳng thấy ai đến đánh giá đánh giúng gì bao giờ. Chưa từng thấy một vị thanh tra nào tới ngó xem trường tôi có chịu treo năm nguyên tắc quốc gia hay không, bởi lẽ hội đồng quản trị nhà trường hầu như không công nhận sự tồn tại của bọn tôi. Cứ như thế ngôi trường bị mất hút đâu đó trong không gian và thời gian. Nhưng dù thế nào thì bọn tôi cũng đã có tấm áp phích in hình ca sĩ Rhoma Irama - thế còn hay hơn nhiều ấy chứ!

Hãy hình dung những nguy cơ tiềm ẩn trong lớp chúng tôi đây này: mái nhà có nhiều lỗ thủng đến độ mỗi khi có cái máy bay nào bay ngang qua, cả lớp cứ ngẩn cổ nhìn lên là có thể trong thấy, mỗi khi trời mưa cả lớp phải đội dù ngồi học; nền bằng xi măng đang đến hồi mủn ra; những trận gió mạnh cứ khiến bọn học trò ấy run lên, hót hơ hót hải vì sợ trường của bọn chúng đổ sập; và đưa nào muốn vào lớp học trước

tiên phải xua mấy con dê cái ra đã. Vậy nên, bạn tôi ơi, chẳng còn gì thú vị để nói về sự nghèo túng của trường bọn tôi nữa đâu. Điều còn thú vị hơn nữa là những người toàn tâm toàn ý cống hiến đời mình cho sự sống còn của một ngôi trường như thế. Những con người ấy không phải ai khác mà chính là thầy hiệu trưởng Harfan và cô giáo Mus.

CHƯƠNG 4

GẤU XÁM BẮC MỸ

Cũng giống như đối với ngôi trường, muốn miêu tả thầy Harfan cũng không mấy khó khăn. Hàng ria mép dày nối liền với bộ râu quai nón rậm rạp màu nâu nhạt và điểm xám. Gương mặt thầy, nói tóm lại, có hơi dễ sợ một chút.

Nếu có ai hỏi thầy Harfan về bộ râu quai nón rối tinh đỏ của thầy, thầy sẽ không buồn giải thích gì cả mà thay vào đó đưa họ một cuốn sách có tên Keutamaan Memelihara Fenggot, hay Cách chăm sóc râu tốt nhất. Chỉ cần đọc phần giới thiệu thôi cũng đủ khiến cho bất kỳ ai cảm thấy xấu hổ và đã vội hỏi thầy một câu như vậy.

Hôm khai giảng năm học mới ấy, thầy Harfan mặc chiếc sơ mi giản dị trước đây hẳn là màu xanh lá cây nhưng giờ đã bạc thối. Vẫn còn vương lại mấy vệt màu mờ mờ. Áo lót thùng lỗ chỗ, còn quần thì sờn cả vì phải trải qua quá nhiều lần giặt. Dây nịt quần loại rẻ tiền bằng nhựa kiểu thắt bện có nhiều vết khía hình chữ V - hẳn thầy đã đeo cái dây nịt ấy đâu từ hồi mười ba, mười bốn tuổi gì đấy. Vì sự nghiệp giáo dục Hồi giáo, thầy Harfan đã hết lòng phụng sự ngôi trường tiểu học Muhammadiyah này hàng mấy chục năm mà không được trả một đồng lương nào. Gia đình thầy sống bằng số hoa màu trồng nơi vườn nhà.

Bởi vì thầy Harfan trông cứ giống như một con gấu xám Bắc Mỹ nên lần đầu tiên trông thấy thầy đứa nào đứa nấy sợ xanh mặt. Trẻ nhỏ mà thấy thầy chắc phải khóc ré lên mất thôi. Thế nhưng khi thầy bắt đầu nói chuyện với bọn tôi vào buổi sáng hôm ấy, bài diễn văn chào mừng của thầy như viên ngọc trai trí tuệ đầy chất thơ, và một bầu không khí tràn ngập tươi vui bao trùm lấy ngôi trường nhỏ bé cũ kỹ của thầy. Bọn tôi mến thầy ngay tắp lự. Cổ áo mòn sơ cả chỉ của thầy Harfan trễ xuống khi thầy kể cho chúng tôi nghe chuyện con thuyền của Noah và các loài mà ông chọn mang theo lên thuyền trong trận đại hồng thủy.

“Có nhiều người chẳng chịu để ý đến lời cảnh báo rằng đại hồng thủy

đang đến,” thầy bắt đầu câu chuyện với giọng sôi nổi. Bọn tôi nghe chăm chú, say sưa nuốt từng lời kể của thầy.

“Và thế là tính kiêu căng đã khiến họ có mắt mà như mù có tai mà như điếc, cho đến khi bị cơn hồng thủy nuốt gọn...”

Câu chuyện để lại trong tâm trí bọn tôi một ấn tượng sâu sắc. Bài học đạo đức số một dành cho tôi: Nếu không siêng năng cầu kinh, anh phải là người bơi giỏi.

Thầy kể tiếp một câu chuyện cũng hấp dẫn không kém về cuộc chiến tranh lịch sử trong thời nhà tiên tri Muhammad - họ chiến đấu bằng sức mạnh của đức tin chứ không phải bằng sức mạnh của quân đội: cuộc chiến Badar. Chỉ có 313 quân Hồi giáo mà đánh bại những mấy ngàn quân Quraisy hiếu chiến trang bị vũ khí đến tận răng.

“Hãy để mọi người đều biết, gia đình Ghudar! Các người sẽ ngã lăn ra chết trong vòng ba mươi ngày tới!” Thầy Harfan giọng sang sảng, quắc mắt nhìn thẳng lên bầu trời qua lối cửa sổ, thét lên giấc mơ của một người Mecca tiên tri về sự thất bại của quân Quraisy trong trận chiến Badar.

Nghe tiếng hét lớn của thầy tôi muốn nhảy bật ra khỏi ghế. Bọn tôi lặng người đi vì kinh ngạc, tiếng thét sang sảng của thầy Harfan có sức lay động đến từng nơ-ron thần kinh của bọn chúng tôi. Chúng tôi chồm cả người lên phía trước háo hức muốn nghe thêm câu chuyện, đứa nào cũng phấn chấn hẳn lên muốn góp sức cùng cha ông giành chiến thắng trong cuộc chiến tôn giáo đó.

Rồi thầy Harfan khiến cho bầu không khí lắng xuống bằng câu chuyện về nỗi gian truân của những người sáng lập ra ngôi trường của bọn tôi - bị thực dân Hà Lan đàn áp, bị chính quyền bỏ mặc, chẳng ai đoái hoài, nhưng vẫn đứng hiên ngang theo đuổi những ước mơ lớn lao giành cho giáo dục.

Thầy Harfan kể tất cả những câu chuyện ấy bằng sự hăng hái y hệt khi kể câu chuyện về cuộc chiến Badar, nhưng đồng thời cũng trầm lắng như làn gió nhẹ sớm mai. Bọn tôi như bị bỏ bùa mê bởi giọng nói và cử chỉ của thầy. Ở thầy toát lên nét gì đó rất dịu dàng và đẹp đẽ. Qua cách cư xử của thầy có thể thấy thầy là người khôn ngoan, can đảm - người đã đi qua cuộc đời với những thăng trầm khổ ải, có hiểu biết rộng lớn

như đại dương, sẵn sàng đương đầu với hiểm nguy thử thách, và thực sự thích giảng giải cặn kẽ mọi điều để ai cũng có thể hiểu được.

Ngay từ cái ngày đầu tiên ấy bọn tôi đã có thể khẳng định rằng thầy Harfan sinh ra để đứng trên bục giảng. Thầy là một người thầy đúng nghĩa theo tiếng Hindi: một người không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là người bạn và người dìu dắt tinh thần cho học sinh của mình. Thầy thường lên giọng rồi xuống giọng, hai tay giữ chặt mép bàn trong khi nhấn mạnh từ nào đấy và vung cả hai tay lên trời cứ như đang thực hiện các động tác trong vũ điệu cầu mưa.

Trong giờ học, khi bọn tôi đặt câu hỏi, thầy lúp xúp chạy lại gần bọn tôi, nhìn vào mắt bọn tôi bằng đôi mắt đằm đằm như thể bọn tôi là những đứa trẻ Mã Lai quý giá nhất vậy. Thầy thì thầm vào tai bọn tôi, trích dẫn lưu loát những câu thơ và bài kinh Koran, kích thích năng lực linh hội của bọn tôi, làm chúng tôi phục lặn vì sự uyên bác của thầy, và rồi im bật đi, như người đang mơ mộng về một tình yêu đã đánh mất từ rất lâu. Thật đẹp để biết bao...

Bằng ngôn từ khiêm nhường, mãnh liệt như những giọt mưa, thầy mang đến cho bọn tôi cái thiết yếu nhất của sự công bằng trong cuộc sống giản dị. Thầy khơi gợi nơi bọn tôi sự ham học hỏi và khiến bọn tôi bừng tỉnh với lời khuyên không bao giờ được đầu hàng khó khăn gian khổ. Bài học đầu tiên của bọn tôi từ thầy Harfan là phải giữ vững niềm tin và khát khao mãnh liệt để đạt được ước mơ. Thầy thuyết phục bọn tôi rằng cuộc sống có thể mang lại hạnh phúc cho ta dù trong đói nghèo, miễn là ta hãy cho đi càng nhiều càng tốt trong khả năng của mình chứ không phải cố hết sức để lấy đi thật nhiều.

Bọn tôi đưa nào đưa nấy cứ thế mở to mắt ra - thậm chí không nháy lấy một lần - nhìn chăm chăm vào người kể chuyện là thầy. Thầy có vẻ ngoài mệt mỏi với trang phục cũ kỹ sờn rách, nhưng suy nghĩ và ngôn từ thanh khiết của thầy lại tỏa sáng lấp lánh. Khi thầy nói, bọn tôi lắng nghe, ngồi im phăng phắc say mê chăm chú, nóng lòng ngóng đợi những lời tiếp theo. Tôi cảm thấy mình may mắn không thể tin được khi có cơ hội ngồi tại đó vào phút giây ấy, giữa những con người tuyệt vời. Có một vẻ đẹp nào đó toát lên từ ngôi trường nghèo nàn này, một vẻ đẹp mà tôi chẳng đời nào đánh đổi để đến học tại hàng ngàn ngôi trường xa hoa khác.

Khi thầy Harfan muốn kiểm tra chúng tôi về câu chuyện thầy vừa kể xong thì những cánh tay nhất loạt giơ lên - ngay cả khi chúng tôi không chắc câu trả lời của mình đúng hay sai - và tranh nhau cơ hội trả lời thậm chí trước cả khi thầy kịp đặt câu hỏi.

Đáng buồn thay, người thầy đầy nhiệt huyết và khiến bọn tôi say mê ấy đã phải rời lớp vì tiết học của thầy đã hết giờ. Một tiếng đồng hồ học cùng thầy cứ như một phút. Chúng tôi dõi theo thầy cho đến khi thầy rời hẳn khỏi phòng. Chúng tôi không thể không dõi theo thầy vì cả bọn đã phải lòng thầy mất rồi và thầy cũng đã khiến cả bọn phải lòng cái ngôi trường cũ kỹ này nữa, bài nói chuyện của thầy Harfan vào ngày đầu tiên đi học tại Trường Tiểu học Muhammadiyah ấy đã khắc sâu trong tâm khảm chúng tôi niềm ao ước được bảo vệ ngôi trường sắp đổ sập này, dù cho thế nào đi nữa.

Rồi cô Mus tiếp quản lớp. Phần giới thiệu. Lần lượt từng đưa đứng trước lớp giới thiệu về mình. Đưa cuối cùng là A Kiong. Nước mắt đã thôi chảy, nhưng nó vẫn còn sụt sịt. Khi được gọi lên, nó rất vui. Nó mỉm cười giữa những tiếng sụt sịt. Tay trái khư khư cái chai không còn một giọt nước vì Sahara đã làm đổ sạch mất rồi, còn tay phải cầm chặt cái nút chai.

“Em hãy giới thiệu tên và nơi ở của em đi,” cô Mus dịu dàng nói với thằng nhóc người Phúc Kiến.

A Kiong nhìn cô Mus vẻ ngần ngừ rồi lại toét miệng cười. Cha nó rõ lắm đông để trông xem con trai mình tự giới thiệu trước lớp thế nào. Tuy nhiên, dù cô Mus nhắc đi nhắc lại mấy lượt, A Kiong vẫn không thốt ra được lời nào. Nó cứ nhoén cười như thế.

“Nào, em nói đi,” cô Mus lại thúc giục lần nữa.

A Kiong chỉ đáp lại bằng nụ cười. Nó cứ liếc mắt về phía cha nó - cha nó thì ruột gan lúc này nóng như lửa đốt. Tôi có thể đọc được suy nghĩ của cha nó: “Nào con, mạnh dạn lên đi, nói tên đi! Ít nhất hãy nói tên cha cũng được, một lần thôi mà! Đừng làm hổ thẹn người Phúc Kiến chứ!” Người cha Trung Quốc ấy có khuôn mặt thật dễ mến. Ông làm nghề nông, tầng lớp thấp nhất trong cộng đồng người Hoa ở Belitong.

Cô Mus dỗ dành nó lần cuối.

“Thôi được, đây là cơ hội cuối cùng để em giới thiệu về mình. Nếu chưa sẵn sàng, em có thể về chỗ ngồi.”

Nhưng thay vì thất vọng do không được thể hiện, A Kiong thậm chí còn vui hơn. Nó không nói tiếng nào. Chỉ ngoác miệng cười to hơn và đôi má phúng phính đỏ lựng lên. Bài học đạo đức số hai: Đừng hỏi tên và nơi sinh sống của một người sống ở nông trại.

Và thế là xong phần giới thiệu trong ngày tháng Hai đáng nhớ ấy.

CHƯƠNG 5

ĐẢO BELITONG

Belitong là hòn đảo nhỏ giàu có nhất Indonesia, thậm chí có thể là nhất thế giới nữa kia. Nó thuộc quần đảo Sumatra, nhưng sự giàu có khiến nó trở nên biệt lập. Tại đó, trên hòn đảo xa xôi ấy, là nền văn hóa cổ xưa của người Mã Lai được du nhập từ Malacca, và một bí mật bấy lâu được giấu kín nơi miền đất này mãi cho đến khi người Hà Lan tìm thấy. Tận sâu trong vùng đất lầy ấy có một kho tàng khổng lồ: thiếc. Thứ thiếc thiêng liêng. Chỉ cần một nắm thôi cũng đủ đổi lấy cả hàng chục xô gạo rồi.

Giống như tòa tháp Babel[1], cái thang ẩn dụ bắc lên thiên đàng và là biểu tượng của quyền lực, thiếc ở Belitong là tòa tháp của sự thịnh vượng không ngừng lớn dần lên bao trùm bán đảo Malacca, như những đợt sóng không dứt từ ngoài khơi ủa vào bờ.

[1] Sau trận đại hồng thủy, hậu duệ của Noah sinh sôi nảy nở lan tràn khắp mặt đất. Do lo sợ sẽ bị Thiên Chúa giáng một đại nạn nữa như trận đại hồng thủy nên loài người rủ nhau xây dựng tháp Babel. Họ cùng nhau xây tòa tháp ở thành phố Babylon với tham vọng sánh ngang Thiên chúa, thách thức Thiên chúa. Vì thế Thiên chúa đã làm cho họ trở nên bất đồng ngôn ngữ, không hiểu ý nhau và không thống nhất được trong việc xây tháp. Cuối cùng thì tháp Babel không bao giờ được hoàn thành.

Nói không ngoa, nếu ai đó vục tay vào lớp đất nông ở bất kỳ chỗ nào, rút tay lên sẽ thấy nó lấp lánh ánh thiếc. Từ ngoài khơi xa trông vào, đảo Belitong sáng lóa như một ngọn hải đăng định hướng cho tàu thuyền qua lại trên biển.

Nổi tiếng trên khắp thế giới nhờ những mỏ thiếc, nơi này được ghi dấu trong các cuốn sách địa lý bằng cái tên Belitong, Đảo Thiếc. Nhưng đảo thiếc Belitong ấy không có được cái phúc phận giúp tàu thuyền đến đảo không mất tích giữa đường. Thay vào đó, Thượng đế lại cố tình để

những mỏ thiếc trở thành bài học cho chính những cư dân trên đảo. Phải chăng họ không biết trân trọng món quà của Thượng đế - để rồi mất tất cả, giống như khi đấng Tối cao trừng phạt người Lemuria[2] chẳng? Thiếc cứ tỏa sáng thế cả trong đêm tối. Việc khai thác thiếc trên diện rộng liên tục diễn ra dưới hàng ngàn ngọn đèn tiêu tốn đến hàng triệu kilowatt năng lượng. Nhìn từ trên không, Belitong cứ như một đàn sứa rực rỡ, phát ra thứ ánh sáng màu xanh trong cái tối tăm của biển cả; tro tro, nhỏ bé, chói lọi, đẹp đẽ và thừa mứa.

[2] Có giả thiết cho rằng đây là một lục địa từng tồn tại trong thời cổ đại và hiện đã chìm dưới đại dương.

May mắn xiết bao cho vùng đất nơi có những mỏ thiếc nằm trong lòng, bởi vì giống như một bông hoa có vô vàn ong bu vào, thiếc luôn đi theo kèm với những loại vật chất khác: đất sét, xenotime, ziriconi, vàng, bạc, topaz, galen, đồng, thạch anh, silic, granite, monazic, inmenit, siderite và hematit. Thậm chí nơi này còn có cả urani nữa. Những lớp tài nguyên màu mỡ cuộn trào bên dưới những ngôi nhà xiêu vẹo nơi chúng tôi hằng ngày lầy lắt với cuộc sống thiếu thốn túng quẫn. Chúng tôi, những cư dân bản xứ của Belitong, giống như một bầy chuột đói khát trong một cái kho đầy nhóc thóc.

Điền Trang

Nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào đó được một công ty có tên gọi là PN Timah khai thác. PN viết tắt từ Perusahaan Negeri, hay còn gọi là công ty nhà nước, Timah có nghĩa là thiếc.

PN điều hành 16 máy xúc. Công ty thu hút gần như toàn bộ lực lượng lao động của cả đảo. Ấy là một hệ thống khai thác hoàn toàn độc quyền trên khắp đảo Belitong.

Những cái máng xúc bằng thép liên tục bổ những nhát xói sâu vào mảnh đất Belitong. Chúng giống như những con rắn khổng lồ háu đói chẳng biết đến mệt mỏi là gì. Chúng dài như những sân bóng, và không có gì có thể ngăn chúng lại được. Chúng đập nát những dãy san hô, đốn hạ những thân cây to ngang một ngôi nhà nhỏ, giật sập những tòa nhà bằng gạch chỉ trong chớp mắt, và chẳng mấy chốc san phẳng cả một ngôi làng. Chúng rong ruổi khắp chốn, từ sườn núi, cánh đồng, thung lũng đến biển, hồ, sông, đầm lầy. Âm thanh phát ra từ những chiếc máy xúc nghe cứ như tiếng khủng long gầm thét.

Bọn tôi thường cược nhau những chuyện hết sức dớ dẩn, kiểu như một cái máy xúc mất bao nhiêu phút để biến một quả núi thành một cánh đồng. Đứa thua cuộc, bao giờ cũng là Syahdan, sẽ phải đi lùi về nhà, không được quay người lại. Cả bọn sẽ đi theo, liên tục vô lực lạc trong khi nó đi từng bước giật lùi lạch bà lạch bạch như con chim cánh cụt. Cuộc chơi thường kết thúc khi nó ngã bổ chửng xuống một con mương.

Chính quyền Indonesia tiếp quản PN từ thực dân Hà Lan, không chỉ về của cải mà cả tâm thức phong kiến. Ngay cả sau khi Indonesia giành được tự do, cách đối xử của PN đối với người làm công bản xứ vẫn mang tính phân biệt đối xử hà khắc. Cách đối xử khác nhau dựa trên vị trí khác nhau.

Ở vị trí cao nhất là những ủy viên ban quản trị PN. Họ được gọi là Nhân viên. Vị trí thấp nhất không ai khác hơn ngoài những ông bố bà mẹ làm thuê cho PN với những công việc kiểu như khuân ống, hoặc nặng nhọc hơn là vận chuyển thiếc, hay làm công nhật. Bởi lẽ Belitong đã biến thành một làng doanh nghiệp nên PN dần dần trở thành một mô hình như lãnh đạo bá chủ, và đúng theo lối điều hành phong kiến vị trí một công nhân PN dần tự động trở thành ngòi chơi xoi nước.

Nhân viên - gần như chẳng có lấy một người Belitong-Mã Lai nào - sống tại một khu vực riêng biệt có tên gọi là Điền Trang. Khu vực này có lực lượng bảo vệ canh gác, có hàng rào, có tường cao và những tấm biển cảnh cáo với lời lẽ không mấy dễ chịu dán khắp nơi bằng ba thứ tiếng: tiếng Indonesia theo lối chuẩn, tiếng Hoa và tiếng Hà Lan. Tất cả đều cùng một nội dung “Không phạm sự miễn vào”.

Trong mắt chúng tôi - những đứa trẻ làng nghèo khổ - Điền Trang đúng là không khác gì lời cảnh báo “Không được đến gần”. Ấn tượng ấy còn được củng cố thêm bởi một hàng cây cọ cao chót vót rụng trái nhỏ xiu đỏ tươi lên nóc những chiếc xe hơi đắt tiền đậu thành hàng nơi lối vào ga ra.

Những ngôi nhà sang trọng của Điền Trang được xây cất theo lối kiến trúc thời Victoria. Rèm cửa may xếp lớp giống tấm màn ở nhà hát. Bên trong, những gia đình nhỏ sống thật êm đềm với hai đứa con, cùng lắm là ba đứa. Những ngôi nhà ấy luôn bình yên, và không một tiếng ồn.

Điền trang tọa lạc trên một sườn núi cao, làm cho những ngôi nhà theo

lối kiến trúc Victoria mang dáng vẻ những tòa lâu đài của giới quý tộc. Mỗi ngôi nhà gồm bốn cấu trúc riêng biệt: những phòng lớn dành cho các chủ nhân, khu vực dành cho kẻ ở người làm, ga ra và nhà kho. Bốn khu vực được nối kết với nhau bằng những hàng hiên dài thông thoáng bao quanh một cái hồ nhỏ. Nước xanh trong, những đóa huệ tây lấp lánh nơi mép hồ. Chính giữa hồ là bức tượng cậu bé trần truồng - cậu bé trong truyền thuyết Biri - và nước liên tục tuôn ra từ cái mẩu nhỏ xíu nơi bụng dưới của cậu, nhìn trông thật buồn cười và hơi ngượng nữa.

Những chậu xương rồng cảnh treo thành hàng dọc mái hiên. Có một người làm công chuyên chăm sóc hoa. Bên bờ hồ có một cái chuồng vuông vức được trang trí cột trụ theo phong cách La Mã. Ấy là chỗ ở của những con bồ câu Anh, háu ăn nhưng hiền lành.

Một cái trường kỷ to tướng làm bằng gỗ tử đàn theo phong cách Victoria choán gần trọn không gian phòng khách. Ngồi lên đó, người ta có cảm giác như mình là một vị vua tối thượng. Kế bên phòng khách là một hành lang dài, rối rắm. Những bức tranh đắt tiền có giá trị nghệ thuật cao - thế nhưng do chúng truyền tải những ý nghĩa to tát quá nên khó mà hiểu được - treo đầy mấy bức tường. Bạn tôi ơi, nếu bạn cố đi từ phòng khách đến nhà ăn mà không chịu để ý, bạn sẽ chẳng tìm ra lối đâu, do là ở trong ngôi nhà ấy không có biết bao nhiêu cái cửa mà đếm cho xuể.

Những người sống trong ngôi nhà ấy ngay cả lúc ăn cơm cũng ăn mặc thật đẹp - thậm chí còn mang giày nữa, sau khi trải khăn ăn ngay ngắn trên đùi, họ dùng bữa không có lấy một tiếng nhéo miệng, và nghe nhạc cổ điển, có lẽ là bản Haffner số 35 cung Ré trưởng của Mozart. Và không một ai vừa ăn vừa đặt cùi chỏ lên bàn.

Vào một đêm thanh bình thế này, bầu không khí nơi Điền Trang chìm trong yên tĩnh. Hầu như không có lấy một tiếng động. Chỉ có âm thanh nô giỡn vọng ra từ một góc nào đó xa xa, nhưng để xem thử nào, à chỉ là một con chó xù đang vờn mấy con mèo thôi mà. Một chị hầu gái, sau khi nghe chủ cầu nhậu bọn chó mèo gây ồn ào, đã xua mấy con thú cưng chạy biến đi, thế là tất cả lại im ắng như cũ. Không bao lâu sau, âm thanh trong veo từ cây đàn piano văng vẳng vọng ra từ một trong những ngôi nhà có những cái cột trang trí theo lối Victoria. Một con nhóc nhỏ xíu, Floriana, hay còn gọi là Flo, đang tập đàn piano. Thôi chết, nó hơi gà gật vì quá buồn ngủ. Đầu con nhỏ rũ xuống, nó ngáp lấy

ngáp để. Trông nó cứ như con mèo đang ngái ngủ.

Cha nó, một Mollen Bas, Sếp của tất cả đồng máy xúc, ngồi bên cạnh nó. Ông phát cáu vì bộ dạng của đứa con gái và thấy xấu hổ trước cô giáo dạy đàn, một phụ nữ Java tuổi trung niên, có nhân cách tốt.

Cha của Flo có khả năng quản lý ca làm của cả ngàn nhân công, có khả năng giải quyết những trục trặc về kỹ thuật vào loại khó nhất, thành công trong việc trông nom những tài sản trị giá hàng triệu đô la, nhưng khi đối mặt với đứa con gái nhỏ này, đứa nhỏ nhất nhà, ông những muốn đầu hàng. Cha của Flo càng mắng mỏ bao nhiêu, nó lại càng ngáp to hơn bấy nhiêu.

Cô giáo dạy đàn bắt đầu từ nốt tôn với những nốt đô, rê, mi, fa, lướt bốn quãng tám, và hướng dẫn vị trí các ngón tay tại mỗi nốt, một bài tập cơ bản về vị trí các ngón tay. Flo lại ngáp dài.

Trường PN

Trường PN nằm trong khu vực Điền Trang, và đó là một ngôi trường ưu tú, nơi dành cho những học sinh giỏi nhất. Luôn có những cuộc cạnh tranh khốc liệt giữa những học sinh ở đây, trong đó có Flo.

Ngôi trường này khác với trường chúng tôi một trời một vực. Lớp học ở trường PN được trang trí bằng những bức họa phục vụ cho việc học, những bảng tính cơ bản, bảng tuần hoàn các nguyên tố Mendeleev, bản đồ thế giới, nhiệt kế, ảnh của Tổng thống và Phó Tổng thống, quốc huy có hình con chim với cái đuôi có tám lông. Ngoài ra còn có cả những bộ xương dùng trong môn sinh vật, những quả địa cầu lớn và những mô hình hệ mặt trời. Ở đây không dùng phấn mà dùng loại bút dạ mùi rất khó chịu, vì cái bảng màu trắng tinh.

“Ồ đó có rất nhiều giáo viên,” Bang Amran Isnaini từng học ở đây, cho tôi biết vào cái đêm trước hôm khi giảng tại Trường Tiểu học Muhammadiyah. Tôi miên man suy nghĩ.

“Mỗi môn học có một giáo viên đảm nhận, ngay cả lớp một.”

Tối hôm đó tôi thao thức mãi, đầu ong ong vì cứ cố đếm xem trường PN có bao nhiêu giáo viên tất cả - và lại đương nhiên là do tôi rất phấn khích về buổi đi học đầu tiên vào ngày hôm sau nữa.

Ngày đầu tiên đi học ở trường PN đúng thật là một ngày hội. Chẳng như trường chúng tôi - chẳng ai phải thấp thỏm trong lo lắng. Hàng tá xe hơi bóng lộn đậu thành hàng dài trước cổng trường. Hàng trăm đứa trẻ con nhà giàu tới nhập học. Ngay hôm ấy, mỗi tân học sinh được đo may tới những ba bộ đồng phục.

Đồng phục ngày thứ Hai là sơ mi xanh da trời in hoa. Mỗi buổi sáng, học sinh trường PN được đưa đón bằng xe buýt của trường cũng được sơn màu xanh da trời. Bất kỳ khi nào chiếc xe đó đi ngang qua, bọn tôi đều dừng lại, nép bên vệ đường tròn xoe mắt trông theo nó đầy thêm thường. Trông thấy bọn học sinh trường PN bước xuống xe buýt đưa đón, tôi lại liên tưởng đến bức tranh những thiên thần nhỏ trắng muốt đáng yêu đang cánh bay ra khỏi đám mây như trong những cuốn lịch Thiên Chúa.

Hiệu trưởng trường PN là bà giáo Frischa, có trình độ học vấn cao và rất quan tâm đến việc giữ thanh thế bản thân. Bà ấy luôn để mắt chăm chút sao cho những cử chỉ hành động của mình thể hiện được địa vị xã hội của mình. Ở gần bà, bất cứ ai cũng cảm thấy e dè sợ sệt. Có một điều ai cũng trông thấy rõ mồn một là bà trang điểm rất kỹ những muống xua đi tuổi tác; nhưng cũng chẳng khó nhận thấy rằng trong cuộc chiến ấy bà hoàn toàn bị đánh gục.

Bà hiệu trưởng Frischa rất tự hào về ngôi trường của mình. Nếu ai có cơ may được trò chuyện cùng bà, thì chỉ nói đi nói lại mãi ba chuyện mà bà không bao giờ thấy chán, đó là: những trang thiết bị đáng mơ ước của trường PN, quỹ ngoại khóa dồi dào và những cựu học sinh hiện là những gương mặt thành đạt ở Jakarta.

Trường PN là nơi phân biệt đối xử nhất Belitong. Trường đó chỉ nhận những học sinh là con em của Nhân viên sống tại Điền Trang. Có một nội quy quy định người lao động với cấp bậc nào thì được đăng ký con em mình học tại trường PN. Và đương nhiên, ngoài cổng có treo một tấm biển không phận sự miễn vào.

Thế có nghĩa là con cái của ngư dân, những người khuân vác ống, những người làm công nhật hay làm những công việc nặng nhọc như vận chuyển thiếc, giống như cha mẹ chúng tôi, và đặc biệt là những đứa trẻ Belitong bản xứ, không có lấy một cơ may dù chỉ nhỏ nhất được học hành đàng hoàng. Nếu chúng tôi muốn đi học, thì không còn cách nào

khác ngoài việc vào trường làng Muhammadiyah, ngôi trường mà hễ không may có cơn gió hơi mạnh thổi tới là sẵn sàng đổ sụp thành đồng gạch vụn.

Ấy là một thực tế hết sức mỉa mai với cuộc sống của chúng tôi nơi đây: sự lộng lẫy xa hoa của Điện Trang và nét quyến rũ khôn cưỡng của ngôi trường PN tài trợ bằng tiền kiếm được từ những mỏ thiếc khai thác trên chính mảnh đất quê hương chúng tôi. Giống hệt vườn treo Babylon được xây cho kẻ bạo chúa Nebuchadnezzar III để thờ thần Marduk, Điện Trang là thương hiệu của Belitong được xây nên để tiếp tục ước mơ bành trướng thuộc địa - một giấc mơ đen tối. Mục tiêu của nó là trao quyền lực cho thiểu số để thống trị đa số, giáo dục thiểu số để sai khiến đa số. Vị thần được tôn thờ không ai khác hơn chính là địa vị xã hội, cái địa vị được xây trên nền tảng của sự phân biệt đối xử đối với những cư dân bản xứ nghèo khổ.

CHƯƠNG 6

DÂN ĐEN THẤP CỔ BÉ HỌNG

Nếu nhìn từ xa, chắc hẳn làng chúng tôi có vẻ là ngôi làng trù phú nhất trên trái đất này. Số lượng các mỏ khoáng sản lớn đến không tưởng và hàng tỷ tỷ rupi liên tục được rót vào nơi này. Hàng tỷ đô la chảy vào đây như bọn chuột cống bị mê hoặc bởi giai điệu từ cây sáo của Người thổi sáo. Nhưng nếu đến gần, có thể dễ dàng nhận thấy rằng sự giàu sang của hòn đảo này chỉ nằm trọn trong mỗi một nơi - nơi ấy chính là bên trong những bức tường thành của Điền Trang.

Cách không xa những bức tường sừng sững ấy, một cảnh tượng trái ngược đến xót xa đập vào mắt, giống như một con gà què ngồi bên một con công sắc sỡ. Đó chính là nơi cộng đồng Belitong-Mã Lai sinh sống, và giả thử không có tám đứa con nheo nhóc, thì có lẽ không phải lúc nào họ cũng quần quật vất kiệt sức ra như thế. Họ đổ lỗi cho chính quyền không có đủ các hoạt động giải trí dành cho họ, vậy nên ban đêm, họ chẳng có gì làm ngoài việc cho ra đời những em bé.

Kể ra cũng thật quá đáng khi có ai đó gọi ngôi làng chúng tôi là ổ chuột, nhưng chẳng có gì sai nếu nói rằng ấy là ngôi làng của những người lao động chân tay bị một màn đêm vô tận bao trùm kể từ bình minh của cuộc cách mạng công nghiệp. Đảo Belitong, một trong những nơi đầu tiên ở Indonesia bị người Hà Lan chiếm đóng rồi bị đàn áp trong suốt bảy thế hệ. Thế rồi đột nhiên, chỉ trong nháy mắt, hàng trăm năm sống trong bình yên bỗng chốc biến mất chỉ trong một đêm, và thế vào đó là nỗi thống khổ tột cùng: người Nhật xuất hiện. Cha tôi hồi tưởng lại một cách sống động thời kỳ đầy sóng gió ấy.

“Con trai à, mấy người lính chẳng bao giờ chịu giã từ súng lưỡi lê đó đã biến cuộc sống chúng ta thành địa ngục.” Đôi mắt chân chất của ông ánh lên nỗi thống khổ của một người bị tổn thương danh dự và một người bị cướp đi mảnh đất quê hương máu thịt của mình.

Sau ba trăm ba mươi năm, người Hà Lan nói, “chúc ngày tốt lành,” và

người Nhật hét lên, “sayonara” - Tạm biệt. Không may, ấy chưa phải là kết cục có hậu dành cho chúng tôi, những người Belitong bản xứ. Bởi lẽ chúng tôi lại bị thống trị kiểu khác. Vùng đất của chúng tôi lại một lần nữa bị người ngoài đô hộ, nhưng theo một cách văn minh hơn. Chúng tôi được giải phóng, nhưng chưa được tự do.

Từ sân nhà, chúng tôi có thể trông thấy mấy bức tường của Điền Trang.

Sân chúng tôi toàn những lùm cây bụi và cả mấy cụm hoa râm bụt mọc tràn lan, trong chẳng có gì vui mắt. Hàng rào xén nghiêng xuống mép những con mương đầy thứ nước đọng nhờ nhờ nâu và cơ man nào là ổ muỗi, cũng tẻ ngắt tẻ ngắt.

Căn nhà cũ kỹ của chúng tôi bị dúm vào một chỗ, lọt thỏm trong nào là đồn cảnh sát, tòa nhà chuyên lo những việc hậu cần của PN, những ngôi chùa, văn phòng chính quyền xã, văn phòng tôn giáo, cư xá dành cho những người cu li bến cảng, doanh trại thủy thủ, tháp nước, những cửa hàng của người Mã Lai gốc Hoa, hàng tá warung cà phê - những cái tiệm theo lối truyền thống nằm sát đường - và những cửa hiệu cầm đồ luôn đông nghịt khách. Ở cuối ngôi làng, thụt sâu vào trong một góc, là căn nhà dài của bộ lạc Sawang. Căn nhà của họ dài ngoẵng, và câu chuyện về họ cũng dài không kém - sẽ kể bạn nghe sau nhé, hứa đấy.

Còn lại là những văn phòng chính quyền, được xây cất không theo một quy hoạch nào, và rốt cuộc bị bỏ hoang hoặc được sử dụng cho những dự án chính thức, hợp pháp và halal (hợp giới luật Hồi giáo). Thuật ngữ chính thức thường được sử dụng để hợp pháp hóa việc biến thủ công quĩ.

Những người Mã Lai gốc Hoa, như đôi lúc mọi người vẫn gọi, đã sống trên đảo này từ rất lâu. Họ được người Hà Lan đưa đến đây để làm cu li vận chuyển thiếc. Hầu hết bọn họ là người Khek đến từ Hakka, người Phúc Kiến từ Phúc Kiến, người Đường Sơn, Hợp Phì Sơn Đông. Cộng đồng người thiểu số cứng đầu ấy tự phát triển những kỹ thuật đào thiếc cho riêng mình. Những thuật ngữ cho những kỹ thuật này, aichang, phok, kiaw, và khaknai, mãi đến hôm nay vẫn còn được những người thăm dò thiếc Mã Lai sử dụng.

Còn người Mã Lai, họ sống như những con rối - bị giật dây bởi một thế lực mà người đời vẫn gọi là cái còi; cái còi nhỏ và vui nhộn nhưng nắm rất nhiều quyền lực trong tay. Cứ bảy giờ sáng, một tiếng còi lạnh lạnh

rú lên từ văn phòng trung ương PN phá vỡ không gian yên bình. Ngay lập tức, các cu li PN vội vội vàng vàng túa ra từ mọi góc ngách trong làng đứng dọc theo vệ đường, chen nhau nhảy lên những chiếc xe tải chật cứng người chờ đến chỗ những chiếc máy khai thác thiếc.

Ngôi làng lại chìm vào tĩnh lặng. Một lát sau, hàng mớ âm thanh ồn ã náo nhiệt trỗi lên khi cánh phụ nữ bắt đầu nghiền gia vị. Tiếng chày nện vào cối không ngớt vọng ra từ ngôi nhà sàn này đến ngôi nhà sàn khác, nhưng khi đồng hồ điểm năm giờ, tiếng còi lại réo lên lần nữa. Cánh cu li lại tản về lại nhà họ hết như lũ kiến nháo nhác chạy khỏi cái tổ bị châm lửa đốt. Và mọi việc diễn ra như thế, đến hàng trăm năm nay rồi.

Không giống như tại Điền Trang, khi dùng bữa, những cu li của PN không hề được ăn trong tiếng nhạc réo rắt của bản Haffner số 35 cung Rê trưởng của Mozart. Bữa ăn của họ diễn ra trong tiếng cãi vạt - mấy ông chồng phàn nàn về thực đơn trong bữa ăn - lúc nào cũng độc thứ cá rẻ mạt, bữa sáng cũng thế, bữa trưa cũng không khác gì, và bữa chiều cũng giống như vậy. Hết ông chồng phàn nàn đến bà vợ nổi đóa hét tướng lên, “Lẽ ra tôi phải làm vợ một công nhân trong Điền Trang mới phải. Anh chỉ là một cu li thôi, có thứ cá mà hốc là tốt lắm rồi đấy!”

Trong khi những người cha người mẹ đang bận rộn với cái vĩa hờn tủi nơi bàn ăn tối ấy, tiếng thút thít của mấy đứa con xếp hàng đứng ngay ngắn hết những quân cờ trên bàn cờ lăm lét hỏi xin cha mẹ mua cho mình đồng phục mới xen vào như một thứ âm thanh nền tạo nên một bản hợp xướng không chê vào đâu được.

Sự lớn mạnh về kinh tế của đảo Belitong do đội ngũ Nhân viên ở Điền Trang thao túng hết. Những doanh nhân được phép khai thác mỏ thiếc sống tại Jakarta và những kẻ đầy mưu chước núp đằng sau nhận của hối lộ không ai khác hơn chính là những chính trị gia. Nhưng chúng tôi không hề biết những người đứng đằng sau với đôi tay bẩn thỉu ấy là ai và sống ở đâu. Họ ngồi mát ăn bát vàng, hưởng thụ giàu sang tột đỉnh và quyền lực tối thượng. Họ là những người được lợi nhiều nhất từ hòn đảo chúng tôi. Những doanh nhân và chính trị gia thường đến thăm Belitong để trông thấy cảnh tượng khai thác thiếc với quy mô chóng mặt đang tàn phá môi trường đảo. Nhìn nét mặt họ, chúng tôi dám chắc rằng họ đã quên mất chúng tôi đang tồn tại.

Không có tầng lớp trung lưu, hoặc nếu có thì đó chính là những công

chức nhà nước dính líu đến cái vụ tham nhũng quy mô nhỏ, hoặc mấy cán bộ pháp luật nhận của đút lót từ việc hoành học mấy doanh nhân.

Tầng lớp hạ đẳng nhất chính là cha mẹ chúng tôi, những cu li PN. PN trả cho họ mỗi tháng 30.000 rupi. Một đô la Mỹ tương đương với 2.500 rupi, tính ra trong suốt 30 ngày làm việc quần quật họ nhận không hơn mười hai đô la Mỹ. Ngoài ra còn thêm được năm mươi cân gạo nữa.

Họ không có lựa chọn nào khác; số tiền đó phải đủ để nuôi một vợ và ít nhất là bảy đứa con. Thế nhưng bạn đừng lo, bởi vì chắc chắn, chắc như việc Ngày Phán Quyết thế nào cũng đến vậy, hằng năm những cu li sẽ được tăng tiền công kèm theo một thông điệp gửi riêng: Với lần tăng tiền công này, chúng tôi muốn thể hiện lòng cảm kích đối với công sức lao động nặng nhọc của các vị và để cảm ơn các vị đã giúp công ty đạt được những thành công như thế này. Tám trăm rupi - vị chỉ là tám mươi xu, chưa đầy một đô la - mỗi năm. Mỗi năm cơ đấy!

Sẽ là một điều kỳ diệu sánh ngang việc Ngài Moses phân chia Biển Đỏ nếu một cu li nhận được mức tiền công 35.000 rupi trước khi hết tuổi lao động, và chỉ có Thượng Đế và Ngài Moses mới biết làm thế nào mà họ có thể xoay xở mỗi tháng. Hiện thực cay đắng về mức tiền công của họ chỉ có nghĩa là: không hề có tiền dành cho việc học của mấy đứa con trong kế hoạch chi tiêu của gia đình một cu li. Và nếu điều đó còn chưa đủ để khiến họ cảm thấy nản lòng, thì đã có sự phân biệt đối xử của PN trong giáo dục để làm giảm sút hơn nữa tinh thần của những cu li, khiến họ không thiết tha gì đến việc đưa con em đến trường.

Cha tôi bảo gia đình mình thế này vẫn còn may chán.

Một trong những phẩm chất phi thường của người Mã Lai là dù trong bất kỳ hoàn cảnh bi đát nào họ vẫn luôn xem mình thế vẫn còn may. Đó chính là cái lợi từ tôn giáo.

Tôi vẫn còn nhớ những gì cha tôi nói trước hôm khai giảng mấy ngày. “Con trai à, những thầy cô giáo trường Muhammadiyah như thầy Harfan và cô Mus, những ngư dân, những công nhân dầu, những công nhân dừa và những người coi sóc đập nước cũng sống trong điều kiện hết sức thiếu thốn. Con phải biết ơn Đức Allah vì những gì chúng ta có được.”

Ấy là lần đầu tiên tôi nghe tên cô giáo Mus.

Rồi cha tôi còn bảo ông nghe rằng, cô giáo trẻ mới của trường Muhammadiyah ấy khao khát muốn được dạy học những đứa trẻ làng như tôi biết đọc biết viết, được học hành đàng hoàng.

Và ngay từ đầu cô giáo Mus đã hiện diện trong lòng tôi như một thần tượng.

Sahara, tôi, Kucai, Trapani, Harun và Mahar là con cái của những cu li PN. Lintang là con một ngư dân. Borek là con người trông nom đập nước, Syahdan là con một thợ xảm thuyền, và A Kiong là con một nông dân người Hoa.

Nếu ví gia đình của Sahara, tôi, Kucai, Trapani, Harun và Mahar là sợi dây thừng nghèo đói thì nhà Lintang, Borek, Syahdan và A Kiong chơi trò nhảy dây. Những khi gió lặng, đánh bắt nhiều tôm cua sò hến và cào mủ cao su thì họ ở bên trên sợi dây thừng đó, thu nhập có khá hơn chúng tôi một ít. Nhưng trong suốt mùa mưa kéo dài, họ rơi xuống bên dưới sợi dây thừng nghèo đói ấy và nằm vào số người nghèo nhất trong số những người nghèo sống trên đảo.

Thế có nghĩa là mặc dù chúng tôi đã nghèo đến mức đó rồi, vẫn còn có người thậm chí nghèo hơn chúng tôi, và cô giáo lại muốn dạy học cho chúng tôi nữa. Tôi thật nóng lòng muốn gặp mặt cô giáo trẻ mà cha tôi đã nói đến.

Cảm ơn số phận đã sắp đặt, nhờ vào sự xuất hiện đúng lúc của Harun mà cô giáo bé nhỏ tôi thềm ngưỡng mộ mới có cơ hội đứng trước lớp và tự giới thiệu về mình vào cái hôm đầu tiên đi học của chúng tôi ấy. Cô hơi lóng ngóng, vì đó là ngày đầu tiên cô đứng trên bục giảng.

“Tên cô là Mus,” cô nói giọng tự hào, như thể cô đã đợi cả đời để thốt lên những lời ấy.

Cô Mus vừa tốt nghiệp trường SKP (trường dạy nghề dành cho nữ sinh), chỉ tương đương với trường trung học cơ sở. Đó không phải trường sư phạm, mà đúng hơn là trường trang bị cho thiếu nữ những điều cần thiết để trở thành người vợ đảm. Ở đấy, họ học nấu nướng, khâu thùa và may vá. Cô Mus quyết tâm khăn gói lên Tanjong Pandan, học tại SKP để có thể lấy được tấm bằng cao hơn cái do trường tiểu học nơi cô sẽ dạy cấp cho.

Nhờ tốt nghiệp tại trường SKP mà cô được trao một công việc tại PN - quản lý chính kho thóc - một vị trí đầy hứa hẹn. Thậm chí cô còn được con trai ông chủ một cơ sở kinh doanh cầu hôn nữa kia. Midah, Aini, Izmi và Nurul, những bạn học của cô, chẳng thể nào hiểu nổi tại sao cô Mus lại khước từ những cơ hội béo bở ấy. Không như cô Mus, bốn chị kia không chút lẩn tránh chớp ngay lấy cơ hội trở thành nhân viên hành chính của PN.

“Tôi muốn trở thành giáo viên,” cô gái mười lăm tuổi bộc bạch.

Cô nói câu đó không phải với vẻ thách thức hay hơn hờ, mà bằng giọng điềm đạm và từ tốn. Nhưng bất kỳ ai đang có mặt ở đó khi nghe cô nói vậy đều biết rằng cô Mus thốt lên những lời ấy từ tận sâu thẳm đáy lòng cô, và lâu nay hai từ “giáo viên” đã luôn được cô ấp ủ trong tận trái tim khối óc vì cô ngưỡng mộ nghề dạy học cao quý ấy đến nhường nào. Có một người khổng lồ đang ngủ yên trong lòng cô, và chỉ chờ đến khi cô gặp được những học sinh yêu quý của mình là người khổng lồ ấy sẽ chồm tỉnh giấc.

Cái quyết tâm sắt đá trở thành giáo viên của cô sau này sẽ khiến cô phải trải qua những gian nan khổ ải không thể tưởng tượng nổi - chẳng một ai muốn dạy ở trường chúng tôi cả vì không được trả lương. Giáo viên tại một ngôi trường làng nghèo khó, nhất là làng chúng tôi đây, là một nghề không tiền, mà dân làng tôi hay đùa với nhau rằng ai thần kinh có vấn đề mới lao đầu vào chỗ ấy.

Thế nhưng cô giáo Mus và thầy hiệu trưởng Harfan đã hoàn thành sứ mệnh của mình một cách tận tụy và đầy trách nhiệm. Họ dạy tất cả các môn học. Sau một ngày vất kiệt sức ra với bọn học trò, cô giáo Mus còn nhận thêm hàng về may và làm những cái lồng bàn bằng đăng ten. Cô may cho đến quá nửa đêm, và ấy là kế sinh nhai của cô.

Từ ngày đầu tiên, những trở ngại cứ liên miên xuất hiện cản đường chúng tôi. Những dân làng giễu cợt rằng ngôi trường chúng tôi vô phương cứu vãn, và rằng việc học của bọn tôi sẽ đi vào ngõ cụt. Dân sống ở Điền Trang cười nhạo trường chúng tôi bằng cách đọc trại Muhammadiyah thành Selamatdiah, có nghĩa là: Cầu Thượng đế phù hộ cho những học sinh trường đó. Đó là chưa kể đến chuyện cô Mus đã phải khó khăn vất vả đến thế nào trong việc cố vực dậy sự tự tin nơi bọn tôi, sự tự tin bị nhấn chìm trong cảm giác thấy mình thấp kém trước nét

khoe khoang hóm mình của trường PN. Để vượt qua được chuyện này, cô Mus treo tấm bảng SKP trong một cái khung kính lên tường ngay cạnh tấm hình ca sĩ Rhoma Irama. Thật đã.

Khó khăn thường trực của chúng tôi là vấn đề tiền bạc. Thật tệ là ngay cả đến phần viết chúng tôi cũng không có đủ tiền mua. Hết hết phần thì cô Mus lại đưa cả bọn ra ngoài và dùng mặt đất làm bảng. Nhưng dần dần, thật ngoài sự mong đợi, tất cả những thử thách này đã tôi luyện cô Mus thành một giáo viên trẻ cứng cỏi - có uy tín, thật sự là vậy.

“Hãy cầu nguyện đúng giờ, và phần thưởng sẽ đón chờ phía trước,” cô Mus khuyên chúng tôi vậy.

Ấy chẳng phải là câu kinh rút ra từ chương bốn An-Nisa trong thánh kinh Koran được hàng trăm nhà thuyết giáo giảng hàng trăm lần ở nhà thờ và rồi lại còn thường xuyên được nhắc đi nhắc lại giữa các thành viên trong cộng đồng Hồi giáo hay sao? Không hiểu sao khi những chữ kia được rót vào tai chúng tôi từ miệng cô giáo Mus, chúng trở nên khác lạ và có sức mạnh hơn rất nhiều, luôn vang vọng trong tâm khảm bọn học trò chúng tôi. Sau này mỗi khi bị muộn lể cầu kinh chúng tôi đưa nào cũng thấy hối hận.

Có một bận, chúng tôi luôn miêng than vãn về mái trường bị dột. Cô Mus chẳng nói chẳng rằng, chỉ cầm lấy một cuốn sách viết bằng tiếng Hà Lan và chỉ cho chúng tôi xem một bức tranh trong đó. Ấy là một căn phòng hẹp với những bức tường cao dày tấm tối và cả những song sắt lăm lăm kiên cố. Trông nó rất ngọt ngào và đầy vẻ bạo lực.

“Đây là xà lim giam Soekarno trong một nhà tù ở Bandung. Ông bị kết án ngồi tù tại đây. Nhưng hằng ngày ông vẫn học, và đọc sách liên tục. Ông là tổng thống đầu tiên của chúng ta, và là một trong những con người lỗi lạc nhất do dân tộc ta sinh ra.”

Nói đến đây cô Mus ngừng lại.

Chúng tôi thấy bàng hoàng và những lời than vãn im bật. Từ giây phút ấy trở đi, chúng tôi không bao giờ phàn nàn về điều kiện vật chất ngôi trường nữa. Có lần, trời mưa tầm tã, sấm chớp đi đùng hết đợt này đến đợt khác. Trời mưa như trút nước xuống lớp học chúng tôi. Đứa nào đứa nấy cứ ngồi im ngay tại chỗ, không nhúc nhích một li. Chúng tôi không muốn cô Mus phải ngưng bài giảng nửa chừng và cô Mus cũng

không muốn ngưng dạy nửa chừng. Chúng tôi ngồi học tay cầm dù. Cô Mus che đầu bằng một tàu lá chuối. Đó là buổi học đáng nhớ nhất trong cả đời tôi. Bốn tháng tiếp theo đó trời mưa không ngớt, nhưng không đứa nào bỏ học lấy một buổi, không một đứa nào, và cũng không đứa nào mở miệng than phiền, nửa lời cũng không.

Đối với bọn tôi, cô giáo Mus và thầy hiệu trưởng Harfan đúng là những người yêu nước đích thực mà không hề được tặng thưởng bất kỳ một huy chương danh dự nào. Hai con người ấy vừa là thầy cô giáo, vừa là bạn bè, vừa là những người dẫn dắt tinh thần để chúng tôi luôn đi đúng hướng. Họ dạy học trò làm những ngôi nhà đồ chơi từ cây tre, chỉ cho chúng tôi cách tắm gội sạch sẽ trước buổi cầu kinh, dạy chúng tôi cầu nguyện trước khi đi ngủ, bơm căng lốp xe đạp bị xì, hút chất độc ra khỏi chân nếu bị rắn cắn, và thường xuyên vắt nước cam cho chúng tôi uống. Họ là những anh hùng không được tụng ca, là vị hoàng tử và công chúa hiện thân cho sự tận tâm, và là giếng nước kiến thức thanh khiết cho cánh đồng khô hạn bỏ hoang.

CHƯƠNG 7

LỜI HỨA ĐẦU TIÊN CỦA LINTANG

Các nhà thực vật học thường trồng cây filicium để mời gọi chim chóc ghé thăm. Những cây này quanh năm xanh tốt, chẳng cần biết tới mùa nào với mùa nào. Bọn kết đuôi dài lông lấy thường tụ tập về đây, và trước khi tấn công cây filicium, những con chim xanh màu lá dễ thương ấy thoạt đầu sẽ ngó nghiêng xung quanh từ trên mấy nhánh cây ganitri cao chót vót đằng sau ngôi trường, thám sát tình hình xem liệu có đối thủ hay kẻ thù nào hay không. Thế rồi, vút một cái, lũ chim phàm ăn ấy lao bổ xuống chọc mấy cái mỏ sắc như dao vào đám quả nhỏ xíu của cây filicium. Trong lúc mổ lấy mổ để chỗ quả ấy, chúng không ngớt lúc lắc cái đầu sang hai bên với vẻ cảnh giác. Bài học đạo đức số 3: Nếu bạn rực rỡ và lông lấy như một chú chim kết, bạn sẽ không thể nào có một cuộc sống yên bình.

Sau đó cả bầy sáo đá sẽ kéo nhau đến nhập vào lũ kết, bọn đến sau này ung dung chén quả vì vẻ ngoài của chúng chẳng có gì đáng thu hút cả. Không có kẻ thù ăn thịt lẫn con người. Chúng điềm nhiên chén chỗ quả chín mà bọn kết trong lúc ăn vội ăn vàng còn để sót lại, rồi cứ thế ị ra khi thấy buồn - ngay cả khi mồm còn đầy thức ăn. Bọn chim nhỏ béo tròn béo trực, bụng no kèn quả chín, riu rít chuyển hết cành này đến cành khác.

Chiều đến, một vài con chim chích bông màu xám tro rón rén sà xuống mấy nhánh cây filicium. Từ tốn và xinh xắn, chúng mổ mấy con sâu đang bò trên cây, không vội vã như bọn kết, và rồi bay đi, cũng lặng lẽ như lúc đến.

Hết bọn chim ấy, ngày của chúng tôi luôn xoay quanh cây filicium. Cái cây ấy là nhân chứng cho những sự kiện kịch tính xảy ra trong suốt thời kỳ thơ ấu của chúng tôi. Chúng tôi xây những ngôi nhà cây trên mấy cái nhánh. Chúng tôi nấp đằng sau những tán lá khi chơi trò trốn tìm. Trên thân cây chúng tôi khắc những tuyên thệ tình bạn vĩnh cửu. Dưới gốc

cây chẳng chịt rễ, chúng tôi ngồi thành vòng tròn nghe cô Mus kể chuyện về Robin Hood. Và dưới bóng râm, chúng tôi chơi trò nhảy cừu, diễn kịch, nô giỡn, la hét, hát hò, học bài và cãi vã.

Đối với chúng tôi, trường học luôn mang lại nhiều điều mới mẻ. Tôi thường nghe nói trẻ con không thích đi học. Tôi chẳng hiểu lý do tại sao, bởi vì mặc dù trường tôi cũ kỹ thật đấy nhưng từ ngày đầu tiên đi học bọn tôi đã thích mê đi rồi. Cô Mus và thầy Harfan đã khiến chúng tôi yêu thích ngôi trường, và hơn thế nữa, mang đến cho chúng tôi niềm ham mê học tập, trau dồi kiến thức. Lúc tan trường, chúng tôi phụng phịu chẳng muốn về nhà. Khi được cô giao về nhà mười bài tập, chúng tôi đòi hai mươi. Chủ nhật chưa tới chúng tôi đã nóng lòng đợi đến thứ Hai.

Cả tuần đầu tiên, chúng tôi không đụng đến một cuốn sách.

Cô Mus và thầy Harfan kể chuyện suốt ngày. Chúng tôi say sưa hàng giờ với những câu chuyện thần kỳ từ những miền đất xa xôi dạy chúng tôi cách vượt qua thăng trầm cuộc sống và những bài học đạo đức trong Nghìn lẻ một đêm. Những câu chuyện đi vào tâm khảm chúng tôi và dạy chúng tôi biết thông cảm sẻ chia với người khác.

Thế rồi, ngày đầu tiên của tuần thứ hai đến.

Tôi đến trường thật sớm. Tôi nóng lòng muốn gặp cô Mus và thầy Harfan. Tôi tròn mắt kinh ngạc khi mở cửa lớp. Một con bò cái lò dò uể oải đang đứng nép vào một góc, ở góc đối diện thằng Lintang đang điềm nhiên ngồi. Nhà nó ở xa nhất, dẫu vậy bao giờ nó cũng là người đến sớm lớp nhất.

Vào cái ngày hạnh phúc đó, sau khi tập hát bài Rukun Iman, Sáu đức tin - một bài hát tuyệt hay, rủi thay vẫn chưa rõ tác giả là ai - cô Mus dạy chúng tôi các chữ cái A, B, C, D và E. Cả lớp đồng thanh đọc theo cô hết sức hào hứng.

Tuần kế tiếp đó, chúng tôi dần dần học bảy chữ cái đầu tiên, từ A đến G.

“Bảy chữ cái một tuần nhé,” cô Mus nói.

“Vậy trong một tháng các em sẽ biết hết bảng chữ cái, tiếp sau đó ta sẽ tập viết.”

Tuần thứ ba, tôi vui không thể tưởng, vì tôi đã phát hiện thêm những chữ cái mới lạ nữa, như O, Q và V. Tôi chỉ thấy những chữ cái mới ấy xuất hiện rất thường xuyên trong những câu tiếng Indonesia thôi. Sao dân tôi lại chọn dùng những chữ cái mà dân người ta hiếm khi dùng thế không biết. Chỉ là để khiến cuộc sống chúng tôi khó khăn hơn chứ sao nữa. Khi tôi thờ dài trong lúc nghĩ đến chuyện đó, đưa ngời cạnh tôi giao tay.

“Thưa cô,” nó gọi to giọng hào hứng.

Cô Mus nhìn nó, “Chuyện gì thế Lintang?”

“Em muốn nhận tờ đơn hôm nhập học ấy, được không cô? Em muốn điền nó.”

Cô Mus cười, “Từ từ đã, Lintang. Ta chỉ mới học chữ cái thôi mà. Sau này khi lên lớp hai, em sẽ được học viết, rồi em sẽ điền vào mẫu ấy, đâu có muộn.”

Cái đứa đến từ miền biển đứng lên, “Em muốn điền ngay bây giờ, thưa cô. Em đã hứa với cha em thế rồi.”

Cả lớp giật mình. Cô Mus ngần ngừ, “Em có thể điền bây giờ được à?”

“Vâng ạ, thưa cô,” Lintang đồng dục đáp.

Mặc dù Lintang kiên quyết rằng nó có thể, cô Mus vẫn không tin lắm. Cô mở ngăn kéo bàn, lấy tờ đơn ra và bước xuống bên Lintang. Chúng tôi đứng hết cả dậy và xúm xít quanh nó.

Cô Mus đặt tờ đơn lên bàn trước mặt nó. Lintang lấy cây giữ bút giắt sau tai, cắn cắn đầu bút, rồi bắt đầu viết. Khi cô quan sát những ngón tay gầy guộc cẩu ghét của nó cố đi những nét thành hình một chữ cái, tôi thấy cô Mus sửng người lại. Thật chậm nhưng chắc chắn, nó gạch một nét ngang trên chữ t và dấu chấm trên đầu chữ i trong tên của mình để hoàn thành tờ đơn - theo lối chữ thảo cơ đấy!

Họ và tên học sinh:...Lintang Samudera Basara...

Họ và tên cha mẹ:...Syhbani Maulana Basara...

Chúng tôi chỉ có thể trở mắt ra nhìn nó - Lintang viết được rồi, và nó



còn viết tốt nữa là đằng khác! Cô Mus cũng ngạc nhiên không kém, cô cứ nhìn trân trân vào Lintang như thể nó là một viên ngọc trai sáng lóa trong một con trai miệng đang hé mở. Một lát sau, cô thốt lên giọng gần như thầm thì, “Subhanallah, trời đất ơi, Lintang, tạ ơn đấng Allah, tạ ơn đấng Allah...”

Lintang đã điền xong tờ đơn, và nở một nụ cười nhẹ nhõm, nó trao lại cho cô Mus. Ngày hôm đó chúng tôi thậm chí đi học chưa được tròn một tháng, nhưng Lintang đã có thể hoàn thành được lời hứa đầu tiên của nó - bảo vệ danh dự cho cha mình.

CHƯƠNG 8

BỆNH THẦN KINH SỐ 5

Năm tháng trôi qua, bọn tôi lớn dần lên lúc nào chẳng rõ. Ngôi trường đáng thương của chúng tôi vẫn cũ kỹ như ngày nào; nhưng không vì thế mà sức quyến rũ từ nó giảm đi; trái lại, ngày một tăng thêm.

Trải qua bao nhiêu thử thách và vất vả, chúng tôi dần thân thiết như anh em một nhà và hiểu nhau đến từng chân tơ kẽ tóc.

Syahdan. Nó là đứa có vóc dáng nhỏ nhất lớp nhưng ăn thì thôi khỏi nói, không đứa nào ăn nhiều bằng. Nó không bao giờ từ chối đồ ăn. Cứ như thể cái mồm của nó chẳng thể nào phân biệt đồ nời đồ nào ngon đồ nào dở vậy; nó tọng tất. Dù vậy, nó vẫn cứ loắt choắt - chẳng rõ thức ăn biến đi đâu cả chứ?

Ngồi cùng bàn với Syahdan là A Kiong danh giá, hơi bất bình thường. Chỉ Đức Allah mới biết điều gì khiến cha nó - A Liong, một người sùng đạo Khổng - đưa đứa con trai duy nhất của mình vào học tại một trường của người theo đạo Hồi. Hẳn là do nhà nó - một gia đình Phúc Kiến - quá nghèo.

Tuy nhiên, khi trông thấy A Kiong, bất kỳ ai cũng sẽ hiểu được tại sao nó lại có duyên với ngôi trường này. Nó có vẻ ngoài ma chê quỷ hờn. Trông nó giống hệt Frankenstein. Gương mặt nó to đùng trông như cái hộp, tóc tai thì xù lên tua tủa như lông nhím. Mắt nó xếch ngược lên như hai lưỡi kiếm, còn lông mày thì gần như trụi lủi. Mồm hô răng vầu. Chỉ thoát nhìn khuôn mặt nó thôi là bất kỳ giáo viên nào cũng sẽ có cảm giác thất vọng nảo nề khi tưởng tượng phải nhồi hàng mớ kiến thức vào cái đầu có hình dạng như cái hộp nhôm hình vuông đó của nó.

Ngạc nhiên thay, cái đầu hộp của A Kiong nhanh chóng hấp thụ kiến thức, trong khi hóa ra cái đứa có vẻ sáng sủa, thân thiện, dễ mến - đứa ngồi ngay đằng trước nó, luôn gục gặc đầu có vẻ như biết tuốt trong suốt tiết học ấy, thằng Kucai - lại chẳng sáng dạ mấy.

Kucaai hơi xui xẻo; nó bị suy dinh dưỡng trầm trọng lúc còn bé - đến nỗi giờ mắt nó phải chịu hậu quả nặng nề. Mắt nó không thể nhìn đúng hướng được, vậy nên mỗi khi nói nó nghĩ nó nhìn vào người đang nói cùng nó, nhưng mắt nó lại liếc sang bên trái khoảng 20 độ.

Với tất cả những tố chất khác gộp lại - cơ hội, tự cho mình là trung tâm, một chút tinh quái - cộng với thái độ ta đây biết-tuốt, không biết xấu hổ và có khuynh hướng chủ nghĩa dân túy, nó hội đủ mọi yêu cầu cần thiết để trở thành một chính trị gia. Vì lẽ đó, chúng tôi nhất trí bầu nó làm lớp trưởng.

Làm lớp trưởng chẳng phải là chuyện chơi. Nó phải giữ chúng tôi im lặng, nhưng nó thì không thể ngậm mồm lại được.

Một ngày, trong giờ Đạo đức, cô Mus trích dẫn lời của Khalifa Umar Khatab, một trong những tông đồ của nhà tiên tri Muhammad, “Bất kỳ ai được cử làm lãnh đạo mà nhận bất cứ thứ gì ngoài tiền lương thì bị xem là phạm tội lừa đảo.”

Cô Mus rõ ràng rất bất bình với tình trạng tham nhũng tại đất nước Indonesia này.

“Và hãy nhớ rằng những người lãnh đạo sẽ được thưởng phạt công minh ở thế giới bên kia.”

Cả lớp sùng sốt ngồi im thin thít, nhưng ai cũng thấy thằng Kucai run lấy bầy. Là lớp trưởng, nó lo lắng về chuyện bị xử phạt ở thế giới bên kia vì những hành động nó đã làm khi còn sống, đó là chưa kể nó chẳng hề thật tâm muốn trông chừng chúng tôi mà chỉ làm rất chi miễn cưỡng. Nó không thể cố được nữa. Nó đứng lên và phát biểu hết sức mỉa mai: “Thưa cô, cô phải biết rằng không có gì có thể khiến những đứa con nhà cu li này ngồi yên được mà! Boreck hành động cứ như bệnh nhân tâm thần ấy. Sahara và A Kiong thì đánh nhau suốt. Em lúc nào cũng bị đau đầu. Harun chẳng làm gì cứ ngủ luôn. Còn Ikal, Masya Allah - Lạy đấng Allah, thưa cô, hắc quỷ Sa tăng đã mang nó đến đây hay sao ấy!”

Kucaai tốt hơn nhiều so với những nhà lãnh đạo khác của Indonesia ấy chứ. Trong khi họ lén lút bôi nhọ thanh danh người khác, Kucai dám nói thẳng vào mặt chúng tôi như thế kia mà.

“Em không cố được nữa đâu ạ. Em muốn ta bầu lại lớp trưởng khác!”

nó nói, giọng như muốn khóc đến nơi. Hàng mấy năm trời thất vọng chồng chất giờ như có dịp bùng nổ. Nó gần như thở không ra hơi khi thể hiện nỗi bức dọc trong tiếng nói uất nghẹn. Nó nhìn chăm chăm về phía cô Mus, nhưng ánh mắt lại đậu xuống tấm áp phích Con mưa tiền của Rhoma Irama.

Cô Mus sững cả người. Trước nay chưa từng có chuyện một học sinh dám đứng lên phản đối thẳng thừng như thế. Cô nghĩ một lát, và cố gắng giữ nét mặt bình thường. Cô yêu cầu chúng tôi viết tên lớp trưởng mới trên một mảnh giấy và gấp đôi nó lại. “Theo nguyên tắc dân chủ, các em có quyền bầu cử và sự lựa chọn của các em phải tuyệt đối giữ bí mật.”

Kucaï cười rạng rỡ. Nó tin rằng nó đã được đối xử công bằng và tin chắc rằng sau ngàn ấy năm mong mỏi thôi chức lớp trưởng, sự chịu đựng của nó rốt cuộc đã được giải thoát.

Chúng tôi gấp đôi mảnh giấy và trao lại cho cô Mus. Bầu không khí căng thẳng bao trùm suốt thời gian kiểm phiếu. Chúng tôi xôn xao đoán già đoán non - ai sẽ là lớp trưởng lớp chúng tôi nhỉ? Cô Mus mở tấm phiếu đầu tiên và đọc cái tên bên trong. “Boreck!” cô đọc to.

Mặt thằng Boreck đỏ bừng. Kucaï nhảy loi choi hí ha hí hửng - chính nó bỏ phiếu cho thằng Boreck chứ ai.

“Phiếu số hai,” cô Mus đọc, “Kucaï.”

Lần này thằng Boreck nhảy căng lên và tới lượt thằng Kucaï đỏ bừng mặt.

“Phiếu số ba... Kucaï!”

Kucaï cười cay đắng.

“Phiếu số bốn... Kucaï!”

“Phiếu số năm... Kucaï!”

Và cứ thế cho đến phiếu số chín.

Kucaï như phát điên. Nó cáu tiết thằng Boreck quá đỗi, thằng đó người rung lên bần bật vì cố nín cười. Kucaï cố gắng trừng trừng nhìn thằng Boreck, nhưng ánh mắt nó không chịu nghe lời, cứ đậu xuống thằng

Trapani.

Chỉ có chín lá phiếu vì Harun không biết viết. Nhưng cô Mus vẫn tôn trọng quyền lợi chính trị của nó. Cô đưa mắt sang Harun. Harun ngoác mồm cười đồng lõa, để lộ mấy cái răng dài vàng khè và hét lên chói tai, “Kuai!”

Thằng Kuai rũ người xuống, chấp nhận thất bại.

Ngồi títt trong góc là hoàng tử của chúng tôi, Trapani. Nó ưa nhìn như một chú chim cinenen kelabu, và nó là đứa mang lại may mắn cho bọn tôi. Nó là một đứa hoàn hảo với khuôn mặt điển trai nhất, kiểu con trai mà bọn con gái phải lòng ngay cái nhìn đầu tiên. Tóc nó, quần nó, dây lưng nó, tất nó, đôi giày tinh tươm của nó, tất thấy luôn không một chút vết bẩn và không chê vào đâu được. Người nó cũng tỏa ra mùi dễ chịu. Thậm chí áo sơ mi của nó cũng còn đủ cả cúc.

Trapani không nói nếu không thấy cần thiết, và khi nó nói, những lời thốt ra được lựa chọn hết sức kỹ lưỡng không chê vào đâu được. Nó là đứa có nhân cách tốt, một công dân trẻ đầy triển vọng - hình mẫu của Dasa Dharma Pramuka - một Hướng đạo sinh triển vọng. Nó muốn sau này khi lớn lên sẽ làm giáo viên và dạy học tại những vùng xa xôi hẻo lánh để giúp cải thiện nền giáo dục và điều kiện sống cho cư dân Mã Lai - một khát vọng thật cao quý. Mọi thứ trong cuộc sống của Trapani dường như đều chịu ảnh hưởng từ bài hát Wajib Belajar, một bài hát về trận chiến chống mù chữ của tác giả R.N. Sutarmas.

Trapani rất gần gũi với mẹ nó. Không đề tài nào đối với nó thú vị hơn những chuyện liên quan đến mẹ nó, có lẽ bởi vì trong số sáu đứa con, nó là đứa con trai duy nhất.

Sahara, đứa con gái duy nhất trong lớp, hết một con két - cương quyết và thẳng thừng. Rất khó thuyết phục được nó và cũng không dễ gì khiến nó cảm kích. Một tính cách nổi trội nữa của nó là tính chân thật - nó chẳng nói dối bao giờ. Ngay cả khi sắp bước trên một tấm ván mỏng bắc qua biển lửa và lúc ấy chỉ cần nói dối là có thể cứu được mạng thì nó cũng ngậm chặt miệng, không thèm nói dối.

Sahara và A Kiong luôn đối đầu nhau. Bọn nó đánh nhau rất dữ, rồi làm hòa, rồi lại đánh nhau. Cứ như thể chúng sinh ra là để xung khắc với nhau vậy. Có lần, Trapani đang nói về một cuốn sách hay,

Tenggelamnya Kapal Van Der Wijik - Tàu chìm Van De Wijik - một tác phẩm văn học huyền thoại của Buya Hamka.

“Tao cũng đọc sách đó rồi,” A Kiong nói vẻ ngạo mạn. “Xin lỗi, nhưng tao không để tâm đến nó mấy. Có quá nhiều tên và địa danh, tao thấy khó mà nhớ tất.”

Sahara, đưa đánh giá cực cao những tác phẩm văn chương đích thực, thấy bị đụng chạm. Nó hét tướng lên, “Masya Allah! Lạy đáng Allah! A Kiong, sao mày dám nói về tác phẩm văn chương theo kiểu ấy thế? Vậy nếu Buya mà viết một cuốn sách có tên Một đứa con trai xấu xa ăn cắp dưa chuột thì chắc là phù hợp cho cái gu văn chương của mày đấy hử.”

Cả bọn chúng tôi phá lên cười nắc nẻ, thậm chí bò lăn ra sàn, ôm lấy bụng mà cười.

Nhưng mặt khác, Sahara rất ân cần với Harun.

Harun cư xử tốt với tất cả mọi người, trầm tính, và có nụ cười dễ dãi, hoàn toàn mù tịt chẳng hiểu bài gì ráo. Giờ người ta gọi đó là hội chứng Down. Khi cô Mus dạy, Harun ngồi ngay ngắn trật tự với nụ cười thường trực trên môi.

Tiết học nào cũng vậy, dù cho chúng tôi học gì đi nữa, Harun cũng gio tay lên một lần và hỏi một câu giống nhau, suốt cả năm như vậy, từ năm này đến năm khác, “Thưa cô, khi nào mình được nghỉ lễ Lebaran?”

“Ngay thôi, Harun, sắp rồi,” cô Mus trả lời nhẹ nhàng hết lần này đến lần khác, hàng ngàn lần như vậy, quanh năm, hết năm này đến năm khác. Rồi Harun vỗ tay.

Trong suốt giờ ra chơi buổi chiều, Sahara và Harun luôn ngồi cùng nhau bên dưới cây filicium. Hai đứa nó có chung một sợi dây liên hệ tình cảm độc nhất vô nhị giống như tình bạn lạ lùng giữa con chuột và con voi vậy. Harun say sưa kể chuyện về con mèo tam thể của cậu để ba đứa con vào ngày thứ ba của tháng. Sahara ngồi kiên nhẫn lắng nghe, ngay cả khi Harun ngày nào cũng kể độc mỗi chuyện ấy, hết lần này đến lần khác, hàng ngàn lần, quanh năm, hết năm này đến năm khác.

Con số ba quả thực là con số thiêng liêng đối với Harun. Cậu liên hệ mọi thứ với số ba. Cậu xin cô Mus dạy cho mình viết con số đó, và sau ba năm miệt mài rứt cuộc cậu cũng đã làm được. Tất cả các bìa sách của

cậu mau chóng đầy những con số ba to tướng, đẹp và đầy màu sắc. Cậu bị ma ám bởi con số ba. Cậu thường rút mấy cái cúc ra khỏi cái áo đang mặc cho đến khi chỉ còn lại ba cúc. Cậu đeo ba lớp tất. Cậu có ba kiểu cặp, và trong mỗi cặp cậu luôn mang theo ba chai xì dầu. Thậm chí cậu có những ba cái lược chải đầu. Khi chúng tôi hỏi sao cậu lại thích số ba đến vậy, cậu suy nghĩ mất một lúc rồi trả lời có vẻ rất hiểu biết, cứ như trưởng thôn đang khuyên răn dân làng làm điều tốt vậy. “Bạn tôi ơi,” cậu nói giọng biết tuốt, “Đức Allah thích những con số lẻ mà.”

Tôi thường ngắm soi khuôn mặt Harun để cố tìm thấy điều gì đang ẩn chứa trong đầu cậu. Cậu nhoẻn miệng cười mỗi khi thấy tôi như vậy. Do nhận thức được mình là học sinh lớn tuổi nhất lớp nên cậu thường quan tâm đến chúng tôi, như thể chúng tôi là những đứa em trai em gái của cậu vậy. Có nhiều lúc sự quan tâm của cậu khiến chúng tôi rất cảm động: Một lần, rất bất ngờ, cậu mang đến trường một cái gói rất to và cho chúng tôi mỗi đứa một củ khoai môn luộc. Đứa nào cũng có một củ. Riêng cậu có ba. Cách hành xử của cậu rất người lớn, nhưng thực ra cậu chỉ là một đứa trẻ núp trong vóc dáng người lớn.

Đứa con trai thứ tám, hiệp sĩ danh dự của chúng tôi trong bộ áo giáp sáng lóa, là Boreck.

Mới đầu nó chỉ là một học sinh bình thường thôi. Cách hành xử của nó cũng chẳng có gì đặc biệt. Thế nhưng cái cơ duyên nhất được một cái chai chứa sản phẩm mọc tóc sản xuất ở đâu đó trên bán đảo Ả Rập đã mãi mãi thay đổi cuộc đời nó.

Trên cái chai ấy có hình một ông mặc quần sịp đỏ chói, thân hình cao to lực lưỡng và lông lá như con đười ươi.

Từ đó trở đi, Boreck không quan tâm đến bất kỳ điều gì ngoài việc làm sao cơ bắp của nó phát triển. Nhờ làm việc nặng nhọc và tập luyện thường xuyên, nó đã đạt được ý nguyện và được bạn bè gọi là Samson, một danh hiệu cao quý mà nó rất lấy làm hãnh diện.

Chuyện này quả là kỳ cục, nhưng ít nhất Samson đã tìm thấy cái tôi của nó lúc còn rất nhỏ tuổi và biết đích xác nó muốn gì sau này; nó không ngừng nỗ lực để đạt được mục tiêu. Nó đã bỏ qua được giai đoạn tìm kiếm bản thân - giai đoạn người ta vẫn còn thiếu tin tưởng vào bản thân cho đến khi trưởng thành hơn. Có những người không bao giờ tìm thấy bản thân mình và cứ thế đi hết cuộc đời như bao người khác. Samson

hơn họ.

Nó ám ảnh với việc luyện tập sao cho cơ thể cường tráng và phát rồ lên với hình ảnh một bậc đại trượng phu. Một ngày, nó dụ dỗ tôi và tôi không cưỡng nổi tò mò. Tôi không hiểu bằng cách nào mà nó biết được bí quyết tập luyện cơ ngực nữa.

“Đừng tiết lộ cho đứa nào đấy nhé!” Nó vừa thì thào vừa đưa mắt nhìn xung quanh trông chừng. Nó nắm chặt tay tôi lôi đi và chúng tôi chạy đến bên cái kho bỏ trống đằng sau trường. Nó lôi trong cặp ra một trái banh tennis đã bị chẻ làm đôi.

“Nếu mày muốn ngực nở như tao, thì đây là bí quyết!”

Nó lại thì thào, ngay cả khi biết chắc chẳng có bóng dáng đứa nào quanh đây. Tôi nhìn hai nửa trái banh ngạc nhiên và nhủ thầm trong bụng: Hóa ra bí quyết để có cơ thể cường tráng chỉ nằm trong trái banh tennis này đây! Thật là một phát hiện lớn lao.

“Cởi áo ra đi!” Samson ra lệnh.

Nó sẽ làm gì mình nhỉ?

“Để tao giúp mày thành một người đàn ông đích thực!”

Nét mặt nó cho thấy nó không hiểu tại sao mọi người không dùng phương cách này - phương cách để nhanh chóng trở thành người có vóc dáng hoàn hảo.

Tôi lưỡng lự, nhưng không có lựa chọn nào khác. Tôi cởi cúc áo.

“Nhanh lên nào.”

Bất thành lĩnh, thằng Samson ấn mạnh hai nửa trái banh tennis vào ngực tôi. Tôi bật người ra phía sau và suýt nữa ngã bổ chửng. Nó hành động bất ngờ quá nên tôi mất thế và vô phương chống đỡ, lưng tôi áp chặt vào mấy tấm ván gỗ. Tệ hơn nữa là thằng Samson to lớn hơn tôi rất nhiều và khỏe như một cu li. Tôi cố vùng ra khỏi nó.

Và tôi sực hiểu. Samson tin rằng hai nửa trái banh tennis có chức năng tương tự như cái vật lạ kỳ gắn tay cầm bằng gỗ và ống giác cao su thường dùng để thông hầm cầu. Trong cái đầu điên khùng của Samson, nó nghĩ nó có thể dùng hai nửa trái banh tennis để thúc cho cơ ngực nở

nang. Còn chưa kịp ý thức được gì, tôi đã bị tra tấn đã đời bằng cái dụng cụ hút ngực làm từ hai nửa trái banh tennis.

Tôi cảm thấy cơ thể mình bị hút hết sức sống - tim, gan, phổi, lá lách, máu và toàn bộ mọi thứ trong dạ dày nữa - bởi hai nửa trái banh tennis quái quỷ đó. Mắt tôi như thể sắp vọt ra khỏi hai hốc mắt. Cổ họng tôi như có bàn tay ai đó bóp chặt lấy, tôi không nói ra tiếng được. Tôi ra hiệu cho thằng Samson dừng cái trò đó lại.

“Chưa tới giờ mà - mày phải điểm danh và đọc tên cha mẹ xong thì mới có kết quả được!”

Điểm danh và đọc tên cha mẹ ư? Ôi trời ơi! Chết tiệt!

Điểm danh và đọc tên cha mẹ là một trò ngớ ngẩn của bọn tôi - trong một khoảng thời gian quy định phải gọi tên đầy đủ của mọi thành viên trong lớp và cả cha mẹ đứa đó nữa. Chẳng hạn: Trapani Ihsan Jamari Nursidik, con trai của Zainuddin Ilham Jamari Nursidik. Hay Harun Ardhli Ramadhan Hasani Burhan, con trai của Syamsul Hazana Ramadhan Hasani Burhan. Tôi đã không chịu nổi cái thứ đang rút hết sức sống từ cơ thể tôi rồi mà nó lại còn bảo tôi gọi tên mấy đứa trong lớp mới lại tên cha mẹ bọn nó nữa. Tên người Mã Lai có ngắn đâu chứ!

Samson không may mắn để tâm đến điều đó. Tôi là một con cá bị mắc kẹt trong lưới. Hơi thở tôi đang cạn dần. Sức hút của hai nửa trái banh như những vết chích chết người của cả bầy ong. Cả thân hình tôi như đang rung lên bần bật. Hai chân tôi đập quáng quàng xung quanh trong tuyệt vọng. Con đau ấy cứ như thể không bao giờ kết thúc vậy.

Rồi, bất thành linh, một trong những tấm ván đằng sau lưng tôi rơi xuống và tôi có thể tập trung sức mạnh.

Không chần chừ lấy một phút giây nào, tôi dồn hết chỗ sức còn lại trong người, co chân tống một cú như trời giáng vào chính giữa háng nó - giống như khi võ sĩ quyền Anh Nhật Bản Antonio Inoki tấn công Muhammad Ali bằng một cú ti tiện trong cuộc chạm trán năm 1976.

Samson rú lên và rên rỉ như một con ong bị mắc trong lọ thủy tinh. Tôi thoát ra được vòng kiềm tỏa của nó, chạy biến đi. Phát minh luyện tập thể hình đích thực đó bay vào không trung trước khi từ từ rơi xuống đồng rom. Tôi lén quay lại nhìn trộm thì chàng lực sĩ Hercules của

chúng ta đổ nhào, ôm lấy hai chân trước khi ngã bịch xuống đất.

Mất mấy ngày, trên ngực tôi hằn hai dấu tròn đỏ bầm không chịu tan, dấu vết của sự ngu ngốc không thể nào tin nổi.

Mẹ tôi gạn hỏi về hai cái dấu ấy, và tôi muốn bịa ra chuyện gì đó nhưng không được. Trong những bài học đạo đức được học vào mỗi ngày thứ Sáu, có bài dạy rằng chúng tôi không được phép nói dối cha mẹ, đặc biệt là mẹ.

Tôi buộc phải để lộ sự ngu ngốc của mình ra. Mấy ông anh trai và cha cười đến rung cả người lên. Và rồi, lần đầu tiên tôi nghe mẹ tôi nói một mớ lý thuyết phức tạp nào đó về chứng bệnh liên quan đến thần kinh.

“Có bốn mươi tư loại bệnh liên quan đến thần kinh không bình thường,” bà vừa nói với giọng như thể mình là một chuyên gia về bệnh tâm thần vừa lấy thuốc lá, lá trầu không và những thứ khác trong chiếc hộp tròn nhỏ, vò cả ngăn ấy thứ thành một cục tròn be bé và bắt đầu nhai bồm bẻm.

“Con số càng nhỏ thì bệnh càng nguy kịch,” bà nói, lắc đầu liên tục trong khi mắt chăm chăm nhìn tôi như thể tôi là một con bệnh ở bệnh viện tâm thần vậy.

“Khi người ta mất trí và trần truồng đi vãn vơ trên đường, đó là lúc bệnh nặng nhất, bệnh thần kinh số 1. Mẹ nghĩ việc con làm với hai nửa trái banh tennis ấy có thể xếp vào bệnh thần kinh số 5. Khá nghiêm trọng đấy, Ilka! Con nên cẩn thận - nếu con không tư duy theo cách thông thường, bệnh sẽ nặng thêm lên đó nghe không!”

Vào một sáng khác, lúc mười giờ, đàn sáo đá lẽ ra đã bay đến riu rít rồi. Nhưng sáng nay không gian thật im lìm. Tôi mỉm cười một mình khi nghĩ về những điểm đặc trưng của mấy đứa bạn chung lớp. Hầu hết chúng tôi đến trường trong tình trạng berkaki ayam, nói nôm na là chân chim, tức là không giày dép gì sất. Những đứa không chân chim thì mang đôi giày quá khổ. Cha mẹ nghèo khó của chúng tôi cố tình mua những đôi giày thật rộng để chúng tôi có thể mang chúng ít nhất được hai năm. Khi chúng vừa chân thì cũng là lúc tôi tả cả rồi.

Người Mã Lai tin rằng định mệnh là một sinh vật, và chúng tôi là mười miếng mồi của định mệnh. Chúng tôi giống như những động vật thân

mềm nhỏ bé bám vào nhau để tự bảo vệ mình khỏi những đợt sóng đập dồn trong đại dương tri thức. Cô Mus là gà mái mẹ của bọn tôi. Tôi nhìn vào khuôn mặt của những đứa bạn tôi, từng đứa một: Harun với nụ cười ngò nghếch, Trapani bô trai, Syahdan nhỏ bé, Kucai vênh váo, Sahara quạu quọ, A Kiong khờ khạo và đứa con trai thứ tám, Samson, ngồi như một bức tượng Ganesha[1]. Và đứa nào là đứa con trai thứ chín và mười? Lintang và Mahar. Câu chuyện của hai tụi nó là gì? Ấy là hai đứa nhỏ tuổi và thực sự đặc biệt. Nên cần phải có một chương đặc biệt để kể về những chuyện của hai đứa ấy.

[1] Vị thần mình người đầu voi trong Hindu giáo.

CHƯƠNG 9

PHÁP SƯ CÁ SẤU

Lintang sáng nay đi học muộn bất thường. Chúng tôi điếng người khi nghe nó phân bua.

“Tao không qua được. Một con cá sấu to ngang một cây dừa nằm ngay giữa đường.”

“Cá sấu?” Kucai nhắc lại.

“Tao nhấn chuông xe đạp, vỗ tay và hắng giọng ầm ĩ hòng khiến nó hoảng mà bỏ đi. Vậy mà nó chẳng hề nhúc nhích. Tao chỉ còn biết đứng trân người ra đó mà lăm bằm một mình. Tao tin chắc rằng nó là chúa tể của cái đầm lầy này vì nó to như thế mà lại còn có cả đám hầu sống ký sinh trên lưng nó nữa chứ.”

“Sao mày không về cho rồi?” tôi hỏi.

“Tao đã đi được nửa đường đến trường rồi. Chẳng thể vì con cá sấu ngu ngốc ấy mà quay về dễ như thế được.”

Tôi có thể tưởng tượng Lintang nghĩ gì lúc đó: Cái từ vắng học không nằm trong từ điển của mình, và hôm nay bọn mình lại học lịch sử đạo Hồi nữa chứ - một trong những tiết học thú vị nhất. Mình muốn tranh luận về những lời tiên tri linh thiêng báo trước chiến thắng của Byzantium bảy năm trước khi nó xảy ra.

“Mày không nhờ ai giúp đỡ hay sao?” Sahara hỏi vẻ quan tâm.

“Có ai gần đó đâu - chỉ có mỗi tao với con cá sấu khổng lồ, và cái chết rất gần,” Lintang đáp vội.

Bọn tôi vừa bực mình vừa thấy kinh hoàng khi nghĩ đến chuyện Lintang phải cố gắng đến thế nào để có thể đến được trường.

“Tao gần như vô vọng. Thế rồi đột nhiên, tao nghe thấy có tiếng nước

róc rách dưới sông. Tao kinh ngạc quá. Cả hải nữa!”

“Cái gì thế, Lintang?” Trapani hỏi, mắt tròn xoe.

“Một ông xuất hiện từ bên dưới lớp rong rêu, ông ta nhô lên bên trên dòng nước đen ngòm sâu ngang ngực đó, và trèo lên bờ. Tao dựng hết tóc gáy khi ông ta đi chân vòng kiềng về phía mình. Đôi chân kỳ quặc của ông ta làm thành hình chữ ‘O’ theo mỗi bước đi.”

“Ông ta là ai?” Mahar thốt lên giọng tắt nghẹn.

“Bodenga.”

“Ồi,” cả bọn đồng loạt thốt lên và cùng lúc đưa tay lên ngăn một tiếng thét kinh hãi chực vọt ra khỏi miệng. Không đứa nào có đủ can đảm đưa ra một lời bình phẩm. Cả bọn hồi hộp đợi phần kế tiếp của câu chuyện.

“Tao thậm chí còn sợ ông ta hơn bất kỳ con cá sấu nào!”

Chúng tôi biết điều đó. Người đàn ông trôi lên từ đám rêu kia là người không muốn quen biết một ai, nhưng có ai ở Belitong lại không biết ông ta?

“Rồi sao nữa?” Berock sốt ruột hỏi.

“Ông ta đi ngang qua mình như thể mình chẳng có mặt ở đó. Rồi ông ta đến gần con vật góm guốc đang nằm chắn ngang đường kia. Ông ta chạm vào nó! Ông ta vỗ về nó rất nhẹ nhàng và thì thầm với nó gì đó - thật kỳ lạ! Con cá sấu quy phục ông ta, vẫy đuôi như chó mừng chủ.”

Cả bọn chúng tôi như bị bỏ bùa mê.

“Một ít giây sau,” Lintang tiếp tục với giọng thật trầm, “con vật bò sát thuộc kỷ Creta đó thốc một cú bất ngờ và khủng khiếp xuống đầm lầy. Tiếng thốc to như thể có những bảy cây dừa bị đốn ngã cùng một lúc.”

Lintang hít một hơi thật sâu. “Tao giết bắn cả người. Nếu ban nãy con vật cổ đại đó quyết định đuổi bắt tao, thì người ta rồi sẽ chỉ tìm thấy chiếc xe đạp cà tàng của tao mà thôi.”

“Thế ông Bodenga thì sao?” cả bọn đồng thanh hỏi.

“Bodenga quay lại và đi về phía mình. Rõ ràng ông ta chẳng màng đến lời cảm ơn. Tao không dám nhìn thẳng vào ông ta. Người tao nhũn ra; chỉ kéo một cú thôi là ông ta có thể chìm tao xuống nước cho chết đuối luôn ấy chứ. Nhưng ông ta chỉ đi ngang qua thôi.”

“Đi ngang qua? Chỉ thế thôi à?” tôi hỏi.

“Ừ, chỉ có thế. Nhưng tao thật may. Đâu có nhiều người được tận mắt chứng kiến sức mạnh siêu nhiên của Bodenga đâu.”

Tôi trầm ngâm suy nghĩ. Đúng là tôi chưa từng được chứng kiến Bodenga hành động nhưng tôi biết ông còn rõ hơn cả Lintang. Bodenga đã dạy cho tôi bài học đầu tiên về linh cảm. Đối với tôi, ông biểu tượng cho tất cả những gì liên quan đến cảm xúc buồn.

Không một ai muốn đánh bạn với Bodenga. Mặt ông đỏ chằng đỏ chịt và ông trạc tứ tuần. Ông mặc quần áo làm bằng lá dừa và ngủ dưới một cây cọ, cuộn tròn người lại hết con sóc - giấc ngủ của ông thường kéo dài hai ngày hai đêm. Khi đói, ông lặn xuống cái giếng bỏ không, chỗ trước đây là sở canh sát. Rồi ông ở cả ngày dưới đáy giếng, bắt lươn và ăn luôn dưới ấy.

Bodenga là một sinh vật tự do. Ông hết như một cơn gió. Ông không phải là người Mã Lai, không phải người Hoa, thậm chí cũng không phải người Sawang - ông chẳng là ai cả. Không ai biết ông từ đâu đến. Ông không theo một tôn giáo nào và ông không biết nói. Ông không phải là ăn mày, cũng không phải tội phạm. Tên ông chẳng hề lưu lại trong sổ sách của làng. Tai ông bị điếc vì một ngày nọ ông lặn xuống sông Linggang để lấy thiếc và lặn quá sâu đến chảy máu tai. Và rồi ông điếc luôn.

Giờ đây Bodenga hết như một mảnh ván cô độc trôi nổi dạt dờ. Người thân duy nhất của ông mà người làng từng biết đến là người cha cụt một chân của ông. Người ta nói rằng ông hi sinh cái chân để lấy được nhiều pháp thuật đối với cá sấu hơn. Cha ông là pháp sư cá sấu nổi tiếng. Khi đạo Hồi tràn vào những ngôi làng, người ta bắt đầu xa lánh Bodenga và cha ông vì họ không chịu thôi thờ thần cá sấu.

Cha ông chết bằng cách tự quấn mình từ đầu tới chân bằng rễ jawi và quăng mình xuống dòng Mirang. Ông cố tình hiến tế thân thể mình cho lũ cá sấu hung tợn dưới sông.

Phần duy nhất không bị quẩn là cái mẩu chân giả. Giờ Bodenga gần như lúc nào cũng nhìn chăm chăm xuống dòng Mirang, hoàn toàn đơn độc và chìm sâu trong u uẩn.

Một tối, người làng tụ tập tại sân bóng rổ Trường Quốc gia. Họ mới bắt được con cá sấu tấn công một phụ nữ đang giặt giũ quần áo bên sông Manggar. Bởi vì lúc ấy vẫn còn nhỏ nên tôi không thể chen được qua đám đông nhìn vây xung quanh con cá sấu ấy. Tôi chỉ có thể nhìn thấy nó qua khe hở giữa những đôi chân người lớn. Người ta dùng một mẩu gỗ chống giữa hai hàm nó để buộc nó phải há mồm rộng ngoác ra.

Khi mổ bụng nó, họ thấy trong đó có tóc, quần áo và vòng cổ. Ấy chính là lúc tôi trông thấy Bodenga chạy xộc tới dạt cả đám người đang bu xung quanh con cá sấu ra. Ông ngồi xuống xếp bằng bên nó. Gương mặt ông tái nhợt như người chết. Ông thảm thiết van xin mọi người đừng xé thịt nó. Họ lấy mẩu gỗ ra khỏi miệng nó và lùi cả ra. Họ hiểu rằng những người thờ cá sấu tin rằng khi chết họ sẽ trở thành cá sấu. Họ cũng hiểu rằng đối với Bodenga, đây chính là người cha của ông đã biến thành cá sấu vì con này cũng bị mất một chân.

Bodenga khóc. Ấy là một âm thanh đón đau sâu thẳm.

“Baya... Baya... Baya,” ông rên rỉ.

Một vài người nghẹn ngào rơi nước mắt. Tôi trông thấy nước mắt Bodenga tuôn trào xuống hai gò má lõm rỗ của ông. Tôi cảm thấy nước mắt tôi cũng chảy xuống hai má mình nóng hổi, và tôi không kìm được cơn nức nở. Con cá sấu xấu số đó từng là niềm yêu thương duy nhất của ông trong cái thế giới đơn độc và bị lãng quên của mình, và giờ đây tình yêu ấy đã bị tước đi mất.

Những tiếng rên rỉ đứt quãng thoát ra từ cái miệng câm của Bodenga khi ông khóc. Rồi ông cột con cá sấu lại và mang xác mà ông nghĩ là của cha mình đến sông Linggang, kéo xềnh xệch nó dọc theo bờ sông về phía lưu vực. Kể từ đó, Bodenga không trở về nữa.

Bodenga và câu chuyện bất ngờ xảy ra tối hôm đó khiến lòng tôi dậy lên một niềm trắc ẩn, và nỗi buồn bã lặn sâu vào trong tiềm thức. Có lẽ tôi còn quá nhỏ, đáng lẽ không nên chứng kiến thảm kịch đau lòng đến nhường ấy. Những năm tiếp theo đó, bất kỳ khi nào tôi chứng kiến những tình cảnh đau lòng, hình ảnh của Bodenga lại hiện về trong tâm

trí tôi.

Tối hôm ấy, Bodenga thực sự đã dạy tôi một bài học về linh cảm. Và lần đầu tiên, tôi biết rằng số phận có thể đối xử với con người rất nghiệt ngã, và rằng tình yêu có thể rất mù quáng.

Mặc dù Lintang chưa hề có một trải nghiệm cảm xúc nào với Bodenga giống như tôi, nhưng đó không phải là lần đầu tiên nó đối mặt với một con cá sấu nằm chắn ngang con đường đến trường. Chẳng có gì quá lời khi nói rằng để được đến trường Lintang thường phải chấp nhận mạo hiểm tính mạng. Tuy vậy, nó không hề bỏ học một bữa nào. Nó mỗi ngày đi về hết tám mươi cây số. Nếu ở trường có thêm hoạt động gì đó khiến lớp học kết thúc muộn thì đến tối mịt nó mới về đến nhà. Tôi thực sự ngưỡng mộ nó khi nghĩ đến đoạn đường nó phải đi qua mỗi ngày như thế.

Khoảng cách chưa phải là khó khăn duy nhất nó phải đối mặt. Vào mùa mưa, con đường biến thành sông ngập đến ngang ngực. Hễ lúc nào con đường biến thành sông, Lintang lại dựng xe đạp bên dưới một cái cây trên mô đất cao nước không dâng tới được, bỏ hết quần áo sách vở vào trong một túi nhựa cột kỹ lại, miệng ngậm cái túi, lao xuống nước, và bơi hết tốc lực đến trường vì không khéo bị cá sấu ăn thịt thì khốn.

Nhà không có đồng hồ nên Lintang dựa vào đồng hồ tự nhiên. Có lần, nó vội vã cầu kinh sáng vì nghe gà đã gáy. Cầu kinh xong nó hấp tấp vọt lên xe đạp cầm đầu cầm cổ đạp tới trường. Đi đến giữa rừng, nó ngơ ngợ vì không khí vẫn còn lạnh, trời vẫn tối um, rừng im ắng đến lạ lùng. Chẳng có chim chóc hót gọi bình minh gì ráo. Lintang nhận ra rằng con gà nhà nó nổi cơn gì đó nên gáy sớm, chứ lúc ấy vẫn còn đang nửa đêm. Nó ngồi lại bên dưới một cái cây giữa khu rừng tối đen ấy, bó gối, người run lên vì lạnh, kiên nhẫn đợi trời sáng.

Lần khác, xích xe bị đứt. Chẳng biết cái xe cà tàng của nó đứt xích bao nhiêu lần rồi, mỗi lần lại phải bỏ đi một mắt, và giờ thì cái xích ngắn quá, không nối lại được nữa. Nhưng nó không chịu bó tay. Nó xuống xe rồi cứ thế dắt bộ mấy mươi cây số. Lúc đó đến được trường thì bọn tôi cũng sắp sửa ra về. Tiết học cuối cùng hôm đó là môn nhạc. Lintang rất vui vì nó được hát bài Padamu Negeri (“Cho quê hương đất nước”) trước cả lớp. Ấy là một bài hát có nhịp điệu chậm và buồn.

Vì quê hương, ta hứa

Vì quê hương, ta phục vụ

Vì quê hương, ta hiến dâng

Quê hương là thể xác và linh hồn của ta

Nó hát thật có hồn, bọn tôi đứa nào cũng vừa kinh ngạc vừa ngưỡng mộ. Đôi mắt lém lỉnh của nó không gọn chút mệt nhọc nào. Sau khi hát xong, nó lại dắt xe trở về, bốn mươi cây số.

Cha của Lintang đã tưởng con trai ông thế nào cũng bỏ học trong những tuần đầu tiên, nhưng ông lầm. Ngày qua ngày, niềm hăng say học tập của Lintang không hề vơi đi, mà trái lại càng dâng cao hơn - nó thực sự yêu ngôi trường cùng bạn bè, và nó bắt đầu mài mê khai phá những cánh cửa mở ra thế giới tri thức. Về đến nhà là nó nhập bọn ngay với những đứa trẻ khác cùng tuổi trong làm đi làm cu li cùi dũa, không kịp nghỉ ngơi chút nào. Ấy là cái giá nó phải trả để “được” đi học.

Giờ cha nó mới nhận ra rằng cho nó đi học là một quyết định sáng suốt. Ông thật vui biết mấy khi thấy nó ham học đến như thế. Ông hy vọng một ngày nào đó Lintang có thể chăm lo cho năm đứa em của nó đến trường - đứa nhỏ kém đứa lớn một tuổi - và cũng là để giải thoát chúng khỏi cái vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Vì vậy, theo cách riêng của mình ông ráng hết sức lo cho Lintang theo đuổi việc học.

Khi Lintang còn học lớp một, có lần nó nhờ cha giúp làm bài tập về nhà - một phép nhân đơn giản. “Cha ơi, bốn nhân bốn bằng mấy cha?”

Người cha mù chữ đi tới đi lui. Ông nhìn đăm chiêu biển Đông mênh mông qua lối cửa sổ, nghĩ rất lung. Thừa lúc Lintang không để ý, ông rón rén ra phía cửa sau và chạy băng băng xuyên qua đám cỏ cao lút đầu. Người đàn ông có dáng người giống cây thông đó chạy thật nhanh đến ủy ban xã để nhờ người ở đấy giúp. Rồi loáng cái ông đã về nhà và thành linh xuất hiện trước mặt đứa con trai mà chăm chăm nhìn nó.

“Mười... mười... mười bốn, con trai ạ, không trật vào đâu được, không hơn, không kém,” ông vừa nói vừa thở hổn hển, nhưng trên mặt rạng rỡ nụ cười hãnh diện.

Lintang nhìn sâu vào mắt cha nó. Nó cảm thấy tim mình nhói đau, khiến nó tự hứa với lòng mình, Mình phải là người thông minh mới

được. Lintang biết rằng câu trả lời đó không phải do cha nó tự nghĩ ra.

Cha nó thậm chí đã truyền đạt sai câu trả lời từ nhân viên ủy ban xã. Lẽ ra ông phải nói là mười sáu, nhưng cha nó chỉ nhớ được số mười bốn - số miệng ăn cha phải lo mỗi ngày.

Từ hôm ấy trở đi, niềm say mê đến trường càng thêm bỏng cháy. Vì thân người quá nhỏ so với chiếc xe đạp quá khổ, nó không ngồi lên được yên xe. Thay vào đó, nó ngồi trên thanh ngang nối giữa yên xe với ghi đông. Đã thế rồi nhưng khi đạp nó còn phải nhón chân mới tới được pê-đan. Mỗi ngày nó cứ thế nhấp nhóm trên chiếc xe đạp, môi mím chặt tập trung hết sức lực chống lại cơn gió ngược.

Nhà của Lintang nằm ven biển. Đó là một căn lều - dựng lên theo lối nhà sàn phòng khi nước biển dâng cao. Mái lợp bằng lá cọ và tường dựng từ vỏ cây merati. Đứng bên ngoài cũng có thể trông thấy bất kỳ chuyện gì diễn ra trong căn lều vì những vách tường bằng vỏ cây đã được dựng từ hàng chục năm nay rồi, lại còn bị thủng lỗ chỗ và nứt toác ra như bùn mùa khô. Bên trong là một không gian hẹp và dài với hai cái cửa, cái trước cái sau. Không một cửa sổ hay cửa ra vào nào có khóa. Ban đêm nhà nó cột cửa bằng dây thừng bên rế tiền.

Ông bà nội ngoại của Lintang ở cả trong căn lều ấy. Da ông bà nhăn nheo như quả táo tàu. Mỗi ngày, bốn con người già nua ấy cùng người xuống một cái sàng để nhặt từng con dòi ra khỏi mớ gạo loại ba, loại duy nhất họ có thể mua nổi. Họ lom khom hàng giờ, công việc thật khó khăn - thứ gạo ấy đã bị thối mủn ra rồi.

Ngoài ra còn có hai em trai của cha Lintang nữa: một người cứ lang thang vẩn vơ suốt ngày vì mắc chứng thần kinh còn một người mất khả năng lao động vì mắc bệnh viêm tinh hoàn - hậu quả của tình trạng suy dinh dưỡng. Bốn ông bà, hai chú, Lintang, năm đứa em gái của nó, mẹ nó; ngôi nhà dài hẹp ấy trở nên chật chội. Có cả thầy mười bốn người, tất thầy mười bốn con người ấy đều dựa vào cả cha của Lintang.

Ngày ngày cha Lintang đợi những người hàng xóm dân chài hoặc thuyền trưởng thuê ông làm việc. Ông không được chút cá nào trong mẻ cá đánh bắt được nhưng ông được trả tiền dựa vào công sức bỏ ra. Ông là người kiếm sống bằng cách bán sức lao động của mình.

Mãi đến khuya Lintang mới học bài được. Vì nhà quá chật chội, nó khó

lòng tìm được một không gian riêng tư, và lại chỉ có một cây đèn dầu thấp sáng cho cả nhà. Tuy thế mỗi khi cầm sách lên, tâm trí nó thoát ra khỏi mấy bức tường bằng vỏ cây xiêu vẹo kia. Học như thế một hoạt động giải trí giúp nó quên đi những vất vả khó khăn của cuộc sống thường nhật. Đối với nó, sách giống như nước lấy lên từ cái giếng thiêng nơi thánh địa Mecca, nạp thêm cho nó sức mạnh để nó có thể gồng mình trên chiếc xe đạp cao quá khổ hết ngày này sang ngày khác. Nó đắm mình trong từng câu từng chữ. Nó mê say đọc những bài viết của các học giả. Nó nhận ra được ý nghĩa ẩn giấu bên trong những công thức mà người khác khó lòng hiểu nổi.

Rồi vào một đêm kỳ diệu nọ, dưới ngọn đèn dầu leo lét và xung quanh in lặng như tờ chỉ còn nghe thấy tiếng sóng vỗ ì oạp, những ngón tay gầy guộc của Lintang lật bản phô tô một cuốn sách cổ có tên là Chiêm tinh học và Hình học. Và ngay tức khắc, nó như bị thôi miên vào những lý lẽ của Galileo chống lại thuyết địa tâm của Aristotle. Nó bị cuốn theo ý tưởng điên rồ của những nhà thiên văn muốn đo khoảng cách từ trái đất đến chòm sao Tiên Nữ và chòm sao Tam Giác. Nó há hốc miệng ra vì kinh ngạc khi biết rằng lực hấp dẫn có thể uốn cong ánh sáng. Nó sững sốt khi đọc về các vật thể lang thang trên bầu trời trong những góc tối của vũ trụ mới chỉ được duy những ý nghĩ của Nicolas Copernicus ghé thăm.

Khi đọc tới chương về hình học, Lintang cười khoái chí vì với khả năng tư duy logic vốn có, nó có thể dễ dàng hiểu được những mô phỏng toán học về không gian đa chiều. Nó nhanh chóng nắm vững hình học không gian bốn chiều cực kỳ phức tạp, những tiên đề và các định lý Pythagore. Cuốn sách này quá khó với một đứa ở độ tuổi như nó mà lại còn chưa được học những thứ tương tự ở trường, nhưng nó mê mẩn những thông tin lôi cuốn đó. Nó thả hồn vào mô kiến thức ấy dưới quầng sáng leo lét của ngọn đèn dầu, và chính ngay khoảnh khắc ấy, trong đêm tối tịch mịch, tư duy của nó chợt lóe sáng và nó nhận thấy một điều kỳ diệu nào đấy đang diễn ra trên những trang sách cũ trước mặt. Mỗi con số và chữ cái bò ngoằn ngoèo rồi sáng bừng lên, biến thành những đốm sáng lờn vờn xung quanh và rồi nhập cả vào đầu nó. Nó không biết rằng vào lúc ấy linh hồn của các nhận vật tiên phong về hình học đang toe toét cười với nó. Copernicus, Lucretius và Issac Newton đang ngồi ngay bên cạnh nó. Trong căn nhà nhỏ bé chật chội của một gia đình Mã Lai nghèo túng trên bờ biển một vùng xa xôi hẻo lánh, một thiên tài ra đời.

Ngày hôm sau ở trường, Lintang thấy ngạc nhiên khi chúng tôi lúng túng với một bài tập về nhà về tọa độ ba chiều.

Trong lòng nó đầy hoài nghi. Sao tụi nó lại lúng túng thế nhỉ?

Người ta thường không ý thức được sự ngu dốt của mình, và, tương tự như thế, một vài người thường không nhận ra rằng họ đã được Đấng Toàn năng chọn lựa để toàn tâm toàn ý hiến mình cho tri thức.

CHƯƠNG 10

HAI LẦN LÀM ANH HÙNG

Giờ là chuyện xảy ra trong suốt cả tháng Tám – cái tháng luôn đem tới những tin tức tồi tệ.

Hết chuyện này đến chuyện khác xảy đến tới tấp khiến tôi mấy phen chao đảo. Suốt nhiều năm, khó khăn về tài chính luôn đồng hành cùng thầy trò chúng tôi, hết ngày này đến ngày khác. Thêm vào đó, người ta luôn miệng bảo chỉ ít tuần nữa thôi trường tôi thế nào rồi cũng sụp.

Tuy vậy, chúng tôi đã có thể trụ được đấy, ấy là nhờ cả vào ngọn gió quyết tâm được cô Mus và thầy Harfan thổi vào lòng những đứa học trò chúng tôi. Đối với chúng tôi, được đến trường là điều tốt đẹp nhất chúng tôi có được từ trước tới giờ - tốt hơn gấp vạn lần việc trở thành cu li, đi nạo dừa, chần cừu, nhặt tiêu hay trông coi cửa hàng.

Khó khăn dồn dập ập đến như những đợt sóng biển, nhưng chúng tôi chẳng bao giờ thoái lui đâu chỉ một bước – thật ra chúng tôi đã miễn nhiễm với những khó khăn đó rồi. Chúng tôi là minh chứng sống cho câu ngạn ngữ, “Những thứ đã không thể làm bạn chùn bước thì nhất định sẽ làm bạn mạnh mẽ hơn.” Và tuy lớp tôi vẫn chỉ có mười học sinh, sau vài năm chẳng có thêm học sinh mới nào vào học, chúng tôi rốt cuộc đã có vài học sinh lớp dưới – không nhiều nhưng dù sao vẫn có.

Tuy nhiên, không có thử thách nào khó khăn bằng thử thách này.

Một chiếc mô tô cũ kỹ hiệu DKW ống xả thổi bành bạch nhắm thẳng hướng trường tôi mà tiến. Ôi thôi. Ông ta lại xuất hiện nữa rồi.

Tài xế chiếc DKW ấy là một người đàn ông đứng tuổi thân hình nhỏ thó đeo kính dày cộp, vầng trán rộng và nhăn nhăn, bóng loáng. Những đường gân phập phồng trên trán khiến cho người đối diện có cảm giác ông thích áp đặt người khác. Thật ra, những người quen thói chỉ trích người khác thường không có nhân cách tốt. Ông ta có tiếng là không

biết nhượng bộ ai bao giờ. Ông ta chỉ cần ho một tiếng là đủ khiến cho một ngôi trường phải đóng cửa hoàn toàn. Một cái búng tay của ông ta có thể khiến một hiệu trưởng phải nghỉ việc, khiến một giáo viên không được thăng chức cho đến khi tuổi về hưu, hoặc một giáo viên ông ta không ưa có thể bị luân chuyển đến một hòn đảo xa xôi nào đó – một chốn mà thậm chí không ai có thể tìm thấy trên bản đồ - để giảng dạy những đứa trẻ hoang dã và bọn khỉ cộc đuôi. Nhìn thấy đôi kính của ông ta đã đủ khiến cho tất cả thầy giáo viên ở Belitong run sợ. Ông ta, chẳng ai khác ngoài Samadikun – Chánh thanh tra trường học.

Trước đây, chúng tôi đã lọt qua được kẽ tay của ông ta khi Harun cứu chúng tôi vào ngày đầu tiên bằng việc trở thành học sinh thứ mười của lớp. Ông Samadikun không vui khi chuyện đó xảy ra.

Thật ra, ông Samadikun muốn đóng cửa trường chúng tôi từ lâu lắm rồi – quyết tâm này càng được củng cố bởi các cán bộ trong phòng Hành chính của Sở giáo dục và Văn hóa. Những cán bộ này liên tục thúc bách sao cho trường chúng tôi mau chóng bị biến mất khỏi trái đất này. Bản thân Samadikun có lần khoắc lác với cấp trên rằng, “Ôi dào, để tôi lo cái vụ trường tiểu học Muhammadiyah đó cho. Chỉ cần một cú đá thôi là nó sụp đổ ngay ấy mà. Thậm chí tôi cũng chẳng cần phải làm thế, một cơn gió mạnh là đủ để kết liễu cái trường ấy. Chẳng mấy chốc tất cả sẽ bị san phẳng thôi.”

Trong trí tưởng tượng của tôi, sau tuyên bố đầy ngạo mạn ấy, ông Samadikun và các quan chức cấp cao trong ngành nâng cốc chúc mừng – những cái cốc tràn đầy sữa thốt nốt vốn là quà đút lót của những giáo viên muốn được thăng chức hay được chuyển về vùng thành thị, hoặc muốn trường mình được công nhận là trường điểm.

Vì vậy ông Samadikun rập tâm đóng cửa ngôi trường chúng tôi bằng một điều kiện khôn khéo và ma mánh. Ấy là lớp phải đủ mười học sinh, một điều kiện đã được Harun hoàn thành đầy kịch tính vào phút chót. Ông Samadikun cực kỳ khó chịu về trường chúng tôi, đặc biệt là Harun.

Ông ta không chỉ khó chịu với chúng tôi vì áp lực từ cấp trên. Chính ông ta có trách nhiệm đảm bảo rằng chúng tôi phải tham gia các kỳ thi tại một trường khác bởi vì họ xét thấy trường chúng tôi thiếu khả năng tổ chức thi. Nói cách khác, chúng tôi khiến ông ta phải kham thêm việc. Ông ta cũng thấy bức bối vì chúng tôi không có bất kỳ giải thưởng nào.

Trong hệ thống giáo dục mang tính cạnh tranh thời nay, những ngôi trường như chúng tôi có thể khiến cả hệ thống ấy mất hiệu quả. Xét về mặt này, ông Samadikun hoàn toàn đúng. Nhưng chẳng phải tương lai là do Đấng Toàn năng định đoạt hay sao?

Cô Mus tái mặt khi ông Samadikun đột xuất đến thanh tra. Tệ hơn nữa là hiện giờ trường chỉ còn lại mình cô. Thầy Harfan nghỉ ốm cả tháng. Thầy lang bảo ông bị viêm phổi do hàng mấy chục năm trời phải hít thứ phần kém chất lượng.

Ông Samadikun thò đầu nhìn vào lớp học. Ngay khi nhìn thấy tủ kính trưng bày trống rỗng, mặt ông ta đanh lại, vì ông ta đã quen trông thấy những bằng khen, giải thưởng trong các tủ trưng bày ở những ngôi trường khác rồi.

Vì quá căng thẳng, ngay từ đầu cô Mus đã phạm một sai lầm chết người. “Mời thầy vào ạ,” cô nói giọng lịch sự.

Ông Samadikun trừng mắt nhìn cô cấm khẩu, “Gọi tôi là Ông!”

Ai cũng biết rằng ông không muốn bị người khác gọi là thầy Samadikun. Có thể ông bị ảnh hưởng từ những giáo viên Hà Lan, hoặc có lẽ ông làm thế để tạo cho mình một hình ảnh đầy quyền uy. Dù là lý do nào đi nữa, rõ ràng ông ta muốn được gọi bằng Ông.

Ông Samadikun lấy ra một tờ mẫu thanh tra. Ông ngó nghiêng khắp phòng học và liên tục lắc đầu để chúng tôi biết ông ta thất vọng đến thế nào. Trên cột “phần và đồ đạc trong phòng học” ông ta chèn vào một thanh đánh nửa: bên dưới E) Tôi, ông ta thêm vào F) Cực kỳ tôi. Trên cột “quốc gia” - ảnh Tổng thống, Phó Tổng thống và quốc huy Garuda Pancasila – và những cột về sơ cứu ý tế và giáo cụ trực quan, ông ta buộc phải một lần nữa thêm vào một đánh giá khác – lần này là F) Không hề có. Trong cột “nhà vệ sinh và thiết bị chiếu sáng”, ông ta thêm F) Tự nhiên.

Và rồi đến cột dành cho tình trạng học sinh. Ông ta hít một hơi thật dài và thật sâu rồi nhìn chúng tôi – hầu như không đưa nào mang giày, còn quần áo thì lòi thoi nhếch nhác, thiếu cúc. Áo của thằng Mahar không còn cái cúc nào. Ông Samadikun đứng sững lại khi thấy Lintang và tôi đeo trên cổ nà cao su, và chép miệng khó chịu khi trông thấy áo thằng Kucai vấy đầy nước xoài. Do vậy, trong cột “tình trạng học sinh”, đánh

giá F) Cực kỳ tệ cũng chưa đủ để nói hết tình trạng hiện tại của chúng tôi. Ông ta lại thêm một đánh giá nữa bên dưới: G) Thảm hại.

Ông Samadikun hỏi, “Ai có máy tính, compa và bút chì nào?”

Không đứa nào trả lời. Thằng Mahar nhìn tôi nhướn mày. Đã lên lớp năm rồi nhưng chúng tôi thậm chí cũng không biết những thứ đó trông như thế nào nữa.

Ông Samadikun quay sang cô Mus. “Cô Mus! Tôi chưa từng thấy lớp học nào kinh khủng như thế này. Cô gọi đây là trường học sao? Chỗ này chẳng khác gì chuồng nuôi gia súc!”

Cô Mus cúi gằm mặt ở góc phòng, mặt còn tái hơn lúc nãy.

“Những đứa trẻ này giống bọn săn cheo cheo chứ đâu phải học sinh!”

Cô Mus thấy bị xúc phạm, nhưng rõ ràng không bởi thế mà niềm kiêu hãnh cô dành cho chúng tôi giảm đi.

“Không còn lựa chọn nào khác, phải đóng cửa trường học này thôi!”

Cô Mus hoảng lên. Cô có thể ngồi im chịu đựng bị xúc phạm nhưng không đời nào cô chịu để trường bị đóng cửa.

“Không được, thưa ông. Chúng tôi đã dạy và học ở đây được năm năm nay rồi.”

Cô Mus thật dũng cảm. Trước đây chưa hề có giáo viên nào dám đứng ra cãi lệnh ông Samadikun như thế.

“Những đứa trẻ này thì sao chứ?” cô Mus tiếp tục.

Ông Samadikun cau tiết lên. “Đó là chuyện của cô, tôi không cần biết. Cho chúng đến trường khác học.”

“Trường khác? Trường công gần nhất cũng phải mãi tận Tanjong Pandan. Các em không thể sống xa cha mẹ được. Cha mẹ các em không đủ khả năng chi trả để con cái theo học ở đó. Trường PN gần đây nhưng ở đó người ta có cho những trẻ em nghèo như thế này vào học đâu chứ.”

Ông Samadikun phát rồ lên, thở dồn dập, như thể sắp sửa mắng cô Mus

té tát vì cái tội dám lớn tiếng với ông. Tuy nhiên, thái độ của cô Mus cho thấy cô sẵn sàng hy sinh vì học trò của mình. Chúng tôi những muốn đứng về phe cô, nhưng đưa nào cũng sợ chết đuối. Chúng tôi chẳng biết làm gì ngoài việc ngồi buồn bã nhìn cô – ngoại trừ Harun. Lúc nào cậu ấy cũng cười, cậu không biết chuyện gì đang xảy ra cả.

“Chúng tôi đã đáp ứng điều kiện mười học sinh. Nếu vấn đề chỉ là dụng cụ y tế, chúng tôi có thể...”

“Không chỉ có thế!” Ông Samadikun ngắt lời. “Harun cũng là một nguyên do!”

Cô Mus kinh ngạc, giờ mặt cô đỏ bừng lên; ông ta đã chạm đúng vào nỗi đau của cô. Chủ đề về Harun luôn là chủ đề nhạy cảm với cô. Cô không bao giờ ngần ngại che chắn cho cậu ấy. Không như cô Mus, Harun luôn thấy vui mỗi khi được ai đó nhắc đến tên mình.

“Harun sao ạ?” cô Mus hỏi vẻ phòng thủ.

“Nó không thể học trường này. Đây không phải là nơi thích hợp. Nó phải học ở trường đặc biệt! Trên đảo Bangka ấy!”

Cô Mus cố lắm mới giữ được bình tĩnh. Chúng tôi biết cô yêu Harun đến thế nào, nhưng chúng tôi cũng hiểu rằng một khi ông Samadikun đã quyết định thì cứ thế mà thi hành thôi. Ông Samadikun nắm quyền lực trong tay còn cô Mus chỉ là một cô giáo làng. Trong cuộc chiến quyền lực này, với sự khác biệt to lớn về địa vị xã hội, chúng tôi nắm chắc phần thua. Cô Mus như muốn khóc. “Thưa ông,” cô Mus nói giọng yếu ớt, “trường này là nơi tốt nhất cho Harun rồi đấy ạ. Ở trường em ấy rất siêng năng và rất thích được học cùng các bạn. Ông làm ơn đừng chuyển em ấy đi.”

Ông Samadikun chẳng biểu lộ xúc cảm nào. “Học? Cô bảo nó học? Nó thậm chí không có lấy một bảng điểm chính thức, liệu nó có thể học được gì chứ?”

Quả thật Harun được nhận sự đối đãi đặc biệt. Khi chúng tôi lên lớp, cậu ấy cũng được lên, mặc dù không có bảng điểm gì cả.

Cô Mus im lặng, mặc dù lúc này cô thật sự muốn giải thích cho ông Samadikun rằng Harun có nhiều tiến bộ trong suốt thời gian học ở trường, và Harun tìm thấy niềm vui khi được học cùng chúng tôi.

Nhưng miệng cô như bị ai đó khóa chặt. Cô không hiểu rõ lắm về tâm lý học nhưng cô tin chắc môi trường tự nhiên là điều mà những đứa trẻ như Harun cần.

Ông Samadikun gọi Harun. Harun đứng dậy, sốt sắng đến gần ông. Cậu cố chào ông Samadikun thật thân thiện. Nụ cười của cậu mở rộng hết cỡ trên khuôn mặt buồn cười. Định kiến là một thứ gì đó nằm ngoài hiểu biết của Harun. Cậu không biết mình chính là nguồn gốc của cuộc tranh luận gay gắt đó, và cậu không hề hay biết rằng số phận ngôi trường chúng tôi học nằm cả trong tay cậu. Nếu cậu đi, lớp học còn lại ít hơn mười học sinh. Theo quy định, trường phải có ít nhất một lớp học với mười học sinh. Vì vậy, nếu lớp chúng tôi mất một học sinh, trường sẽ đóng cửa. Đột nhiên, không ai bảo Harun cố ghé sát vào ông Samadikun và kể câu chuyện muôn thuở của cậu về con mèo tam thể được sinh được ba con mèo con vào ngày thứ ba của tháng, dù cô Mus đã cố hết sức để ngăn cậu lại.

“Được thôi, thử kiểm tra xem Harun đã học được gì suốt năm năm học vừa qua nào.”

Ông Samadikun cố ý nhấn mạnh cụm từ suốt năm năm học vừa qua bởi vì ông muốn phủ nhận những nỗ lực của cô Mus dành cho Harun và tấn công cô Mus bằng cách cho cô thấy trường của cô không phù hợp cho Harun. Nhưng, cho đến lúc này, ý đồ xấu xa nhất của ông ta là hạ nhục Harun. Lúc đó, với trái tim trong sáng, Harun vẫn vô cùng sung sướng. Mặt cậu bừng lên niềm kiêu hãnh bởi cậu sắp được hỏi đến – cậu thấy mình thật quan trọng.

“Hoài bão của em là gì nào, Harun?”

Harun nhìn ông Samadikun rất nghiêm trang. Cậu không trả lời, nhưng cười cười bí hiểm. Đối với cậu, câu hỏi hệt như một trò giải trí. Ông Samadikun ngay lập tức nhận thấy một sự thật rằng Harun không hiểu từ hoài bão. Ông nhìn cô Mus đắc thắng. Mắt ông như muốn nói: Cậu học trò Harun yêu quý của cô thậm chí từ hoài bão cũng không biết!

“Ý ông đây muốn hỏi là, sau này, khi em lớn lên, em muốn làm nghề gì, Harun? Em muốn trở thành bác sỹ, kỹ sư hay phi công chẳng hạn?” cô Mus khẽ khàng gợi ý.

“Ô ô ô ô,” Harun thốt lên, nghe như vừa hồi tỉnh sau một tuần dài hôn

mê.

“Cảm ơn cô,” Harun đáp và ngược mặt nhìn lên ông Samadikun. Mắt cậu sáng lên nhưng rồi lại cúi đầu xuống, như thể cậu có biết câu trả lời nhưng thấy xấu hổ nên không nói ra được.

“Em muốn làm gì, Harun?” ông Samadikun lại hỏi.

Cậu rụt rè chỉ vào Trapani. Ông Samadikun và cô Mus nhìn Trapani. Trapani thấy bối rối.

“Đừng ngượng,” ông Samadikun dỗ dành..

Harun lại chỉ vào Trapani. Không ai hiểu được hành động kỳ quặc của Harun, nhưng tôi thì biết. Một ngày nọ, khi bọn tôi còn học lớp một, Harun rủ tôi lao tít lên đỉnh ngọn tháp cao nhất của thánh đường Al-Hikamah. Cậu muốn đến nơi yên tĩnh không có ai xung quanh để nói cho tôi biết cậu muốn làm gì khi lớn lên. Chỉ có tôi là người được cậu tin tưởng tiết lộ thông tin này. Vậy nên tôi sẽ không hé nửa lời về chuyện này cho bất kỳ ai, còn cậu thì hối lộ cho tôi ba củ khoai môn luộc. Tôi đặt một bàn tay trên ba củ khoai môn đó và đưa tay còn lại lên thề rằng tôi sẽ giữ bí mật cho cậu.

Tôi nghĩ vì Harun chỉ vào Trapani, cậu đã tự mình để lộ điều bí mật và muốn nói ra ước vọng thầm kín của mình. Tôi thấy mình đã được giải thoát khỏi lời thề củ khoai môn tím luộc đó. Khi ông Samadikun vẫn tiếp tục thúc bách Harun trả lời, tôi không chịu nổi đành nói thay.

“Khi lớn lên, Harun muốn giống như Trapani,” tôi nói. Ai nấy đều giật mình. Harun ngoác mồm cười, cúi thấp đầu, và thân người cậu rung lên khi cố nín con cười.

Tất cả chúng tôi đều ngưỡng mộ Trapani; nó là đứa đẹp trai và sáng sủa nhất trong đám chúng tôi. Vậy nên Harun thầm mong ước khi lớn lên được giống như Trapani. Đương nhiên vấn đề là ước vọng này quả khó thực hiện, nhất là khi Harun lớn tuổi hơn Trapani rất nhiều.

Ông Samadikun ném sang cô Mus một ánh nhìn chằm chọc. Năm năm học ở đây và Harun không tiến bộ được chút nào. Ông Samadikun vẫn chưa thỏa mãn.

“Thôi được, Harun, câu hỏi cuối cùng nào. Hai cộng hai bằng mấy?”

Lần này ông ta đi quá xa. Ông Samadikun cố ý chọn một câu hỏi đơn giản đến ngớ ngẩn thậm chí đứa trẻ chưa đến tuổi tới trường cũng có thể trả lời được, với mục đích làm nhục cô Mus.

Harun ngạc nhiên và liếc nhanh vào mặt ông Samadikun. Nét mặt cậu như muốn nói: Câu hỏi gì mà dễ quá! Hai cộng hai? Sao mà mình không trả lời được chứ? Đương nhiên mình biết!

Harun tiến lại gần ông Samadikun. Cậu bước hùng dũng. “Thưa ông,” cậu điềm tĩnh nói, “ông nói đùa phải không ạ?”

“Không đâu, Harun, nghiêm túc đấy. Ta muốn biết em học được những gì sau gần ấy năm.”

“À, thưa ông, hẳn là ông muốn trêu cháu! Đó là phép tính đơn giản. Cháu đã học phép cộng rồi. Cháu có thể tính tới hàng trăm, dễ như không ấy!”

“Tốt quá, Harun.”

Harun vẫn nghĩ ông ta đang đùa.

“Cháu đã học lớp năm, thưa ông. Chẳng mấy nữa mà cháu lên cấp hai. Không có câu hỏi nào khó hơn sao ạ?”

Trông thấy Harun tỏ ra tự tin như vậy, mặt ông Samadikun đanh lại. Ông tự nhận thấy mình đã mắc một sai lầm chết người. Câu hỏi quá dễ! Ông ta thấy hối hận vì đã đưa ra một câu hỏi dễ đến nhường ấy. Lẽ ra ông nên hỏi hai nhân hai là mấy mới phải.

Thật là một tình huống dở khóc dở cười cho ông Samadikun. Nếu Harun có thể trả lời, kế hoạch của ông coi như bị phá sản. Thế có nghĩa là cô Mus đã thành công trong việc dạy dỗ Harun. Nếu đây là một bộ phim, sự đắc thắng quá sớm của ông Samadikun đối với cô Mus sẽ là cao trào, và tình huống sẽ dần được giải quyết từ đây. Ông ta sẽ không vin được vào bất kỳ lý do nào để đẩy Harun ra khỏi trường. Chúng tôi vẫn sẽ có đủ mười học sinh trong lớp học, và miễn là còn đủ mười, ngay cả ông Bộ trưởng Bộ giáo dục Indonesia cũng không thể đóng cửa trường chúng tôi được.

Cô Mus ôm ngực. Dù lo lắng nhưng cô tin Harun có thể trả lời được câu hỏi đó. Cô đã rất vất vả biết mấy cố dạy Harun phép cộng. Chúng tôi

cầu nguyện đấng Tối cao, hy vọng Harun có thể trả lời đúng. Mắt Sahara và Mahar đỏ đẫm không hồn. Chúng tôi dành cho ngôi trường của mình một tình yêu vô bờ bến; chúng tôi không muốn mất nó. Chúng tôi sẽ như thế nào nếu thiếu ngôi trường? Nhưng đừng sợ, vì lần thứ hai, sau lần giúp lớp chúng tôi đủ mười người, Harun sẽ cứu chúng tôi lần nữa. Một câu hỏi dễ đến thế lẽ nào cậu ấy không trả lời được chứ. Và Harun sẽ lại là người hùng của của chúng tôi lần thứ hai.

“Ông vẫn còn muốn nghe câu trả lời chứ ạ?” Harun nói giọng thách thức trong khi đuôi mắt vẫn hướng về phía thần tượng Trapani của mình. Ông Samadikun không còn lựa chọn nào khác. Ông ta không thể rút lui câu hỏi ngu ngốc của mình – ông ta không đời nào chịu nhận sai về mình và thay thế bằng một câu hỏi khó hơn. Ông ta trả lời với giọng chán nản, “Có, Harun, hai cộng hai bằng mấy? Em biết câu trả lời chứ?”

“Đương nhiên cháu biết,” cậu khoanh tay, “Để ợt,”

“Bao nhiêu, Harun?”

Harun vung tay lên và tự tin hét toáng, “Ba!”

CHƯƠNG 11

TRĂNG RẰM

“Cô chỉ còn một cơ hội nữa thôi, và nếu không có tiến triển gì, trường sẽ đóng cửa?” Ông Samadikun thẳng thừng đe dọa cô Mus.

Chuyến thanh tra đột xuất và gây mất mặt đó chấm dứt, và ông Samadikun bắt đầu những công việc cần thiết để hoàn tất bản báo cáo. Ông ta cho mời thợ ảnh đến chụp khung cảnh ngôi trường ở mọi góc độ. Mỗi lần chú thợ ảnh chụp tấm nào là Harun cố nhảy vào khung hình cho bằng được. Khi chú thợ ảnh chụp từ phía sau trường, Harun đột nhiên nhô đầu lên trên bậc cửa sổ, ngoác miệng cười để lộ những chiếc răng dài vàng khè. Cậu không hề biết rằng những tấm ảnh này được chụp nhằm mục đích lôi cậu ra khỏi trường và đóng cửa trường; cậu mãi lo được lọt vào khung hình càng nhiều càng tốt cơ mà.

Sau khi ảnh được in ra và ông Samadikun đưa cho chúng tôi xem, ai cũng có thể thấy rất rõ là trường chúng tôi đã xiêu vẹo đến mức đáng ngại. Gì chứ nghiêng cỡ tháp Pisa Ý là chắc chắn rồi. Chúng tôi biết rằng với tầm ảnh hưởng của mình, ông Samadikun sẽ gửi bản báo cáo và những tấm ảnh đến nhiều nơi.

Nhưng cô Mus không nao núng. Cô vực dậy tinh thần của chúng tôi, như cô vẫn thường làm, bằng cách trích dẫn một câu kinh Koran.

“Hãy kiên nhẫn,” cô vỗ về. “Sau cơn mưa trời lại sáng mà.”

Mỗi lần cô nói thế, chúng tôi lại tin tưởng hơn rằng cuộc chiến vì một mục tiêu đúng đắn, dù ban đầu có khó khăn đến mấy, rốt cuộc cũng sẽ đạt được thắng lợi. Chỉ cần ít lời thế thôi, không cần dài dòng, cô Mus đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho chúng tôi với lòng quyết tâm chiến đấu vì ngôi trường của mình, dù cho thế nào đi nữa. Bạn à, đó chính là điều người ta gọi là năng lực thu hút quần chúng của nhà lãnh đạo đấy.

Ngay cả khi lo lắng, cô Mus cũng không để chuyện của ông Samadikun

khiến mình ngã quy. Cô dồn hết tâm trí vào Lintang.

Kể từ khi Lintang điền được hết thông tin vào tờ phiếu năm lớp một, cô Mus đã nghĩ thầm rằng nó là thần đồng. Sau này, hệt như một thợ mài dao, cô Mus tỉ mỉ gọt giũa trí óc của Lintang. Dần dà, dưới bàn tay lành nghề của cô Mus, sự thông minh của đứa học trò miền biển bắt đầu tỏa sáng.

Cả lớp đứa nào cũng ngưỡng mộ Lintang. Trời đất ơi, cái đứa chuyên nhặt vỏ sò ấy mới lanh lợi làm sao. Ngón tay trỏ của nó không ngừng giơ lên ra hiệu rằng nó biết câu trả lời. Đôi mắt sáng ngời của nó ánh lên vẻ thông minh và vầng trán sáng như một bóng đèn. Nó luôn tò mò với mọi thứ, lúc nào cũng nêu thắc mắc. Cô Mus và thầy Harfan thậm chí không biết làm thế nào với nó.

Nó luôn gặp hình nhanh nhất lớp; nó cũng là đứa đọc giỏi nhất. Nhưng tài năng của nó thể hiện rõ ràng nhất là môn toán. Trong lúc chúng tôi vẫn vật lộn với phép cộng số có hàng đơn vị bằng không, thì nó đã thành thạo với phép nhân các số có hàng đơn vị lẻ.

Trong khi chúng tôi chưa kịp quen với tính toán thì nó đã thành thạo chia số thập phân, khai căn và tính lũy thừa – thậm chí nó có thể giải thích rõ ràng những mối tương quan toán tử trong bảng lôgarit. Điểm yếu duy nhất của nó – nếu có thể gọi đó là điểm yếu – là chữ viết của nó như gà bới. Có lẽ chữ viết của nó xấu như vậy là do những ngón tay không di chuyển theo kịp dòng tư duy luôn tuôn ra ào ạt từ đầu nó.

“13 nhân 6, nhân 7, cộng 83, trừ 39!” cô Mus ra bài toán cho cả lớp.

Chúng tôi vội lấy que tính ra, lấy ra 13 que – sáu lần – thế là loay hoay lấy sáu lần như thế làm thành một chồng. Thêm sáu chồng như thế nữa. Chúng tôi đếm từng chồng một để cho ra kết quả của hai lần nhân. Cộng thêm 83 que nữa, rồi lấy đi 39. Trí óc của chúng tôi không đủ tinh nhạy để có thể nghĩ ra được một cách logic rằng lẽ ra chúng tôi nên thực hiện phép trừ trước, $83 - 39$. Đi chệch ra khỏi lối tư duy thông thường, dù chỉ một chút, cũng sẽ làm hại đến môn đại số. Chúng tôi phải mất bảy phút mới giải xong bài toán. Rõ ràng phương pháp đó mang lại kết quả những không hiệu quả. Nó thật dài dòng và phiền phức.

Trong khi đó, Lintang, chẳng đụng tới một que tính nào, không hề nghĩ theo cách thông thường. Nó chỉ nhắm mắt lại một lát, và không hơn

năm giây sau, nó hét to, “590!”

Lintang không hề nao núng bởi mấy con số khiến chúng tôi phải nát óc – trong khi chúng tôi vật lộn với việc sắp xếp những que tính, chưa tìm ra kết quả phép tính đầu tiên. Tôi thấy bức bối trong lòng nhưng cũng rất kinh ngạc. Đó là ngày đầu tiên học lớp hai.

“Giỏi lắm, Lintang, rất giỏi!” cô Mus khen nó. Cô lại tiếp tục kiểm tra xem Lintang thông minh đến đâu, “18 nhân 14 nhân 23 cộng 11 cộng 14 nhân 16 nhân 7!”

Chúng tôi thấy khoái chí, lúng túng, cầm nắm que vô dụng. Không đầy bảy giây sau, thậm chí không cần viết xuống bất kỳ con số nào, không chút chần chờ hay lưỡng lự, không chớp mắt, Lintang hét vống lên, “651.952!”

“Trăng rằm, Lintang! Câu trả lời của em đẹp như trăng rằm ấy! Vậy mà giờ em mới cho mọi người biết sự thông minh của mình.”

Cô Mus phải cố lắm mới kiềm chế được con cười. Cô không được cười lớn – đó là điều cấm kỵ trong tín ngưỡng của cô. Thay vì đó, cô gật đầu ra vẻ đồng tình kiểu như chào, và nhìn Lintang như thể suốt đời mình cô đã đi tìm một đứa học trò như nó.

Chúng tôi, ngược lại, chộn rộn với những thắc mắc sao Lintang lại có thể làm được như thế. Đây là cách làm của nó: “Trước hết học thuộc lòng bảng cửu chương – mà việc này thì đâu phải dễ dàng gì. Bỏ qua các số hàng đơn vị trong phép nhân có hay chữ số đã; nhân số có số hàng đơn vị bằng không bao giờ cũng dễ hơn nhiều. Nhân các số hàng đơn vị sau, và đừng ăn quá nhiều đến nỗi căng cứng cả bụng; ăn nó khiến tai ù và não chậm.”

Câu trả lời của nó thật đơn giản, nhưng nếu ngẫm kỹ bạn sẽ thấy dấu là nó mới vừa bước chân vào lớp hai song bằng cách phát triển những kỹ năng riêng để có thể tìm ra chỗ khó khăn rồi phân tích và giải quyết khó khăn đó, Lintang đã thể hiện những dấu hiệu của khả năng nhận biết cao. Đó là điều không thể phủ nhận; đằng sau những lời gợi ý buồn cười của nó ẩn chứa lối tư duy mang tính logic cao.

Thời gian trôi qua, Lintang sớm nhận thấy mình có năng khiếu về hình học không gian – nó tiến bộ rất nhanh. Nó có thể tưởng tượng ngay

được các mặt của một vật thể từ nhiều góc độ khác nhau. Nó có thể giải được những bài toán học búa và còn dạy cho chúng tôi cách tính diện tích đa giác bằng cách chia các cạnh theo định lý Euclid. Tôi phải thừa nhận rằng những bài toán như vậy không dễ dàng chút nào.

Lintang không chỉ rất thông minh mà còn rất sáng tạo – sáng tạo đậm chất trí tuệ. Nó nghĩ ra mẹo của riêng mình để ghi nhớ những điều học được. Chẳng hạn, nó tự thiết kế mô hình cơ thể: hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ vận động và hệ giác quan của con người, động vật có xương sống và động vật không xương sống.

Bởi vậy nên nếu chúng tôi hỏi nó con giun đi tiêu thế nào, nó sẽ ngay lập tức giảng giải cái cơ chế hoạt động ấy rất chính xác, có đầu có đuôi, chi tiết và cũng rất hóm hỉnh thông minh. Rồi, nhân nhá như con khi đang ngồi bắt chấy, nó giải thích bằng cách chỉ ra sự tương đồng giữa hệ bài tiết của con giun với hệ bài tiết của động vật nguyên sinh thông qua mô hình không bào co bóp rất rắc rối. Nếu không đưa náo chặn ngang, nó sẽ cứ thế say sưa giải thích nào là chức năng của vỏ não, nang Bowman, tủy sống và tiểu thận trong hệ bài tiết của con người. Nhờ vào minh họa của mình, Lintang có thể thành thạo cả hệ thống bài tiết dễ như phát chết một con muỗi căng mọng máu vậy.

Lintang rất hăng hái mỗi khi đến phiên nó trực nhật phòng thầy hiệu trưởng. Vì ở đó nó có cơ hội đọc sách về hình học, địa lý, sinh học, giáo dục công dân, lịch sử, đại số và đủ các loại sách trong tủ sách của thầy Harfan. Với Lintang, cái văn phòng tuềnh toàng xập xệ của thầy hiệu trưởng hết như một kho vũ khí, và vũ khí ở đây là thông tin – làm dịu đi cơn đói kiến thức triền miên trong nó. Có cả sách bằng tiếng Anh và tiếng Hà Lan nữa. Thầy Harfan nhân nài dạy Lintang và thường cho nó mượn sách.

Lintang luôn say mê học hỏi điều mới mẻ. Mỗi mẫu thông tin là một kíp nổ kiến thức có thể thổi tung nó lên bất kỳ lúc nào.

Chuyện tình cò sau đây xảy ra chính vào ngày pháp sư cá sấu Bodenga cứu nó.

“Kinh Koran đôi lúc đề cập đến những nơi mà các em phải học thuộc lòng địa danh,” cô Mus giảng trong một tiết về lịch sử đạo Hồi, một môn bắt buộc ở cấp tiểu học. Đừng có mơ được lên lớp nếu thi hỏng môn này.

“Chẳng hạn, vùng đất gần nhất bị quân Ba Tư xâm chiếm vào năm....”

“620 Công nguyên! Ba Tư chinh phục đế chế Heraclius và quân phiến loạn Mesopotamia, Sicilia và Palestine cũng lần lượt chiếm nơi này. Cả Avar, Slav và Armenia nữa.” Lintang hăm hở cắt ngang lời cô. Cả lớp tròn mắt; cô Mus mỉm cười. Cô gạt cái tôi sang một bên, không bận tâm khi có đứa học trò ngắt lời đột ngột. Vì ngay từ đầu cô đã cố tình tạo ra không khí như thế trong lớp rồi. Điều quan trọng nhất đối với cô là tạo cơ hội cho học trò phát huy tính ham học hỏi và sáng tạo. Sau này chúng tôi nhận ra một điều rằng không phải thầy cô nào cũng làm được như cô Mus của chúng tôi.

“Vùng đất gần nhất đó là...”

“Byzantium! Tên cũ của Constantinople, thành phố huy hoàng của Constantine Đại đế. Bảy năm sau, Byzantium giành độc lập, nền độc lập đó được kinh Koran ghi lại nhưng bị những người Ả Rập không theo đạo Hồi phủ nhận. Tại sao ta gọi vùng đất đó là vùng đất gần nhất hả cô? Tại sao họ lại phủ nhận kinh Koran?”

“Bình tĩnh nào, em. Câu trả lời cho câu hỏi của em liên quan đến phần giải thích trong chương Ar-Ruum – đức kết kiến thức của ít nhất 1.400 năm. Ta sẽ học phần này khi các em lên cấp hai.”

“Không, thưa cô. Sáng nay em suýt bị một con cá sấu nuốt vào bụng rồi. Em không đợi được đâu. Xin cô giải thích hết ngay bây giờ luôn đi.”

Chúng tôi hoan hô, và lần đầu tiên chúng tôi hiểu nghĩa của từ *adnal ardli*, theo nghĩa đen là vùng đất gần nhất, và hiểu theo nghĩa bóng là vùng đất thấp nhất trên thế giới. Vùng đất này chính là Byzantium ở phía Đông của đế chế La Mã. Chúng tôi thấy rất vui, đương nhiên không phải là vì *adnal ardli*, cũng chẳng phải Byzantium, mà là vì rất ngạc nhiên về tính ham học hỏi của Lintang. Chúng tôi thật may mắn vì đã được chứng kiến bước đột phá trong suy nghĩ của một đứa trẻ. Và hóa ra nếu người ta không ganh ghét một người giỏi giang thì sẽ được người đó khai sáng. Giống như sự ngu dốt, thông minh cũng có tính lây lan.

“Nào, các em, sao cứ để bạn tóc xoắn đến từ miền biển này trả lời hoài vậy chứ?” cô Mus hồi thúc.

Hồi đó tôi rất muốn đứng lên trả lời, nhưng cứ chần chừ, ngượng ngùng và thiếu tự tin – thành ra chính vì vậy tôi cứ đưa ra câu trả lời sai. Lintang thường sửa những câu trả lời sai của tôi trên tinh thần tình bạn.

Đêm nào tôi cũng học thật chăm chỉ, nhưng chưa bao giờ tôi được điểm cao hơn Lintang, chưa bao giờ. Điểm tôi cao hơn những đứa khác trong lớp, và luôn dưới Lintang. Tôi luôn ở dưới cái bóng của Lintang. Từ nửa học kỳ đầu tiên năm lớp một, tôi vĩnh viễn chết gí ở vị trí số hai – vị trí đó không bao giờ thay đổi, như với tôi mặt trong luôn hiển lộ hình ảnh người mẹ bồng đứa con trên tay vậy. Đối thủ chính của tôi, kẻ thù số một của tôi, là bạn tôi và là bạn ngồi chung bàn, người mà tôi yêu thương như anh em ruột thịt.

Ông trời không chỉ ban cho Lintang bộ óc thông minh. Ông còn ban cho nó nhiều đức tính tốt nữa. Khi chúng tôi không hiểu bài, nó kiên nhẫn giảng giải và còn động viên chúng tôi. Sự vượt trội của nó không hề đe dọa ai ở xung quanh, sự thông minh của nó không khiến đứa khác phải ganh tị, và dù học giỏi đến thế nhưng nó chưa bao giờ lên mặt hay vênh váo gì cả, dù chỉ một chút. Chúng tôi ngưỡng mộ nó và phục lẫn người bạn khiêm tốn đồng thời là đứa học trò thông minh phi thường ấy. Lintang nghèo khó tội nghiệp ấy là viên ngọc và khoáng chất quý giá nhất của lớp chúng tôi. Nó mang lại làn gió tươi mát cho trường chúng tôi, ngôi trường đã lâu rồi không ai thêm ngó ngang đến. Lintang và lực hấp dẫn toát ra từ nó dần dần trở thành nguồn sinh lực mới mẻ cho chúng tôi. Nó luôn khẳng định được bản thân mình. Nó là câu chú trong những bài thơ gurindam của chúng tôi – một thể thơ có các câu đi theo cặp.

Thế rồi chúng tôi nhận được một thông báo khiến ai nấy đều hồi hộp rợn ràng. Chúng tôi được mời tham dự cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh tại Tanjong Pandan. Cuộc thi được tổ chức hằng năm – rất uy tín.

Lần tham gia trước cách đây lâu lắm rồi. Và lần ấy chỉ khiến người ta coi khinh trường chúng tôi thêm thôi. Chúng tôi luôn thất bại thảm hại. Do vậy, để tránh bị xấu hổ, chúng tôi quyết định không thi thử gì nữa.

Giờ thì khác, Lintang sẽ có thể thay đổi điều đó. Cho dù đối thủ của chúng tôi đến từ trường PN hay bất kỳ trường công nào, dù thông minh đến cỡ nào và thậm chí đã giành được giải quốc gia đi nữa, Lintang vẫn khiến chúng tôi thấy rất tự tin. Liệu nó có thể thắng những đứa đó

không nhỉ? Liệu cái cơ thể còm nhom ấy có đủ sức gồng mình chống đỡ cho ngôi trường đang chực sụp của chúng tôi – ngôi trường thậm chí vào năm tới chưa chắc đã có đứa học sinh nào chịu đến học?

Lintang chỉ còn biết lao đầu vào học. Kết quả là, bảng điểm giữa kỳ I lớp năm của nó thật sáng chói. Tôn giáo học, Kinh Koran, Luật Hồi giáo, Lịch sử Hồi giáo, Địa lý, cả tiếng Anh đều được điểm chín. Toán và những môn học khác – Hình học và Khoa học tự nhiên – đều được cô Mus không ngần ngại ghi điểm mười.

Điểm thấp nhất trong bảng điểm của Lintang là sáu – môn Nghệ thuật. Dù cố đến mấy, dù có huy động toàn bộ trí thông minh, nó cũng không thể có nổi điểm tám – thậm chí điểm bảy – vì nó không thể địch nổi cái đứa lập dị gầy gò xương và có khuôn mặt đẹp trai ngồi tít trong góc lớp kia được. Cái đứa hay hay ấy là bạn cùng bàn với Trapani. Nó lúc nào cũng được điểm tám môn Nghệ thuật. Đó là Mahar – đứa luôn khoác trên mặt nụ cười tinh quái.

CHƯƠNG 12

KẺ LÀM HỒNG BẢN HÒA ÂM

Papilio Blumei, những con bướm đen nhiệt đới đẹp mê hồn với những sọc xanh da trời xen lẫn xanh lá cây, đậu rung rinh trên phiến lá filicium. Lát sau, hàng đàn bướm đủ loại kéo tới nhập bọn: nào là bướm vàng sẫm một màu, nào là bướm vàng phai.

Chỉ những chuyên gia mới có thể phân biệt được hai loại bướm có tên tương tự nhau đó. Tên Latin của chúng là Colias crocea và Colias myrmidone. Dưới con mắt những người bình thường, cả hai loài đều đẹp đến mức hoàn hảo như nhau, với những tên gọi thật tao nhã.

Không giống loài chim hung hăng thích phô trương, những sinh vật thâm lặng này có vòng đời ngắn và hoàn toàn không nhận thức được vẻ đẹp của mình. Và ngay cả khi có đông đến hàng ngàn con đi nữa thì khi bay lượn chúng vẫn không phát ra bất kỳ tiếng động nào từ đôi cánh đang vẫy và cái miệng đầy mật ngọt, khiến cho khung cảnh trở nên tuyệt diệu hơn cả vườn Địa Đàng. Đứng lặng đi trong khung cảnh ấy, tôi cảm thấy muốn làm thơ quá thế.

Đàn bướm lượn lờ bên nhau bình yên hòa hợp, như một khối đoàn kết lớn lao của những thiên thần đến từ thiên đàng của các tôn giáo khác nhau. Nếu chăm chú quan sát từng cử động của chúng, dù nhỏ nhất, ta sẽ thấy xúc động vì sự hòa hợp ấy. Chúng đúng là dàn hợp xướng màu sắc mà nhạc trưởng là bản năng của chính mình.

Tuy thế, chiều nay, những cánh bướm thiên thần ấy không phải là loài duy nhất thể hiện sự hòa hợp. Nghe mà xem.

“... mong cho lá cờ tung bay...”

“... biểu tượng linh thiêng, hào hùng...”

“... tung bay! Ngạo nghễ! Ngạo nghễ!”

A Kiong đang “hát” bài Berkibarlal Benderaku – “Mong cho lá cờ tung bay” – như thể nó là một trung sĩ đang tập luyện. Thật điếc tai không chịu nổi.

Nó vừa hát vừa nhìn xa xăm ra cửa sổ dán mắt vào dây nho đỏ leo trên những nhánh filicium là là. Nó thậm chí không thèm nhìn chúng tôi. Nó quả là đã phụ lòng khán giả.

Tai nó như chẳng thèm nghe giọng nó; chúng hướng cả về lũ chim chiến chiến nhỏ xíu cánh sọc hót huyền ảo át cả tiếng vù vù của bọn bọ cánh cứng điểm chấm vàng đen trên lưng. A Kiong thậm chí chẳng quan tâm đến âm lượng và cũng không buồn cố hát cho đúng tông. Nó cũng chẳng để tâm đến nốt nhạc nốt nhéo gì ráo.

Dù thành thật mà nói, bọn tôi cũng có để ý đến nó. Lintang mãi mê với định lý Pythagore. Harun đang nằm vật ra ngủ, ngáp pho pho. Samson đang vẽ cảnh một người đàn ông nhắc một ngôi nhà. Sahara thì đang mãi mê vẽ mấy biểu tượng chữ Ả Rập làm thành dòng chữ Kulil Haqqu WalauKana Murron, có nghĩa là “Hãy nói sự thật, cho dù sự thật đó có cay đắng thế nào.” Trapani thì cứ gấp gấp mở mở chiếc khăn tay của mẹ nó. Syahdan, Kucai và tôi đang nói chuyện về đồng phục của bọn trường PN và chúng tôi cùng âm mưu treo chiếc xe đạp của ông thầy dạy kinh Koran lên cây bantan. Chỉ mỗi Mahar chăm chú lắng nghe giọng hát của A Kiong.

Cô Mus che hai tay lên mặt. Cô cố nén cười khi nghe thằng A Kiong rú ầm ỹ bài hát.

A Kiong thôi hát. Cô Mus nhìn tôi: Giờ tới lượt em.

Sau khi bị cô Mus rầy la vì cái tội luôn hát mỗi bài Potong Bekek Angsa – “Chặt cổ chú ngỗng” – lần này tôi quyết định bút phá một chút với bài hát mới: Indonesia Tetap Merdeka, hay “Indonesia tự do muôn đời” – một sáng tác của C. Simanjuntak. Khi tôi bắt đầu hát, Sahara ngừng thêu và liếc nhìn tôi kèm theo một cái bĩu môi ra chiều ghê tởm. Tôi không thèm để ý đến thái độ xúc phạm của nó mà cứ thế thả hồn vào bài hát.

“... hân hoan... tất cả chúng ta đều hân hoan...”

“... Tổ quốc đã tự do rồi... Indonesia đã tự do rồi...”

Nhưng khi hát, tôi nhảy quăng tám. Tôi không kiềm chế được, và chẳng

còn chút hòa âm nào. Tôi phản lại sự hòa âm mất rồi.

Cô Mus không nhin nổi cười nữa. Nước mắt giàn gụa trên mặt cô khi cô cố nén cười rung hết cả người. Tôi cố điều chỉnh giọng, nhưng càng cố giọng tôi càng nghe chẳng giống gì. Đây là cái mà người ta gọi là thiếu tài năng đây.

Tôi chắt vạt cổ gồng mình lên hát cho xong. Không đứa nào trong lớp chịu hiểu cho nỗi niềm của tôi – bọn nó quá buồn ngủ, đói và khát nước dưới sức nóng của mặt trời ban trưa. Đã vậy còn bị tôi tra tấn bằng giọng hát của mình nữa chứ.

Cô Mus cứu tôi bằng cách vội bảo tôi thôi trước khi hát xong bài hát đậm chất tụng ca đó. Cô nhìn sang Samson.

Samson chọn bài hát Teguh Kukuh Berlapis Baja – “Mạnh mẽ, anh hùng và đánh thép” – cũng là một bài hát của C. Simanjuntak. Bài hát rất hợp với vóc dáng to cao của nó. Giọng hát của nó nghe muốn bùng nổ tai còn nó cứ cúi đầu và tiếp tục giẫm chân xuống đất.

“... Mạnh mẽ, anh hùng và đánh thép!”

“... hào khí ngập tràn!”

“... pháo đài Indonesia!”

Nhưng nó cũng chẳng hiểu mô tê gì về khái niệm hòa âm cả, nên nó biến bài hát được yêu thích thành một bài chúng tôi chẳng thể nhận ra giai điệu. Nó phá nát nhạc của nhạc sĩ C. Simanjuntak.

Trước khi nó hát xong đoạn đầu tiên, cô Mus bảo nó về chỗ. Samson bất ngờ, đứng im như hóa đá; nó không tin nổi vào lỗ tai mình.

“Sao em lại phải thôi ạ, thưa cô?”

Ấy là cái người ta gọi là thiếu tài năng mà mù tịt.

Tóm lại có thể nói rằng môn nhạc là môn ít hứa hẹn nhất đối với lớp chúng tôi. Không đứa nào trong lớp có năng khiếu hát hò, và vì lý do đó cô Mus đưa tiết nhạc xuống cuối buổi. Mục đích là để giết thời gian trong khi đợi đến zuhur – buổi cầu kinh giữa ngày, đánh dấu buổi học kết thúc.

“Ta vẫn còn năm phút nữa mới đến buổi cầu kinh. Ừm, một bạn nữa nào,” cô Mus nói. Chúng tôi thờ ơ với cái tin đấy. Chiều nay trôi thật chậm. Cứ chốc chốc lũ chim chiến chiến cánh sọc bay tới đậu trên bậu cửa sổ lớp, la ó chí chóe nhức cả đầu, khiến cho những đứa có dạ dày đang réo ùng ục muốn là người đi.

“Để xem nào... ai tiếp đây nhỉ?” Cô Mus cân nhắc. Rồi quyết định chọn Mahar.

“Lên đây nào, em. Hát một bài trong lúc đợi đến giờ cầu kinh zuhur đi.” Cô Mus chuẩn bị tinh thần được một phen cười đến phát ngất khi nghe đứa học trò hát chẳng đúng nhạc chút nào.

Chúng tôi chưa nghe thằng Mahar hát bao giờ. Cứ hể tới lượt nó là lại đúng đến giờ cầu nguyện và nó chưa bao giờ có cơ hội thể hiện trước lớp.

Không đứa nào thêm quan tâm thằng Mahar đứng lên. Nó đã đeo cái cặp xách lên vai chuẩn bị về rồi.

Khi đã lên đứng trước lớp, nó không chịu hát ngay bài đã chọn mà cứ thế nhìn vào từng đứa bạn tôi. Chẳng đứa nào hiểu gì hành động bất thường của nó. Nó nhìn thật lâu và đầy ẩn ý. Rồi nó quay sang nhìn vào mặt cô Mus và gật đầu chào kèm theo nụ cười bẽn lễn. Sau một lúc nó chắp hai tay trước ngực như đang cầu nguyện. Đứa nào cũng thấy lòng nhói lên khi trông thấy mu bàn tay của Mahar nhăn nhúm như sáp. Những ngón tay của nó đầy sẹo còn móng tay thì nham nhỏ. Từ năm lớp hai, Mahar phải đi làm cu li sau giờ học, mài dũa cho một cơ sở nông sản của người Hoa. Nó phải nạo dũa cho tới tối mịt nên bàn tay nó bóng loáng dầu không thể nào gột sạch được. Cái lưỡi sắt của bàn mài quay thật nhanh lạng hết mấy đầu móng tay của nó khiến chúng không còn nguyên hình dạng ban đầu. Cái dụng cụ mài dũa đó phụt ra thứ khói đen thui và để khởi động nó lên thì một người lớn phải kéo tay quay liên tục. Âm thanh phát ra từ dụng cụ đó nghe rất đau lòng, âm thanh của sự nghèo túng, nhọc nhằn và một cuộc sống cơ cực không có lựa chọn. Mahar phải làm việc để giúp gia đình nó sống sót. Cha nó đã qua đời còn mẹ thì đau ốm triền miên.

“Em sẽ hát bài ca về tình yêu, thưa cô, một tình yêu đau đớn chính là...”

Ôi trời đất ơi! Chưa đứa nào trong chúng tôi giới thiệu kiểu đó, và cũng

không đưa nào hát về chủ đề đó. Chúng tôi thường hát ba loại nhạc: ca ngợi quê hương đất nước, bài hát về tôn giáo bằng tiếng Ả Rập và bài hát thiếu nhi.

Cái thằng có khuôn mặt ngọt ngào kia sẽ hát bài gì nhỉ? Tất cả chúng tôi đều hướng mắt về nó. Sahara đã thôi thêu. Harun thức giấc.

“Bài hát về một người đau khổ khi mất đi người yêu – một người bạn thân của anh đã cướp cô gái...”

Nó lặng lẽ đưa mắt nhìn qua cửa sổ, những đám mây lơ lửng trôi trên bầu trời. Tình yêu quả thật nghiệt ngã.

Cô Mus bối rối nhìn chăm chăm vào Mahar. Chúng tôi thấy tò mò. Cô Mus, bằng mấy câu thơ, khuyến khích nó tiếp tục bài hát bất thường đã chọn.

“Đường dẫn tới cánh đồng ngoằn ngoèo

Đừng đi qua rừng thông

Hãy hát bài hát bạn đã chọn

Cho tôi biết vì sao bạn buồn.”

Mahar cắn môi, nở nụ cười gượng gạo.

“Em cảm ơn cô ạ.”

Mahar đã sẵn sàng. Chúng tôi hồi hộp đợi và ngó người ra khi nó mở cái túi mây và lôi ra một nhạc cụ: đàn ghi ta Hawaii!

Lớp học im phăng phắc. Mahar chậm rãi gảy đàn, khúc dạo đầu khuấy động sự im lặng hết tiếng sấm rền xa xa. Mahar ôm đàn mặt buồn rười rượi. Hai mắt nó nhắm nghiền và mặt nó đầy biểu cảm, tái nhợt đi vì cố nén cảm xúc vào trong. Rồi sau khúc nhạc dạo, nó bắt đầu hát chậm rãi với sắc thái thống khổ, nhưng giọng hát của nó toát lên vẻ đẹp andante maestoso – một vẻ đẹp không lời nào tả xiết.

“Tôi đang khiêu vũ cùng người yêu điệu Tennessee Walts

thì một người bạn cũ tôi tình cờ gặp làm quen với người tôi yêu,

rồi trong lúc hai người nhảy với nhau

bạn tôi đã cướp mất người yêu của tôi”

Chúng tôi sững sờ. Đó chính là bài Tennessee Walts nổi tiếng của Anne Murray.

Chất giọng rền vang của Mahar đúng là không chệ vào đâu được, và không thể tin nổi nó nhập hồn vào bài hát đến thế; cứ như là nó thực sự đang chịu đựng nỗi mất mát lớn lao ấy. Tiếng đàn ghi ta Hawaii khiến cho bầu không khí đượm chất lãng mạn.

Rồi tiếng hát len lỏi qua những bức tường gỗ lớp học cũ kỹ, vắt vẻo trên những chiếc lá linaria nhỏ xíu hết như những con bướm sắc sỡ, rồi lững lờ theo những áng mây mỏng tang trôi về phía Bắc. Giọng hát đầy đau đớn của Mahar khiến tim đứa nào cũng run rẩy. Dù chúng tôi đang làm bất cứ cái gì – hay không làm gì – cũng đều khựng lại. Chúng tôi bị thôi miên, bị mê hoặc bởi tinh hoa phát tiết ra từ cậu bé thanh tú đó – cậu hát không chỉ bằng miệng mà bằng cả tâm hồn, biến bài hát thành một bản hợp xướng hoành tráng. Con buồn ngủ, đói và khát biến đâu mất. Ngay cả những con bọ cánh cứng vàng đen và lũ bạn của nó, những con chim chiến chiến cánh sọc cũng thôi chí chóc để lắng nghe giọng hát của Mahar.

Mahar hạ giọng dần để kết thúc bài hát, và một giọt nước mắt lăn trên má nó.

“Tôi đã mất người tình nhỏ bé

Vào cái đêm họ cùng nhau khiêu vũ điệu Tennessee Walts.”

Chúng tôi nhất loạt đứng hết cả dậy vỗ tay hoan hô có khi phải đến tận năm phút. Cô Mus cố hết sức giấu những giọt nước mắt cự chực trào ra. Trưa hôm ấy, một trưa tháng Bảy, tháng đỉnh điểm của mùa khô, trong khi đợi đến buổi cầu kinh zuhur cuối buổi học, một nghệ sĩ tài ba đã ra đời tại trường Muhammadiyah nghèo khó.

CHƯƠNG 13

KÊ MƠ MỘNG

Chỉ sau khi tận mắt chứng kiến cảnh nó biểu diễn bài hát của Anne Murray, chúng tôi mới thực sự hiểu rõ Mahar. Từ lúc nào tới giờ, nó luôn có những hành động vụng về, ăn mặc kỳ quặc, nói năng ngớ ngẩn và có lối suy nghĩ chẳng ai hiểu nổi; chúng tôi cứ ngỡ rằng nó là đứa kỳ cục chả giống ai chứ có ngờ đâu tất cả những nét tính cách ấy ở nó lại phản chiếu một tài năng nghệ thuật. Lối suy nghĩ ấy của chúng tôi dành cho Mahar là bằng chứng rành rành cho thấy con người có xu hướng chỉ tập trung vào khiếm khuyết của người khác thay vì ưu điểm của họ.

Giờ chúng tôi đều phát hiện ra Mahar chính là người giữ cho con thuyền ngôi trường chúng tôi – con thuyền đang chao nghiêng về bên trái do lực kéo từ bán cầu não trái của Lintang – trở về trạng thái cân bằng. Bán cầu não trái của Lintang và bán cầu não phải của Mahar kết hợp với nhau tạo ra hai cột khung thành với một bên là nghệ thuật một bên là trí tuệ trong lớp học chúng tôi, và sự tồn tại của bộ đôi ấy giúp chúng tôi không lúc nào cảm thấy chán.

Lintang rất lý trí; còn Mahar thì mơ mộng. Bất kỳ điều gì cũng dễ khiến cho Mahar phân tán tư tưởng. Giống như Lintang, Mahar cũng là một tài năng đích thực – chỉ có điều không cùng lĩnh vực mà thôi. Tuy nhiên kiểu tài năng như Mahar và theo chuẩn thông thường thì kiểu tài năng đó hiếm khi được xem là “thông minh”.

Lintang và Mahar giống như Issac Newton và Salvador Dali thời trẻ từng tung hứng cho nhau, thể hiện sức mạnh bộ não thú vị và tính tình kỳ quặc của mình. Cả hai đều đầy ắp phát kiến và gây nên những bất ngờ đầy tính sáng tạo. Bởi vì Lintang và Mahar đưa ngòi đầu, đưa ngòi cuối nên bọn tôi thường phải nhìn sang trái rồi lại sang phải, quay xuống dưới rồi lại quay lên trên, như thể chúng tôi đang xem một trận đấu bóng bàn vậy. Xem vào giữa hai đứa, chúng tôi giống như những kẻ dốt nát bị Columbus thách thức đặt cho được quả bóng đứng thẳng.

Không có hai đứa nó, lớp chúng tôi sẽ chỉ đơn thuần là một đám trẻ cu li mỗ thiếu thốn cố học cách viết chữ thảo trên giấy kẻ ba ô li.

Một lần trong giờ giải lao, Lintang đứng trước lớp và rút ra một bản thiết kế hướng dẫn cách làm một con thuyền từ lá cọ sago. Con thuyền di chuyển bằng một cánh quạt và với mô tơ; mô tơ này lấy từ một máy ghi âm. Mô tơ chạy bằng hai viên pin. Nó tính toán sao cho cái mô tơ kia đẩy được thuyền đi, và giải thích với chúng tôi những định luật cơ bản của động lực học. Nó có thể tính tốc độ của con thuyền dựa trên khối lượng của nó. Tôi như bị hút hồn vào con thuyền bé tẹo làm từ lá cọ sago chạy loanh quanh cái xô ấy.

Một lần khác nó cho chúng tôi xem một bản thiết kế con điều và một sợi cước giúp chúng tôi không thể bị đánh bại trong những trận đua điều. Điều ngạc nhiên là nó có rất nhiều bức phác họa và bản vẽ thô. Trong số đó có ý tưởng nhắc những vật thể nặng từ đáy sông lên, bản vẽ một tòa nhà lạ lùng bất chấp những nguyên tắc về kiến trúc và xây dựng, cuối cùng, không kém phần long trọng, là một bản vẽ thiết kế một thiết bị giúp con người bay được. Bản thân Lintang chưa đủ kiến thức để đưa ra được những định lý toán học và nghiên cứu khoa học để phát triển những ý tưởng táo bạo đó.

Lintang vừa xong lượt biểu diễn của mình, sân khấu giờ nhường lại cho Mahar.

Nó cúi đầu chào trịnh trọng. như thế nó là một anh hề trong hoàng cung muốn được hát đang chờ nhà vua cho phép. Rồi với chất giọng ngọt ngào, nó ngâm một vài câu thơ về những con bạch điều ở bờ biển Tanjong Kelayang, hoặc bài về về những người Mã Lai bỗng nhiên phất lên nhanh chóng. Nó vẫn chơi cây đàn ghi ta Hawaii ấy. Tiếng đàn có thể đưa chúng tôi trôi vài giấc ngủ.

Hai đứa đó giàu không thể tưởng tượng nổi. Chúng tôi thay nhau hỏi hai đứa nó vô số câu hỏi. Lintang tiếp thu những kiến thức từ sổ sách của thầy hiệu trưởng Harfan, còn Mahar có tố chất nghệ thuật – cộng với việc nó khá am hiểu về âm nhạc nhờ thường xuyên nghe chương trình radio địa phương Suara Pengejawantahan trên sóng AM.

Vì quá giàu sức tưởng tượng nên Mahar ngày càng hâm mộ những truyền thuyết vô lý và tất cả những thứ mang hơi hướm siêu linh. Chỉ cần có ai đó hỏi nó về những câu chuyện cổ trong thần thoại Belitong là

nó thao thao hết chuyện Con rồng biển Đông đến câu chuyện về ông vua có đuôi khỉ mà người ta vẫn tin là từng có thời cai trị hòn đảo chúng tôi.

Mahar cũng hâm mộ Lý Tiểu Long đến điên cuồng. Tường nhà nó treo đầy ảnh huyền thoại kungfu ấy ở mọi tư thế. Nó nài nỉ cô Mus hết lần này đến lần khác cho nó treo tấm ảnh nổi tiếng nhất của Lý Tiểu Long: Lý Tiểu Long tạo thế rồng nổi giận, hai mắt sáng quắc, với cây côn nhị khúc làm vũ khí và ba vết cào nằm song song trên ngực vì anh bị kẻ thù tấn công bằng thế cọp vờn. Cô Mus luôn gạt phắt lời đề nghị lạ đời đó.

Mahar tin chắc rằng người ngoài hành tinh không những tồn tại mà một ngày nào đó còn đến đảo Belitong này dưới dạng những hộ lý ở bệnh viện đảm nhận việc tiêm vắc xin cho trạm xá PN, những người bảo vệ trường học, các thầy tu báo giờ ở thánh đường al-Hikmah hay trọng tài bóng đá. Thỉnh thoảng, Mahar tỏ ra ngớ ngẩn kinh khủng. Chẳng hạn, nó tự cho mình là chủ tịch của hiệp hội siêu linh thế giới, hiệp hội lãnh đạo loài người trong trận chiến chống lại người ngoài hành tinh với vũ khí là những chiếc lá rụng.

Một chiều nọ, sau cả ngày mưa tầm tã, một dải cầu vồng đẹp mê hồn vắt ngang qua bầu trời đằng Tây, một nửa vòng tròn ánh lên bảy sắc sáng lấp lánh.

Đầu bên phải mọc lên từ châu thổ Genting hết một tấm thảm lung linh. Đầu bên trái từ cánh rừng sồi rập rập thoai thoải dọc theo sườn núi Selumar. Cầu vồng cong cong, hết như hàng triệu thiếu nữ mặc kebaya đủ màu sắc sặc sỡ nhảy vào một cái hồ xa xôi hẻo lánh, rụt rè e thẹn cúi vào nhau vì vẻ đẹp của mình.

Ngay lập tức chúng tôi tấn công cây filicium, tất cả tót hết lên cây và mỗi đứa chiếm lĩnh một nhánh riêng. Sau cơn mưa nào chúng tôi cũng leo lên cây xem cầu vồng. Vì thói quen đó, cô Mus đặt cho chúng tôi biệt danh Laskar Pelangi.

Laskar có nghĩa là chiến binh, pelangi có nghĩa là cầu vồng, như thế có nghĩa là, Chiến binh Cầu vồng.

Cái cây già nua ấy oằn cả xuống và rung chuyển dữ dội khi chúng tôi tranh cãi ầm ĩ về cảnh tượng kỳ diệu xuất hiện tại miền đông Belitong này. Mỗi đứa kể một câu chuyện khác nhau để bảo vệ cho ý kiến của

mình. Câu chuyện hay nhất, đương nhiên, thuộc về Mahar. Chúng tôi nài ép nó kể. Ban đầu nó làm bộ làm tịch. Mắt nó như muốn nói đây là một câu chuyện nguy hiểm! Tất cả bọn mày sẽ không thể giữ được thông tin mang tính nhạy cảm cao độ này đâu!

Thoạt đầu nó nhất định không chịu mở miệng, nhưng sau một lúc cân nhắc kỹ lưỡng, nó chịu thua – không phải do bọn tôi nài ép, mà là vì nó không thể cưỡng lại cái mong mỏi được thể hiện.

“Bọn mày biết gì không?” nó hỏi trong khi nhìn về phía xa. “Cầu vòng thực sự là những đường hầm thời gian!”

Chúng tôi nhất loạt im bật. Không gian lặng ngắt như tờ bởi sức nặng của trí tưởng tượng đến từ Mahar.

“Nếu bọn mình mà vượt qua được dải cầu vòng thì sẽ gặp tổ tiên người Mã Lai cổ và người Sawang nữa.”

Ngay lập tức Mahar thấy hối tiếc, như thể nó vừa hé lộ một bí mật sâu thẳm đen tối của gia đình mà cả bảy đời nay ông bà tổ tiên nó cất công gìn giữ. Nó tiếp tục bằng giọng căng thẳng. “Nhưng tụi mày nhất định không được gặp những người Belitong nguyên thủy hay tổ tiên của người Sawang đâu đấy,” nó ra lệnh với giọng hết sức nghiêm túc.

“Sao lại không, Mahar?” thằng A Kiong sợ sệt hỏi.

“Vì họ là những kẻ ăn thịt người!”

A Kiong vội đưa hai tay lên che miệng, và thế là suýt chút nữa ngã bổ nhào xuống đất. Ngay từ năm lớp một nó đã là tín đồ hết mực trung thành của Mahar. Nó tin sái cổ tất cả những gì Mahar thốt ra, không một mảy may nghi ngờ. Với nó, Mahar như thể một nhà thông thái hay chuyên gia tư vấn tinh thần. Hai đứa nó tự đặt mình vào một môn phái với đủ mọi thứ ngớ ngẩn trên đời.

Lintang phát vào lưng Mahar, tỏ ý đánh giá cao câu chuyện đầy sức hấp dẫn của nó, nhưng vờ buông một tiếng ho để ngụ ý trang cho tiếng cười chực phá lên. Chúng tôi tiếp tục chiêm ngưỡng vẻ đẹp say lòng của dải cầu vòng, lần này không đưa nào cãi cộ gì nữa. Cứ thế chúng tôi vất vèo trên cây im lặng dõi mắt về phía cầu vòng cho đến khi hoàng hôn buông xuống.

Tiếng gọi báo hiệu buổi cầu kinh magrib – cầu kinh tối – vang lên từ thánh đường này đến thánh đường khác âm vang khắp những nếp nhà sàn của người Mã Lai.

Đường hầm thời gian bị bóng đêm nuốt chửng đầu mất. Chúng tôi đã được dạy không nên chuyện trò trong khi nghe tiếng gọi cầu kinh.

“Hãy im lặng lắng nghe tiếng gọi đến với vinh quang.” Cha mẹ chúng tôi dặn dò thế.

Nhìn chung dân Mã Lai chúng tôi là những con người đơn giản, thu nhận những bài học cuộc sống từ các thầy giáo dạy kinh Koran và những người lớn tuổi ở nhà thờ sau buổi lễ cầu kinh magrib. Những bài học cuộc sống đó đến từ những câu chuyện của các nhà tiên tri, truyền thuyết về chiến binh Hang Tuah và những câu chuyện gurindam. Giống nòi của chúng tôi là một giống nòi xa xưa. Chúng tôi nghe rất nhiều định nghĩa về giống nòi mình, và có một vài chuyên gia bảo rằng người Belitong – Mã Lai không phải là người Mã Lai.

Chúng tôi không để tâm nhiều đến ý kiến ấy vì hai lý do: bản thân người Belitong không hiểu những vấn đề đó; và bởi lẽ chúng tôi không mấy thiết tha với chuyện mình thuộc giống nòi nguyên thủy. Đối với chúng tôi, tất cả mọi người sống trên hòn đảo này – từ Belitong cho đến Malaysia – đều là người Mã Lai, đều gắn bó cuộc đời với những nhịp điệu thân thuộc nơi bán đảo này, với tiếng lục lạc, với sự nhịp nhàng. Sự đồng nhất giữa chúng tôi không phải dựa vào ngôn ngữ, màu da, hệ thống tín ngưỡng hay cấu trúc xương. Chúng tôi là chủng tộc theo chủ nghĩa quân bình.

Tôi đắm chìm trong câu chuyện của Mahar. Say sưa hơn cả lúc nghe về đường hầm thời gian, tôi bị cuốn vào câu chuyện về những tộc người cổ ở Belitong.

Tuần trước, khi người ta lắp đặt hệ thống âm thanh, chúng tôi đến thành đường để xem đồng dây cáp được mệnh danh là “những vật thể kỳ diệu của thời đại mới”. Ở đó, thầy tu báo giờ 70 tuổi kể cho chúng tôi nghe câu chuyện khiến tôi cứ há hốc mồm ra kinh ngạc.

Câu chuyện về ông cố của thầy sống trong một nhóm người du mục, lang thang khắp các bờ biển Belitong. Họ mặc quần áo làm bằng vỏ cây và săn bắt để lấy thức ăn. Họ ngủ trên các nhánh cây santigi để tránh bị

các sinh vật ăn thịt tấn công. Trong những đêm rằm, họ đốt lửa thờ cùng mặt trăng và các vì sao trên trời. Tôi sờn gai ốc khi thấy văn hóa của cộng đồng chúng tôi chẳng khác nào văn hóa nguyên thủy.

“Chúng ta có quan hệ với người Sawang đã từ rất lâu rồi. Họ là những thủy thủ dày dặn kinh nghiệm sống trên thuyền, dong buồm đi từ đảo này đến đảo khác. Ở vịnh Balok, tổ tiên của chúng ta trao đổi buôn bán cheo cheo, trái mây song, câu, nhựa thông và muối do phụ nữ Sawang làm,” thầy tu báo giờ kể với chúng tôi.

Giống như cá sống trong bể, chúng tôi quên mất nước là như thế nào. Sau ngần ấy năm sống bên người Sawang, chúng tôi không hề nghĩ rằng họ thật sự là một hiện tượng nhân loại học. Giống như người Hoa, người Sawang là một thành tố quan trọng trong di sản của chúng tôi.

Sống gần người Mã Lai – và thậm chí còn gần người Hoa hơn – người Sawang có một vẻ ngoài rất khác biệt. Họ giống như những cư dân châu Úc bản xứ, những thổ dân: da sẫm màu, hàm cứng, mắt sâu, trán hẹp, cấu trúc xương sọ giống như của người Giéc-manh và tóc hung.

PN tuyển dụng đàn ông bộ tộc này làm cu li kéo bao thiếc từ trạm rửa đến phà neo ở cảng. Rồi phà chở thiếc đến nhà máy đảo Bangka. Phụ nữ thì được tuyển dụng dệt bao tải đựng thiếc. Đàn ông và phụ nữ làm những công việc này được liệt vào dạng lao động thấp kém nhất ở Belitong, nhưng họ rất vui vì được trả lương vào thứ Hai. Thật khó có thể nói được số tiền đó có còn nằm yên trong túi cho họ đến ngày thứ Tư hay không – không hề có một chút xíu tính keo kiệt nào chảy trong dòng máu người Sawang. Họ tiêu xài như thể không có ngày mai và vay mượn như thể họ sẽ sống đời đời vậy.

Vì những rắc rối về việc chi tiêu như thế nên người Sawang thường gây nên ấn tượng tiêu cực trong các cộng đồng người Mã Lai và người Hoa. Cứ hễ có chuyện xấu xa, thế nào người ta cũng nghĩ ngay đến người Sawang. Nỗ lực làm mất thể diện người Sawang phản ánh tính cách của thiểu số người Mã Lai và người Hoa sợ mất việc vì bản thân họ không chịu làm việc chăm chỉ hết sức. Lịch sử đã cho thấy người Sawang vốn chính trực khí khái, chỉ sống trong cộng đồng mình, không chĩa mũi vào chuyện người khác và làm việc có nguyên tắc. Họ không bao giờ làm chuyện phi pháp. Hơn thế nữa, họ không bao giờ quỵt nợ.

Người Sawang khá vui vẻ tự cách ly mình. Đối với họ, cuộc sống bao

gồm một viên đốc công sẵn lòng phát tiền cho họ mỗi tuần một lần và những công việc nặng nhọc không chủng tộc nào muốn làm. Họ không ý thức về quan niệm khoảng cách quyền lực vì họ không có hệ thống cấp bậc trong văn hóa của mình. Ai không hiểu văn hóa của họ có thể nghĩ rằng họ là người thiếu lễ độ. Người duy nhất được tán thưởng trong cộng đồng họ là người đứng đầu bộ tộc, thường là pháp sư và địa vị này không mang tính cha truyền con nối.

PN cho họ ở trong một ngôi nhà dài được chia thành nhiều ngăn. Ba mươi gia đình sống ở đây. Không có tài liệu nào ghi lại chính xác nguồn gốc của họ. Hoàn toàn có thể nghĩ rằng các nhà nhân loại học không xác định được nguồn gốc của họ. Liệu những nhà lập pháp có biết rằng tỷ lệ sinh của họ rất thấp và tỷ lệ tử rất cao đến nỗi chỉ còn sót lại một vài gia đình có dòng máu Sawang thuần chủng hay không nhỉ? Liệu thứ ngôn ngữ đẹp đẽ của họ có bị cuốn đi theo con lốc thời gian?

CHƯƠNG 14

BẢNG ĐIỂM DÀNH CHO MẸ

Một sợi dây thừng to đen thui treo đung đưa phía trên mặt nước màu nâu cuộn cuộn chảy. Một đầu dây được cột vào nhánh một cây cao su mọc vươn lên như một cánh tay giữa dòng sông. Chính Samson đã buộc sợi dây vào đó.

Khoảng cách từ bờ đến cành cây đó chừng mười bảy mét. Có nghĩa là con sông rộng chừng ba mươi mét, và chỉ có Thượng đế mới biết nó sâu bao nhiêu. Dòng chảy rất xiết, nét điển hình của những con sông ở Belitong khởi nguồn từ biển và lại đổ ra biển. Mặt nước sáng lấp lánh dưới ánh nắng chói chang.

Sát mép sông, thằng A Kiong mặt tái xanh đang đứng cầm đầu kia của sợi dây. Nó leo lên cây kepong đối diện cây cao su và cột đầu dây đó vào một nhánh cây.

Tôi run lên bần bật khi đu người trên sợi dây thừng đó, tay nọ nối tay kia nhích về phía cây cao su. Tôi vắt vẻo như một người lính trong buổi diễn tập; chân tôi thỉnh thoảng tuột khỏi sợi dây, rớt xuống đụng phải mặt nước bên dưới, khiến máu trong người tôi như đông cứng lại. Tôi có thể trông thấy mờ mờ bóng của mình in trên mặt nước nhờ nhờ. Nếu tôi ngã xuống, rất có thể rồi người ta sẽ tìm thấy tôi mắc kẹt giữa đám rế được gần cầu Linggang, cách đây năm mươi cây số.

Tất cả những nỗ lực khó nhọc ấy – vốn không được cha mẹ đồng tình – chỉ nhằm hái cho được trái cao su và làm tăng giá trị những cuộc cá cược của chúng tôi trên vũ đài tarak. Mà cũng có lẽ hành động ngốc nghếch ấy là do chúng tôi không thắng nổi trí tò mò muốn làm sáng tỏ những bí mật của trái cao su huyền bí.

Chỉ nhìn hình dạng và màu sắc của loại trái này thì không thể nói được độ rắn chắc của vỏ trái, và đấy chính là điều bí ẩn. Ở đây còn có sự hấp dẫn khôn cưỡng của trò chơi tarak cổ xưa huyền thoại. Một điều then

chốt dừa nào cũng biết là cây cao su có trái cứng nhất luôn ở tuốt trong rừng sâu, và để có được nó thì phải có sức mạnh phi thường hoặc quyết tâm vừa sắt đá và dai dột.

Trong trò chơi tarak, xếp trái cao su này lên trên trái kia, rồi dùng tay đập chúng. Trái nào không vỡ, chủ nhân trái đó thắng cuộc. Trò tarak là trò chơi rộ lên ở làng chúng tôi vào mùa mưa, khởi động cho những trò khác hào hứng hơn nhiều khi những trận mưa như trút bắt đầu từ trên trời đổ xuống.

Khi mưa trở nên dữ dội hơn, trò tarak cũng bắt đầu nhạt dần. Khi không đứa nào chơi trò tarak nữa thì có nghĩa là đã cuối tháng Chín – một cách tính thời gian nguyên sơ dựa vào các biểu hiện của thiên nhiên. Cả thế giới trở nên trì trệ hẳn trong suốt ba tháng tiếp theo bắt đầu bằng chữ cái m ấy – tất nhiên là ngoại trừ chúng tôi.

Sự buồn chán của những tháng cuối năm là dành cho người lớn. Đối với chúng tôi, cuối năm mang đến nhiều niềm vui, và nỗi niềm vui có câu chuyện riêng của nó. Bạn thân mến, tôi sẽ chia sẻ cùng bạn, từng câu chuyện một.

Trước hết là Lintang. Nó thông báo cho chúng tôi rằng nó vừa mua một lớp xe đạp mới chắc chắn hơn thay cho cái cũ với hừng ha sà lơ thùng. Nó cũng đã chữa cái xích. Mục tiêu của nó là để chở được mẹ. Và lần đầu tiên, mẹ nó sẽ đến trường nhận bảng điểm của con trai. Mắt Lintang sáng lên khi nói về mẹ. Nó thường đến nhận bảng điểm cùng cha. Rõ ràng Lintang vô cùng hạnh diện khi có thể trao cho mẹ bảng điểm đứng đầu lớp của mình.

Lintang và cha mẹ nó là những người đầu tiên đến ngồi trên băng ghế dài ngoài lớp học. Vì họ chỉ có mỗi một chiếc xe đạp nên cha nó phải đi bộ từ nửa đêm. Trời vừa sáng thì Lintang cũng vừa kịp chở mẹ nó đến nơi bằng xe đạp.

Sau khi phụ huynh và học sinh đã đến đông đủ, thầy Harfan lên phát biểu ngắn gọn. Thầy nói với tất cả những ai có mặt rằng Lintang là niềm kiêu hãnh của ngôi trường Muhammadiyah. Để thể hiện lòng kính trọng đối với mẹ Lintang vì bà đã đi một đoạn đường xa đến đây, ông mời bà phát biểu vài lời.

Bà thoát tiên ngượng nghịu và chần chừ, nhưng rồi cũng đứng lên. Bà

không may mắc phải chứng bại liệt từ nhỏ nên giờ đi phải chống gậy. Lintang đứng lên đỡ lấy tay mẹ nó.

Mẹ Lintang đón lấy bảng điểm từ tay thầy Harfan. Tay bà run run. Bà mở trang đầu tiên, không biết rằng mình cầm bảng điểm lộn ngược. Giống như cha Lintang, cha tôi và hầu hết những bậc cha mẹ khác, mẹ Lintang không biết chữ.

Bà cảm ơn cô Mus và thầy Harfan. Giọng bà khó nghe – giọng Mã Lai của người miền biển. Đây là lần đầu tiên bà ra khỏi làng, và ai nấy đều mỉm cười mà lòng bùi ngùi khi bà nói thật khó tin rằng ngày nay biết đọc viết lại có thể thay đổi được tương lai.

Bà biết rằng trường chúng tôi có nguy cơ bị đóng cửa. Bà bảo hằng đêm bà cầu nguyện, bà luôn cầu nguyện rằng Lintang sẽ đạt giải Học sinh giỏi để trường chúng tôi không phải đóng cửa – một hy vọng hết sức chân thành.

Có vẻ gia đình miền biển ấy đặt nhiều hy vọng lớn lao vào việc học của Lintang. Họ tin rằng tương lai của họ có thể tốt đẹp hơn nếu Lintang có được tấm bằng. Mẹ Lintang dừng nói sau khi bảo rằng bà thật sự tự hào về đứa con trai cả của mình. Tôi nhìn Lintang. Hai mắt nó mờ lệ, nó cúi đầu để nước mắt rơi xuống sàn.

Sau khi mẹ Lintang phát biểu xong, thầy Harfan mời Lintang lên. Mắt vẫn còn ướt lệ, Lintang bày tỏ lòng biết ơn mẹ và dành tặng thành tích học tập xuất sắc của mình cho bà.

Thường thì sau Lintang là đến lượt tôi. Tôi luôn xếp thứ nhì. Vị trí thứ nhì bất di bất dịch, như bề mặt trăng dưới mắt tôi luôn mang hình ảnh một người mẹ bỗng đứa con. Tuy nhiên, lần này thì khác. Harun đã chiếm vị trí đó.

Với nỗ lực cứu ngôi trường thoát khỏi bàn tay ông Samadikun đang hăm he muốn đóng cửa nó, cũng như vì muốn đánh giá cao Harun và khiến cậu ấy vui, cô Mus đã làm cho cậu một bảng điểm đặc biệt. Ngay cả những con số bên trong cũng đặc biệt. Cô Mus nói với Harun bằng thái độ rất dân chủ. Trước hết, Harun hỏi, “Thưa cô, trong tất cả các môn học trong cuốn sổ này, môn nào quan trọng nhất?”

“Đạo đức,” cô Mus trả lời giọng đầy thuyết phục, chỉ tay vào hàng dưới

cùng trong bảng điểm.

Harun gật đầu, và bằng giọng điệu còn đầy thuyết phục hơn nữa, yêu cầu được cho điểm bằng với Lintang và Trapani. Hành động đó chắc chắn sẽ giúp cậu ấy đứng nhì lớp, đánh bại tôi.

Có một cuộc tranh luận nho nhỏ với cô Mus về bảng điểm cho môn Đạo đức. Môn đó Harun đòi ba điểm.

“Em à, điểm ba là điểm thấp lắm. Mà em thì có đạo đức tốt. Cô nghĩ xứng đáng được điểm tám môn này.”

Harun sững người. Cô Mus nói có một điểm ba trong bảng điểm thì thật đáng thương.

“Điểm tám cho em là đúng rồi đấy. Ấy là điểm số cao nhất cô từng cho bất kỳ học sinh nào trong môn này. Không tuyệt hay sao? Em nhận điểm cao nhất cho môn học giá trị nhất trên thế giới.”

Cô Mus nói đúng, và tất cả chúng tôi đồng ý. Hành vi ứng xử gương mẫu của Harun xứng đáng được nhận điểm tám. Điều mỉa mai là ngược lại, chúng tôi, những đứa có đầu óc bình thường hơn lại chẳng bao giờ nhận được điểm tám cho môn Đạo đức.

Cô Mus thuyết phục đến thế nhưng Harun vẫn không suy chuyển. Cô Mus đành thôi thuyết phục khi nghe cậu thản nhiên nói, “Thượng đế thích những số lẻ, thưa cô.”

Thế là số ba được ghi vào bảng điểm của cậu. Do vậy điểm trung bình của cậu tụt xuống. Tuy nhiên, bởi vì cậu đã lấy hết điểm mười từ bảng điểm của Lintang và những điểm cao khác từ bảng điểm của thần tượng Trapani của mình nên cậu vẫn cứ xếp thứ nhì.

Cô Mus đã quyết định sáng suốt khi làm bảng điểm cho Harun. Mẹ cậu vui như thể trong lễ tốt nghiệp của con mình vậy. Harun nhe răng cười và vẫy vẫy bảng điểm phấp phới trong không trung.

Chiều tàn, buổi lễ bế giảng cũng vừa kết thúc. Tôi ngồi sau xe cha tôi mà mắt không thể rời khỏi nhà Lintang khi họ cũng cùng nhau ra về.

Lintang đạp xe tay nắm chắc ghi đông, trên vai trái lủng lẳng chiếc nạng của mẹ nó. Bà ngồi đằng sau, còn cha nó đi bộ theo, vừa đi vừa đẩy xe.

Mẹ Lintang nói luôn miệng, tay mân mê bảng điểm. Dường như bảng điểm ấy và năng lực học tập của Lintang phần nào giúp họ thoát khỏi những vất vả cơm áo gạo tiền thường nhật trong phút chốc.

Gia đình Lintang giống như những hộ nghèo khác trong cộng đồng ngư dân Mã Lai và Indonesia. Họ mang nặng nỗi thống khổ ấy trong lòng từ thế hệ này đến thế hệ khác. Họ nuốt nỗi đắng cay về những mơ ước tương lai không bao giờ thành, những mối ngờ vực về việc học của con cái họ. Nỗi thống khổ của người nghèo khó ấy chẳng bao giờ đến được tai ai, chẳng bao giờ thành mối bận tâm của những người giàu có hoặc chính quyền. Nhưng hôm nay nỗi cơ cực của gia đình miền biển nghèo khó đó đã tạm thời tan biến nhờ vào những điểm mười sáng chói trong bảng điểm của đứa con trai phi thường ấy.

Bầu trời tối đen. Lintang và cha mẹ nó chạy vội tới trú dưới một tán cây gayam. Hàng triệu con ong từ trong nói ùn ùn kéo về làng. Con mưa đầu mùa đã đến.

CHƯƠNG 15

MƯA ĐẦU MÙA

Đảo Belitong nằm tại điểm giao nhau giữa biển Đông và biển Java. Địa điểm này được Java và Kalimantan che chắn, giúp cho bờ biển tránh được những đợt sóng khủng khiếp, nhưng hàng triệu lít nước bốc hơi từ những biển xung quanh trong mùa khô lại đổ hết xuống đây cả ngày lẫn đêm trong suốt mùa mưa. Con mưa đầu tiên là ân sủng của ông trời, và chúng tôi hân hoan chào mừng nó. Mưa càng to, sấm càng lớn, gió thổi càng mạnh, ánh chớp càng lóe sáng bao nhiêu thì lòng chúng tôi càng hoan hỉ bấy nhiêu. Chúng tôi để những cơn mưa như thác đổ gột rửa sạch bụi trần trên cơ thể phạm tục của chúng tôi. Không đứa nào để tâm đến việc bị cha mẹ phạt roi mây vào mông; hình phạt đó chẳng là gì so với sức quyến rũ đến từ cơn mưa ấy. Dù có thế nào thì chúng tôi vẫn cứ đi, những con vật kỳ lạ ngoi từ đáy ruộng lên, leo qua những thân cây đổ và những chiếc xe đi công trình của PN ngập trong dòng nước lũ, với mùi nước mưa làm căng tràn sức sống nơi lồng ngực bọn chúng tôi.

Chúng tôi cứ thế dầm trong mưa cho đến khi môi đứa nào đứa nấy tìm tòi hết cả và những ngón tay tê cứng đi mới thôi. Không gì ngăn nổi chúng tôi. Chúng tôi là những VIP đây quyền lực trong suốt mùa mưa. Cha mẹ chúng tôi bức bối, thất vọng vì con cái chẳng chịu vâng lời. Chúng tôi tha hồ chạy nhảy, chơi bóng, xây lâu đài cát, đóng giả thần lùn, bơi trong bùn, hét lên khi thấy phi cơ bay ngang qua trên bầu trời, hú lên từng hồi gọi mưa và sấm sét như thể một bọn điên.

Trò vui nhất là một trò chơi không tên nhưng phải cần đến lá cây pinang hantu. Một hay hai đứa ngồi trên một chiếc lá to cỡ tấm thảm cầu kinh. Hai hoặc ba đứa khác kéo lá - thật nhanh. Giống như trượt tuyết.

Đứa ngồi trước nắm lấy chiếc lá giống như cầm dây cương cưỡi lạc đà. Đứa ngồi sau ôm chặt đứa ngồi trước để khỏi bị ngã. Những đứa bụi con nhất trong chúng tôi - Samson, Trapani và A Kiong - giữ vai trò người-

kéo-lá, một biệt hiệu mà cả bọn rất lấy làm tự hào.

Cao trào của trò chơi xuất hiện vào lúc người-kéo-lá, khỏe như ngựa, quay ngoắt sang hướng khác và cố tình kéo mạnh hơn. Những đứa ngồi trên lá sẽ bị quăng mạnh về một bên, tạo nên một cú trượt gấp chỗ đất bùn trơn láng đó, bết ngọt và rất “đã”.

Tôi cảm thấy cơ thể mình quật bên này đập bên kia không sao kiểm soát được và trông thấy một làn sóng bùn khổng lồ bắn tung tóe về phải khiến cho những đứa đứng xem ướt sũng bùn. Sahara, Harun, Kucai, Mahar và Lintang nhảy cẫng lên thích chí khi người ngọm vấy đầy bùn từ cú trượt lá đó. Nước càng bắn, tụi nó càng khoái chí. Tụi nó vỗ tay, cổ vũ ầm ĩ. Ngồi đằng sau, Syahdan ôm tôi chặt cứng và hò reo phấn khích.

Syahdan hành động y như lái phụ của tôi, bắt chước một kẻ liều lĩnh tóc dài cưỡi xe máy xuyên qua đường hầm bốc cháy - hay thậm chí còn đỉnh hơn nữa, cứ như một tay đua tốc độ khom người xuống khi thực hiện một cú cua ngoạn mục - một tư thế táo bạo đầy phong cách. Khoảnh khắc đó là khoảnh khắc tuyệt vời nhất trong toàn bộ trò chơi.

Nhưng chuyện không dừng lại ở đó. Cú cua bết ngọt đó rất khó thực hiện sao cho thành công trọn vẹn; mấy đứa kéo lá đâm sầm vào nhau ngã dúm dúm. Còn Syahdan và tôi bị nẩy bật ra khỏi chiếc lá, quay mòng mòng trước khi văng tõm xuống rãnh nước.

Đầu tôi nặng trĩu. Tôi đưa tay lên sờ sờ và thấy một vào cục u bắt đầu nổi lên. Giọng tôi nghe rất lạ, chẳng khác gì người máy. Một cơn đau nhói xuất hiện nơi thái dương bên phải và lan đến mắt, y hệt cảm giác khi bị sặc nước. Tôi vừa ho sặc sụa vừa đưa mắt tìm kiếm Syahdan, nó băng ra xa hơn tôi một ít. Tôi trông thấy nó nằm sóng soài, bất động, nửa thân người ngập trong nước.

Ôi không! Chuyện nghiêm trọng rồi. Nó bất tỉnh hay sao ấy nhỉ? Nó có bị chấn thương gì không? Nó chết rồi sao!? Nó không thở. Nó ngã quá mạnh, cứ như một cái thùng phi bị văng ra khỏi xe tải. Tôi nom thấy một dòng máu đặc chảy ra từ mũi nó. Cả bọn vây quanh thân thể bất động như xác chết của nó. Sahara bắt đầu sụt sịt, mặt cắt không còn giọt máu. A Kiong run như cây sậy. Trapani rú lên gọi mẹ. Tôi vỗ vỗ hai má nó.

“Syahdan! Syahdan!”

Tôi bắt mạch trên cổ nó, bắt chước trong phim truyền hình nhiều tập Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên chiếu trên tivi. Vì đâu biết tìm mạch như thế nào nên tôi chẳng tìm thấy gì. Samson, Kucai và Trapani lắc lắc Syahdan, cố khiến nó tỉnh. Nhưng nó vẫn nằm im bất động. Môi tái nhợt và người lạnh như băng. Sahara bắt đầu thút thít. “Syahdan... Syahdan... tỉnh dậy đi!” nó van nài.

Chúng tôi hoảng lên, không biết phải làm gì. Tôi cứ gọi tên nó mãi, nhưng nó vẫn không hề cử động. Syahdan đã chết. Syahdan tội nghiệp, thật bi thảm biết bao.

Samson bảo chúng tôi nên vực nó dậy. Thân người nó cứng đờ. Khi chúng tôi khiêng nó đi, tôi giữ phần đầu. Sahara khóc ai oán. Chúng tôi đưa nào đưa nấy kinh hoảng tột độ, nhưng đúng lúc tình huống đang bi đát thì trên cái đầu đen trĩu xoắn tít trong tay tôi bỗng xuất hiện hai hàm răng đầy bura với mấy cái răng lợn như rìu phá băng rồi cười một tràng cười khoái trá xỏ ra.

Ôi trời! Tên lái phụ của tôi giả chết! Thằng oắt đó nằm bất động và nín thở để bọn tôi tưởng nó chết. Bọn tôi trả đũa bằng cách ném nó trở lại con rãnh. Nó càng khoái trí tợn, tiếp tục con cười trong khi chúng tôi vẫn tên tò. Sahara quệt nước mắt bằng cánh tay đầy bùn. Tôi liếc nhìn Syahdan, dù đau nhưng nó cũng cười đến chảy nước mắt - nước mắt hòa cùng nước mưa.

Điều lạ lùng là, dù té ngã, đâm sầm vào nhau và lăn quay ra đau thế nhưng bọn tôi luôn cười vang khoái chí và bõn cợt nhau nữa - đây chính là điều hấp dẫn nhờ trò chơi không tên đó. Bọn tôi cứ chơi đi chơi lại trò đó. Cú ngã không bắt nguồn từ cái góc cua đầy thách thức hay tốc độ và sức nặng mà là bởi chúng tôi thích thế - ý thích ngốc nghếch trong những ngày mùa mưa. Cuộc sống dù có khó khăn chật vật biết mất song những tháng cuối năm với bọn chúng tôi bao giờ cũng thật thú vị. Buổi tiệc mùa mưa chính là một lễ hội được thiên nhiên bày ra cho những đứa trẻ Mã Lai nghèo khổ chúng tôi.

CHƯƠNG 16

BÀI THƠ TUYỆT HAY VÀ ĐÀN CHIM PELINTANG PULAU

Không giống như mọi năm, tháng Tám đến mà mùa khô vẫn chưa rời khỏi làng chúng tôi.

Cây cối héo khô cả. Mỗi khi có xe đi ngang qua, bụi đỏ lại tung lên mù tịt, bám dày đặc các bậc cửa sổ nhà hai bên đường. Làng tôi khô rang và bốc mùi gỉ sét.

Sinh hoạt của cộng đồng người Hoa náo nhiệt hẳn: tắm vào giữa ngày, chải tóc ướm hất ngược ra đằng sau và bấm móng tay. Họ là cộng đồng duy nhất nom sạch sẽ hơn một chút trong suốt mùa khô.

Cộng đồng người Sawang, trái lại, ngồi ôm vãn vợ mất cây cột trong dãy nhà dài của mình. Trời nóng bức quá, họ không tài nào ngủ được dưới mái nhà không trần cong queo vì sức nóng, cũng không thể làm việc vì họ đã kiệt sức quá rồi. Thật là tiến thoái lưỡng nan.

Người Sarong, như tôi đã kể rồi đấy, ở ngoài biển suốt cả ngày lẫn đêm. Chẳng mấy chốc mà những tháng cuối năm xộc đến, và rồi gió nổi lên mỗi lúc một điên cuồng. Mùa khô là cơ hội kiếm tiền của họ.

Người Mã Lai trở nên nhợt nhúa hơn và ở nhà hầu suốt cả ngày. Không nhà ai có tủ lạnh. Thỉnh thoảng lại thấy mấy đứa trẻ lượn lờ trên đường cái, cầm cục đá và xi rô để làm nước giải khát.

Bầu không khí ngột ngạt cứ thế kéo dài cho đến đêm. Khi bình minh lên, nhiệt độ hạ xuống trầm trọng, thử thách lòng tin những tín đồ của nhà tiên tri Muhammad, thách thức họ bước ra khỏi giường tiến thẳng đến thánh đường để dự buổi lễ cầu kinh subuh.

Mấy ngày qua, Lintang vẫn vui như thường lệ, nhưng mệt bã người vì cái xe đạp cà khố. Dây xích, vẫn thường bị đứt, giờ trở nên ngắn đi

nhieu do cứ mỗi lần đứt lại phải tháo một mắt xích ra. Lốp xe thì thì cứ xì liên miên. Thế là nó phải dắt xe hết đoạn đường từ nhà đến trường. Rốt cuộc cái xe đạp ấy chẳng thể dùng được nữa.

Không còn chọn lựa nào khác, Lintang phải lội bộ mấy mươi cây số đến trường. Có một con đường tắt, nhưng rất nguy hiểm – phải đi qua một đầm lầy nhưng nhúc cá sấu đang ngoác mõm chực sẵn. Giữa đầm lầy nước ngang tới ngực và phải bơi qua. Nhưng nếu phải đi bộ, Lintang buộc phải chật vật vượt qua con đường đó để có thể đến trường đúng giờ.

Lintang thường kể khi nó đi qua cái đầm lầy ấy hàng tá cá sấu bơi theo với hàng bao nhiêu cặp mắt găm chặt vào nó. Do vậy mà trước khi đi học, nó thường tắm bằng lá trầu không, một chất khử trùng truyền thống.

Khi lội qua đầm, nó cho quần áo và sách vở vào một cái túi nhựa cột chặt lại và gio lên cao. Còn khi nào phải bơi thì nó dùng răng cắn chặt cái túi. Nó lảo liên không ngừng để trông chừng bọn cá sấu.

Hôm nay, Lintang đến trường ướt sũng từ đầu đến chân. Lúc nó đang cố thoát khỏi lũ cá sấu thì cái túi nhựa bung ra. Nó đứng sượng sùng ngay cửa lớp. Cô Mus gọi nó vào. Nó hoan hỉ học dù quần áo ướt nhẹp như thế.

Sau buổi học, Lintang đến gần tôi. Vẻ mặt đáng thương của nó, giống như mùa khô hạn kéo dài, chẳng giống nó chút nào. Tôi ngạc nhiên; rầu rĩ đâu phải tính cách của Lintang chứ.

“Mày sao thế?” tôi hỏi, cổ ngoác miệng cười. “Sao buồn vậy?”

Lintang lấy một thứ gì đó ra khỏi túi quần soóc. Một chiếc khăn tay. Tôi nhớ đã trông thấy mẹ nó cầm chiếc khăn tay đó vào cái hôm chúng tôi nhận bằng điểm. Nó mở tấm khăn và tôi trông thấy một chiếc nhẫn.

“Đây là chiếc nhẫn cha tao tặng mẹ tao,” nó nói, giọng nó run run. “Mẹ tao không muốn mình bỏ học chỉ vì chiếc xe đạp. Mẹ tao bảo tao phải học thật chăm chỉ giành cho được giải Học sinh giỏi.”

Tôi kinh ngạc.

“Mẹ tao bảo đem nhẫn này đi bán để mua một sợi xích mới.”

Mắt Lintang ngân ngấn nước. Tim tôi thắt lại.

Hai đứa ra chợ. Chiếc nhẫn 18 karra đó được đặt lên một cái cân cầm tay: ba phân. Chất lượng vàng kém khiến nó trông cứ như vàng giả, nhưng đó là tài sản quý giá nhất trong nhà Lintang. Chiếc nhẫn chỉ bán được 125.000 rupi chỉ đủ mua được một sợi xích và hai lốp xe.

Lintang khó lòng chia tay chiếc nhẫn cưới của mẹ nó. Nó nắm chặt nhẫn trong tay. A Bun, ông chủ tiệm vàng phải gõ từng ngón tay nó mới lấy được chiếc nhẫn ra. Khi Lintang thả nhẫn ra cũng là lúc nó để nước mắt tha hồ tuôn rơi giàn giụa.

“Mày sẽ đáp lại sự hi sinh của mẹ mày bằng giải Học sinh giỏi, Boi!” Tôi nói giọng cương quyết, hy vọng giúp nó nguôi ngoai. Boi là cách gọi thân mật giữa những đứa con trai Belitong - Mã Lai. Lintang nhìn tôi rồi nghiêm túc nói, “Tao hứa, Boi.”

Rồi hai đứa tôi gắn xích và lốp mới vào xe ngay trước cửa tiệm vàng. Tôi nhìn nó chằm chằm. Nó vừa mới hứa lời hứa thứ hai. Ôi chao, sao mà tôi yêu thằng bạn mình đến thế.

Lintang và tôi chẳng mấy chốc quên bém vụn bán chiếc nhẫn cưới đau lòng đó. Tất thảy những nỗi buồn và mệt nhọc đều phải bỏ lại sau lưng, hay ít nhất gạt sang một bên, vì lớp tôi đang có kế hoạch trọng đại: cắm trại.

Trong khi những học sinh trường PN đi xe buýt màu xanh da trời đến Tanjong Pandan để thăm quan sở thú hay viện bảo tàng, hay đi verloop - tiếng Hà Lan có nghĩa là đi nghỉ mát - cùng bố mẹ ở Jakarta, thì chúng tôi đi đến bãi biển Pangkalan Punai, cách đây sáu mươi cây số, và chúng tôi cùng đi xe đạp đến đó.

Dù năm nào chúng tôi cũng đến Pangkalan Punai, nhưng tôi chưa khi nào thấy chán nơi này. Mỗi lần đứng trên bờ biển sát mép nước tôi đều cảm thấy ngạc nhiên, có thể ví tâm trạng tôi lúc ấy giống như binh lính của Alexander Đại đế khi họ lần đầu tiên thấy Ấn Độ. Trước hàng chục hecta cát trải rộng đến tận cánh rừng, tôi đã cảm nhận được một vẻ đẹp thật khác biệt. Đó chính là ấn tượng của tôi về Pangkalan Punai.

Buổi chiều xuống, tôi sung sướng đi dạo loanh quanh, rồi ngồi lại trên đỉnh ngọn đồi phía Tây. Tôi nghe văng lại tiếng trẻ con - con của ngư

dân, con trai và con gái, nô đùa với phao, chơi bóng đá không cần cột gôn. Âm thanh ấy thật bình yên.

Đằng sau tôi là một thảo nguyên, cũng mênh mông như đại dương trước mắt. Hàng ngàn con chim sẻ đồng đậu vắt vẻo trên những thân cỏ cao, chí chóc tranh nhau chỗ ngủ. Từ mấy khoảng trống giữa những hàng dừa, tôi trông thấy những tảng đá khổng lồ - nét đặc trưng của Pangkalan Punai - xếp thành dãy trên biển Đông xanh biếc lấp lánh. Những nhánh sông nước lợ quanh co uốn khúc từ xa để cuối cùng hợp lại rồi cùng nhau đổ ra biển, giống như những dòng bạc đang tan chảy.

Khi đêm dần buông, những tia nắng màu cam và đỏ len lỏi qua mái nhà sàn làm bằng lá cây nanga nhô lên giữa những tán cây santigi. Khói bốc lên nghi ngút từ những bếp lò đun bằng củi dừa nhằm xua đuổi đám rệp lớn nhồn chui ra giữa buổi magrib. Đám khói, quện với làn cầu nguyện lầm rầm, trôi lơ lửng qua ngôi làng như một bóng ma, chậm chạp bò ngược lên mấy nhánh cây bintang, là là bay theo con gió để cuối cùng hòa vào biển cả rộng lớn. Những đốm sáng đèn dầu lặng lẽ nhảy nhót lấp lóa sau mấy khung cửa sổ nhà sàn rải rác bên dưới.

Tôi như mê đi trong khung cảnh êm đềm của vùng Pangkalan ấy. Tự nhiên trong đầu tôi hình thành một bài thơ.

Tôi mơ thấy mình được lên thiên đàng

Quả thật vào đêm thứ ba ở Pangkalan Punai tôi thấy mình được hóa lên thiên đàng

Hóa ra thiên đàng không hề hùng vĩ mà chỉ là một lâu đài nhỏ bé giữa rừng

Chẳng có thiếu nữ xinh đẹp nào như được kể trong kinh Koran

Tôi thả bộ qua một cây cầu nhỏ hẹp

Chào đón tôi là một phụ nữ có khuôn mặt thánh thiện

“Thiên đường là đây,” cô nói

Cô mời tôi đi dạo trên cánh đồng hoa

Dưới những đám mây đầy màu sắc

Về phía hành lang tòa lâu đài
Trên hành lang tôi trông thấy những tia sáng nhỏ đặng sau tấm rèm
Mỗi tia sáng chiếu rọi xuyên qua đám cỏ dày trong vườn
Đẹp không lời nào tả xiết
Thiên đường quá tĩnh lặng
Nhưng tôi muốn ở lại đây
Vì con nhớ lời hứa của Người, Thượng đế
Nếu con tới
NGƯỜI sẽ chạy lại đón con

Trong chương trình cắm trại có một bài tập - một bài luận, một bức vẽ hay một món đồ thủ công làm từ các vật liệu lượm lặt ở bãi biển. Với bài thơ này, lần đầu tiên ở môn Nghệ thuật tôi đạt điểm cao hơn Mahar một chút; chuyện này xảy ra lần đầu và cũng là lần cuối.

Mahar không đạt điểm cao nhất trong môn Nghệ thuật nhưng như thường lệ là do đàn chim thần thoại mà người Belitong gọi là pelintang pulau - theo nghĩa đen có nghĩa là loài chim băng ngang qua đảo.

Ở đâu chim pelintang pulau cũng được người ta chú ý, nhưng không ở nơi nào chúng cũng được chú ý nhiều như trên bờ biển. Một vài người nghĩ rằng chúng là loài siêu nhiên. Chỉ cần nghe tiếng của loài chim ấy cũng khiến người dân sống trên bờ biển này kính sợ vì những truyền thuyết xung quanh chúng và thông điệp chúng mang đến. Nếu chúng xuất hiện thành đàn ở một ngôi làng thì ngư dân sẽ ngay lập tức hoãn dự định dong thuyền đánh cá; đối với họ, sự xuất hiện của những con chim huyền thoại này là dấu hiệu báo con bão biển đang đến.

Bất luận những con chim này thật sự là gì đi nữa thì Mahar cũng tuyên bố nó đã trông thấy chúng trong khi tìm cảnh để vẽ một bức tranh cho bài tập môn Nghệ thuật. Nó trở lại trại khoe với chúng tôi những gì vừa trông thấy. Chúng tôi phóng vào rừng để tận mục sở thị một trong những loài chim quý hiếm nhất trong quần thể động vật phong phú của đảo Belitong này.

Không may, chúng tôi chẳng trông thấy gì ngoài những cành cây trống trơn, bọn khỉ con đuôi dài và bầu trời trong veo. Mahar tên tò và thế là bọn bạn thi nhau chế nhạo.

“Nếu ai ăn quá nhiều trái bintang, người đó sẽ bị say, Mahar à - nhìn gà hóa cuốc, nói năng hàm hồ,” Samson nổ phát súng đầu tiên. Và cả bọn bắt đầu lao vào tấn công Mahar.

“Thật mà, Samson, tao trông thấy đàn năm con pelintang pulau thật!”

“Dò sông dò bể dễ dò, nào ai lấy thước mà đi xem một kẻ nói dối bao nhiêu,” Kucai nhại một câu ca dao.

Nét tuyệt vọng hiện trên khuôn mặt Mahar. Hai mắt nó đảo tìm lia lịa trên mấy nhánh cây. Tôi thấy tội nghiệp cho nó quá thế. Nhưng biết bảo vệ nó bằng cách nào bây giờ? Nó không có chứng cứ gì để chứng minh mình đã trông thấy đàn chim ấy, nó bất lực. Tôi nhìn sâu vào mắt Mahar. Tôi tin nó đã trông thấy loài chim thiêng liêng đó. Nó may thật! Mỗi tội Mahar không thể thuyết phục được chúng tôi vì xưa nay nó vốn nổi tiếng là đùa hay nói láo. Đó là rắc rối dành cho những kẻ thích nói láo: khi rốt cuộc bạn cũng nói ra được một sự thật giữa hàng triệu lời nói dối, thì những người khác vẫn cứ cho rằng sự thật đó cũng chỉ là sản phẩm của một sự dối trá nữa mà thôi.

“Đừng giàu trí tưởng tượng và dối trá nữa bạn ơi. Mà biết dối trá là điều cấm kỵ. Điều cấm kỵ đó được nói nhiều lần trong cuốn đạo đức mà,” Sahara triết lý.

Tình hình trở nên rối mù cả lên khi cái tin Mahar trông thấy chim pelintang pulau lan khắp ngôi làng, ngay lập tức ngư dân hủy kế hoạch đánh cá ngoài khơi. Cô Mus cảm thấy bức bối vì không biết làm thế nào để khiến tình hình lắng dịu. Mahar bị dồn vào thế bí.

Thế nhưng dù tin hay không, vào tối đó, gió giạt dữ dội, khiến cho căn lều của chúng tôi bật ngửa. Sấm chớp liên hồi ngoài khơi. Mây đen ùn ùn kéo đến che khắp bầu trời. Chúng tôi học tốc chạy tìm chỗ trú trong một nhà dân.

“Có lẽ mày trông thấy chim pelintang pulau thật, Mahar,” Sahara run run nói.

Mahar không đáp. Tôi biết hai từ có lẽ chẳng nói lên điều gì. Con bão

giúp câu chuyện của nó có cơ sở và ngư dân biết ơn nó, nhưng lũ bạn vẫn nghi ngờ nó bằng từ có lẽ. Nó cảm thấy bị tổn thương hơn bao giờ hết, nó cảm thấy mình như một persona non grata, kẻ bị ruồng bỏ.

Ngày hôm sau, Mahar vẽ bức tranh Đàn chim pelintang pulau. Ấy là một chủ đề thú vị. Năm con chim được vẽ với những hình thù không rõ nét đang phóng nhanh như chớp xuyên qua các tán lá trên ngọn cây merati. Nền bức vẽ là những đám mây đen u ám báo hiệu bão sắp đến. Biển được vẽ bằng màu xanh thẫm trong khi mặt nước lấp loáng, phản chiếu ánh chớp phóng xuống từ bầu trời bên trên. Nhìn thật thích mắt.

Những con chim được vẽ bằng những vệt xanh nồn chuối không rõ hình thù đang bay với vận tốc chóng mặt. Nếu mới nhìn sơ qua ta cứ tưởng là năm đàn chim, nhưng đó chỉ là ảo giác do nét bút tạo nên thôi. Một bức vẽ thực sự nhìn muốn nổi gai ốc.

Ý tưởng ẩn chứa đằng sau bức vẽ của Mahar là nhằm cố gắng nắm bắt bản chất của loài chim pelintang pulau huyền thoại. Khi vẽ nhưng con chim có ma lực này, nó đã giúp chúng tôi hiểu thêm về loài chim ấy - loài chim không thích tới gần con người - cũng như những huyền thoại kỳ dị khuấy động tâm trí người dân miền biển. Đối với Mahar, vẽ những con chim ấy theo lối rõ ràng tròn trịa như trong các bức hình giải phẫu học xem ra không mang tính nghệ thuật chút nào. Thế nhưng, Samson, Kucai và Sahara cứ khẳng định cho rằng hình thù con chim không rõ ràng gì cả bởi lẽ thực ra Mahar không hề trông thấy chúng. Mahar liền tiu nghỉu, mặt méo xệch đi.

Thất vọng vì tính chân thực của tác phẩm bị nghi vấn này nọ, Mahar nộp bài muộn. Đó là lý do nó bị điểm thấp – chỉ vì nó nộp trễ so với thời gian quy định, chứ chẳng liên quan gì đến khả năng thẩm mỹ của nó cả.

“Lần này cô không cho em điểm cao nhất để dạy em một bài học,” cô Mus nói với Mahar lúc này đang khoác vè mặt lãnh đạm thờ ơ.

“Không phải vì bức vẽ của em xấu; dù làm bất kỳ việc gì, chúng ta cũng phải tuân thủ nguyên tắc. Người dù tài bao nhiêu mà thái độ không tốt thì vô dụng mà thôi.”

Tôi cảm thấy cô Mus thật công bằng. Mặt khác, cả tôi lẫn mấy đứa kia đều không lấy con điểm cao nhất lớp ở môn Nghệ thuật của tôi lúc này để công nhận sự ra đời một nghệ sĩ mới. Nghệ sĩ tài ba lớp tôi vẫn là

Mahar, một và chỉ một mà thôi, duy nhất.

Thằng Mahar lập dị đó chẳng trăn trở đến mất ngủ vì con điếm đó. Vì lúc này nó bận rộn hơn bao giờ hết, Nó đang mải suy nghĩ để tìm ra ý tưởng cho lễ hội hóa trang ngày 17 tháng Tám – Ngày Quốc khánh.

CHƯƠNG 17

MỐI TÌNH Ở CỬA HÀNG TẠP HÓA XẬP XÊ

Chà, thời thiếu niên thật tuyệt diệu.

Ở trường, những bài học trở nên hữu ích hơn. Chúng tôi học cách làm trứng muối, thêu, và menata janur – một hình thức trang trí đám cưới của người Mã Lai. Hơn thế nữa, chúng tôi bắt đầu lẩm bồm mấy câu tiếng Anh: good thể này, good thể nọ, excuse me, I beg your pardon, rồi thì I'm fine, thank you. Thích nhất là dịch lời bài hát. Thì ra bài hát cổ Have I told you lately that I love You có ý nghĩa thật đẹp.

Bài hát về một cậu bé cực ghét bị cô giáo sai đi mua phần, cho đến một ngày kia, nó vùng vằng bỏ đi mua phần – trong lòng bực bời, không ngờ rằng số phận đang đợi sẵn để phục kích nó không chút thương xót ở chợ cá.

Mua phần là một việc hầu như chẳng đứa nào thích thú. Một việc chúng tôi cực ghét nữa là tưới hoa. Đủ loại dương xỉ, từ hoa ỏ rồng đến hàng tá chậu Tóc thần Vệ Nữ yêu thích của cô Mus, phải được chăm sóc nhẹ nhàng, như thể chúng là những đồ sứ Trung Quốc đắt tiền vậy. Đứa nào lỡ bất cẩn một tí là coi như vi phạm nội quy nghiêm trọng.

“Như thế cũng là học đấy,” cô Mus khẳng định chắc như đinh đóng cột.

Vấn đề là, lấy nước lên từ cái giếng sau trường là công việc không mấy dễ dàng, ngay cả với các cu li. Ngoài việc phải đổ đầy nước vào hai cái xô to tướng và ị ạch gánh trên vai trở về, còn phải đối mặt với cái giếng cũ sâu đến sồn gai ốc. Sâu đến nỗi không thấy đáy đâu, như thể nó được nối liền với một thế giới khác nào đó, hay có lẽ là một cái hang sâu chứa đầy ma quỷ. Dù gì thì gì hể sáng nào đến phiên tưới hoa và phải cúi đầu xuống cái giếng khủng khiếp đó là sáng đó ta lại thấy cuộc đời nặng nề hơn hẳn,

Chỉ khi tưới đến cây huệ Phật độ sọc trắng thì tôi mới thấy một niềm an ủi nhẹ nhàng len lỏi vào lòng. Vì nghĩ rằng loài hoa xinh đẹp ấy có xuất xứ từ vùng đầm lầy hoang dã trên những ngọn đồi Brazil. Nó vẫn thuộc họ Thiên Lý, nên nó hơi giống hoa chuông vàng, nhưng những sọc trắng trên hoa vàng là nét đặc trưng mà không hoa nào thuộc họ chuối hoa có được. Những chiếc lá tròn trĩnh, xanh um làm nổi bật sắc vàng của hoa nở rộ quanh năm, tạo nên một vẻ đẹp thật ban sơ. Người Ba Tư gọi loài hoa này là hoa đến từ thiên đường. Khi hoa nở, khắp thế gian như đầy ắp nụ cười. Chúng là những bông hoa có cảm xúc, vậy nên phải tưới thật cẩn thận. Không phải ai cũng có thể trồng được loài hoa này. Người ta nói rằng chỉ ai mát tay có trái tim nhân ái và thanh khiết mới trồng được, và người đó là cô Mus, cô giáo chúng tôi.

Chúng tôi có vài chậu huệ Phật độ sọc trắng, và nhất trí đặt chúng tại vị trí dễ thấy nhất giữa bồn cây vảy rồng và đám xương rồng, màu nhạt hơn rất nhiều. Khi tới mùa chúng đồng loạt nở rộ, trông giống hệt chiếc bánh nhiều tầng đặt trên một cái khay.

Tôi luôn vội vã tưới hoa cho xong việc sớm, nhưng khi tới khoảnh đất trồng hoa huệ Phật đó, tôi cố làm thật chậm rãi. Tôi thường thức trong cơn mơ màng, phỏng đoán xem người ta có thể tưởng tượng điều gì nếu ở giữa vườn địa đàng tí hon này. Liệu họ có cảm thấy mình đang ở thiên đường thời tiền sử không?

Tôi nhìn khắp lượt vườn hoa nhỏ bé nằm ngay trước phòng thầy hiệu trưởng. Có một lối đi nhỏ lát đá vuông dẫn đến khu vườn, bên trái đầy lũ cu ráy, cọ đẽ, đậu, phi lao cảnh, chuối đỏ và thu hải đường không cần tưới nước. Những bông hoa, mọc không theo hàng lối gì cả, ú mật, chen chúc với những cây thân thảo màu sắc sặc sỡ không tên cùng nhiều loại cỏ dại và bụi cây khác nữa.

Một dây bí leo ngoằn ngoèo lên cột chuông. Giống như một cánh tay khổng lồ đang lướt trên mấy bức tường bằng ván ép, nó không để cho cái mái lợp ván lỏng đóng đinh và những cành lựu rủ bóng xuống mái văn phòng chỉ cần vươn người ra một tí là chạm tới được. Những con chim sẻ Java suốt ngày vất vèo trên mấy cái dây leo ấy. Suốt buổi sáng, khu vườn chìm trong tiếng vo ve của bọn bọ cánh cứng và ong mật. Cứ hễ nghe thấy âm thanh đó là người tôi lâng lâng như trôi vào không trung.

Thật kỳ lạ, khu vườn của chúng tôi chẳng hiểu sao vừa trông như được chăm sóc kỹ lưỡng nhưng lại vừa trông như bị bỏ bê. Cảnh làm nền cho khu vườn là ngôi trường xập xệ, cứ như một ngôi nhà hoang bị thời gian quên lãng, làm nổi bật ấn tượng về một thiên đường hoang dã.

Nếu không vì cái giếng nước chứa đầy linh hồn ma quỷ, công việc tưới hoa hẳn đã rất lý thú.

Nhưng việc mua phần còn kinh khủng hơn nhiều.

Cửa hàng Sinar Harapan - Cửa hàng Tia Hy Vọng, nơi duy nhất bán phần ở Đông Belitong, cách trường rất xa. Nó nằm tại một chợ cá nhộp nhúa. Ai có dạ dày không tốt thì sẽ nôn ọe liền do cái mùi thối kinh khủng bốc ra từ món cá muối, đậu nành xay lên men, hồ vại, mắm tôm, đậu jengkol và đậu đỏ bị bỏ mặc trong những cái hộp gỉ sét trước cửa hiệu. Khi bước vào trong, cái mùi nói trên đó trộn lẫn với mùi của những túi đồ chơi bằng nhựa, mùi nồng nồng cay sè của mã não, mùi hôi thối của sơn dầu và lớp xe len lỏi khắp cửa hiệu, và mùi thuốc lá lên mốc vì để hàng mấy năm trời không ai mua.

Những món hàng chưa ai mua đến này được giữ lại hết vì người chủ tiệm mắc cái chứng thích tích góp đồ đặc - bệnh thần kinh số 28 - đó là một sở thích lạ lùng, thích sưu tập những thứ không dùng được nữa và không chịu vứt đi bất kỳ thứ gì. Cái hỗn hợp gớm guộc đó được cộng hưởng thêm bởi mùi hôi bốc ra từ những người cu li Sawang mỗi khi họ hồn nhiên qua lại với những cây cuốc chim, nói nói cười cười, vắt vèo trên vai những bao tải bột mì.

Sáng hôm ấy đến lượt tôi và Syahdan tới cửa hiệu tẩm lợm đó. Hai đứa đi bằng xe đạp và giao kèo Syahdan sẽ chở tôi nửa quãng đường, cho đến chỗ đỗ một người Hoa; hai đứa đổi nhau chỗ đó, và tôi sẽ đạp xe đến chợ, rồi lúc về cũng tương tự thế. Có một điều kiện nữa còn cầu kỳ hơn: mỗi lần đến một con dốc, cả hai xuống xe và thay phiên nhau đẩy xe.

“Giờ tới phiên ngài, thưa ngài,” Syahdan trêu tôi khi hai đứa xong con dốc đầu tiên.

Nó thở hổn hển, nhưng mồm vẫn ngoác ra cười khi cúi người xuống thật sát như một tên nịnh thần. Syahdan luôn vui vẻ nhận nhiệm vụ, dù nhiệm vụ đó là gì, ngay cả việc tưới hoa, miễn là nó được ra khỏi lớp.

Đối với nó, việc mua phần giống như một chuyến đi chơi ngắn và một cơ hội vàng cho nó cố tán tỉnh mấy đứa con gái phụ bán hàng. Tôi thì chẳng thích thú gì cái trò ấy.

Chúng tôi đến ngôi mộ lum lum giống như chiếc bánh Trung thu thấp lè tè, chính giữa có một bức ảnh đen trắng lồng kính hình một phụ nữ có khuôn mặt nghiêm nghị. Những giọt nến đỏ vung vãi xung quanh. Đây là nơi chúng tôi đổi chỗ. Giờ đến lượt tôi chờ.

Tôi miễn cưỡng ngồi lên xe, và khi đạp vòng đầu tiên, tôi thấy giận dữ chính mình, rửa sả cái nhiệm vụ chết tiệt này, cái cửa hiệu bốc mùi, và cái thỏa thuận ngu ngốc của hai đứa. Tôi bực vì dây xích xe rít quá và thật khó đạp tron tru. Tôi còn than phiền nhiều chuyện khác nữa: nào là luật pháp không bao giờ nghiêng về phía người nghèo; rồi thì yên xe quá cao; lại còn những quan chức tham nhũng đầy rẫy như gà thả rong; nào là người Syahdan thật nặng dù nó chẳng to béo gì; rồi thì thế giới này thật không công bằng. Syahdan ngồi yên tận hưởng cảm giác không phải đạp xe, huýt sáo bài Semalam di Malaysia – Một đêm ở Malaysia, không màng gì đến nỗi khổ tâm của tôi.

Đã đến chợ cá. Người ta cố tình hợp chợ cá sát mép sông để dễ bề đổ rác xuống đó. Nhưng nền chợ thấp nên khi thủy triều lên nước sông cũng dâng lên tấp trở lại vào bờ chính chỗ rác đó khiến cho các lối đi hẹp trong chợ ngập trong rác. Khi nước rút, những thứ rác đó lại mắc kẹt lại nơi chân bàn, mấy đồng can nhựa, hàng rào xiêu vẹo, những gốc cây kersen và mấy cây cột gỗ chữ thập. Cái chợ ấy của chúng tôi là những kết quả của việc quy hoạch thành phố rối rắm, do những kiến trúc sư quê mua nhất Mã Lai thiết kế. Không phải đến mức điêu tàn, nhưng đúng là một mớ hỗn độn không chịu nổi.

Bán một hộp phần chẳng lời lãi là bao nên người mua phần phải đứng chờ chực cho đến khi chủ tiệm bán cho hết lượt mấy đứa khách hàng đầu quần xà rông - người Sarong - rồi mới ngó ngang đến người mua phần.

A Miauw, chủ cửa hàng Sinar Harapan, trông kinh lắm. Ông ta béo ú ụ và luôn mặc áo thun ba lỗ, quần cộc, đi dép lê. Luôn khư khư trong tay một cuốn sổ ghi nợ nhỏ có giấy bọc ngoài in hoa batik. Một cây bút chì luôn vắt trên vành tai ụ mỡ trông giống như miếng thịt viên. Một cái sempoa - bàn tính bằng gỗ cũ kỹ - nằm trên bàn. Âm thanh lách cách

phát ra từ cái bàn tính ấy nghe thật gai người.

Cửa hàng của ông ta trông giống một cửa hàng đại hạ giá hơn. Hàng trăm thứ hầm bà lằng được chất đống chồng chất nhau cao đến đụng trần nhà trong cái không gian nhỏ ngột ngạt. Bên cạnh trái cây, rau củ đủ loại và những thứ khác trong những cái hộp giấy, cửa hàng còn bán thảm cầu nguyện, trái kedondong ngâm chua đựng trong mấy cái hũ cũ kỹ, ruy băng máy chữ và sơn được bán kèm hàng khuyến mãi là những tấm lịch in hình con gái mặc đồ bikini. Những cái kệ kính dài trưng bày kem làm trắng da rẻ tiền, thuốc lọc nước, pháo hoa, đạn cho súng BB, thuốc diệt chuột và ăn ten tivi. Nếu bạn cần gấp thuốc tiêu chảy hiệu Con Bướm, đừng có mong gì ông Miauw tìm thấy ngay. Thịnh thoảng ông ta quên bém là mình cất đồng thuốc ấy ở chỗ nào. Ông ta ngập trong cái đồng đồ đạc đó.

“Kiak-Kiak!” A Miauw bảo anh cu li Bang Arsyad đến mau.

“Magai di Manggara masempo linna?” người Sarong kêu ca khi họ trông thấy giá tiền bắc đèn đầu. Họ bảo ở Manggar thứ này rẻ hơn.

“Kito lui, Ba? Ngape de Manggar harge e lebe mura?” Bang Arsyad chuyển lời kêu ca cho A Miauw, câu hỏi đầu tiên bằng tiếng Khek, câu thứ hai tiếng Mã Lai.

Tôi cảm thấy buồn nôn trong cái cửa hàng hơi hám đó, nhưng nghe cuộc nói chuyện cũng thấy thích thú. Tôi vừa mới có cơ hội chứng kiến cái rắc rối do những khác biệt về văn hóa trong cộng đồng của chúng tôi gây nên. Ba người đến từ ba dân tộc thiểu số khác nhau giao tiếp với nhau bằng ngôn ngữ riêng của mình và chỉ hiểu nhau lôm bôm.

Kiểu giao tiếp thiếu rõ ràng như thế sẽ tạo cơ hội cho A Miauw tư lợi cho mình. Nhưng để tôi nói một chút về con người A Miauw đã. Ông ra đúng thật là một kẻ hợm hĩnh kiểu trưởng giả học làm sang với giọng nói khó nghe khiến người ta phải rúm ró. Mặt ông ta tạo ấn tượng rằng ông ta đang lăm le rìm kiếm ai đó để đe nẹt. Giọng nói thiếu thiện cảm của ông ta nhuốm vẻ chiếu cố, còn người ông ta bốc ra mùi gì đó giống như ông ta ăn quá nhiều tỏi hay gì đấy tương tự. Tuy vậy ông ta là người sùng đạo Khổng và không bao giờ gian lận trong buôn bán.

Trong cộng đồng hòa hợp của chúng tôi, người Hoa là những thương gia giỏi. Người thực sự sản xuất ra sản phẩm tại những nơi nào đó

chúng tôi không hề biết - chúng tôi chỉ biết họ thông qua cái móc made in đằng sau mấy cái quần. Người Mã Lai mua hàng và họ càng nghèo thì tiêu tốn càng nhiều. Trong khi đó, người Sarong là những lao động mùa vụ cho người Sawang, người chuyên chở hàng trên thuyền.

Việc mua bán phần xảy ra thường xuyên và luôn theo một kiểu. Sau khi tôi đợi dài cổ và gần như quen với thứ mùi kinh tởm của cửa hàng thì A Miauw mới quát to lên gọi ai đó lấy ra một hộp phần. Rồi, từ đằng sau cửa hàng, một người nào đó cũng đáp lại cũng cái kiểu hét lên như thế, cứ như tiếng chim sẻ đuôi trắng. Tôi luôn tưởng tượng đó là tiếng của một cô bé con.

Hộp phần được chuyền qua một cái khe nhỏ cỡ cửa chuồng chim bồ câu. Bàn tay phải thò ra cùng hộp phần, chỉ có thế. gương mặt của chủ nhân bàn tay ấy là một bí ẩn. Cô nhỏ bị che khuất bởi bức tường ván ngăn nhà kho với phần còn lại của cửa hàng. Chỉ thấy cánh tay phải đưa qua cái ô cửa chim câu đó. Chủ nhân của bàn tay bí ẩn đó không bao giờ nói với tôi lời nào. Cô chìa hộp phần qua cái khe cửa rồi rút tay lại ngay tức khắc, cứ như đang cho một con báo ăn vậy. Cứ thế tiếp diễn trong nhiều năm, cứ như thế, chẳng hề thay đổi.

Mỗi lần tay cô thò ra, tôi không bao giờ thấy nhẫn trên những ngón tay búp măng nhỏ xíu, nhưng có một cái vòng làm bằng những viên đá màu ngọc bích trên cổ tay thanh tú của cô. Tôi nghĩ nếu cả gan chạm vào tay cô, tôi có thể bị những ngón tay kia móc mắt bằng một thế võ kungfu kuntau chớp nhoáng, nhanh như con sếu lao bổ xuống gắp con cá vậy. Điều khiến tôi kính nể là cái vòng đá ngọc bích rất có thể được cô thừa hưởng từ ông nội, một võ công kungfu đã đánh cắp báu vật đó từ miệng một con rồng sau khi giết chết nó trong một trận chiến quyết liệt hầu chiếm được tình cảm của bà nội cô.

Nhưng, bạn biết không? Trên những ngón tay búp măng đó là những móng tay đẹp lạ lùng, được chăm sóc kỹ lưỡng và nhìn còn thích mê hơn cái vòng ngọc nữa.

Tôi chưa từng thấy cô gái Mã Lai nào có móng tay đẹp đến thế, trừ các cô Sawang ra. Những ngón tay nhắn mịn đến nỗi nhìn cứ như trong suốt. Đầu móng tay được cắt hình vầng trăng khuyết với độ chính xác tuyệt vời, các móng tay đều tăm tắp một cách hoàn hảo đến kinh ngạc.

Bề mặt da xung quanh móng tay cũng nhắn trơn vì có lẽ được cô ngâm

trong cái tô sứ cổ có nước ấm ngâm lá ngọc lan tây non. Khi móng mọc dài ra chúng khum lại, trông thậm chí còn đẹp hơn, cứ như thạch anh xanh nằm ẩn dưới đáy sông Mirang ấy. Thật khác so với móng tay của những cô gái Mã Lai, cứ to bè ra và mọc thẳng đơ không chút duyên dáng, cứ như mấy gạch của cái cào.

Tôi thường xuyên được giao cái nhiệm vụ đưa nào cũng né tránh - mua phần, và động cơ duy nhất thúc đẩy tôi đảm nhận nhiệm vụ này là cơ hội được ngắm mấy móng tay đó. Vì đến khá thường xuyên như vậy nên tôi biết cả thời gian cắt móng tay của cô gái bí ẩn nọ: năm tuần một lần vào thứ Sáu.

Tôi chưa từng trông thấy mặt cô. Cô không hề màng đến việc trông thấy mặt tôi. Mỗi lần tôi nói kamsiah - cảm ơn - sau khi đón lấy hộp phần, cô không bao giờ đáp lại. Im như thóc ấy. Đối với tôi, cô gái trẻ huyền bí này là hiện thân của người thuộc một thế giới khác từ một vùng đất không ai biết đến. Cô luôn giữ khoảng cách với tôi. Không chào hỏi, không lãng phí thời gian vào những câu chuyện phiếm. Đối với cô, tôi cũng chẳng hơn gì mấy viên phần.

Có đôi khi tôi cảm thấy tò mò muốn xem thử chủ nhân những móng tay tuyệt đẹp kia trông như thế nào. Liệu cô có dễ thương không? Liệu móng tay trái của cô có đẹp bằng bên tay phải không? Hay cô chỉ có một tay? Cô có mặt không? Nhưng tất cả những suy nghĩ ấy tôi chỉ giữ trong lòng. Tôi không có ý định nhìn lén mặt cô. Chỉ cần trông thấy những móng tay của cô là tôi đã cảm thấy sung sướng rồi. Bạn tôi ơi, tôi không phải là đứa con trai thô lỗ như những đứa khác đâu.

Thường thường, sau khi bán phần cho tôi. A Miauw ghi nợ, và thầy Harfan sẽ trả vào cuối tháng. Học trò chúng tôi không liên quan đến những vấn đề tài chính. Mỗi lần mua bán xong, A Miauw thậm chí cũng chả buồn nhìn chúng tôi. Ông ta búng tay tách tách bàn tính gỗ như thể muốn nhắc cho chúng tôi nhớ năm lòng món nợ ngày một nhiều lên.

Đối với A Miauw, chúng tôi là những khách hàng không mang lợi: nói cách khác, chúng tôi chỉ làm phiền ông ta mà thôi. Nếu thỉnh thoảng Syahdan có hỏi mượn cái bơm xe đạp, thì ông ta cho mượn nhưng luôn mồm cầu nhàu. Ông ta không thích cho ai mượn cái bơm - nhất là hai đứa tôi. Tôi cực ghét trông thấy cái áo ba lỗ của ông ta.

Không khí mỗi lúc một nóng bức. Đứng giữa cửa hàng, tôi cảm thấy

mình cứ như cọng rau đang bị luộc trong nồi. Tôi không thể chịu đựng được nữa và sắp sửa phát nôn. May thay A Miauw quát lên gọi cô gái huyền bí nọ đưa hộp phần qua cái ô bé như cửa chuồng chim câu ấy. Với ánh mắt quyền uy, ông ta ra hiệu cho tôi đến lấy hộp phần.

Tôi đi thật nhanh qua những bao tãi, tay bịt mũi. Tôi vội vàng như thế để cho cái nhiệm vụ giống như tra tấn này kết thúc sớm. Nhưng khi tôi tiến vài bước về phía ô cửa chuồng câu đó, một làn gió mát mẻ mơn man trên vai tôi, chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi. Tôi không nhận thấy số phận của mình đang chờ chụp lấy tôi trong cái cửa hiệu xập xệ này, chòn vòn rồi nhấn tâm tóm lấy tôi. Tôi không hề hay biết mấy giây sắp đến sẽ quyết định người đàn ông tôi trở thành trong những năm sau này; ngay lúc đó, tôi nghe có giọng con gát hét lên, “Haiyaaaaa!”

Theo cùng tiếng hét đó, tôi nghe thấy hàng tá viên phần rơi xuống sàn gạch.

Rõ ràng là cô gái với móng tay đẹp tuyệt trần kia đã bắt cần. Cô làm rơi hộp phần trước khi tôi đưa tay ra đón lấy. Phần văng tung tóe khắp sàn.

“Ái chà,” tôi làu bàu.

Tôi phải cúi đầu, từng viên phần giữa mấy cái bao đựng quả lai sống ẩm ướt bốc mùi văng vắt. Tôi cần Syahdan giúp một tay nhưng lại trông thấy nó đang trò chuyện thao thao bất tuyệt với cô con gái người bán bánh hok lo pan như thể nó vừa bán được mười lăm con bò cái vậy. Tôi không muốn cắt ngang khoảnh khắc tán hươu tán vượn đó của nó.

Không có lựa chọn nào khác, tôi đành cẩn thận nhặt lên từng mẩu phần một. Vài viên rơi xuống dưới một cánh cửa mở có treo rèm làm từ những con ốc nhỏ kết lại thành chuỗi sít sao. Tôi biết đằng sau tấm rèm ấy, cô gái nọ cũng đang nhặt phần vì tôi nghe thấy giọng cô lầm bầm, “Haiyaaa.... haiyaaa.”

Khi đến chỗ mấy viên phần nằm dưới tấm rèm ốc, tôi nghĩ thầm trong bụng chắc cô sẽ đóng cửa để tôi không có cơ hội được trông thấy mặt cô. Nhưng điều xảy ra tiếp theo hoàn toàn ngoài mong đợi, và nó xảy đến thật đột ngột. Thành linh, cô gái huyền bí nọ đột nhiên vén tấm rèm ốc lên, suýt tí nữa khiến cho hai khuôn mặt đang thoáng thốt va vào nhau, chỉ cách nhau không đầy một phân.

Chúng tôi nhìn chăm chăm vào nhau thật gần... đột nhiên xung quanh lặng như tờ. Chúng tôi nhìn sâu vào mắt nhau với một cảm giác tôi không thể diễn tả được bằng lời. Hai bàn tay cô buông lơi khiến cho chỗ phấn gom nẩy giờ lại rơi xuống sàn. Còn tôi nắm chặt chỗ phấn, có cảm giác như đang cầm những que kem.

Và khoảnh khắc đó dường như tất cả các kim trên tất cả đồng hồ khắp thế giới đều đứng hết tất cả lại. Tất cả mọi thứ đang chuyển động bỗng hóa đá như thể Thượng đế từ trên cao chụp lấy chuyển động của chúng bằng một chiếc máy ảnh khổng lồ. Đèn flash chói lòa. Tôi trông thấy các vì sao. Tôi kinh ngạc; tôi cảm thấy như đang bay, đang nghẹn thở, đang ngất đi. Tôi biết A Miauw đang hét gọi nhưng tôi không nghe, và tôi biết rằng cửa hiệu đang bốc mùi nồng nặc hơn do không khí trong này trở nên ngột ngạt hơn, những giác quan của tôi quả thật đã tê liệt cả rồi. Tim tôi ngừng đập vài giây trước khi bắt đầu đập trở lại với một nhịp điệu bất thường, giống như mật mã SOS. Tôi đoán rằng cô gái với những móng tay đẹp tuyệt trần đang đứng như trời trồng trước mặt tôi kia cũng có cảm giác tương tự.

“Siun! Siun! Segere...!” một cu li Sawang la lớn bảo tôi mau tránh đường, nhưng âm thanh nghe rất xa xôi - như thể vọng lên từ một cái hang thật sâu. Lưỡi tôi bất động; miệng tôi bị khóa chặt, chính xác là đang há hốc. Tôi không thể thốt nổi lời nào, không thể nhúc nhích. Cô gái nhỏ ấy chắc chắn cũng như tôi, bất động hoàn toàn. Ánh nhìn trong mắt cô siết chặt tim tôi.

Tôi thích thú nhìn khuôn mặt trái xoan xinh đẹp của cô. Trông cô rất giống Michelle Yeoh, ngôi sao màn bạc Mã Lai. Quần áo của cô có trang trí những diềm ren nhỏ hình hoa đạo kích, gọn ghẽ và đẹp giống như cô sắp đi ăn cưới vậy. Ấy là giây phút của sự thật; rốt cuộc thì điều bí mật của những năm qua cũng đã tới lúc hé lộ: Chủ nhân của những móng tay xinh đẹp tuyệt trần kia quả thật là một cô gái rất xinh đẹp với một sức hút không tả nổi.

Sự việc bất ngờ đó khiến má cô bừng đỏ và mắt cô ngấn nước. Ngoài hàng triệu cảm giác bùng nổ bên trong cả hai chúng tôi, cô còn cảm thấy ngượng ghê gớm. Cô đứng lên và đóng sầm cửa lại sau lưng. Cô không để ý đến mấy viên phấn nằm lăn lóc trên sàn, cũng không để ý đến tôi lúc này còn đứng đực ra đó không biết trời trăng mây gió gì nữa.

Tiếng cửa đóng sầm khiến tôi bừng tỉnh thoát khỏi bùa mê. Đầu óc tôi quay cuồng, hai mắt mờ đi. Tôi quỵ gối xuống, người run lên, cố lấy lại hơi thở bình thường. Máu chảy rần rần khắp cơ thể đang run bần bật của tôi. Tôi vừa mới rơi vào tâm bão của tình yêu đầu đời - một tình yêu sét đánh - một cảm giác lạ lùng nhất mà chỉ ai may mắn mới có dịp được trải nghiệm.

Tôi cố đứng lên, quay người nhìn xung quanh - A Miauw chỉ tay lia lịa, những người Sarong đang ra khỏi cửa hàng - ai cũng di chuyển một cách chậm chạp và đẹp mắt. Những cu li Sawang kéo lê những bao tải jengkol không hiểu như thế nào qua mắt tôi lại biến thành những người mẫu thời trang đang bước thong thả theo nhịp nhạc trên sàn catwalk trong những bộ trang phục rạng ngời.

Cái cửa hàng xập xệ khiến tôi hoa mắt đột nhiên tỏa ra mùi dầu xả hương thơm ngát. Thằng Syahdan vốn đen thui, nhỏ thó và chẳng có gì được mắt bỗng trở nên đẹp trai ngời ngời. Ông A Miauw bỗng nhiên biến thành một ông chủ cửa hàng lịch lãm đối xử công bằng với mọi khách hàng, một kẻ cướp biến thành thầy tu.

Không màng đến hộp phấn giờ chỉ còn một nửa, tôi rời khỏi cửa hiệu, người lâng lâng như vô trọng lượng. Tôi bước đi nhẹ nhàng thư thái như một nhà truyền giáo có thể đi được trên mặt nước. Tôi đến gần chiếc xe đạp lụ khụ của thầy Harfan giờ cũng đột nhiên biến thành một chiếc xe mới toanh bóng lộn - có cả giỏ đằng trước nữa. Một cảm giác hạnh phúc lạ lùng bao trùm lấy tôi, một cảm giác tôi chưa từng trải qua. Nó thậm chí vượt xa cái cảm giác hạnh phúc khi tôi nhận được chiếc radio bán dẫn hai dải tần số vì chịu đi cắt bao quy đầu.

Khi chuẩn bị về, tôi quay đầu lại nhìn bên trong cửa hàng và trông thấy ánh mắt cô gái nhỏ với những móng tay đẹp tuyệt trần trộm nhìn tôi từ đằng sau tấm rèm. Cô giấu mình nhưng không giấu nổi cảm xúc của mình. Tôi lại bay vào dải ngân hà với những vì sao lấp lánh, lâng lâng cùng những đám mây. Ôi Thượng đế ơi, ngay chính nơi đây, giữa những cái bao quả lai thối um, những thùng dầu lửa và bao tải đậu jengkol, tôi đã tìm thấy tình yêu.

Tôi ngoác miệng trao cho Syahdan nụ cười đẹp nhất tôi từng có, khiến thằng bạn trố mắt nhìn chẳng hiểu mô tê gì. Rồi tôi nhắc bổng thân người nhỏ thó của nó đặt lên yên sau xe đạp. Tôi đã trở thành một

người đàn ông có sức mạnh phi thường, tôi sẵn lòng chờ Syahdan đi đến bất kỳ nơi đâu trên thế giới này mà không một lời than thở. Bạn ơi, nếu quả thật bạn muốn biết thì đó chính là thứ mà người ta gọi là phát cuồng vì yêu đấy.

Trên đường về nhà, tôi cố tình phớt lờ cái giao kèo hai đứa đã thỏa thuận từ trước. Khi đi đến ngôi mộ, tôi không báo Syahdan chờ vì lòng tôi đang hồ hởi. Tất cả thứ năng lượng lớn lao đó đã cho tôi một sức mạnh diệu kỳ. Tình yêu thường khiến mọi thứ trở nên đảo lộn cả.

Dường như trong ánh mắt người đang yêu mọi thứ đều công bằng. Chẳng hề có chuyện luật pháp không bao giờ đứng về phía người nghèo; những quan chức tham nhũng vẫn còn đầy rẫy như gà thả rong ấy là do các nhà cầm cân nảy mực bận rộn quá đấy thôi. Hãy đợi đấy, chẳng mấy nữa mà tất cả bọn họ sẽ bị tống vào tù hết cho xem. Cái yên xe đạp quá cao là do lỗi của tôi trót sinh ra trong một gia đình toàn người lùn. Syahdan nặng như chì, mặc dù người nhỏ thế kia, là một điều ta cần phải biết ơn vì thế có nghĩa là nó khỏe mạnh. Thế giới không công bằng, nhưng đó chỉ là tạm thời thôi, người ta phải kiên nhẫn. Tôi hối hận rằng mình đã luôn nguyên rửa chính phủ, nhất là Tổng thống và Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Tự đáy lòng mình, tôi xin lỗi vì tất cả những bình phẩm hỗn hào thốt ra từ cái miệng mất dạy của tôi. Tôi cũng xin lỗi tất cả những người đã từng bị tôi làm cho thất vọng.

Sau khi tan học, cô Mus triệu hồi Syahdan và tôi đến giải trình về số phần bị thiếu hụt. Tôi đứng im như tượng, không muốn nói dối, trả lời, hay thậm chí phủ nhận bất kỳ hình thức buộc tội nào. Tôi sẵn sàng chấp nhận hình phạt, dù khắc nghiệt đến thế nào, ngay cả việc đi lấy cái xô mà thằng Trapani lỡ tay làm rơi xuống cái giếng kinh khủng sau trường. Điều duy nhất đọng lại trong đầu tôi là cô gái với những móng tay đẹp tuyệt trần và giây phút diệu kỳ bị tiếng sét ái tình đánh trúng. Chuyện gì xảy ra cũng mặc - một hình phạt kinh khủng nào đó chỉ khiến những cảm giác lãng mạn trong tôi thêm thăng hoa và ngọt ngào. Tôi sẵn lòng bước vào cái giếng chết người đó vì người yêu của tôi; tôi nguyện sẽ chết trôi nơi cái giếng đầy ma quỷ đó như một anh hùng hy sinh vì tình yêu đầu đời.

Trong khi bị cô Mus chất vấn, thằng Syahdan liên tục nhún cái vai gầy phảng của nó và hơ hơ ngón tay cái trước trán - giống như lúc xoa xoa thái dương, ra hiệu rằng tôi có vấn đề về thần kinh và cố ý đổ hết lỗi lên

đầu tôi. Hình phạt đúng như tôi đã lường trước. Tôi phải với cái xô lên khỏi giếng, nhưng thật diệu kỳ, cái giếng ma quỷ đó giờ thật đẹp và có sức quyến rũ lạ lùng. Ôi, tình yêu!

CHƯƠNG 18

KIỆT TÁC

Lễ hội hóa trang nhân ngày Quốc khánh 17 tháng Tám là sự kiện giúp một trường học có cơ may nâng cao giá trị của mình. Những giải thưởng được trao cho Trang phục hóa trang đẹp nhất; Người tham gia sáng tạo nhất; Xe được trang trí đẹp nhất; Cuộc diễu hành hoành tráng nhất; Đội chơi đoàn kết nhất; và giải thưởng cao quý nhất là Biểu diễn nghệ thuật đặc sắc nhất.

Cô Mus và thầy Harfan rất bi quan về lễ hội hóa trang sắp tới vì vấn đề muôn thuở: tiền. Chúng tôi quá nghèo nên chẳng bao giờ có đủ tiền để tổ chức một buổi lễ hóa trang cho ra hồn. Thật xấu hổ vì đoàn diễu hành của chúng tôi quá nghèo nàn và năn nài cũng thế. Tuy vậy lần này chúng tôi nhen nhóm một tia hy vọng: Mahar.

Trường PN lúc nào cũng ẵm giải trong tất cả các mục, không nhất thì nhì hoặc ba. Các trường nhà nước từ thị trấn trung tâm Tanjong Pandan thường giật được vài giải ba. Những trường làng như trường chúng tôi không bao giờ được giải nào vì chúng tôi chỉ đó đến lấy lệ, không hơn người cô vũ là mấy.

Các trường nhà nước có thể có tiền để thuê trang phục hóa trang truyền thống, nhờ thế mà buổi biểu diễn của họ thật hấp dẫn. Trường PN thậm chí còn ấn tượng hơn nữa. Đoàn diễu hành của họ dài nhất, và đội hình của họ đông đảo nhất. Hàng trước là những chiếc xe đạp mới coong, có giỏ, được trang trí sắc sảo. Người đạp xe cũng trang phục thật đỉnh. Chuông xe rung leng keng đồng loạt. Thật đây không khí lễ hội.

Hàng thứ hai là những chiếc xe hơi được trang hoàng như thuyền và máy bay. Trên mỗi chiếc xe có một cô gái đội vương miện và ăn mặc giống như nàng Lọ Lem trong truyện cổ tích.

Ngay phía sau là những giáo sư tương lai, các học sinh mặc những bộ trang phục thể hiện hoài bão của mình. Nhiều đứa mặc áo bờ lu trắng,

đeo ống nghe mang kính dày cộp. Hẳn bọn nó muốn sau này trở thành bác sĩ.

Rồi còn có những kỹ sư mặc áo bảo hộ và mang theo nhiều dụng cụ như bút thử, tuốc nơ vít và chìa khóa đủ loại. Có hai học sinh mang những cuốn sách khoa học dày cộp, kính hiển vi và kính viễn vọng; tôi đoán chắc chúng nó mơ trở thành giáo sư, nhà khoa học và nhà thiên văn. Còn lại là phi công, tiếp viên hàng không và thuyền trưởng. Cuộc diễu hành của trường PN khép lại bằng buổi biểu diễn của đội diễu hành, phần tôi thích nhất. Âm thanh inh ỏi phát ra từ hàng chục chiếc kèn trôm bôn nghe chẳng khác gì chiếc kèn trôm pét nổi như sấm dậy trong ngày phán quyết. Tiếng trống âm ỉ cứ khiến tim tôi muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Đội diễu hành của trường PN không phải đội thường. Nó được PN tài trợ hoàn toàn. Biên đạo múa, nhà tạo mẫu và nhạc công được thuê tận Jakarta để phục vụ lễ hội này. Có ít nhất 80 học sinh nằm trong đội diễu hành, kể cả tốp lính bảo vệ quần áo sắc sỡ rất cuốn hút. Không có đội diễu hành của trường PN, lễ hội hóa trang ngày 17 tháng Tám coi như vô hồn.

Đỉnh điểm của lễ hội hóa trang là khi quân đội diễu hành tập hợp thành hai hình vuông khép kín và giờ tay chào cử tọa khán đài theo kiểu nhà binh. Trường đó chưa khi nào nếm mùi thất bại mà luôn giành vị trí thứ nhất cho mục cao quý nhất. Chẳng qua là họ quá nổi trội; chưa từng bị đối thủ nào đánh bại. Phần thưởng cao quý nhất giành cho tiết mục Biểu diễn đặc sắc nhất được trưng bày ít nhất bốn mươi năm trong tủ kính trưng bày đặt ở một nơi dễ thấy nhất tại trường PN.

Khán đài VIP là nơi giành cho cử tọa quyền cao chức trọng, gồm có người đứng đầu công ty PN. Ngoài ra còn có thư ký của ông ta – người luôn mang theo bộ đàm, cùng với hai quản lý PN, các trưởng thôn, những chủ cửa hàng ăn nên làm ra, giám đốc bưu điện, giám sát viên ngân hàng BRI, tù trưởng bộ lạc Sawang, người đứng đầu cộng đồng người Sarong, người Hoa, các pháp sư và nhiều vị “tai to mặt lớn” khác nữa, tất cả đều có vợ tháp tùng. Khán đài đặt chính giữa chợ, đám đông đứng xung quanh.

Vị trí thuận tiện nhất để khán giả xem lễ hội hóa trang là gần bậc lễ đài, bởi vì đó là nơi người tham gia lễ hội hóa trang biểu diễn những tiết

mục cuối cùng. Ngồi trên bục lễ đài còn có các vị giám khảo khả kính - những người cầm cân nảy mực, đánh giá và cho điểm những màn biểu diễn.

Đối với hầu hết học sinh trường Muhammadiyah, lễ hội hóa trang là một trải nghiệm không mấy dễ chịu, nếu không muốn nói là khó chịu. Màn biểu diễn của trường tôi chỉ là một nhóm trẻ con do một cô giáo và một thầy giáo làng dẫn đầu giơ cao một băng rôn có biểu tượng trường. Băng rôn được làm bằng vải rẻ tiền, nó buông thong xuống thắm sâu giữa hai cái que lồ ô. Đằng sau họ là ba hàng học sinh mặc xà rồng, mũ Hồi giáo truyền thống và trang phục đạo Hồi. Chúng đại cho những nhà sáng lập ra Sarekat Islam - tổ chức chính trị Hồi giáo đầu tiên của Indonesia - và những người tạo dựng ngôi trường Muhammadiyah.

Mỗi năm đến lễ hội hóa trang, Samson lại mặc trang phục giành cho người gác đê. Chắc chắn nó làm vậy không phải vì nó muốn trở thành người gác đê như cha nó mà vì ấy là bộ hóa trang duy nhất nó có được. Syahdan mặc quần áo ngư dân vốn là nghề của cha nó. A Kiong, lễ hội hóa trang nào cũng thế, chọn một bộ quần áo giống như người gác chuông Thiếu Lâm Tự.

Trapani mang ủng, mặc quần áo bảo hộ và đội mũ bảo hiểm. Bộ đồng phục của cha nó. Nó ăn mặc hệt một người làm công PN. Kucai, chẳng có ủng cũng chẳng có mũ bảo hiểm gì ráo, quyết định tham gia điều hành chỉ mặc độc bộ đồ bảo hộ. Khi chúng tôi thắc mắc, nó giải thích rằng nó là người làm công bậc thấp cho PN thì cũng được phép nghỉ làm hôm nay chứ bộ.

Kịch tính hơn, Syahdan còn mang theo một bao lưới. Lintang thối còi vì nó là trọng tài bóng đá, và tôi thì lảng xảng chạy tới chạy lui như trọng tài biên. Có một học sinh mặt này sáng sủa, ăn mặc gọn gàng diện đôi giày thể thao đen và quần màu sẫm, thắt lưng dài, sơ mi trắng dài tay, tay xách ca táp to tướng. Học sinh xuất sắc đó chính là Harun. Không rõ cậu ăn mặc thế là muốn ám chỉ nghề nghiệp nào. Trong mắt tôi, cậu cứ giống như một người bị mẹ vợ tổng cổ ra đường vậy.

Đó là cách chúng tôi tham gia lễ hội hết năm này đến năm khác. Nó chẳng thể hiện được hoài bão của chúng tôi bởi chúng tôi chẳng dám mơ đến điều gì. Đứa nào ững phải tận dụng đồng phục lao động của cha mình vì chúng tôi chẳng có tiền thuê trang phục. do vậy, chúng tôi

mặc trang phục thể hiện nghề nghiệp của cộng đồng thiểu số của mình, và trong bối cảnh này, Mahar mặc đồ tươm tất như Harun. Mahar vẫy tay chào khán giả bằng một thẻ ID nghỉ hưu, vì cha nó đã về hưu, trong khi Sahara bắt đầu đi phải ngồi một chỗ vì cha nó bị buộc thôi việc.

Khi diễu ngang qua khán đài VIP, chúng tôi đi thật nhanh và cầu sao cho cuộc diễu hành này xong mau cho rồi. Chẳng đứa nào thấy thích thú gì cả vì chúng tôi cảm thấy mình thấp kém. Duy chỉ có Harun, với cái ca táp nhái theo mẫu của ban nhạc Beatle, đầu ngẩng cao, ngoác miệng cười hồn nhiên với các quan chức đang an tọa trên khán đài.

Do thiếu thốn như vậy nên cứ mỗi khi dịp lễ hóa trang sắp đến là chúng tôi lại bàn ra tính vào chuyện có nên tham gia hay không. Trapani, Sahara và Kucai cho rằng chúng tôi không nên tham gia vì chỉ tổ muối mặt mà thôi. Tuy nhiên, cô Mus và thầy Harfan lại nghĩ khác.

“Lễ hội hóa trang là cơ hội duy nhất để cho cả thế giới thấy rằng trường ta vẫn còn tồn tại trên trái đất này. Trường ta là trường Hồi giáo truyền bá và củng cố những giá trị tôn giáo! Ta phải tự hào về điều đó!” thầy Harfan hồ hởi nói “Ta phải tham gia lễ hội hóa trang! Dù có ra sao cũng mặc! Nếu ta trình diễn có ấn tượng, biết đâu ông Samadikun sẽ hài lòng và nghĩ lại có nên đóng cửa trường ta hay không. Năm nay, hãy để Mahar có cơ hội thể hiện khả năng của bạn ấy. Các em biết sao không? Bạn ấy là một nghệ sĩ thiên tài!”

Chúng tôi nhiệt liệt hoan hô lời phát biểu của thầy. Thầy Harfan đã khích lệ cho tinh thần chúng tôi rất nhiều, giúp chúng tôi hăng hái tham gia cuộc thi, và chúng tôi vô cùng sung sướng bởi chúng tôi sắp sửa có người dẫn đầu tài ba là Mahar. Chúng tôi ca tụng nó nhưng nó không có ở đó. Thì ra nó đang vắt vẻo trên nhánh cây filicium, ngoác mồm cười tinh quái.

Mahar ngay lập tức chỉ định A Kiong làm Tổng thư ký cho nó - nói nôm na là giúp việc, A Kiong bảo tôi rằng nó mất ngủ ba đêm liền vì quá sung sướng khi được giao một nhiệm vụ quan trọng đến thế. Mahar cũng mất ngủ ba đêm liền, tìm ý tưởng. Không đứa nào được quấy rầy nó.

Mỗi lần vào lớp học, nó trầm ngâm như con bướm vàng phai. Tôi chưa từng thấy nó tỏ ra tư lự đến thế. Nó nhận thức được rằng thầy cô và bạn bè đặt rất nhiều niềm tin và hy vọng vào nó. Chúng tôi nóng lòng chờ

đội sáng kiến nghệ thuật từ nó.

Suốt buổi tối, Mahar ngồi một mình giữa cánh đồng vắng sau trường. Nó vỗ trống tabla - một loại trống truyền thống - kiếm tìm giai điệu phù hợp; nó không cho đứa nào đến gần. Nó nhìn chăm chăm lên bầu trời rồi đột nhiên đứng lên, nhảy xung quanh, chạy lòng vòng, hét lên như điên, quăng người xuống đất, lăn tròn lông lốc, ngồi dậy và bất thành linh rũ đầu xuống cứ như một con vật bị bọn côn trùng quấy quả.

Có phải nó đang cho ra đời một kiệt tác không nhỉ? Liệu nó có thành công trong việc vực dậy ngôi trường chúng tôi sau hàng chục năm cúng tôi bị coi thường trong các lễ hội hóa trang không? Liệu có thật nó là người đi tiên phong, một kẻ với ý tưởng đột phá có thể đạt được những thành tựu phi thường? Liệu nó có gánh nổi trọng trách gây ấn tượng cho ông Samadikun để ông ta thôi ý định đóng cửa trường chúng tôi? Bạn tôi ơi, đó quả thật là một sứ mệnh nặng nề. Vì dù gì thì nó cũng chỉ là một đứa trẻ.

Tôi đứng từ xa nhìn Mahar không chớp mắt. Thật tội nghiệp cho Mahar - một nghệ sĩ đơn độc, chưa bao giờ được đánh giá xứng đáng dưới con mắt bạn bè, lúc nào cũng bị lôi ra làm trò đùa. Mặt nó thộn ra. Đã một tuần trông qua mà nó chưa nghĩ ra được ý tưởng nào khả dĩ.

Thế rồi, vào một sáng thứ Bảy đẹp trời, Mahar đến trường vừa đi vừa huýt sáo. Rõ ràng là nó đang phấn khởi. Những thiên thần xưa tan khuôn mặt bần thần mấy ngày qua và khoát lên đó nguồn cảm hứng dạt dào. Rạng sáng nay, Dionysus, ông tổ của nghệ thuật sân khấu, đã khẽ khàng chui vào đầu nó. Giờ hẳn là Mahar đã nảy ra được một ý tưởng tuyệt chiêu. Chúng tôi vây quanh nó. Nó nhìn thẳng vào chúng tôi, từng đứa một, như thể nó sắp biểu diễn trò bóng đèn thần kỳ trước một đám con nít vậy.

“Lễ hội hóa trang năm nay không nông dân, không người làm công cho PN, không giáo viên dạy kinh Koran, và không người gác đẽ nào hết!” nó hét tướng lên. Chúng tôi há hốc mồm sững sốt. Tất cả sức mạnh của trường Muhammadiyah sẽ tập trung vào một mối!”

Chúng tôi ngơ ngác chẳng hiểu mô tê gì.

“Gì thế, Mahar? Nào, mình sẽ biểu diễn thứ gì? Đừng vòng vo nữa đi” Kucai nài nỉ.

Và đây là ý tưởng có một không hai của Mahar.

“Ta sẽ biểu diễn điệu múa của bộ tộc Masai châu Phi!”

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, không tin vào tai mình. Ý tưởng đó như một con cá điện chẳng biết từ đâu chui ra thít chặt quanh eo cứng tôi. Chúng tôi vẫn chưa hết bàng hoàng từ cái ý tưởng không thể tin nổi đó thì Mahar lại hét lên lần nữa khiến chúng tôi phấn chấn hẳn lên.

“Năm mươi vũ công, ba mươi tap trống tabla! Nhảy xoay tròn như con quay, chúng ta sẽ làm nóng khán đài VIP cho mà xem.”

Ôi trời, tôi chết ngất đi mất thôi. Chúng tôi nhảy căng lên, vỗ tay reo hò hình dung trong đầu buổi biểu diễn hoành tráng sắp tới.

“Quả tua nữa!” thầy Harfan hét lên từ đằng sau.

“Cả tóc bờm!” cô Mus thêm vào. Chúng tôi sung sướng đến mê ly.

Mahar đúng thật là không thể đoán nổi. Sức tưởng tượng của nó bay nhảy khắp nơi, xuất sắc, mới lạ. Biểu diễn điệu nhảy của một bộ lạc từ châu Phi xa xôi đúng là một ý tưởng cừ khôi. Bộ lạc đó hẳn là ăn mặc sơ sài lắm đây. Càng ít quần áo - hay nói cách khác, bộ lạc đó mặc quần áo càng ít - chúng tôi càng đỡ tốn tiền. Ý tưởng của Mahar không chỉ xuất sắc dưới ý tưởng nghệ thuật mà còn thật phù hợp với điều kiện tài chính của trường chúng tôi.

Sau hôm đó, tối nào sau bữa học chúng tôi cũng miệt mài tập dượt cái điệu nhảy lạ lùng của xứ sở thật xa xôi đó. Theo Mahar, với điệu nhảy này động tác phải được thực hiện nhanh và đầy sức sống. Chân giẫm lên đất, tay vung lên trên, một vòng tròn sẽ được hình thành khi chúng tôi đồng loạt quay tròn. Rồi, những cái đầu sẽ cúi xuống giống như mấy con bò sắp sửa lao vào húc nhau, rồi nhảy lên rồi quay, chúng tôi tỏa ra khắp hướng và đội hình đầu tiên lại được sắp đặt trở lại giống như những con bò chạy thụt lùi. Hai chân phải giậm xuống đất thật dữ dội. Chẳng có một động tác nào nhẹ nhàng cả; mọi cái đều phải nhanh, dữ dội, đầy đam mê và quyết liệt. Điệu nhảy của Mahar thật khó, nhưng mang đậm tính nghệ thuật. Nhảy như thế thật là vui, ngoài ra còn rèn luyện thể lực nữa chứ.

Bạn biết không, bạn thân mến, hạnh phúc là gì? Ấy là cảm giác của tôi

lúc đó. Tôi hoàn toàn để hết tâm trí vào điệu nhảy và sẽ biểu diễn cùng với lũ bạn chí cốt và biết đâu người yêu đầu đời của tôi cũng đến xem thì sao.

Chúng tôi thật sự thích điệu nhảy đầy sức mạnh này và đứa nào cũng nghĩ chắc hẳn điệu nhảy đó thể hiện niềm vui của bộ lạc Masai khi những con bò cái của họ vừa mới sinh con. Trong suốt buổi biểu diễn, chúng tôi phải hét to những lời mà cả đứa nào hiểu có nghĩa là gì: Habuna! Habuna! Baraba, baraba, baraba, habba, habba, homn!

Khi chúng tôi thắc mắc với Mahar về ý nghĩa của mấy từ đó, nó làm như thể nó có lượng kiến thức trải rộng khắp lục địa vậy và nó đáp rằng đó là một câu thơ văn truyền thống của châu Phi. Tôi vừa chợt nhận ra rằng người châu Phi có cùng một tập quán với người Mã Lai: ám ảnh với những từ có vần điệu. Tôi ém kiến thức ấy vào trí nhớ.

Tuy nhiên, tôi hiểu sai về ý nghĩa của điệu nhảy. Trước đây tôi cứ nghĩ rằng tám đứa tôi - Sahara không tham gia còn Mahar thì đánh trống tabla - là một bộ lạc Masai, đang sung sướng khi những con bò cái mang thai và sinh con. Nhưng thật bất ngờ chúng tôi lại chính là những con bò cái ấy; sau điệu nhảy hào hứng ấy thì chúng tôi sẽ bị bọn báo tấn công. Chúng bao vây chúng tôi, phá vỡ đôi hình đang nhịp nhàng đó và rồi thành linh lao bổ vào chúng tôi. Những con bò cái hoàn loạn chạy tứ hướng, nhưng ngay lúc đó các chiến binh Moran - hay còn gọi là chiến binh Masai nổi tiếng - đến giải cứu chúng tôi. Những chiến binh sẽ đánh nhau với bọn báo để cứu chúng tôi, lũ bò cái. Mahar khéo léo hướng dẫn cho chúng tôi những động tác của loài báo, phải sao cho thật giống như thể chúng chẳng có gì bỏ vào bụng suốt ba ngày rồi.

Đó là câu chuyện đằng sau điệu nhảy của Mahar. Suốt cả buổi biểu diễn trống không ngừng vang lên, giai điệu của chúng liên tục bay vút lên bầu trời bao la, các tay trống nhảy múa như dồn hết sức lực tâm hồn vào đó. Điệu nhảy thể hiện một nội dung đầy kịch tính - con người đoàn kết chống lại những con thú dữ hoang dã châu Phi, một kiệt tác độc đáo, sản phẩm trí tuệ của Mahar.

CHƯƠNG 19

ĐÒN TRẢ THÙ ĐƯỢC DÀN DỰNG CÔNG PHU

Và rốt cuộc cũng đã đến ngày lễ hội hóa trang, cái ngày đứa nào cũng náo nức và hồi hộp đợi chờ.

Mahar thiết kế trang phục giả báo bằng những miếng vải bạt được sơn vẽ màu vàng lỗ chỗ chấm đốm đen, biến chúng tôi từ những cô cậu học trò thành những con vật hoang dã hết sức ngoạn mục. Những mớ tóc nhuộm vàng bù xù trên gương mặt được vẽ sơn.

Mấy đứa khác đánh trống tabla. Người tụi nó được vẽ màu đen bóng nhẫy, nhưng mặt lại vẽ màu trắng toát, trông rất kỳ dị. Những Moran - chiến binh truyền thống Masai nổi tiếng được trang bị giáo và roi đỏ, đội mũ bện bằng cỏ dại - trông rất dữ dằn.

Mahar quan tâm tới chúng tôi - tám con bò cái - đặc biệt hơn nhóm khác một tẹo. Trang phục của chúng tôi mang tính chất nghệ thuật nhất. Chúng tôi mặc quần sóc đỏ ngắn đến đầu gối. Toàn bộ cơ thể chúng tôi được vẽ màu nâu sáng giống như bò châu Phi, trừ mặt thì chỉ vẽ những sọc vệt. Cổ chân đeo vòng có chuông và quả chuông giống như con ngựa bay trong thần thoại Java. Mỗi khi chúng tôi bước đi đám chuông lại leng keng, leng keng. Xung quanh eo lưng quần khăn có gắn lông gà. Ngoài ra chúng tôi còn đeo nhiều phụ kiện lạ lùng khác nữa, như đôi hoa tai lủng lẳng to cộ và vòng tay làm từ rễ cây.

Phụ kiện bình thường nhất là một vòng cổ làm từ quả aren (cọ đường) được xâu bằng sợi song mây, nhìn cứ như xiên thịt. Chúng chẳng có gì đặc biệt để phải thắc mắc; chúng tôi quá bận rộn với việc sáng tạo những cái mũ sao cho thật đỉnh. Thật ra, bỏ chúng là mũ thì chả công bằng tí nào, vương miện thì đúng hơn.

Những cái vương miện to tổ bố được làm từ những mảnh vải rách dài. Được khâu vào miếng vải đó là một mớ hồ lớn lông vịt, vỏ cây, hoa dại

và những lá cờ nhỏ xíu. Chẳng ai có thể ngờ được rằng ẩn dấu trong những chiếc vòng cổ đáng chú ý kia là thứ vũ khí bí mật của thành Mahar khiến cho buổi biểu diễn của chúng tôi càng hấp dẫn. Những cái vòng cổ ấy - nó đã thức ba đêm ròng rã để hoàn thành - là đỉnh cao sáng tạo của nó.

Chúng tôi đeo vòng cổ, đội vương miện vào. Cuối cùng Mahar cột chặt cái bôm làm từ sợi nhựa lên lưng chúng tôi. Chúng tôi quả là những chỉ bò rục rồ. Nhưng nhìn tổng thể, chúng tôi chả giống bò lắm. Từ đằng sau trông chúng tôi giống lừa, từ hai bên giống gà tây, từ trên xuống thì giống tổ cò, từ đằng trước lại giống ma.

Trước khi cuộc diễu hành bắt đầu, chúng tôi tập hợp cả lại, cầm tay nhau và bắt đầu cầu nguyện. Thật xúc động.

Như chúng tôi đoán trước, khán giả đông nghịt. Gàn khán đài VIP, chúng tôi nghe âm thanh vang dội của trống, kèn tuba, tù và, kèn trôm bôn, clarinet, trôm pét và xắc xô. Đội trường PN đang biểu diễn!

Ấn tượng thật. Quần áo của chúng nó thật đa dạng, người chơi nhạc cụ nào thì mặc quần áo tương ứng với nhạc cụ đó. Tay trống bass ăn mặc như chiến binh La Mã mới từ trên lưng con bạch mã bước xuống. Trên mặt bọn nó rạng rỡ nụ cười chiến thắng. Điều đó cho thấy bọn nó nắm chắc phông cách trong tay như mọi năm trước. Chắc chắn đoạt giải biểu diễn nghệ thuật đặc sắc nhất.

Cao trào của buổi biểu diễn là khi chúng nó dừng lại trước khán đài VIP và chơi bản Concerto dành cho trôm pét và dàn nhạc, bản mà Wynton Masais hay chơi ấy. Khúc dạo đầu tuyệt vời của bản Concerto do mười lăm tay chơi blira thổi lên ba loại âm thanh khác nhau từ nhạc cụ của chúng. Rồi có cả vỗ chum chọe nữa, rồi đến khi khúc nhạc này chùng xuống thì âm thanh từ hàng chục chiếc trống vang lên. Ai nấy đều như mê đi vì bữa tiệc âm thanh đó. Khán giả còn đang thả hồn theo tiếng trống thì trên mặt đường lại tràn ngập những lính gác trang phục sắc sảo trình diễn điệu nhảy thời thượng hấp dẫn.

Hàng ngàn khán giả vỗ tay hoan hô vang dậy và tiếng hoan hô của họ còn to hơn khi ba vũ công, nhưng nữ hoàng sắc đẹp, xoay và tung gậy điệu nghệ không chút sai sót. Những vũ công xinh đẹp duyên dáng với nụ cười quyến rũ chạy ngược chạy xuôi giống như những con công khoe cái đuôi sắc sảo.

Những cô nương, trông như từ trong lịch bước ra, mặc váy ngắn, tất đen, boots cao gót Cortez. Găng tay trắng cao tới cùi chỏ. Họ nhảy nhót trên đôi boots cao gót mà chẳng hề trượt ngã.

Họ không chỉ là vũ công mà còn là người mẫu. Họ sai những bước dài và búng tay ra lệnh, trong khi gương mặt họ truyền tải một hàm ý rằng họ quen dùng đồ nhập khẩu và họ không thể hạ cố lãng phí thời gian làm những chuyện vặt vãnh. Có thể thấy lối sống phóng đảng và tương lai xán lạn lấp lánh trong đôi mắt họ. Chúng tôi không bao giờ biết tên họ, họ giống như những du khách từ miền đất xa xôi dừng chân lại chỉ để chúng tôi mắt tròn mắt dẹt tò mò.

Giữa khi đó, ngay tại chỗ này, chúng tôi đứng đồn vào một góc như một nhóm động vật lạ ló ra thụt vào chỗ rễ cây đa: đen nhẻm, nhếch nhác, nhìn không chớp mắt những gì đang diễn ra. Nhưng ngay lập tức chúng tôi sắp xếp đội hình, không nhụt chí hay sốt ruột trong khi đợi đến lượt mình.

Ngay sau khi cuộc diễu hành của trường PN hoàn tất trong tiếng vỗ tay rào rào và huýt sáo vang dội của khán giả, không để lãng phí lấy một giây, lanh lẹ chớp lấy khoảnh khắc đó, Mahar và những tay trống tabla tiến vào trước khán đài VIP. Bọn nó vỗ trống mạnh hết sức bình sinh, và di chuyển hệt như hàng trăm con khỉ đánh nhau giành xoài. Mahar đưa trí tưởng tượng của khán giả về miền đất châu Phi xa xôi.

Khán giả sùng sốt ngay tắp lự, mắt mở to, hướng về đội diễu hành đang uốn lượn nhịp nhàng như những đợt sóng đại dương toát lên tính khí dữ tợn của một con báo và sức ảnh hưởng từ một vết ong chích. Ngay lập tức đám đông reo hò vang dội hưởng ứng đội trống tabla.

Thành công của đội trống tabla khích lệ tinh thần và củng cố lòng tự tin nơi chúng tôi - tám chị bò - đã tới lượt chúng tôi. Chân chúng tôi đang ngọ nguậy nóng lòng muốn thể hiện điệu nhảy tuyệt vời của những con bò cái.

Nhưng trong khi đợi chờ căng thẳng, cổ, ngực và tai tôi bắt đầu nóng ran và ngứa ngáy. Hình như những đứa khác cũng có cảm giác y hệt. Rồi tất cả đều vỡ lẽ ra rằng chúng tôi ngứa là do chất nhựa tiết ra từ vòng cổ làm bằng trái aren..

Chỗ ngựa bắt đầu dữ dội hơn, nhưng chúng tôi chẳng thể xoay xở thế nào được cả, vì muốn cởi vòng cổ thì phải cởi vương miện ra hẵng, mà cái vương miện thì nặng những gần một ký và quấn chặt ba vòng ở cằm - không phải chuyện chơi. Không thể tháo ra được nếu không có ai giúp. Rõ ràng thằng Mahar đã cố tình không những thiết kế vương miện sao cho thật đẹp mà còn dùng chiếc vương miện ấy như một ổ khóa khóa chặt chiếc vòng cổ nằm yên một chỗ. Chúng tôi vô vọng rồi, và Mahar ra hiệu bảo đến lượt chúng tôi biểu diễn.

Cho đến hết đời tôi sẽ không bao giờ quên được những gì xảy ra kế tiếp. Chúng tôi xông vào đấu trường bằng tinh thần của người Sparta. Khán giả cổ vũ nhiệt liệt. Thoạt đầu chúng tôi nhảy tung bùng hơn hờ có nhịp điệu động tác đàng hoàng. Rồi, chúng tôi - những chị bò - bắt đầu thay đổi điệu nhảy hơi lạ một chút, không còn ra hàng lối nữa, chúng tôi đang bị con ngựa không sao chịu nổi tấn công.

Chúng tôi cố không gãi vì như thế sẽ làm hỏng mất điệu nhảy. Chúng tôi đã kiên quyết đánh bại trường PN kia mà. Chúng tôi cố chịu đựng nỗi khổ sở đó. Cách duy nhất để quên đi con ngựa kinh khủng kia là cố nhảy thật điên cuồng. Chúng tôi hú lên, húc đầu đâm bổ vào nhau, bò, lăn lộn trên đất, quần quai. Chúng tôi giống như một thùng giun bị đổ ra con đường mới trải nhựa nóng giãy. Chúng tôi thực hiện những động tác chẳng giống gì với kịch bản.

Trong khi đó những tay trống tabla hăng lên khi trông thấy chúng tôi bị tiếng trống của chúng làm cho kích động. Chúng càng đánh dữ hòng theo kịp những động tác điên cuồng của chúng tôi. Khán giả không hiểu chuyện gì đang diễn ra trước mắt. Họ chỉ đoán già đoán non rằng chính âm thanh tiếng trống tabla tạo nên một mãnh lực thần kỳ nào đó tác động đến lũ bò và khiến chúng trở nên thăng hoa. Họ càng trở nên thích thú xen lẫn ngạc nhiên.

Theo kịch bản, tiếp theo chúng tôi bị hai mươi con báo tấn công. Chúng tôi, vì đang ngựa ngáy không chịu nổi, chống trả quyết liệt. Lúng túng, mấy con báo chạy trốn chết. Không phải như thế; theo kịch bản, lẽ ra chúng tôi phải tỏ ra sợ sệt mà bỏ chạy cho đến khi những chiến binh Masai dũng mãnh đến cứu. Nhưng chúng tôi không thể làm thế được; nếu chúng tôi mà đứng yên, những chỗ ngựa sẽ ran lên và thế là không gãi không được.

Những con báo lại xông tới, chúng tôi lại kháng cự. Cứ thế lặp đi lặp lại. Thật kỳ diệu, đi chệch khỏi kịch bản lại hóa hay - chúng tôi đã truyền tải được bản năng thực sự của động vật, có thể dữ tợn trong một số trường hợp và sợ hãi không thể khống chế nổi trong một số trường hợp khác. Tôi đưa mắt nhìn Mahar, nó như đang mở cờ trong bụng vì chúng tôi biết ứng phó nhịp nhàng. Hẳn là nó đã lường trước tình huống này và mong đợi kết quả đúng như vậy. Tiếng trống tabla của nó trở nên sống động hơn. Nó cười ngoác mồm tới mang tai. Tôi chưa khi nào thấy nó vui đến thế.

Khán giả cuồng nhiệt hơn khi những chiến binh Masai tiến vào cứu chúng tôi. Rồi một trận chiến thực sự nổ ra. Bụi bay mù trời và các vũ công xoay tròn quanh chúng tôi như một cơn lốc xoáy. Xen lẫn đám bụi mịn mù và trận chiến hỗn độn ấy là tiếng rú cuồng loạn của mấy con bò, tiếng trống vang dội của dàn trống tabla. Kịch bản của chúng tôi đã thể hiện điệu trống của những bộ lạc vùng cận Sahara. Điệu nhảy của chúng tôi gọi lên câu chuyện xa xưa về cuộc đấu tranh sống còn của những người mạnh nhất. Ấy là adzohu, cuộc đấu tranh sinh tồn còn được thể hiện thông qua ý nghĩa hàm ẩn của những động tác được thực hiện đồng loạt cùng với tiếng trống tabla giòn giã phát ra những câu thần chú diệu kỳ. Điệu nhảy cuồng nhiệt làm lay động bất kỳ khán giả nào như thể nó được đúc rút từ những lễ nghi thần bí của loài người. Khán giả kinh ngạc khi chúng kiến màn trình diễn nghệ thuật được thể hiện bằng những động tác hỗn loạn không theo kịch bản. Các thợ ảnh hết phim.

Sau buổi biểu diễn, chúng tôi chạy như điên tìm nước. Không may, chỗ nước gần nhất là một ao cái xoong bẩn thỉu đằng sau một cửa hàng xập xệ, đầy cá bị chết do nhiễm độc không ai thèm mua. Chúng tôi còn biết làm gì nữa? Phải nhảy ùm xuống đó thôi.

Chúng tôi không được chứng kiến khán giả tung hô Mahar như thế nào. Chúng tôi cũng không được trông thấy những giọt nước mắt tự hào chảy giàn giụa trên khuôn mặt cô Mus và thầy Harfan. Chúng tôi thậm chí cũng không được nghe lời khen từ trưởng ban giám khảo vì đang ở xa chỗ đó quá. Ôi, ban giám khảo đáng kính, cháu xin giải thích một điều: chúng cháu biết ơn chất nhựa tiết ra từ trái aren vì nhờ đó mà buổi biểu diễn “nghệ thuật” của chúng cháu mới thành công vang lừng đến thế, dù rằng chúng cháu ngựa điên lên từ cổ cho đến dưới bẹn, khiến

chúng cháu như nhảy trên than ấy. Đó là lý do tại sao chúng cháu lại nhảy điên cuồng đến vậy. Và đó là sự lý giải cho nghệ thuật của chúng cháu đấy ạ.

Chúng tôi cũng không hay biết rằng vào ngay lúc đó thằng Mahar đang nhận chiếc cúp danh giá nhất cho tiết mục Biểu diễn nghệ thuật đặc sắc nhất trong năm - chiếc cúp mà chúng tôi hằng mơ ước. Ấy là lần đầu tiên một trường làng đoạt được chiếc cúp đó, chiếc cúp có thể giúp xua đi những lời gièm pha coi khinh trường tôi.

Chúng tôi cũng không biết tất cả những chuyện này bởi vì trong khi buổi lễ trao giải diễn ra, chúng tôi đang ngâm mình dưới cái ao bẩn thỉu đó, chà xát cổ bằng lá cây kèo nèo. Chúng tôi có thể hình dung thấy Mahar cười rạng rỡ khi cả trận mưa khen ngợi tung hô đổ xuống người nó từ trên cao. Còn chúng tôi thì dường như đang lãnh hình phạt thích đáng trong cái ao dơ dáy. Sau nhiều năm bị chúng tôi lôi ra làm trò cười, rốt cuộc Mahar cùng một lúc đạt được hai mục đích: trả thù chúng tôi, và một phần thưởng mà ai cũng phải thèm muốn. Nó là thiên tài. Đúng là nhất cử lưỡng tiện. Ất hẳn đây là đòn trả thù ngọt ngào, rất ngọt - hết trái bintang.

CHƯƠNG 20

TƯỜNG TỬ

Vào một sáng thứ hai đặc biệt, sau nhiều năm chịu nhiều bất hạnh, lần đầu tiên Trường Tiểu học Muhammadiyah nở nụ cười.

Chúng tôi tổ chức một buổi lễ nho nhỏ trước tủ kính trưng bày. Dường như nó cũng hòa cùng niềm vui với chúng tôi vì lần đầu tiên được trưng bày một thứ đáng giá đích thực như thế: chiếc cúp.

Ngày hôm trước, trưởng ban giám khảo lễ hội hóa trang đã trao chiếc cúp đó cho Mahar, kết thúc bốn mươi năm cứ ở mãi trong tủ trưng bày trường PN.

Trái lại, với một trường làng Muhammadiyah có mặt ngót nghét một thế kỷ nay - trường lâu đời nhất ở đảo Belitong, thậm chí khắp Sumatra nữa - thì đây lại là lần đầu tiên đoạt cúp. Thầy Harfan cử cậu học trò đặc biệt đã làm nên sự kiện lịch sử này mang trọng trách danh dự là đặt chiếc cúp vào trong tủ trưng bày. Chiếc cúp đó giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về tài năng của Mahar. Nó xứng đáng được tôn trọng. Do vậy mà tình cảm của chúng tôi dành cho nó tăng lên đáng kể. Tính tình kỳ quặc của nó không thành vấn đề nữa, điều quan trọng bây giờ là nó là một thiên tài. Đó là điều chúng tôi cần nhìn nhận đầu tiên và trước hết và có thể đấy cũng là cách người ta nên nhìn nhận giới nghệ sĩ. Chúng tôi tự cho mình bình thường hơn nó, hay chúng tôi cảm thấy mình thật thà hơn và trung thực hơn, vậy mà chúng tôi chưa hề đóng góp dù chỉ là một thành tựu đáng kể cho trường mình. Vậy nên mặc dù tính tình lập dị, vẻ ngoài không giống ai, dù quan điểm và phương pháp của nó loạn xạ ngẫu, Mahar vẫn là người đầu tiên trong lịch sử làm nên điều gì đó phi thường cho trường chúng tôi. Nó là anh hùng khiến người ta phải suy nghĩ kỹ càng trước khi xem thường trường chúng tôi, và chúng tôi biết ơn nó vì điều đó. Tôi nghĩ có lẽ đây là điều mọi người gọi là đánh giá cao.

Buổi tiệc mừng khép lại bằng một tấm ảnh chụp. Chúng tôi xúm xít

xung quanh tủ kính trưng bày, cười toe toét, và bạn có thể đoán được ai cười to nhất rồi đấy - đúng rồi, Harun. Cô Mus đã cố ý gọi một thợ ảnh chuyên nghiệp đến chụp để chúng tôi có thể cho ông Samadikun thấy rằng chúng tôi cũng đoạt cúp.

Cô Mus đã hứa với chúng tôi, với tư cách cá nhân cũng như thay mặt nhà trường, rằng nếu chúng tôi đạt được điểm thi tuyệt đối hay thắng một giải thưởng đặc biệt nào, cô sẽ thưởng cho chúng tôi - phần thưởng do chúng tôi tự chọn miễn là nằm trong khả năng của cô. Quyền chọn phần thưởng giờ thuộc về Mahar.

“Em thích gì nhất, Mahar?”

Mahar vui không thể nào tả xiết. Nó mở cặp lấy mảnh giấy cuộn tròn.

“Thế em muốn cô thưởng gì nào?” cô Mus hỏi.

Mahar mở tờ giấy ra; miệng cười toe khi cho chúng tôi thấy tấm ảnh Lý Tiểu Long trong thế võ rồng nổi giận với ba vết cào nằm song song trên ngực và cây côn nhị khúc sẵn sàng choáng vào đầu kẻ thù. Chúng tôi hiểu Mahar muốn gì rồi. Nó đã nhiều lần nài nỉ cô Mus cho treo ảnh Lý Tiểu Long lên tường lớp học, và lời thỉnh cầu đó hết lần này đến lần khác đều bị cô Mus gạt phất đi. Giờ cơ hội ngàn vàng đã đến, giờ nó có quyền đòi cô phải thực hiện.

Cô Mus sững người, “Em không thích thứ gì khác sao Mahar?”

Mahar lắc đầu.

“Em chắc không? Chắc là không có lời thỉnh cầu nào khác chứ?” cô Mus nói, giọng hơi thất vọng.

Mahar lại lắc đầu.

“Ví dụ như được miễn tưới hoa trong một tháng chẳng hạn?”

Mahar vẫn lắc đầu.

“Hay không phải đi mua phấn?”

Mahar lại lắc đầu lần nữa và cười cười với tôi. Tôi cũng cười lại với nó đồng lõa, cố khiến cô Mus miễn nhiệm vụ mua phấn cho những đứa khác. Chuyển nhiệm vụ ấy sang cho tôi: tôi tình nguyện! Tôi xung

phong làm nhiệm vụ ấy với cả hai tay hai chân luôn!

Cô Mus suy đi tính lại xem lời thỉnh cầu của Mahar có được liệt vào danh sách những điều nằm trong khả năng của cô không. Cô cũng ý thức được lời hứa của một cô giáo dành cho học trò quan trọng như thế nào. Cô không thể xem nhẹ một việc như thế này được. Một bên giữ lời hứa và đánh giá cao, bên kia là tán thưởng sự lập dị. Cô Mus đang lâm vào tình huống tế nhị đòi hỏi phải cư xử sao cho khéo léo. Khó khăn thật.

“Định mệnh có tính xoay vần, thưa cô. Cô phải tin rằng một ngày nào đó tấm áp phích Lý Tiểu Long sẽ có ích.” Và như thế - bình tĩnh, triết lý và ngây thơ - Mahar thuyết phục cô Mus. Cô Mus sững sờ. Thực lòng cô muốn gạt bỏ lời thỉnh cầu của Mahar không muốn treo áp phích một võ sĩ đang trong tư thế dữ dần lên tường lớp học. Cô cố điều đình với Mahar. Hai cô trò thì thảo với nhau.

Ngày hôm sau, khuôn mặt của Lý Tiểu Long xuất hiện trên tường lớp học, ngay bên trên tấm bảng. Nhưng trông anh khác rồi. Anh không trong một thế võ ghê gớm. Anh cười trong bộ trang phục Trung Quốc truyền thống. Nụ cười của anh thanh thản giống như nụ cười của nam ca sĩ Rhoma Irama trên tấm áp phích Con mưa tiền treo ngay bên cạnh.

Thật lạ lùng - võ sư kungfu và ca sĩ lừng danh dòng nhạc dangdut giờ ngự cả trong phòng học của chúng tôi.

Sau khi nhìn thật kỹ, tôi nhận thấy có một điểm giống nhau giữa họ: cả hai đều có đôi mắt u buồn đầy quyết tâm chống lại tất cả những điều xấu xa trên trái đất này. Rất ấn tượng.

Những điều tốt có khuynh hướng sản sinh nhiều điều tốt hơn, như một ngạn ngữ của người Mã Lai. Và đúng như vậy - sự có mặt của chiếc cúp đó khiến chúng tôi lên tinh thần rất nhiều. Một điều tốt khác nữa là chúng tôi có nhận được một món tiền nhỏ kèm theo giải thưởng Lễ hội hóa trang đó, giúp chúng tôi đáp ứng yêu cầu của ông Samadikun về việc mua tấm bảng mới và tủ sơ cứu y tế. Cô Mus cho vào tủ sơ cứu y tế những viên thuốc APC và thuốc chiết xuất từ sâu. Số tiền còn lại được dùng đặt mua một tấm ảnh Tổng thống, Phó Tổng thống và quốc huy Garuda Pancasila từ cửa hiệu Cahaya Abaadi, có nghĩa là Ánh sáng vĩnh cửu - cửa hàng chuyên bán thiết bị cho những trường kiểu mẫu ở Tanjong Pandan.

Khoảng thời gian sau khi chúng tôi nhận cúp thật vui biết bao. Chúng tôi thường ngồi ngắm nó mãi mê hàng giờ, có thể nói về nó vào bất kỳ lúc nào ở bất kỳ nơi đâu. Chúng tôi cười hạnh phúc xung quanh nó, nhưng ngay trong giai đoạn phồn phơ đó, tôi vẫn thường cảm thấy lòng mình trống rỗng.

Những ngày đó, tôi cảm thấy cô đơn giữa đám bạn đang hoan hỉ nô đùa. Tôi thường tách ra khỏi chúng, ngồi một mình dưới tán cây filicium, không muốn trò chuyện cùng ai và không muốn đưa nào ngồi cạnh. Ý nghĩ của tôi vẫn vờ thoát khỏi tán cây filicium, bay bổng và hòa quyện vào những đám mây như thể chúng lạc mất đường. Tôi thậm chí không hiểu nổi bản thân mình, luôn mơ mơ màng màng như thế, không buồn ăn, không ngủ được. Tôi vướng vào một thứ cảm giác lạ lùng chưa từng có. Tôi đã biến thành một chú nai nhỏ đứng nằm không yên. Tôi biết mọi điều tôi nghĩ sẽ bị lộn tung phèo hết cả bởi một từ mới - cái từ khiến cuộc sống của tôi chao đảo: tương tư.

Ngày nào tôi cũng bị nổi tương tư về cô gái nhỏ với những móng tay xinh đẹp đó tấn công. Tôi cảm thấy lúc nào cũng như nghẹt thở. Tôi mong mỗi được trông thấy khuôn mặt cô, những móng tay mượt mà của cô, nụ cười của cô khi cô nhìn tôi. Tôi thậm chí còn mong được trông thấy đôi dép mộc, mái tóc buông lơ lửng trước trán, cách cô nói âm “r”, và cách cô xắn tay áo thật tỉ mỉ.

Tôi sớm hiểu rằng tôi không thuộc kiểu người chịu được nổi tương tư giày vò. Vậy nên tôi nghĩ thật lung tung tìm cách làm vơi đi sự nặng trĩu trong lòng. Sau khi nghiền ngẫm nhiều phương sách khác nhau, cuối cùng tôi đi đến kết luận rằng chỉ có đi mua phấn thì nổi tương tư của tôi mới nguôi đi được. Và chuyện này, chỉ có cô Mus mới có thể giúp tôi được, cô là niềm hy vọng duy nhất của tôi.

Tôi hết lời van xin cô Mus cho một mình tôi đảm nhận nhiệm vụ mua phấn. Tôi thương lượng với lũ bạn để tụi nó nhường nhiệm vụ mua phấn cho tôi. Tôi thậm chí tiếp cận lớp trưởng Kucai, và viện đến trưởng nhóm Chiến binh Cầu vồng, Mahar, nhờ giúp đỡ.

Chỉ cần đút lót hai gói kẹo me là thằng Kucai sẵn sàng thay đổi bảng phân công mua phấn đã được lên từ đầu năm. Nó, cũng giống như hầu hết chính trị gia tại đất nước này, thật dễ mua. Bảng phân công giờ chỉ còn lại một cái tên, tên tôi: Ikal. Từ tháng Một cho đến tháng Mười hai,

chỉ đọc mỗi tên tôi. Trong lớp chẳng đứa nào hé môi phản đối, chúng cực kỳ sung sướng khi không phải đạp xe 30 cây đến cái cửa hàng bốc mùi đó gặp ông chủ A Miauw đáng ghét để mua phần. Do vậy chẳng cần vất vả lắm tôi vẫn xoay xở để bằng phân công chỉ còn lại mỗi tên tôi. Nhưng, bạn tôi ơi, tôi lại nhìn nhận chuyện này theo cách khác. Trong mắt tôi, nỗ lực để trở thành người duy nhất gánh trách nhiệm mua phần là một cuộc chiến phải trả bằng máu và mồ hôi. Tôi phóng đại cho bất kỳ ai nghe tôi kể rằng tôi phải mất những ba tháng và một bao kẹo me hồi lộ Kucai để nó giao đứt nhiệm vụ mua phần cho tôi, trong khi thực ra tôi chẳng mất nhiều đến thế. Bạn tôi ơi, tình yêu khiến tôi trở thành một đứa lãng mạn vô phương cứu chữa. Nếu cần, tôi nguyện bán cả linh hồn để trở thành người mua phần. Tất cả những kịch tính thêm thắt này khiến tôi thấy cô gái đó thậm chí trở nên đẹp hơn rất nhiều. Tôi thật may mắn biết bao khi được gần cô mỗi bận đi mua phần!

Cô Mus tròn tròn mắt khi thấy tôi đột nhiên hăng hái với nhiệm vụ mua phần. “Chẳng phải em ghét nhiệm vụ này hơn bất kỳ bận nào hay sao? Trời ạ, chẳng phải em luôn miệng bảo cái cửa hàng đó thật ghê tởm hay sao?”

Tôi đỏ bừng mặt. Trớ trêu thay, tôi đã tìm thấy ý nghĩa của sự trớ trêu. Đó chẳng phải vì Sinar Harapan tỏa ra mùi hương thơm ngát gì cả; chỉ đơn giản là vì công chúa Sa mạc Gobi đang đợi tôi ở đó. Vậy nên, sự trớ trêu không thuộc về bản chất, nó nằm ở sự đền bù. Đó là bản chất thực của sự trớ trêu, không hơn không kém.

Cô Mus không muốn tranh cãi với tôi. Chắc chắn là bản năng cô có được sau ngần ấy năm làm nghề dạy học đang rung lên những hồi chuông trong đầu cô, cảnh báo rằng đứa học trò của cô có sự thay đổi đột ngột trong lòng là vì nguyên nhân nào đó liên quan đến cinta monyet - tình yêu trẻ con, hay tình yêu bông bột. Nhưng với tình yêu thương vô bờ bến kèm theo nụ cười kém hài lòng, cô lắc đầu chặc lưỡi chấp nhận.

“Miễn em không làm mất phần nữa là được. Em nên biết rằng phần được mua từ số tiền do cộng đồng Hồi giáo đóng góp đấy.”

Syahdan và tôi ngay lập tức trở thành cạ cứng trong nhiệm vụ mua phần. Tôi chịu trách nhiệm mua, Syahdan không cần phải đạp xe; nó chỉ cần ngồi đằng sau cầm hộp phần cho chặt và không được hé môi, vậy là đủ rồi. Hai đứa tôi tận hưởng cảm giác hồi hộp khi che giấu một bí mật.

Đương nhiên, nhờ có tôi đề xuất với cô Mus, Syahdan luôn đồng hành cùng tôi. Nó sung sướng khi được nghỉ học và cũng được thoải mái trêu chọc những đứa con gái con mấy chủ tiệm hok lo pan.

Khi chúng tôi đến Sinar Harapan, tôi nhanh chóng đi vào cửa hiệu hôi hám đó và đứng im giữa cả một đại dương hàng hóa. Tôi xoa đầu khuynh diệp vào mũi hồng làm át đi cái mùi kinh tởm bốc ra từ đây. Tôi quệt mồ hôi trên trán sốt ruột đợi đến khoảnh khắc diệu kỳ khi A Miauw gọi cô chim sẻ nhỏ đuôi trắng đằng sau tấm rèm ốc lấy phần.

Tôi đến gần ô cửa chuồng chim câu. Cô chìa tay ra. Tim tôi cứ như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Cô vẫn không nói lời nào, cứ im như thóc thễ, và tôi cũng vậy. Nhưng cô không vội rút tay lại như mọi bận. Cô cho tôi cơ hội chiêm ngưỡng những móng tay của cô. Chỉ cần thế thôi cũng đủ cho tôi hạnh phúc cả tuần sau đó.

Và cứ thế hết tháng này qua tháng khác. Mỗi sáng thứ Hai, tôi có thể gặp nửa còn lại của trái tim mình, mặc dù chỉ qua một bộ móng tay. Và mỗi quan hệ giữa chúng tôi đã tiến triển trong chừng mực như thế. Không chào hỏi, không nói với nhau lời nào, không trò chuyện mặt đối mặt, chỉ hai trái tim thủ thi cùng nhau qua những móng tay thần thánh. Tình yêu của chúng tôi là một tình yêu không thành lời, một tình yêu giản dị, một tình yêu rất e ấp, nhưng rất đẹp, không lời nào có thể miêu tả.

Có lúc cô gõ gõ ngón tay, có lúc lại trêu tôi, không chịu buông hộp phần khi tôi đón lấy, cứ như chúng tôi đang chơi trò kéo co vậy. Cô thường nắm chặt tay lại; có thể cô muốn hỏi, “Sao hôm nay đến muộn thế?”

Tôi hét lần này đến lần khác rắp tâm cầm tay cô, hay nói với cô rằng tôi nhớ cô quá thế. Nhưng cứ mỗi lần trông thấy móng tay cô, những lời chuẩn bị đâu ra đấy bỗng bay đi, lẫn vào mùi mồ hôi từ những người Sawang bốc ra. Tất cả dũng khí của tôi biến mất tằm dưới đồng đậu jengkol. Những móng tay ấy có một sức mạnh thần kỳ đến nỗi khiến tôi mê mụ như bị bỏ bùa. Sau mỗi lần gặp, tôi phải khốn khổ suốt một tuần, nhưng sự khốn khổ đó xen lẫn niềm hạnh phúc lạ lùng, cả niềm mong nhớ bóp nghẹt trái tim tôi vào giây phút cô rút tay trở vào ô cửa nhỏ.

Nếu có bất kỳ điều gì thế giới này không bao giờ có đủ thì đó là tình yêu. Thời gian trôi qua, trái tim tôi ngày càng có những nhịp đập bất

thường. Tôi không thể chịu nổi nếu không được nhìn thấy bộ móng tay yêu kiều của cô trong cả tuần. Vậy nên tôi thường thò nhiều viên còn dùng được, và rồi hoặc lén chôn chúng dưới cây filicium hoặc mang cho Harun, cậu cực thích phấn. Thế là, cứ đến thứ Năm lại hết phấn, và tôi sẽ lại đến cửa hàng vào sáng thứ Sáu. Tôi sung sướng không tả xiết khi rút ngắn được ba ngày chờ mong.

Tuy nhiên, cứ về trường từ cửa hàng mua phấn là tôi thấy khó ở trong lòng. Tôi cố bù lại hành động gian dối của mình bằng việc quét lớp, cắt cỏ, tưới hoa dù không được sai bảo gì, rồi hì hụi rửa xe đạp cho cô Mus và cả mấy đứa trong lớp nữa. Hành động của tôi khiến mọi người cứ mắt tròn mắt dẹt há hốc mồm ra nhìn. Cinta monyet thật không thể hiểu nổi!

Đã hai mùa trôi qua, người Sarong đã ra khơi đánh cá hai lần rồi, vậy mà tôi vẫn chưa biết được tên của cô gái nhỏ có những móng tay đẹp đó.

Nhiều lần tôi cố lấy hết dũng khí hỏi cô. Nhưng khi cô đưa tay ra, hòng tôi nghẹn lại không thốt ra lời. Vậy nên tôi giao cho Syahdan tìm hiểu. Công việc đó khiến nó sướng rơn lên - nó giống như một điệp viên Mã Lai, chuyên rình mò nghe trộm thông tin.

“Tên nó là A Ling!” nó thì thào trong khi chúng tôi đang đọc kinh Koran ở thánh đường al-Hikmah. Tim tôi rộn ràng.

“Nó học ở trường quốc gia đấy!”

Bụp! Kopiah - mũ truyền thống - của Taikong Razark đập vào kệ sách kinh Koran của Syahdan.

“Cư xử đúng mực trước sách kinh đi, nhóc!”

Syahdan ngằn ngừ rồi tiếp tục đọc kinh. Trường quốc gia là trường đặc biệt dành cho con em người Hoa. Tôi nhìn Syahdan chăm chăm ra chiều nghiêm trọng.

“A Ling là em họ của A Kiong!”

Tôi có cảm giác như vừa nuốt phải hạt rambutan, to cỡ quả nho, và nó không trôi mà đứng chặn ngang họng. A Kiong, đứa đầu hình hộp đó! Thế quái nào mà thằng đó có cô em họ với những móng tay đẹp tuyệt

trần ấy nhỉ?

Hình ảnh A Kiong ngay lập tức hiện lên rõ mồn một trong đầu tôi. Mấy ngày qua nó phải đứng suốt buổi học bởi có đến những năm cái nhọt mọc ngay mông, khiến nó không thể ngồi được. Nhưng nó vẫn cứ đến lớp như thường.

Tôi không thể tả nỗi cảm giác của mình trước cái tin nóng hổi ấy. Chuyện A Ling là em họ của A Kiong khiến tôi vừa mừng vừa lo. Syahdan và tôi thảo luận nghiêm túc nên đối phó thế nào với chuyện này.

Rốt cuộc, chúng tôi đi đến kết luận rằng chúng tôi phải tiết lộ câu chuyện cho A Kiong biết. Nó là đứa duy nhất có thể chọc thủng chiếc rèm ốc bí ẩn nơi cửa hàng Sinar Harapan ấy.

Chúng tôi lôi thằng A Kiong đến vườn hoa sau trường rồi cùng ngồi xuống chiếc ghế băng nhỏ gần khóm Beloperone và râm bụt nở bùng, một chốn hoàn hảo để nói chuyện tình yêu.

A Kiong lắng nghe chăm chú câu chuyện của tôi, nhưng nó không phản ứng gì. Gương mặt nó không hề thay đổi. Câu chuyện không lọt được chút nào vào đầu nó. Ánh nhìn của nó trống rỗng. Tôi đoán rằng A Kiong chẳng biết yêu là gì cả.

“Chỉ đơn giản thế này thôi, A Kiong,” tôi nói gấp gáp “Tao sẽ đưa mày thư để chuyển cho A Ling. Khi nào mày đi lễ chùa mà gặp cô ấy thì đưa giúp tao, hiểu không?”

Nó nhướn mày lên, mái tóc dựng ngược cộng với khuôn mặt béo tròn khiến nó trông buồn cười hơn mọi ngày. Khi nó thôi nhướn mày, hai cái má phúng phính của nó chảy xuống theo, rung rinh thật khôi hài. Nó là đứa có khuôn mặt kỳ cục nhưng nhìn lại thấy thích.

“Sao mày không tự đưa cho nó, chẳng phải sáng thứ Hai nào mày cũng gặp nó hay sao? Vô lý!”

A Kiong thực ra không nói thế, nhưng cái trán nhăn lại của nó nói thế. Tôi cũng trả lời lại nó theo lối thần giao cách cảm, “Này, cái cậu Phúc Kiến kia, tình yêu có khi nào có lý đâu?”

Hít một hơi thật sâu, tôi quay người đi và nhìn xa xăm ra ngoài sân

trường. Tôi hành động như thể đang diễn kịch. Tôi nhặt vài chiếc lá *Dracaena*, vò nát trong tay và rồi tung cả lên trời.

“Tao nguơng, A Kiong. Ở bên cạnh cô ấy, tao cứ chờ người đi ấy. Tao như bị thôi miên, mà bị thôi miên thì đâu có xoay xở kịp nếu có chuyện gì xảy ra. Nếu cha cô ấy bắt gặp, tao thậm chí không hình dung nổi hậu quả sẽ như thế nào nữa!”

Tôi đã bắt chước những lời lẽ bay bướm đó từ Aktuil, một tạp chí anh trai tôi đặt mua dài hạn. Có thể tôi sử dụng không được thích hợp lắm nhưng tôi mặc kệ.

Khi nghe câu nói giống trong mấy vở kịch trên radio (thời đó rất thịnh hành), Syahdan ôm lấy cây petai cina bên cạnh nó. Tôi hết lời giải thích cho thằng A Kiong hiểu rằng, trong thế giới tình yêu, gửi thư lãng mạn hơn nhiều vì những lá thư sẽ khiến đối phương bất ngờ.

Tôi đoán thằng A Kiong cảm nhận được giọng nói đầy tuyệt vọng của tôi. Nó không phải đùa sáng dạ nhưng là bạn tốt. Miễn là nó có thể, nó không bao giờ từ chối một đứa bạn đang cần sự giúp đỡ. Những lời lẽ cải lương của tôi khiến nó mềm lòng.

A Kiong cười và tôi cúi chào nó hết một tiểu hòa thượng trên chùa Thiếu Lâm xin phép sư phụ cho ra ngoài để dẹp loạn. Nhưng vốn có bản chất con buôn, nó đòi hỏi phải có đáp trả xứng đáng. Và tôi không nề hà chuyện làm hộ nó bài tập toán về nhà.

Thông qua A Kiong, những bài thơ tình của tôi không ngớt bay tới chợ cá. Ấy là một công việc dễ như bốn đối với A Kiong, và nó bắt đầu phờ phạc với điểm toán ngày một tiến bộ của mình. Mỗi quan hệ giữa tôi, A Kiong và Syahdan là một kiểu quan hệ ba bên cùng có lợi, kiểu như chim sáo đá đậu trên lưng trâu vậy. A Kiong hoàn toàn không ý thức được rằng hành động của nó tiềm ẩn một sự xung đột khủng khiếp giữa nó và chú nó, ông A Miauw.

Tôi luôn hối thúc A Kiong kể tôi nghe A Ling trông như thế nào khi cô nhận những bài thơ của tôi.

“Như vịt trông thấy ao nước ấy,” nó trả lời với giọng bốn cột đôn hậu.

Vào một tối đẹp trời tháng Bảy, tôi ngồi trên một tảng đá tròn trong vườn hoa và làm một bài thơ:

Hoa cúc

A Ling ơi, hãy ngược nhìn lên bầu trời

Những chùm mây trắng xóa đang trôi lững lờ về phía em

Đó chính là những đóa hoa cúc anh dành tặng em

Khi cho bài thơ vào bì thư, tôi mỉm cười. Tôi không tin nổi mình có thể viết được một bài thơ như thế. Có lẽ tình yêu có sức mạnh giúp cho nhiều điều được hé lộ, ví dụ như những khả năng hay những cá tính tiềm ẩn, những thứ nằm bên trong chúng ta mà chúng ta không hề biết.

CHƯƠNG 21

LỄ GIẬT ĐỒ

Mujis, người phun thuốc diệt muỗi trông hệt phi hành gia, bảo chúng tôi rằng hôm nọ, lúc phun thuốc diệt muỗi ở văn phòng khảo sát PN anh trông thấy một bản đồ khai thác thiếc lớn.

“Ba máy xúc đang tiến về phía ngôi trường này!” anh ta nói giọng chắc như đinh đóng cột.

Mujis thậm chí có thể gọi tên các IB.

“IB 9, IB 5, IB 2.”

IB là cách nói địa phương cho EB, emmer bager, tiếng Hà Lan có nghĩa là máy xúc.

Cái tin do Mujis mang đến thật khủng khiếp vì bất kỳ thứ gì nằm trên đường đi của chúng chắc chắn sẽ bị giật đổ. Nhưng cũng như mọi lần, cô Mus lại lên tinh thần cho chúng tôi. Cô bảo chúng tôi hãy nguyện cầu để không có gì tồi tệ xảy đến với chúng tôi. Chúng tôi ngay lập tức quên bém đi mối đe dọa từ mấy cái máy xúc. Nhất là tôi, vì tâm trí tôi đang bận rộn với một cái tin thậm chí còn bất ngờ hơn.

Chuyện là như thế này. Hôm nay trên đường về trường sau khi mua phần xong, trong khi tôi đạp xe, Syahdan đọc dòng chữ dưới đáy hộp phần nó đang cầm trong tay: Gặp tớ tại Chiong Si Ku.

Cái gì? Một tin nhắn của A Ling! Chắc chắn đó là chữ viết của A Ling rồi! Tin nhắn được viết bí mật bên dưới hộp phần đó khiến tôi mất tay lái, chiếc xe loạng choạng rồi đâm bổ xuống con mương. Tôi cố cứu lấy hộp phần và dòng chữ quý báu ghi trên đó. Hết lần này đến lần khác cô Mus thất vọng vì tôi không gìn giữ hộp phần cẩn thận. Syahdan và tôi ngã nhào xuống dòng nước bùn đen ngòm. Phần không sao nhưng chúng tôi ướt nhẹp hết cả.

Syahdan phát khùng lên. Tôi hơi hoảng khi nó tỏ ra như thế, nhưng cũng lại thấy thật buồn cười. Tất cả những gì tôi có thể trông thấy chỉ là hai con mắt trắng dã của nó, vì người nó từ đầu tới chân nhuộm bùn đen hết cả. Hai đầu gối tôi rớm máu.

Khi chúng tôi về đến trường, tôi lấy phần ra khỏi hộp và cho hết vào một chiếc hộp khác để có thể mang dòng tin nhắn của A Ling về nhà.

Về nhà, tôi đọc đi đọc lại mẫu tin. Tin nhắn đó dù đọc như thế nào vẫn mang một nghĩa duy nhất: cô muốn gặp tôi. Đọc ngược từ phải qua trái như trong tiếng Ả Rập, đọc xuôi từ trái qua phải, từ trên xuống, từ xa tới, hay đọc thật gần. Soi gương, đánh bóng bằng sáp nến, rọi kính lúp, bên bếp lửa, rắc bột mì lên trên, chống móng lên kẹp đầu giữa hai đầu gối rồi đọc nó phía sau hai chân, nhìn thật lâu như đang xem một bức ảnh 3D. Tin nhắn vẫn mang duy một nghĩa: Gặp tớ tại Chiong Si Ku. Được viết bằng Indonesia dễ hiểu, không dùng thành ngữ, không mang tính khoa học, không úp mở, hay dùng ký hiệu hay mật mã gì. Chỉ là tôi không thể tin được. Nhưng cuối cùng tôi cũng đi đến kết luận rằng, tôi, Ikal, sẽ sớm được gặp tình yêu đầu đời của mình! Đó là điều không thể bàn cãi gì nữa, cứ để cả thế giới này mặc sức ghen tị.

Chiong Si Ku hay Lễ giặt đồ là một lễ hội thường niên đến bây giờ vẫn còn được tổ chức. Ấy là một dịp vui cho tất cả người Hoa ở Belitong gặp gỡ tiệc tùng. Mọi thành viên trong gia đình đều có mặt và bà con của họ từ khắp nơi ở Indonesia cũng trở về Belitong tham dự. Mọi người đều mong đến dịp này. Có nhiều hoạt động giải trí khác nữa được gắn vào nghi thức tôn giáo cổ truyền này, như leo cột, đu quay, và nhạc Mã Lai. Chiong Si Ku đã phát triển thành một sự kiện văn hóa được quan tâm nhất ở đảo này. Mọi cộng đồng đều đến vui chơi và hưởng ứng sự kiện này: người Hoa, người Mã Lai, người Sarong, người Sawang.

Trung tâm của Lễ giặt đồ là ba chiếc bàn lớn, mỗi bàn dài mười hai mét, rộng hai mét, cao hai mét. Trên bàn đặt hàng chồng đủ mọi thứ do người Hoa mang tới - vật dụng trong nhà, đồ chơi và nhiều món ăn. Có ít nhất 150 thứ, nào xoong chảo, radio bán dẫn, nào ti vi trắng đen, bánh ngọt, bánh quy, nào đường, cà phê, gạo, thuốc lá, nào vải vóc, nào xì dầu, nước ngọt, xô chậu, kem đánh răng, xi rô, lốp xe, chiếu, nào túi xách, bánh xà phòng, nào dù, áo khoác, khoai lang, áo sơ mi, thùng, nào quần dài, xoài, ghế nhựa, pin và nhiều sản phẩm làm đẹp khác chất cao như núi trên những cái bàn rộng. Vào lúc nửa đêm, sẽ có đủ thứ cho tất

cả mọi người lấy, nói chính xác hơn là giành giật lấy. Đó là lý do tại sao người ta còn gọi Chiong Si Ku là Lễ giặt đồ.

Thứ người ta muốn lấy nhất là một cái túi nhỏ màu đỏ có tên gọi là fung fu, được giấu dưới mấy núi đồ đó. Ai cũng muốn giành được fung fu vì nó biểu tượng cho may mắn. Bất kỳ ai tìm thấy cái túi may mắn đó đều có thể bán lại cho cộng đồng người Hoa với giá hàng triệu rupi.

Ba chiếc bàn được đặt trước Thai Tse Ya, một điện thờ ma vương làm bằng tre và giấy màu sắc sỡ. Cao năm mét và vòng bụng dài hai mét. Con ma bằng giấy đó nhìn thật đáng sợ. Mắt nó to như hai quả dưa hấu. Cái lưỡi dài thè ra nhìn trông như muốn liếm chỗ thịt ngậy mỡ đang được nướng bên dưới. Thai Tse Ya biểu tượng cho những đặc tính xấu của con người và cho cả sự xui xẻo. Suốt cả ngày đêm, người theo đạo Không tử khắp Beliong đổ về quỳ lạy xì xụp trước Thai Tse Ya.

Thai Tse Ya đứng đối diện điện thờ, và tôi định sẽ gặp A Ling nơi hành lang điện thờ đỏ chói đó.

A Kiong và gia đình nó vào sân điện thờ để cầu nguyện. Nó nháy mắt cười với tôi. Tôi cố gượng cười đáp lễ vì đang rất căng thẳng. Tôi đang mãi chìm trong suy nghĩ về chuyện một cô gái người Hoa sẽ nghĩ gì về đứa con trai thuộc một ngôi làng Mã Lai như tôi. Ở chỗ của họ tôi thấy mình không được thoải mái. Liệu bỏ về có phải là cách tối ưu không? Không, niềm mong mỏi trong tôi tựa như một vết thương đang rỉ máu.

Tôi đợi A Ling suốt từ sau buổi cầu nguyện tối. Người đi xem lễ nô nức kéo đến ngày một đông và đã có rất nhiều trò riêu khiên. Không thấy bóng dáng cô đâu - có thể tôi đến quá sớm. Lẽ ra tôi nên tới muộn hơn, hay không đến luôn cho xong.

Siêu sao của nghi lễ chộp giật là người Sawang. Thiếu họ, buổi lễ sẽ mất đi không khí hào hứng. Năm nào họ cũng thành công vì sự tổ chức chặt chẽ của mình. Tối xuống là họ đã cất công nghiên cứu vị trí của những thứ có giá trị, những góc mà từ nơi đó họ có thể tấn công, và số người họ cần bao nhiêu là đủ.

Những người to con hơn được giao nhiệm vụ chặn các nhóm khác lại để cho những người nhỏ con hơn có thể nhảy thốc lên bàn. Những người còn lại lúi nấp dưới bàn, chờ hứng lấy bất kỳ món đồ nào rơi xuống. Nhóm của họ có chừng hai mươi người.

Tôi đã đợi được hai tiếng. A Ling vẫn chưa thấy đâu. Hàng ngàn người xem và hàng trăm người tham gia đã kéo đến chật cứng nơi sân chùa. Những tiết mục dangdut bắt đầu được trình diễn. Đu quay đông đưa cao vút tận trời xanh. Những người bán hàng rong cất tiếng rao lạnh lói chào mời. Không khí thật sống động vui tươi. Những người bán bong bóng rung chuông nghe thật chói tai, khiến tôi càng nóng ruột tợn.

Không khí lại càng huyên náo khi một vài người Sarong lục tục kéo đến. Họ quần khăn đầu hết những ninja, chỉ thấy mỗi đôi mắt. Rồi, chẳng mấy chốc sau, người Hoa kéo nhau đến. Ít nhất là sáu nhóm.

Những người tham gia Lễ giật đờ trông rất háo hức và nôn nóng chờ đến nửa đêm, lúc một thầy nho đập vỡ cái ang nước to. Khi ang nước vỡ, Lễ giật đờ bắt đầu.

Tôi hoàn toàn thờ ơ với những người tham gia Lễ giật đờ ấy. Những người đang trong tư thế chuẩn bị, trông cứ như vận động viên chạy nước rút đang tiến tới vạch xuất phát để sẵn sàng cuộc đua một trăm mét. Mọi cặp mắt thèm thuồng nhìn chăm chăm vào mấy đồng hồ đây ú trên bàn. Thật hồ hởi. Cũng thật là một cảm dỗ khó cưỡng giữa cuộc mưu sinh vất vả của họ.

Tôi không màng đến bất kỳ cái gì đang diễn ra xung quanh, vì tâm trí của tôi chỉ tập trung vào mỗi A Ling. Cô có thể ở đâu nhỉ? Chẳng lẽ cô không biết rằng trái tim tôi đang hồi hả đập đến là khốn khổ vì tôi muốn gặp cô biết chừng nào hay sao?

Rồi tôi trông thấy những người Mã Lai. Họ đến lẻ tẻ thay vì đi thành từng nhóm, và tôi biết lý do tại sao. Đối với tôi, Lễ giật đờ không chỉ là một nghi lễ thông thường mà còn là một nơi thể hiện bản sắc văn hóa chứa đựng nhiều bài học bổ ích. Buổi lễ này giúp tôi tỏ tường hơn bản tính cộng đồng người của tôi - người Mã Lai - và bản tính con người nói chung.

Người Mã Lai, như thường ngày, gặp nhiều khó khăn trong việc tự tổ chức. Họ tất bật với những đấu đá nội bộ mang tính chính trị hơn là tập trung vào buổi lễ để giành chiến thắng. Họ căm ghét sự chỉ trích và rất hiếm khi muốn xem xét bản thân mình. Họ luôn giữ quan điểm khác nhau và cực kỳ vui sướng khi có cơ hội tranh luận bảo vệ ý kiến của mình. Cho dù mục đích cuối cùng đạt được thì cũng chẳng sao, miễn họ

không mất thể diện trong suốt những cuộc tranh luận vụn vặt đó là được. Và có thể nói những người cứng đầu cứng cổ nhất và những người ít học nhất trong số họ thường đưa ra lý lẽ âm ỉ và hùng hồn nhất.

Nếu người Mã Lai có thể thực sự tổ chức được một đội thì mỗi cá nhân riêng lẻ đều muốn mình là đội trưởng. Vậy nên rốt cuộc chẳng bao giờ họ làm thành một đội đoàn kết và kết quả là họ tự mình làm mọi thứ, lúc nào cũng đơn thương độc mã. Do thế, họ chỉ cố giành giật mang về nhà được toàn kẹo cây, vài gói bánh quy dừa, vài chiếc tất không đủ đôi, đôi ba cái đầu búp bê, vài quả dừa mà người Sawang chẳng thèm đếm xỉa, một máy bơm nước - hay nói chính xác chỉ là cái vòi - và những thân thể bầm dập lem luốc vì giành giật.

Nhưng nói lại lần nữa, tôi không quan tâm đến buổi lễ hay thói quen của những người tham gia. Mọi suy nghĩ của tôi dồn cả vào A Ling cho dù đã ba giờ đồng hồ chậm chạp trôi qua trong tuyệt vọng.

Đột nhiên, mọi cặp mắt dồn vào một người dáng dong dỏng. Ông là người Sawang và rất được trọng vọng trong buổi lễ. Nhiều năm rồi, cộng đồng của ông giao cho ông nhiệm vụ đặc biệt là săn cho được cái túi fung fu: chiếc túi vải màu đỏ cực kỳ có giá trị. Tên ông là Bujang Ncas.

Ông xuất hiện mặc áo choàng đen, hệt như một võ sĩ. Một đứa nhỏ người Sawang đi theo sau cầm áo choàng cho ông khi ông nhập vào đội Sawang tham gia lễ.

Trước đây tôi đã từng chứng kiến Bujang Ncas ra tay. Ông nhảy thốc lên bàn nhanh như sóc. Ông khá điềm tĩnh. Ông không thêm quan tâm đến tính tham lam của những người tham gia khác. Cách hành xử của ông hệt như của một nô lệ được Siti Hindu hứa trả tự do nếu giết được Hamzah, thống lĩnh Hồi giáo trong cuộc chiến Utar. Người nô lệ ấy chẳng liên quan gì đến cuộc chiến này cả; chẳng phải chuyện của anh ta, và sau khi đâm cây giáo xuyên qua ngực Hamzah, anh ta vội vã trở về nhà.

Và Bujang Ncas với đôi mắt hoang dại cũng hệt như thế đó. Ông ta gạt hết những thứ đồ quý giá khác, ông ta không để ý đến tiếng hò reo vang dội của hàng trăm người vạm vỡ cường tráng tham gia cuộc chiến sống mái này. Ông ta nhón gót đi thật điệu nghệ trên biển đồ. Đôi mắt sáng quắc lạnh lợi của ông liếc qua liếc lại. Và chẳng mất quá nhiều thời gian,

ông ta đã xác định được vị trí của fung fu. Không hiểu sao ông ta luôn tìm thấy nó, ngay cả khi ông thầy nho đã giấu chiếc túi vải thiêng nhỏ màu đỏ thắm ấy nằm gọn trong nếp gấp của một chiếc áo ngủ phụ nữ, hay trong một trong hàng trăm hộp bánh quy gần như không thể mở, hay trong một bao quả lai, hay bên trong chiếc kẹo cây, hay trong quả bưởi.

Bujang Ncas lặn fung fu vào bên trong thắt lưng. Rồi huyền thoại sống của lễ giật đồ đỏ nhảy xuống đất êm ru, như thể ông có một sức mạnh nào đó khiến mình trở nên vô trọng lượng vậy. Một lúc sau, ông lặn vào đám đông, mất dạng. Mang theo biểu tượng của lễ hội, ông mất hút vào trong bóng đêm, khói hương trầm nghi ngút.

Căng thẳng do đợi A Ling quá lâu, bụng tôi quặn đau. Chân muốn khụy xuống, đầu vầng vất. Những ý nghĩ lung tung bắt đầu xâm chiếm tôi. Liệu A Ling có giống với hình ảnh tôi luôn ngưỡng tượng trong suốt thời gian qua không? Liệu những gì tôi hình dung về cô có khác với thực tế không? Biết đâu cô chưa từng quan tâm đến tôi thì sao.

Những ý nghĩ lộn xộn ấy bị cắt ngang khi đột nhiên tôi nghe thấy tiếng ang thủy tinh vỡ. Tiếng động bất ngờ ấy cắt đứt dòng suy nghĩ miên man của tôi, và tôi chạy như ma đuổi đến chỗ an toàn khi hàng ngàn người tấn công ba cái bàn như thể bị ma ám.

Và rồi tôi chứng kiến một trong những hiện tượng đáng kinh ngạc nhất từng tồn tại ở loài người. Cho dù năm nào tôi cũng được chứng kiến nhưng cảnh tượng ấy vẫn khiến tim tôi muốn ngừng đập. Hàng núi đồ trên ba cái bàn biến mất tầm trong chưa đầy một phút - nói đúng hơn là hai mươi lăm giây. Không lời nào có thể diễn tả được khoảnh khắc đó, khoảnh khắc sân chùa rơi vào hỗn loạn kinh khủng. Hàng trăm người hung dữ tấn công không thương tiếc mấy cái bàn cao. Họ chẳng khác gì bầy cá mập háu đói đang rượt đuổi con mồi.

Những người đã leo lên được trên bàn thì di chuyển nhanh như chớp, thành thực hất đồ xuống dưới cho người trong nhóm chờ sẵn. Những người đi một mình thì leo lên bàn, ngồi thụp xuống chộp bất kỳ thứ gì có thể, lần lượt cho vào mấy cái túi mang theo; thao tác của họ cũng nhanh chẳng kém. Có khi họ không thể nhấc được cái bao ra khỏi bàn vì trọng lượng của nó vượt quá sức họ.

Hàng tá người giành giật nhau món gì đó và một trận cãi vã ầm to nổ

ra giữa đồng đồ. Họ ngã ngựa ra, va vào nhau, rồi rút đánh bịch xuống đất. Đám khán giả thậm chí không có cơ hội vỗ tay cổ vũ nữa - họ quá kinh ngạc trước cảnh tượng khủng khiếp phơi bày bản năng hoang dã không thể tưởng tượng nổi của con người.

Những người không mang theo bao thì nhét tất cả mọi thứ có thể vào túi, thậm chí lặn vào quần áo - nhìn họ giống như những anh hề. Trong tình huống quay cuồng chóng mặt ấy, não họ không thể vận hành hợp lý được nữa, ngay đến gạo và đường họ cũng nhét cả vào trong túi. Nếu túi và quần đây, họ sẽ cho tất cả những gì có thể vào mồm. Họ cố hết sức giành lấy mọi thứ trong tầm tay, miễn là chúng vẫn còn trên bàn. Nếu cần, thậm chí họ sẽ cho các thứ vào trong lỗ mũi và lỗ tai nữa - quái đản thật!

Nếu ai đó đủ may mắn chớp được chiếc radio bán dẫn thì đừng hòng mang được nó về nhà nguyên vẹn, bởi vì chính chiếc radio ấy sẽ ngay lập tức bị đến mười lăm người chớp lấy cùng một lúc, sau đó thì còn lại có mỗi cái núm vặn kênh hay chiếc ăng ten. Mục đích không phải là lấy ăng ten mà là để đảm bảo rằng không ai khác có được chiếc radio nguyên vẹn. Dù radio bị phá hỏng hay không thể dùng được nữa thì cũng không quan trọng. Buổi lễ thể hiện lòng tham của con người. Ấy là một minh chứng không thể bác được của thuyết nhân loại học cho rằng tính ích kỷ, lòng tham, sự phá hoại và tính thích gây hấn là đặc tính cơ bản của giống người hiện thời.

Không đây ba mươi giây, Lễ giặt đồ - cái lễ mà người ta đợi suốt cả một năm ròng - kết thúc, chẳng còn lại gì ngoài lớp bụi dày, những người tham gia mình đầy thương tích, và những cái bàn tan nát giống như trái tim tôi sau khi chứng kiến tất cả.

Tôi đã đợi gần năm giờ đồng hồ, từ lễ cầu nguyện tối đến nửa đêm - A Ling vẫn không thấy đâu. Cô đã không giữ lời hứa. Có thể cô đang mãi nhặt mầm đậu và đã quên mất cuộc hẹn cùng tôi chẳng? Lễ nào cô không biết được rằng mẫu tin nhắn trên hộp phấn đó có ý nghĩa nhiều như thế nào đối với tôi? Thậm chí cô còn chẳng thèm đến.

Tôi phát chán khi nghe bài hát dangdut Mã Lai Gelang Sipatu Gelang, bài hát kêu gọi mọi người về nhà vì cuộc vui đã chấm dứt. Tôi cứ đứng ngây ra thần thờ nhìn những người bán hàng rong dọn dẹp đồ đạc và đám đông lục tục kéo nhau về. Tim tôi tan vỡ. Rõ ràng, niềm hạnh phúc

tôi đã cảm thấy suốt thời gian mua phần chỉ là cảm nhận của riêng tôi. Tôi không hơn gì một con sói đang tru dưới ánh trăng, một đứa con trai kém may mắn với tình yêu không được đáp trả.

Ngực tôi thắt lại trong mong đợi xen lẫn tuyệt vọng. Tôi muốn đạp xe thật nhanh và quăng mình xuống dòng sông Lenggang cho rồi. Nhưng ngay khi sắp sửa đạp xe đi thì tôi nghe thấy một giọng nói ngay đằng sau. Giọng nói mềm mại như đậu hũ. Và là giọng nói du dương nhất tôi từng nghe trong đời, như thể tiếng đàn hạc từ thiên đàng vọng xuống.

“Tên cậu là gì?”

Tôi quay ngoắt lại và ngay lập tức cảm thấy như hai chân mình nhấc bổng lên khỏi mặt đất.

Tôi thậm chí không thể thốt nên nổi một lời nào vì đứng trước mặt tôi đây, cách đúng ba mét, chính là A Ling!

Tôi hoàn toàn không biết cô đã đến từ hướng nào vì từ lúc này đến giờ hẳn là cô ở bên trong chùa nhìn tôi. Vào phút cuối cùng, khi tôi sắp sửa bỏ về trong tuyệt vọng thì cô đến và đảo ngược cảm giác thất vọng trong tôi.

Sau ba năm biết cô, chỉ biết mỗi móng tay của cô, mãi bảy tháng trước tôi mới trông thấy mặt cô. Sau khi tôi viết cho cô hàng tá bài thơ, và sau khi tôi mong đợi đến mỗi mùng, đêm nay cô mới biết tên tôi.

Tôi lấp bắp như người Mã Lai học kinh Koran.

Cô chỉ mỉm cười; một nụ cười ngọt ngào xiết bao. Cô mặc chong kiun, một chiếc váy dài đẹp mặc vào các dịp đặc biệt, và vào lễ hội tháng Sáu này, cô xuất hiện như nàng vệ nữ của biển Đông. Chiếc váy ôm sát người cô tôn lên những đường cong, dài từ mắt cá lên đến cổ, và được đơm một cái cúc hình như móng tay. Cơ thể mảnh dẻ của cô được nâng đỡ trên đôi guốc mộc xanh da trời.

Chính vào khoảnh khắc đó, tôi cảm thấy mình không tương xứng. Đối với tôi, A Ling giống như một người luôn thuộc về người khác. Tôi chỉ đơn thuần là một cái tên trong danh bạ điện thoại của cô, sẽ bị cô mau chóng quên đi sau một tuần.

Cô hiểu tôi đang nghĩ gì. Cô cầm lấy kiang lian, chiếc vòng cổ của mình.

Trên bề mặt chiếc vòng cổ có đính một viên ngọc có khắc chữ Trung Quốc tôi không hiểu.

“Miangsui,” cô nói, “Định mệnh.”

A Ling nắm tay tôi. Chúng tôi chạy về phía cái đu quay.

Người coi giữ chiếc đu quay đã ngắt điện. Anh sắp sửa ra về. A Ling nài nỉ anh cho nó quay thêm một lần nữa. Anh rõ ràng hiểu được đôi trẻ này đang say sưa với tình yêu.

“Tớ đã đọc bài thơ Hoa cúc trước lớp,” A Ling bảo, “Hay lắm.”

Tôi sung sướng tột cùng.

Và rồi chúng tôi im lặng, chỉ im lặng, ngồi mãi trên đu quay không muốn xuống. Tim tôi như nhảy múa dưới ánh sáng hắt ra từ những ngọn đèn trên chiếc đu quay thấp sáng bầu trời. Đó là đêm đẹp nhất trong đời tôi.

CHƯƠNG 22

TUK BAYAN TULA

Hóa ra cái anh phun thuốc diệt muỗi tên là Mujus ấy đã nói thật. Hôm nay có bốn người đội mũ bảo hộ và mang khoan đến sân trường chúng tôi. Họ là những jurucam - giám định viên của PN. Họ có nhiệm vụ tập hợp các mẫu đất để tìm ra hàm lượng thiếc có trong đất. Nếu chỗ nào có hàm lượng thiếc cao, họ sẽ đưa máy xúc đến khai thác.

Chúng tôi chỉ biết cầu nguyện và hy vọng hàm lượng thiếc xung quanh trường Muhammadiyah thấp để máy xúc không cần phải phá hủy nó. Chúng tôi đã khốn khổ với những khó khăn thường nhật quá rồi, và lời đe dọa của ông Samadikun về việc đóng cửa trường vẫn còn đang treo lơ lửng trên đầu - chẳng phải khó khăn của chúng tôi càng tăng lên bội phần khi lại còn phải đối mặt với những cái máy xúc nữa hay sao?

Nhưng lúc chúng tôi đang lo cuống lên như thế thì một người mặc đồng phục bánh bao xuất hiện. Ông ta đeo phù hiệu Pramuka (Hướng đạo sinh) trên túi áo. Ông ta hỏi, “Ở đây có Pramuka nào không?”

Cô Mus lắc đầu. Vì không đủ tiền cho việc ấy, chúng tôi chưa bao giờ thành lập được một đội Hướng đạo sinh. Quần áo hằng ngày của chúng tôi thậm chí còn không đủ cúc thì lấy đâu ra đồng phục Hướng đạo sinh chứ.

Người đó bảo cần huy động sự giúp đỡ của Hướng đạo sinh từ nhiều trường học để tìm một con nhỏ bị lạc trong núi Selemar.

“Nhưng chúng cháu có Chiến binh Cầu vòng,” Mahar nhanh nhẩu.

“Chiến binh Cầu vòng là gì?”

Mahar lễ phép giải thích mối liên hệ giữa cầu vòng và bộ tộc cổ ăn thịt người của Belitong. Cô Mus và cái ông mặc đồng phục chỉ biết gãi đầu, cả hai không nói được lời nào.

“Chúng cháu sẵn sàng giúp ạ,” Mahar nói hùng hồn.

Khi chúng tôi đến được chân núi Seluma thì trời đã chạng vạng. Cảnh sát, đội tìm kiếm và cứu hộ, nhiều đội Hướng đạo sinh và thành viên cộng đồng khác nhau muốn ra tay giúp đỡ đã sẵn sàng lên núi để tìm con nhỏ mất tích đó. Rõ ràng, con nhỏ đó sống trong Điền Trang, học sinh trường PN lạc khỏi lớp lúc đi leo núi dã ngoại. Gia đình và thầy cô giáo hoảng loạn khóc lóc thảm thiết.

Chó sủa ran, mọi người gọi tên con nhỏ đó, loa phóng thanh ầm ĩ. Từ tiếng loa in tai chúng tôi biết con nhỏ lạc đường có tên là Flo.

Đêm xuống. Nét mặt ai cũng trở nên lo lắng hơn. Năm trước, có hai đứa con trai mất tích; ba ngày sau người ta nhìn thấy chúng nằm rúc vào nhau dưới gốc cây medang, chết vì đói rét.

Các đường mòn quanh núi Seluma đúng là độc nhất vô nhị. Nhìn từ mọi góc độ, cánh rừng chẳng có gì khác biệt. Một người có thể cảm thấy như biết rõ mình đang ở đâu, và mãi đi sâu tít vào rừng rậm lúc nào không hay.

Có thể Flo bị lạc ở mạn Nam rồi cứ thế tiến về những dòng chảy của mấy nhánh sông Linggang nhiều thác ghềnh. Tại đó, trên mặt đất bằng phẳng rộng lớn có những chỗ nguy hiểm chết người, kiumi - cát lún trông rất rắn chắc nhưng khi giẫm lên chỗ đất đó sẽ ngay lập tức nuốt chửng cả người.

Nhưng nếu Flo không may bị lạc ở mạn Bắc, có thể nói con nhỏ đã đi vào đúng cổng địa ngục rồi. Không lối ra. Vùng đó bị khóa chặt bởi một con sông cực kỳ hung dữ có tên gọi là Buta. Con sông đó ngổn không biết bao nhiêu mạng người rồi. Dân làng đặt tên nó là Buta vì nó đáng sợ như thế. “Buta” có nghĩa là tối tăm, mờ mịt, không manh mối, bị mất kệt không lối ra - cái chết.

Ai cũng sợ sông Buta. Bề mặt của nó hiền hòa như mặt hồ, phẳng lặng như gương. Nhưng bên dưới bề mặt êm đềm đó ẩn chứa cái chết - những con cá sấu khổng lồ và những con rắn sống dưới đáy đen ngòm. Cá sấu sông Buta có một đặc điểm rất lạ. Chúng nhìn chăm chăm vào mấy con khỉ đang đu đưa trên những nhánh cây thấp, nhưng lại đón người trên thuyền. Những cây thông Úc già nua mọc oằn ra tận giữa dòng sông. Một vài cây đã chết khô, tạo nên một hình ảnh rợn tóc gáy,

giống như những con ma không lồ lớn vờn trên sông chực chờ một con mồi đi ngang qua.

Nếu Flo thật sự bị lạc ở mạn Bắc này, nó không trở ra được, vì nó không đủ sức để trèo hết dãy núi đá granit sừng sững đó. Nếu nó có cố hết sức thì cũng sẽ trượt và té nhào xuống bên dưới mà thôi. Cách duy nhất cho nó là băng qua sông Buta. Để qua được sông, trước tiên nó phải vệt thảm huệ tây đại cao ngang ngực. Bước chân đầu tiên nó đặt xuống chỗ nước đầy hoa huệ tây đại cũng là bước chân cuối cùng, vì chỗ đó là nơi sinh sống của phần lớn những con cá sấu hung dữ nhất Belitong.

Đêm xuống. Đã mười giờ đồng hồ kể từ khi Flo bị lạc. Không một tia hy vọng nào le lói. Con nhỏ tội nghiệp, một mình trong rừng sâu thăm thẳm. Có thể nó đang ngồi thu lu dưới một gốc cây, khóc nức nở, hoảng hốt, sợ hãi, lạnh run.

Trong lúc hoảng loạn, nhiều người đề nghị viện đến sự giúp đỡ của một ông già tên là Tuk Bayan Tula.

Tuk Bayan Tula là một pháp sư khét tiếng. Người ta bảo ông có thể bay như sương mù và ẩn thân sau một cọng cỏ nhỏ xíu. Ông có thể tắt đèn chỉ bằng một cái nháy mắt. Ông có sức mạnh hơn Bodenga, pháp sư cá sấu, thật ra ông mạnh hơn bất kỳ pháp sư nào. Không ai địch nổi. Ông là pháp sư duy nhất trên thế giới có thể băng qua biển bằng pháp thuật phi thường. Chỉ bằng một câu thần chú, ông có thể giết chết bất kỳ ai trên khắp đảo Java.

Dân làng Mã Lai tin rằng Tuk Bayan Tula nửa người nửa thần - chính xác hơn là nửa ma.

Ngoài Lý Tiểu Long ra, Tuk Bayan Tula cũng là thần tượng của Mahar. Nếu A Kiong muốn làm đệ tử của Mahar bao nhiêu, thì Mahar muốn làm đệ tử của pháp sư thần thánh đó bấy nhiêu.

Vì vậy người ta cử vài người đến gặp Tuk Bayan Tula trên đảo Lanun - Đảo hải tặc - nơi ông sống. Họ đến bằng xuồng gấn máy của PN.

Trời rạng sáng, nhóm người trở về. Mọi người đón chào họ với niềm hy vọng vô lý về một phép lạ. Nhưng phi lý còn hơn là bỏ cuộc an toàn. Chúng tôi tìm Flo khắp nơi nhưng vẫn không thấy tăm hơi nó đâu.

Nhóm được phái đi mang về một mảnh giấy từ Tuk Bayan Tula và kể

cho chúng tôi nghe một câu chuyện sờn cả tóc gáy.

“Pháp sư sống trong một cái hang tối đen,” họ run run kể lại. “Mắt ông sáng như mắt vẹt. Ông không mặc gì ngoài một mảnh vải choàng qua người.”

Mahar lắng nghe chăm chú, miệng há hốc.

“Khi ông đi, chân ông thậm chí chẳng chạm đất nữa!”

Suốt bao nhiêu năm, tôi được hai thầy cô giáo giỏi là cô Mus và thầy Harfan dạy phải nhận thức duy lý và tránh thế giới đa thần của Shaman giáo, vì vậy tôi khó mà tin tất cả những chuyện ấy. Nhưng thông tin này được đa số người trong đoàn cầu viện xác nhận, mà họ thì đâu phải những kẻ rỗi hơi ngồi ba hoa khoác lác ở mấy quán cà phê vỉa hè. Giờ thì thằng Mahar càng sùng bái Tuk Bayan Tula hơn.

Người dẫn đầu phái đoàn cầu viện ấy mở mảnh giấy nhận từ Tuk Bayan Tula và đọc lớn:

Đây là chỉ dẫn của Tuk Bayan Tula:

Nếu các người muốn tìm cô bé đó, hãy tìm gần cái lán bỏ hoang nơi cánh đồng. Hãy tìm mau nếu không nó sẽ chết đuối bên dưới đám rế đước.

Tôi giật mình sửng sốt khi nghe mẩu tin đó. Đây đe dọa, hay nói chính xác hơn, thật đáng sợ. Nhưng không ai có thể phủ nhận rằng mẩu tin ấy toát ra một sức mạnh nào đó. Cách lựa chọn từ ngữ của ông ta thật tỉ mỉ và thể hiện một khả năng siêu linh bậc thầy.

Nếu Tuk Bayan Tula nói dối, thì hẳn rất điêu luyện. Nhưng nếu quả thật là một pháp sư thì, ông ta không phải là pháp sư dỏm. Mẩu tin đó sẽ quyết định tiếng tăm của ông ta. Không một lời mập mờ hay ẩn dụ.

Nếu chúng tôi muốn chứng thực khả năng của Tuk Bayan Tula thì đây đúng là cơ hội rồi. Chúng tôi phải từ bỏ lập luận của mình và làm theo chỉ dẫn của ông ta. Và nếu hôm nay chúng tôi không thấy Flo gần căn lều hoang nơi cánh đồng ấy, hay không thấy nó nằm chết dưới đám rế cây đước, thì Tuk Bayan Tula huyền thoại không hơn gì một kẻ đánh bạc vớ vẩn. Ai thích đánh bạc cũng đều là tên lừa đảo. Và nếu đúng như thế - nếu ông ta chính xác là như thế, lừa mị chúng tôi - thì chính tôi sẽ

thân chinh đến đảo Hải tặc giết tung tấm vải mỏng tang quần quanh thân hình ông ta ra mà xem.

Trồng trọt luân canh gối vụ vẫn là một tập quán phổ biến nơi đây. Chắc rằng sẽ có nhiều khó khăn nảy sinh, vì không dễ gì xác định được liệu một cánh đồng có một căn lều hoang hay không. Thật ra dọc theo sườn núi có nhiều lều hoang, dùng làm nơi cất giấu thiếc ăn trộm. Những người khai thác đào thiếc từ núi lên đem bán cho bọn buôn lậu giả ngư dân ngay cửa sông Linggang. Rồi thiếc đó sẽ được tuồn sang Singapore. Những người khai thác trái phép dựng lên những căn lều đó và có lúc nguy trang mỏ thiếc thành cánh đồng trồng trọt.

Ăn cắp và buôn lậu là những nghề rất xưa. Những hành vi phạm pháp này - đương nhiên, phạm pháp theo góc nhìn của PN - xuất hiện từ khi người Hà Lan đưa người Khek sang Belitong làm cu li mỏ thiếc vào thế kỷ mười bảy.

PN xử lý dân khai thác bất hợp pháp rất nhẫn tâm và không hề nương tay. Hành vi của dân khai thác và bọn buôn lậu được xem như là hành động phạm tội mang tính chất phá hoại. Trên những dãy núi yên bình nơi dân khai thác bị xem như kẻ trộm, và dưới biển nơi dân buôn lậu được xem như hải tặc, chỉ có luật rừng: Nếu họ bị tóm thì ngùm ngay tại chỗ bởi loạt đạn AK 47 từ những kẻ máu lạnh vẫn được gọi là “cảnh sát đặc nhiệm chuyên bảo vệ thiếc”.

Nhờ chỉ dẫn của Mahar, đội Chiến binh Cầu vòng tiến về phía Bắc, đến lối đi tử thần của sông Butar.

Trên suốt con đường dẫn đến đó, chúng tôi dừng lại hàng chục cánh đồng và túp lều. Chúng tôi còn sục sạo cả những lùm rế đước. Chẳng tìm thấy gì. Flo biến mất, như thể bị đất nuốt chửng. Chúng tôi gọi tên nó đến khàn cả giọng rồi mà chẳng thấy gì.

Cứ thêm một căn lều chúng tôi tìm kiếm mà không thấy Flo đâu, danh dự của Tuk Bayan Tula lại mất đi một ít. Và đến trưa, danh tiếng của Tuk Bayan Tula gần như tan tành trong mắt chúng tôi. Chúng tôi bắt đầu ngò vức quyền năng của pháp sư vô hình. Mahar có vẻ bị xúc phạm vì chúng tôi luôn kêu ca ì xèo mỗi khi tìm thấy một căn lều trống hoác, mà câu nói của Samson gây tổn thương hơn cả, “Nếu lão pháp sư ấy có thể biến thành một con vệt thì lũ chúng mình đã không phải tìm kiếm nhọc công thế này.”

Cuối cùng, chúng tôi đến một tảng đá lớn nhô ra. Chúng tôi tụ tập lại đây để nghỉ lấy sức. Đã đến cuối sườn núi phía Bắc, và đằng sau, cách nửa cây số, là khu vực nguy hiểm chết người của sông Buta.

Vẫn không thấy Flo đâu. Nếu tính đến những con dốc mạn Bắc thì mẩu tin của Tuk Bayan Tula rõ ràng sai bét. Bằng máy bộ đàm, chúng tôi liên lạc với những người đi tìm kiếm mạn Tây, Đông, Nam thì cũng được báo là không tìm thấy Flo. Và có nghĩa là: Tuk Bayan Tula đích xác là một tên lường gạt.

Mặt Mahar húp lên như thể sắp khóc. Nhìn nó trông giống như một người bị phụ tình. Tuk Bayan Tula khiến trái tim nó tan vỡ, dù ông ta không hề biết mình là anh hùng được nó tôn sùng hết mực. Kết quả của niềm tin mù quáng.

Tôi cũng thấy buồn, không phải vì suy nghĩ về uy tín đã tan tành của Tuk Bayan Tula, cũng không phải vì nhìn thấy Mahar thất vọng náo nê, mà là vì nghĩ về số phận kinh khủng giáng xuống đời con nhỏ Flo. Rất có khả năng chúng tôi không bao giờ tìm thấy nó nữa. Hoặc có thể chúng tôi sẽ tìm thấy, nhưng chỉ là bộ xương vụn đàn quạ bu quanh. Và thương cảm nhất là khi nó phải chết trong tuyệt vọng bởi đội cứu hộ đã đến trễ chỉ vài giờ. Thật khó có thể sống sót được giữa cái lạnh kinh người ban đêm trong khi bụng đói còn cào. Tôi cảm thấy hoảng lên vì lúc này chúng tôi đã đặt chân đến lãnh địa của cái gọi là “quá trễ” rồi.

Harun vỗ vỗ vai Mahar. Mahar thụp xuống im lặng. Mắt của nó nhìn chăm chăm xuống dòng Buta và đầm lầy đầy hoa huệ tây. Chúng tôi đứng lên thu dọn đồ đạc, và sửa soạn về nhà. Trước khi chúng tôi rời chỗ đó, Syahdan quyết định lấy ống nhòm đồ chơi bằng thủy tinh đeo trên cổ ra thử. Nó dõi mắt dọc theo bờ sông Buta. Chúng tôi đang lục tục rời chỗ tảng đá thì nghe tiếng thét lạc giọng của Syahdan. Tiếng hét của định mệnh.

“Nhìn kìa, cây xoài trên bờ sông ấy.”

Ngay lập tức Mahar chộp lấy ống nhòm từ tay Syahdan. Nó chạy tới sát rìa tảng đá trông xuống. “Có một cái lều!” nó nói giọng phấn chấn. “Mình phải xuống đó!”

Những đứa còn lại đều bất ngờ với ý tưởng rồ dại của nó. Kucai, vẫn

ngậm miệng từ nãy đến giờ, nghĩ sự ngớ ngẩn của Mahar đã vượt quá giới hạn. Với tư cách là lớp trưởng nó cảm thấy cần có trách nhiệm.

“Mày sao thế, điên à?!” nó quát lên. Ánh mắt của nó đánh lại đậu xuống Harun lúc đấy đang đứng cạnh Mahar mồm há hốc.

“Đề tao nói cho mày nghe, đồ cứng đầu. Không thể nào có một cánh đồng dưới đó được. Chẳng người đầu óc bình thường nào lại trồng trọt ngay bên bờ sông Buta này, trừ phi họ muốn chết lãng nhách!”

Mahar lạnh lùng nhìn Kucai.

“Động não đi! Nào, về nhà nào!” Kucai kết thúc bài thuyết giáo của mình như thế.

Mahar không động đậy, Harun, thành viên lớn tuổi nhất, nhẹ nhàng khuyên nó, “Nào, về nhà đi... cái núi này đã ăn mất một đứa rồi đấy. Nào, Mahar, về nhà nào.”

Mahar dường như chẳng quan tâm. Và khi chúng tôi dọn bước đi về, Mahar điềm tĩnh nói, “Tụi mày về hết cả đi, tao xuống đó một mình.”

Và thế là chúng tôi cùng xuống dưới đó, mặc dù chúng tôi biết chẳng thể nào tìm thấy Flo dưới đó được. Chúng tôi rửa thằng Syahdan vì tự nhiên lại nổi hứng nhìn qua cái ống nhòm đồ chơi đó làm gì không biết. Chính Syahdan cũng thấy hối tiếc. Nhưng hối tiếc gì thì cũng đã quá muộn.

Vậy nên chúng tôi xăm xúi tiến vào lãnh địa tử thần – chỗ cát lún sông Buta – chỉ để hộ tống Mahar. Chúng tôi theo nó để thỏa mãn cái tôi của nó và bảo vệ nó khỏi sự ngu dốt của mình. Chúng tôi ghét sự sùng bái của nó dành cho pháp sư Tuk Bayan Tula, nhưng dù gì nó vẫn là bạn của chúng tôi, một thành viên trong đội Chiến binh Cầu vòng. Nếu không tìm thấy Flo, tôi nguyện sẽ là người đầu tiên táng cho thằng Mahar một cú vào đầu. Chà, tình bạn đôi khi có những đòi hỏi thế đấy và bạn bè cũng đành phải làm những việc chẳng đáng dừng. Bài số năm: Đừng bao giờ kết bạn với những ai sùng bái pháp sư.

Và khi chúng tôi đi xuống, đứa nào cũng cảm thấy rõ một điều rằng hóa ra những lời đồn đại lâu nay về bầu không khí rợn người của sông Buta quả không ngoa. Chúng tôi đi vào một lãnh địa lộ vẻ thù nghịch rõ ràng với người lạ. Nó giống như một nơi do những sinh vật hoang dã, kỳ dị

và dữ tợn cai quản. Dòng nước bùn đặc quánh bên dưới đám cọ thấp trông giống như vương quốc của quỷ và là mảnh đất màu mỡ cho đủ loại ma quỷ sinh sôi. Những con thần lùn đủ loại kích cỡ bò khắp xung quanh, hoàn toàn không đếm xỉa gì đến sự có mặt của chúng tôi, và không có chút sợ hãi nào đối với con người – vài con thậm chí còn tỏ vẻ muốn tấn công nữa chứ.

Có lẽ chẳng mấy người từng đặt chân đến nơi này, và chắc hẳn những kẻ xuân ngốc nhất trong số đó chính là chúng tôi. Chúng tôi đi từng bước cẩn trọng cảnh giác, thật êm thật nhẹ. Chúng tôi lấy tất cả dao rựa lặn trong xà rồng ra và đưa nọ bám sát đưa kia làm thành một hàng. Chúng tôi nghe thấy tiếng quẫy đạp mạnh dưới nước kèm theo tiếng đớp. Ấy là âm thanh phát ra từ cú tát miệng của một con cá sấu to không tưởng tượng nổi. Lũ rắn vẫn thản nhiên treo mình đung đưa trên mấy nhánh cây.

Cái lều cách chúng tôi khoảng một trăm mét. Chúng tôi càng đến gần, nó càng hiện ra rõ ràng và bí hiểm hơn – quả thật nó được dựng lên trên một cánh đồng hoang. Ai mà cả gan đến vậy không biết, dám trồng trọt tại một nơi như thế này chứ?

Cánh đồng nằm ngay bên bờ sông Buta. Rõ ràng là rất nguy hiểm. Chủ nhân của nó hẳn muốn cánh đồng nằm gần nguồn nước mà không để ý đến sự an toàn cho bản thân. Ngốc thật. Có lẽ ông ta đã bị chính sự ngu dốt của mình giết chết mất rồi, thế nên giờ cánh đồng mới bị bỏ hoang thế này. Dù gì thì gì, dù ông ta là người như thế nào thì rõ ràng hiện giờ ông ta cũng không thể cày xới trồng trọt gì được vì khắp nơi nhan nhản những sinh vật gây hại cho cây trồng. Lũ khỉ và bọn sóc hoành hành thoải mái trên cánh đồng này.

Có gì đó khiến chúng tôi chú ý: một nhánh cây doi gần cái lều đang rung chuyển dữ dội, như muốn gãy. Rõ ràng có một con khỉ đuôi dài háu ăn đang leo trèo nhảy nhót lên đó.

Chúng tôi rón rén đến gần cây doi và nghĩ cách tấn công nó. Con khỉ đang mải mê với mấy quả doi và hơn nữa lại bị cành lá sum suê bao quanh nên nó không thấy chúng tôi tiến tới gần. Chúng tôi càng tới gần, những nhánh cây càng rung lắc dữ dội. Con khỉ rung cành, khiến cho quả xanh rơi lộp bộp xuống đất – thật phá phách không chịu nổi. Chúng tôi muốn tận tay bắt nó và dọa nó một tí; chỉ để giải trí chút đỉnh trong

suốt cuộc tìm kiếm Flo đầy tuyệt vọng chán chường này.

Chúng tôi chạy cả lại đứng dưới tán cây và hét ầm ĩ để khiến nó giật mình chơi. Nhưng ngay khi chúng tôi vừa hét lên, tình huống đã hoàn toàn đảo lộn. Không phải nó giật mình mà là chúng tôi, đứa nào cũng đứng như trời trồng mồm há hốc cứ như thể cả đời chưa từng thấy chuyện gì đáng ngạc nhiên đến thế, vì đang vắt vẻo trên mấy nhánh cây là một con khỉ trắng lém lỉnh, nó ngồi như đang chơi trò chơi cuối ngựa. Có vẻ như nó mới thức dậy và chưa kịp rửa mặt. Nó phá lên cười khi thấy lũ chúng tôi mặt xanh mày xám chẳng hiểu mô tê gì. Flo, con nhóc tinh quái, đã được tìm thấy như thế!

CHƯƠNG 23

KHUÔN MẶT ANH LUÔN AN HIỆN KHẮP CĂN PHÒNG

TRONG MỘT CUỐN SÁCH, tôi thấy ông cười ngựa, cúi rạp xuống ôm lấy bụng nó như Kublai Khan. Mắt ông sáng quắc lên như thể ông đã bị một ngọn giáo đâm xuyên vào tim. Tôi thấy máu trong người nóng lên khi đọc đến đoạn ông lén lút bò về phía con nai đực sừng tấm Bắc Mỹ. Tôi không thể chịu nổi khi phải lật đến trang cuối, khi ông nói ông sẽ không chấp nhận tình yêu của những người đàn bà mang hai dòng máu Tutuni và Chimakuan. Tất cả là vì ông muốn gìn giữ dòng máu thổ dân Pequot chảy trong huyết quản mình – và điều đáng buồn nhất là ông là người duy nhất còn sót lại của bộ lạc mình.

Và vậy nên ông lang thang khắp những đồng cỏ mênh mông của vùng Yellowstone, một mình cười trên con ngựa không yên. Khi ông hú lên cả ngày và nhảy múa để thách thức mặt trời, thị lực của ông bắt đầu yếu dần. Ông bò xung quanh, khẩn nguyện để một người vợ thuộc bộ lạc của ông xuất hiện giữa đám sói đồng cỏ Bắc Mỹ, đúng y như cách các vị thần đã sản sinh ra phụ nữ Suquamish. Nhưng rồi thời gian chỉ mang lại con gió và phản bội ông không chút thương tiếc. Ông trở nên già nua. Và khi thần Chết thực hiện vụ của mình, ông lìa trần khi vẫn còn trai tân. Sáng hôm ấy, bầu trời chào đón dòng máu thuần chất Pequot với vòng tay rộng mở.

Ấy là một câu chuyện đầy mê hoặc. Tôi không bao giờ thấy chán, cho dù đã đọc đi đọc lại rất nhiều lần. Không hiểu sao cách thể hiện câu chuyện khiến tôi cảm thấy như mình có mặt trong đó, tôi thấy mình ở giữa thảo nguyên bát ngát Yellowstone, cho dù thậm chí tôi còn chẳng biết nơi ấy là đâu.

“Ấy là sức mạnh của văn chương,” bác đưa thư bảo.

Văn chương, tôi tự hỏi, là thứ gì?

Suốt những kỳ nghỉ hè, chúng tôi thường đến giúp bác đưa thư nơi ngôi làng nghèo khổ của chúng tôi. Bác làm việc một mình, bắt đầu sau buổi cầu kinh subuh lúc rạng sáng, quản lý bưu điện và hàng ngàn lá thư. Buổi chiều bác nhận thư, bưu phẩm và phiếu chuyển tiền. Buổi tối, bác mở cửa bưu điện và phân loại thư từ; rồi bác lên xe đạp giao thư khắp làng. Đôi lúc công việc này kéo dài cho đến đêm khuya. Công việc của một người đưa thư thật mệt nhọc.

Tôi thấy tim mình trĩu nặng khi mừng tượng đến sự vất vả của công việc ấy. Tôi cố dậy lúc nửa đêm để nguyện cầu thật tha thiết. Tôi nhắm nghiền mắt lại:

Thượng đế ơi, con chưa biết đặt mục tiêu gì cho tương lai. Nhưng khi con lớn lên, xin Thượng đế rủ lòng thương, đừng cho con phải làm công việc một người đưa thư nhé, và đừng phải làm bất cứ việc gì phải bắt đầu vào lúc rạng sáng. Con hứa với Người, con sẽ không bao giờ treo xe đạp của thầy giáo dạy kinh Koran lên cây bantan nữa.

Sau lần cầu nguyện như thế, Kucai, Mahar và Samson chẳng hiểu mô tê gì khi tôi không chịu tham gia cái trò treo xe đạp của thầy Taikong – thầy giáo dạy kinh Koran - ở thánh đường al-Hikmah nữa.

Bác đưa thư cho chúng tôi ít tiền để trả công vác bao thư và cho chúng tôi đọc những câu chuyện về thổ dân Yellowstone. Những cuốn truyện hản là của các học sinh trường PN đã trở về Java hay nơi nào đó. Những cuốn truyện không người nhận được bưu điện giữ lại.

Làm việc tại bưu điện là hoạt động hè của chúng tôi. Buổi tối, chúng tôi ngủ lại thánh đường al-Hikmah. Ở thánh đường, chúng tôi kể cho nhau nghe đủ mọi chuyện. Chúng tôi không bao giờ thấy chán khi kể đi kể lại câu chuyện về cái ngày chúng tôi đi tìm con nhỏ Flo ở núi và mẫu tin chính xác của Tuk Bayan Tula. Đó là lần đầu tiên Mahar biểu diễn một động tác mà sau này trở thành dấu hiệu đặc trưng của nó, động tác nó thường làm mỗi khi nó cảm thấy mình đúng: nó vừa nhướn mày, vừa nhún vai vừa gục gặc đầu, giống như chim cánh cụt. Thật dễ ghét.

Một ngày, khi đang giúp bác đưa thư cho thư vào bao, tôi kinh ngạc khi trông thấy có một lá thư đề địa chỉ của tôi và tên người nhận là tôi: Ikal.

Tôi lẩn ra đằng sau bưu điện, ngồi dưới tán cây rambu-tan và mở lá thư ra. Tim tôi đập rộn ràng. Một bài thơ:

Mong đợi

Tình yêu thực sự khiến lòng em run rẩy

Giây phút anh đưa mắt về hướng em đang đứng

Tại buổi lễ giặt đồ vào ngày định mệnh ấy

Khiến em không ngủ được

Vì khuôn mặt anh luôn ẩn hiện khắp căn phòng

Anh là ai

Người em mộng tưởng suốt ngày?

Anh chỉ đơn thuần là một chàng trai hiền toái

Nhưng, đâu có là thế, chính anh

Là người em đợi mong

Njoo Xian Ling (A Ling)

Mắt tôi nhìn như chọc thủng trang giấy ấy. Tay tôi run lên bần bật. Tôi đọc lại lần nữa và một linh cảm đắng cay len vào tim tôi. Tôi vừa hạnh phúc nhưng lại vừa buồn bã ghê gớm – như thể có điều gì đó kinh khủng sắp sửa xảy đến với tôi. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh. Tôi trông thấy hàng rào bua điện dần dần biến thành những cái chân kẹp chặt vào nhau. Ở khoảng giữa hai cái chân có một người đàn ông ngồi xồm bên xác một con cá sấu mất đuôi. Ông nhìn tôi. Nước mắt giàn giụa trên má đầy rỗ hoa.

Chính lúc đó, tôi đã hiểu nỗi đau đến nhói lòng từng tấn công pháp sư cá sấu Bodenga khi tôi chứng kiến ông trên sân bóng chày của trường quốc gia cách đây nhiều năm; một sự kiện đau buồn đã ăn sâu vào tâm trí non nớt của tôi. Đó là một chuyện buồn luôn trở lại trong tôi mỗi khi tôi thấy trong người khó ở. Và buổi chiều hôm ấy, sau nhiều năm, lần đầu tiên, hình ảnh Bodenga hiện về trong tâm trí tôi.

CHƯƠNG 24

TA SẼ MANG VỀ CHO EM NHỮNG BÔNG HOA TRÊN ĐỈNH NÚI

NÚI SELUMAR KHÔNG CAO đến mức khủng khiếp, nhưng đỉnh núi của nó cao nhất ở Đông Belitong. Để vào được ngôi làng chúng tôi từ phía Bắc, người ta phải đi vòng qua sườn núi bên trái.

Từ xa, núi Selumar giống như một con thuyền úp ngược: sừng sững và xanh lơ. Nằm dọc theo sườn núi bên trái nhấp nhô là nhà của người Selinsing và Selumar. Họ rào sân nhà bằng hàng tre trồng khít rịt được tía xén thấp. Hai ngôi làng giống nhau như đúc đổ bị chia cắt bởi một thung lũng sâu thẳm, cùng hồ Merantik phẳng lặng ăm ắp nước đầy.

Sức chịu đựng của con người hản sẽ được kiểm chứng trong suốt cuộc xe đạp leo lên con đèo ngắn nhưng rất dốc tới ngôi làng Selinsing. Thanh niên Mã Lai cố gây ấn tượng với người yêu bằng cách không bao giờ chịu hé miệng bảo cô gái ngồi sau nhảy xuống khi lên dốc mà cứ bặm môi cố đạp hết sức, cứ thế gồng mình chệnh choạng lên hết con dốc mới thôi.

Lên hết con đèo Selinsing, xe sẽ đổ dốc. Chàng thanh niên sẽ nở nụ cười khoan khoái và bảo cô người yêu ôm eo anh thật chặt, để cho cô thấy được rằng nếu chọn anh, cô sẽ có được một tấm chồng xứng đáng, người có thể che chở cho cô cả đời.

Rồi chiếc xe đạp sẽ vòng qua hai khúc cua, chạy men theo thung lũng hồ Meratik và rồi được con đèo dẫn đến làng Salumar. Và bất kỳ cô gái nào cũng sẽ thông cảm nếu người yêu cô bảo cô xuống xe, vì con đèo Selumar tuy không dốc bằng Selinsing nhưng dài hơn rất nhiều. Thế nên con đèo dẫn đến làng Selumar không phải là nơi thích hợp để chứng minh tình yêu của các chàng trai.

Mới chỉ đẩy xe lên được một phần tư con đèo thôi mà đã mệt lử rồi. Lúc này những hàng rào tre cứ như đang chòn vòn bước đi vì hai mắt bầy

giờ đã muốn nỗ lực vì kiệt sức. Càng lên gần tới đỉnh, bước đi càng nặng nề như thể bị đeo đá vào chân. Mồ hôi ròng ròng, chảy cả vào mắt, xuống tai, rồi cổ, chảy qua cả áo xuống ướt hết cả quần.

Tuy thế, khi lên được đến đỉnh – nghĩa là đỉnh của mạn trái núi Selumar như tôi nói lúc đầu – mọi nỗi mệt nhọc biến mất cả. Trái dài ngút ngàn trong tầm mắt là bờ biển Đông Belitong xanh ngắt, mây trắng giăng ngang bầu trời rực rỡ, và những hàng thông thẳng tắp.

Từ đỉnh núi, người ta sẽ thấy những ngôi nhà nằm rải rác dọc hai bên bờ khúc sông Langkan đổ ra biển, uốn lượn ngoằn ngoèo như rắn. Hai khu nhà ấy không hề có hàng tre bao quanh mà là những cánh đồng hoang um tùm cỏ dại. Càng nhìn xa ta thấy khoảng cách giữa hai khu càng lớn.

Khu dân cư nằm chệch sang hướng Tây Nam như men theo con đường chính duy nhất tiến về Tanjong Pandan. Khu cư dân tiếp tục tiến thẳng về phía Nam với những dòng nước đầy thác ghềnh của con sông Linggang huyền thoại cuộn về cửa biển. Bên kia sông những ngôi nhà mọc lên san sát quanh khu chợ cũ bừa bãi và lộn xộn kinh khủng.

Nếu bạn đi dọc theo con đường này, đừng vội xuống thung lũng từ đỉnh Selumar. Hãy dừng lại nghỉ chân một lát. Hãy tựa người một lúc vào cây angkana nơi rũ tóc con đuôi vàng đang nô giỡn. Hãy lắng nghe bản hợp ca của rừng thông và bọn chim chí chèo giành giật mật hoa dơi với bọn ong nghệ dưới ánh nắng mặt trời. Hãy tận hưởng sự hòa quyện ngọt ngào làm say đắm lòng người của núi, thung, sông và biển chốn này. Hãy nói lòng khuya áo để hít căng lồng ngực làn gió tươi mát thoảng đưa hương của loài hoa andraeanum có cánh hình trái tim, mơn mơn tươi tốt như hậu duệ của nó mọc tít trên cao. Tên hoa được đặt dựa vào hình dáng của cánh hoa. Nhiều người còn gọi nó là Hoa Tình Yêu.

Bản thân tôi không chắc làn hương thơm ngát khiến lồng ngực tôi căng phồng lên đó là hương andraeanum hay là hương nấm thực vật mọc cộng sinh cùng nó, một loài nấm có tên Clitocybe gibba – loại nấm không cưỡng cố vươn cái mũ thật rộng hòng che được đám rễ của họ khoai sọ. Lũ nấm này mọc rộ lên lúc thời tiết ẩm ướt, khi những luồng gió Tây cuối năm thổi về. Chúng có hình dạng mập tròn và cứng cáp.

Đội Chiến binh Cầu vòng thường đi dã ngoại trên núi Selumar nên đã hơi chán với phong cảnh nơi đây. Thường chúng tôi không cuộc bộ một

hơi lên đỉnh; chỉ hơn hai phần ba chặng đường là được rồi. Thêm nữa, con đèo có kết cấu từ đá granit nên rất trơn trượt. Nhưng lần này, tôi rất hăng hái và quyết chí tiếp tục lên tới đỉnh. Tụi bạn hưởng ứng liền. Chưa có gì lạ thường xảy ra và chúng nó còn mãi mê trò chuyện về phong cảnh đẹp đến sững sờ mà chút nữa thôi chúng nó được chứng kiến từ trên đỉnh núi: cây cầu vắt qua sông Linggang và những chiếc sà lan nằm sắp lớp nhau dưới chân cầu.

Nhưng tôi không quan tâm đến bất kỳ điều gì bởi vì tôi đang thực hiện một nhiệm vụ bí mật. Nhiệm vụ bí mật đó phải được thực hiện nơi có phong cảnh đẹp ngất ngây – nơi duy nhất chỉ có ở chỗ cao nhất trên núi Selumar. Nhiệm vụ bí mật đó cũng liên quan đến những bông hoa xinh đẹp lộng lẫy chỉ mọc ở những nơi cao nhất: hoa lá kim đỏ, và nếu tôi gặp may, loài hoa muralis ngọt ngào đó vẫn còn nở rộ trong tuần này.

Tôi gọi muralis là hoa cỏ núi – cái tên do tôi tự nghĩ ra. Bởi vì loài hoa này thích tự tung phấn, nên sáu hay bảy cây con đã xâm nhập vào đồng cỏ ngựa vằn. Đài hoa cỡ ngón tay cái, vàng mơ được đỡ lên bởi cuống hoa màu xanh nhạt với kích thước không giống nhau: phóng khoáng và đáng yêu. Lá hoa không thể gọi là đẹp được bởi vì hình dáng và màu sắc giống loại trifolia thông thường. Nhưng nếu hái được chừng mười lăm cành hoa, ngắt bỏ hết lá đi, rồi đem thành một bó – người con gái nào nhận được bó hoa này tim cũng tan chảy ra cho mà xem.

Sau ba giờ đồng hồ, chúng tôi lên được đỉnh. Tim cả đội Chiến binh Cầu vòng như vỡ òa ra trước khung cảnh trải dài ngút ngàn bên dưới.

“Nhìn trường mình kìa”, Sahara reo lên. Ngay cả khi nhìn từ xa thế này, ngôi trường vẫn toát lên vẻ đáng thương. Dù nhìn từ bao xa, từ góc độ nào thì ngôi trường chúng tôi vẫn chẳng khác gì cái nhà kho chứa cùi dừa khô.

Kucaï chỉ vào một tòa nhà, “Kìa! Thánh đường Hồi giáo đấy!”

Cả bọn hét vào mặt nó, “Chùa mà, đồ ngu!”

Ngay cả khi cô Mus đã cố hết sức thì thằng Kucaï, như hầu hết các chính trị gia ở xứ sở này, vẫn có chỉ số IQ vào hạng khó cải thiện.

Có hai luồng ý kiến trái ngược nhau, thế là một cuộc tranh luận chẳng đầu vào đâu nổ ra.

Như thường lệ, Mahar bắt đầu kể chuyện cổ tích. Theo nó, núi Selumar là một con rồng nằm cuộn tròn và ngủ như thế đã hàng bao nhiêu thế kỷ nay rồi.

“Con rồng này sẽ thức dậy vào ngày phán quyết. Đỉnh núi là đầu nó. Có nghĩa là ngay lúc này đây bọn mình đang đứng trên đầu nó đấy! Đuôi nó cuộn lại nơi của sông Linggang.”

A Kiong hoảng hồn.

“Vậy nên đừng ồn ào quá, nếu không thần linh quả phạt đấy,” Mahar tiếp tục, vẫn chưa thấy thỏa mãn trong việc tự biến mình thành thẳng ngố.

A Kiong tiếp tục nuốt ừng ực từng chi tiết trong câu chuyện của Mahar. Để thể hiện lòng ngưỡng mộ dành cho câu chuyện bổ ích đó, nó kính cẩn dâng lên cho Mahar một quả chuối từ phần ăn mang theo của nó. Cung cách của nó hết như người tiền sử cống nộp cho pháp sư vì đôi ơn ông ta chữa khỏi bệnh ghê chốc cho vậy. Mahar nhanh như chớp chớp lấy đồ cống nạp rồi tọng ngay vào mồm, hoàn toàn không hay biết gì về sức ảnh hưởng ghê gớm của mình lên thẳng A Kiong. Một trận cười nổ ra khi chúng tôi chứng kiến cảnh ấy. Nhưng A Kiong mặt vẫn tỉnh bơ – đối với nó, chẳng có gì đáng cười trong chuyện này cả.

Tôi cũng không cười. Tôi lại rơi vào trạng thái u uẩn lẻ loi giữa cái không khí huyền ảo ấy. Tôi không thể rời mắt khỏi cái hộp đồ bên dưới.

Tôi tỉ mỉ tìm kiếm trên khắp các đồng cỏ trên đỉnh núi, hái những nụ hoa lá kim đỏ đại và hoa muralis rồi bó lại bằng cây bụi.

Nhìn từ trên đỉnh núi, phong cảnh thật đẹp – đẹp như một bài ca. Đoạn nhạc dạo là những chòm mây lơ lửng như thể với tới được. Đoạn xướng âm là tiếng riu ran của bầy pri-gantil, nghe rất gần và thánh thót. Đoạn điệp khúc là hàng ngàn bồ câu ào xuống đám huệ tây mọc tràn lan bên dưới như một tấm thảm khổng lồ. Và bài ca ấy phai dần rồi mất hút đi trong cánh rừng đước.

Tôi cất công leo lên núi Selumar này cũng là vì phong cảnh hữu tình và những bông hoa say đắm lòng người ấy. Dù tôi có bị vẻ đẹp của nơi đây hút hồn đến thế nào đi nữa thì lý do duy nhất tôi có mặt trên đỉnh cao

nhất Đông Belitong này chính là cái hộp màu đỏ bên dưới kia. Mái nhà của A Ling.

CHƯƠNG 25

ĐÁ BILLITONITE

MỘT BUỔI SÁNG THỨ HAI đẹp trời. Một bài thơ được bọc trong giấy gói màu tím in hình pháo hoa. Một bó hoa hái được từ đỉnh núi Selumar, cột bằng dây ruy băng màu xanh da trời nhạt. Sắc hoa vẫn còn tươi lắm vì được cắm trong bình gốm cả đêm hôm qua.

Bó hoa và bài thơ diệu kỳ này là chất liệu làm nên tiểu thuyết diễm tình của tôi, và thiên tiểu thuyết ấy sẽ diễn ra vào sáng hôm nay. Kịch bản nằm trong đầu tôi suốt mấy tuần qua, và nó như thế này:

Khi A Ling đẩy hộp phấn ra, tôi sẽ đặt bó hoa và bài thơ lên tay cô. Không cần nói lời nào. Hãy cứ để cô thưởng thức vẻ đẹp của loài hoa trên đỉnh núi ấy. Hãy cứ để cô đọc bài thơ tôi viết và cảm nhận được một phong vị gì đó thậm chí còn tuyệt hơn cả bánh vào dịp Tết Nguyên đán của người Hoa nữa.

Nghe A Miauw gọi, tôi vội chạy đến nơi ô cửa nhỏ đó. Nhưng khi chỉ còn hai bước nữa là đến, tôi đứng chết trân tại chỗ, bàng hoàng khi trông thấy bàn tay chai sần thò ra từ ô cửa – không phải bàn tay của A Ling!

Bàn tay rất kỳ dị, cứ như một lưỡi hái tử thần bằng đồng: gân guốc, cẩu bản, đen đúa và lem luốc dầu.

Một vòng tay san hô màu đen cuộn ba vòng xung quanh lưỡi hái đó. Những đầu rắn độc pinang barik chực tấn công được chạm khắc nơi cuối chiếc vòng. Dưới cùi chỏ được thít một vòng bạc, kiểu vòng những gã khổng lồ hung bạo trong các câu chuyện wayang thường đeo. Hai đầu của cái vòng này mang hình một chìa khóa có nhiều khía, loại bọn trộm thường dùng để đột nhập vào nhà người khác thó của. Không có vết xăm nào, điều cấm kỵ trong tín ngưỡng Mã Lai, nhưng những ngón tay bị bóp nghẹt bởi ba chiếc nhẫn to vật vờ.

Chiếc nhẫn trên ngón tay trở có đính viên đá satam lớn chưa từng thấy.

Satam là loại đá quý mới chỉ được phát hiện tại một nơi duy nhất trên thế giới: Belitong. Ngoài ra không còn nơi nào khác. Nó có màu đen bóng bởi thành phần cấu tạo nên nó gồm acid carbonic và magnesium. Nó có tỷ trọng nặng hơn thép và không thể gọt đẽo.

Đá satam nằm sâu trong những hố thiếc cũ và rất khó tìm thấy – chỉ may mắn lắm mới vớ được nó ở mãi sâu trong tâm quả đất. Năm 1922, người Hà Lan đặt tên cho satam là billitonite. Đây là lý do hòn đảo này có tên Belitong. Theo tiếng địa phương, ấy là một tên gọi thiêng liêng, kuake. Sau này – tôi không biết tại sao, có thể để nó nghe không quá quê mùa, hay có thể vì người Mã Lai nhà quê hiếm khi dùng chữ “U” – bọn người đáng ghét nằm trong chính quyền Trật Tự Mới đổi tên mới đổi tên đó thành Belitung, đúng là hành động hết sức thô tục và tùy tiện.

Chẳng có khiếu thẩm mỹ gì cả, chủ nhân của cái bàn tay như lưỡi hái ấy lại gắn vật thiêng đó lên chiếc nhẫn bằng đồng thau rẻ tiền. Thế nhưng nó được đeo hết sức ngạo nghễ, như thể người đeo nó là chúa tể thế giới này vậy.

Ngón áp út đeo một chiếc nhẫn gắn đá akik, mới nhìn trông như thạch anh tím quý giá của Kalimantan. Nhưng tôi đâu có mù mờ đến thế. Viên đá ấy chỉ được làm từ nhựa tổng hợp và pha chế nấu nhiệt độ cao. Người đeo nó là một kẻ bịp bợm và chẳng bịp được ai ngoài chính ông ta.

Và cuối cùng, trên ngón giữa là chúa tể của tất cả những chiếc nhẫn đáng sợ nhất, thể hiện chủ nhân là một người hay làm chuyện lén lút mờ ám: một đầu lâu người to đùng ngoác cái mồm rộng hoác quái đản với hai hố mắt sâu hoắm. Chiếc nhẫn này được làm từ mẫu thép không gỉ lấy được nhờ thông đồng với đám công nhân rửa máy PN.

Quy trình biến mẫu thép không gỉ ấy sang một chiếc nhẫn khiến ai nghe cũng phải rùng mình. Sau khi giũa sơ qua bằng máy tiện cho có hình thù chiếc nhẫn, mẫu thép không thể vỡ ấy được giũa bằng tay hàng mấy tuần liền. Những lao động của PN ở cấp cu li thường làm loại nhẫn ấy. Đây là một kiểu văn hóa phản kháng bí mật đối với PN: Chiếc nhẫn đó thể hiện sự áp bức của con người. Hàng bao nhiêu tuần làm việc vụng trộm ấy không làm ra được cái gì ngoài một chiếc nhẫn sáng lóa gồm guốc. Nhưng vào chính ngày hôm nay thì những công đoạn làm ra chiếc

nhấn ấy chẳng có bất kỳ ý nghĩa nào đối với tôi cả. Còn mấy móng tay nữa chứ, eo ôi! Trời đất quý thần ơi, hình thù của chúng cứ như bị nguyên rửa ấy. Sự khác nhau giữa móng tay của A Ling – những móng tay mà nhiều năm qua tôi đem lòng mê mẩn quá đỗi ấy - với những móng tay này đúng là khác nhau như thiên đàng, và địa ngục. Chúng dày thô, dơ dáy, dài ngoằng không cắt tỉa gọn gàng. Mấy đầu móng tay thì lồm chồm. Trông chẳng khác nào vảy cá sấu.

Tôi đang trong trạng thái kinh ngạc tột đỉnh đó thì nghe một tiếng đập mạnh. Bàn tay đó hối thúc tôi lấy hộp phấn được chìa ra từ nãy giờ. Rồi tôi nghe thấy một tiếng càu nhàu thiếu thiện cảm. Tiếng đập ngày một lớn hơn khiến tôi đâm ra cáu. Nhưng điều khiến tôi cảm thấy bức bối nhất là mình không gặp được A Ling. Cô đã đi đâu?

“Chuyện gì thế?” Syahdan hỏi khi trông thấy cái điều đã giữ tôi lại lâu đến thế. “Bàn tay ai đấy?”

Tôi ghen nào không nói được lời nào.

Bàn tay đó không lạ lẫm gì với tôi cả. Không của ai khác ngoài Bang Arsyad, cu li của A Miauw. Tôi nhớ lúc anh khắc đầu rắn pinang barik lên cái vòng san hô được người Sarong cho. Anh ta bảo tôi rằng phải mất ba tuần mới mài được chỗ san hô dài lấy được từ đáy biển ấy thành chiếc vòng tay ba vòng đó. Chỗ san hô, thoát đầu dài và cứng, bị chinh phục bằng cách bôi dầu luyn và kiên nhẫn hun khói trên bếp lò.

Tiếng vỗ ngày một lớn hơn. Bang Arsyad đúng thật là vô cảm. Anh ta biết tôi đang hoang mang vì không thấy A Ling, một thói quen kéo dài đã mấy năm nay.

Syahdan lấy hộp phấn. Bang Arsyad thụt tay vào. Cái tay biến mất như một con vật lủi nhanh vào ổ.

A Miauw, nãy giờ chứng kiến cảnh đó từ đầu chí cuối, lại gần tôi. Ông ta đứng bên cạnh tôi và hít một hơi thật sâu.

“A Ling sắp đi Jakarta rồi,” ông ta chậm rãi nói. “Nó sẽ đáp chuyến bay chín giờ. Nó đến sống cùng bà cô neo đơn. Nó có thể được học hành tốt ở đây...”

Tôi mù người đi. Tôi không tin được tai mình nữa. Cảm giác khi hồi tưởng về Bodenga, đã thành sự thật. Lòng tôi như bị ai giày xéo, quặn

thất.

“Nếu đủ duyên, hai đứa mày sẽ gặp lại nhau ngày nào đó,” A Miauw vỗ vỗ vai tôi.

Tôi cúi đầu xuống như đang mặc niệm. Tay tôi nắm chặt bó hoa dại trên đỉnh núi và bài thơ của mình.

“Nó nhờ tao gửi lời chào đến mày và muốn đưa cho mày cái này...”

A Miauw đưa tôi một cái vòng ngọc. Tôi đã trông thấy A Ling đeo nó mấy năm nay. Mang suit là từ được chạm trên miếng ngọc, Định mệnh. Rồi A Miauw còn đưa tôi một chiếc hộp gói giấy tím in hình pháo hoa, giống y cái hộp đựng bài thơ của tôi. Một sự trùng hợp gần như không thể. Tôi biết mà! Từ đầu, ông Trời đã biết hết mỗi tình đẹp lạ thường này rồi.

Tôi đón lấy chiếc hộp, và vào khoảnh khắc đó tôi cảm thấy như tất cả hàng hóa trong cửa hàng đồ sập cả lên tôi. Tôi muốn nói cảm ơn và hỏi A Miauw nhiều điều nhưng lưỡi tôi như bị khóa chặt.

Ngực tôi thất lại. Tôi nhìn quanh và một ý nghĩa đột nhiên lóe lên, tôi túm lấy Syahdan chạy ào ra ngoài.

Tôi guồng hết sức đạp xe từ Sinar Harpan về trường. Hàng mấy chục cây số, hết con dốc này đến con dốc nọ, tôi vẫn không giảm tốc độ. Tôi không được kiệt sức; tôi phải nhanh về trường mới được.

8:50 sáng.

Chúng tôi về đến trường. Syahdan vào lớp, tôi chạy băng qua sân trường về phía cây filicium. Tôi leo lên cây và ngồi trên cái nhánh tôi thường ngồi mỗi khi xem cầu vồng.

Mắt tôi không chớp khi ngược lên bầu trời trong veo, trống rỗng như trái tim tôi lúc này.

9:05 sáng.

Rồi một chiếc Fokker 28 xuất hiện. Bay từ Tangjong đến Jakarta. Tôi biết A Ling đang ngồi trong chiếc máy bay đó. Mắt tôi dán chặt vào cái vật mang người yêu của tôi lên cao đến tận những dải mây không với tới được. Máy bay bay mỗi lúc một xa khỏi tầm nhìn, xa bao nhiêu tim tôi

nhổi lên bấy nhiêu. Tôi càng nhìn, máy bay càng mờ đi, không phải do khoảng cách mà vì mắt tôi đầy ạng nước. Rồi nó mất hút. Người yêu đã bỏ ra đi, để lại tôi với cõi lòng tan nát. Bầu trời lại trống trơn như cũ. Tạm biệt nhé, mối tình đầu.

CHƯƠNG 26

BA ĐŨA BÉ THẦN TIÊN NỔI GIẬN

BOM NGUYỄN TỬ nổ ở Belitong. Một đám khói khổng lồ bùng lên, mang theo phóng xạ, thủy ngân và amoniac. Mọi người nháo nhác chạy tìm chỗ trú, chuồn xuống mấy con kênh hay nhảy ào xuống cống rãnh. Nhiều người chết ngay tại chỗ, và những ai có cơ may sống sót thì chỉ còn là những sinh vật còi cọc, bốc mùi hôi hám.

Trông thấy vóc dáng lùn tịt nhỏ bé của người Belitong, chính quyền trung ương Jakarta lấy làm xấu hổ trước thế giới nên từ chối thừa nhận họ là công dân của nước cộng hòa này. Chúng tôi không có cách nào khác ngoài việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý.

Trong khi chỉ một vài người Mã Lai muốn tách ra khỏi khối thống nhất nước Cộng hòa Indonesia, chính quyền tổ chức trưng cầu dân ý về việc Belitong tuyên bố mình là một quốc gia độc lập. Và đương nhiên, một mình Belitong không thể tự xoay sở được bởi vì nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi đây đã bị khai thác đến cạn kiệt suốt hàng trăm năm nay. Hòn đảo sụp đổ.

Đúng lúc đó, Bodenga - pháp sư cá sấu lâu nay chẳng ai thấy mặt - xuất hiện và giành lấy chính quyền. Ông đàn áp những ai trước đây đã đối xử bất công với cha con ông. Tất cả những người đó bị lừa cả xuống dòng Mirang, để mặc cho lũ cá sấu xử lý. Những người lùn đó cố tìm cách giành sự sống quý giá nhưng vô vọng. Chẳng mấy chốc, xác họ nổi lềnh bềnh trên sông như cá bị trúng độc.

Đó chỉ là những suy nghĩ lẫn thần của một kẻ mơ mộng đang như phát rồ vì tình yêu đầu đời vụt khỏi tầm tay.

Tôi không thể nghĩ cho ra đầu ra đũa nữa, toàn mơ thấy ác mộng và bị ám ảnh bởi những tưởng tượng kỳ quái. Nếu tôi nghe chim hót, tiếng hót ấy sẽ biến thành tiếng loài chim huyền thoại mang tin chết chóc. Tôi nghĩ tất cả mọi người - các chủ cửa hàng, bác đưa thư, những công nhân

mài dừa, cảnh sát dân sự và cu li - đều đang âm mưu chống lại tôi.

A Ling ra đi để lại trong tôi nỗi đau khôn nguôi. Tôi muốn xông vào cửa hàng Sinar Harapan. Nhưng tôi biết hành động đầy chất cải lương đó - mà tôi thường thấy trong các bộ phim Ấn Độ - chỉ có lũ chai bột đậu và mắm tôm chào đón mà thôi. Tôi đau khổ quá thể, chỉ biết đau khổ thôi.

Và rồi, những hình ảnh trong mấy bộ phim Ấn Độ lại quay trở về, sự chia ly khiến tôi sầu muộn đến phát ốm. Cách đây ít lâu tôi từng cười nhạo hàng xóm của mình, anh Bang Jumari, vì anh mắc chứng ỉa chảy nặng và lăn ra ốm vì chị họ của tôi, Kak Shita, nói lời chia tay anh. Tôi không thể hiểu làm sao lại thành ra như thế được. Nhưng giờ đây, số phận tương tự đã đổ ập xuống đời tôi. Tôi đã nhạo báng anh Bang Jumari, giờ thì tôi vướng vào phiền toái tương tự. Đúng là nghiệp chướng.

Tôi không đi học được đã hai hôm vì sốt cao. Tôi chỉ muốn ra khỏi giường. Đầu nặng trĩu, hơi thở gấp. Mẹ cho tôi uống xi rô Askomin nhưng tôi vẫn không khỏi. Hóa ra bệnh tương tự chẳng thể nào dùng thuốc chiết xuất từ sâu mà chữa được. Và rồi thằng Mahar và tín đồ trung thành của nó đến thăm tôi.

Mahar mặc áo khoác dài đến gối. A Kiong tất tả đằng sau, kéo lê một cái va li như sinh viên y khoa tập sự. Ấy là chiếc va li đặc biệt vì nó dính đầy peneng sepeda - những nhãn dính được sử dụng ngày trước để cho biết là thuế xe đạp đã trả xong - và những biểu tượng chính quyền để cho thiên hạ biết rằng họ là những cán bộ có vai vế.

Lúc đó, thằng Syahdan cũng có mặt trong phòng tôi. A Kiong và Mahar không nói không rằng. Bật tay đánh tách, A Kiong ra hiệu cho Syahdan né sang một bên.

Mahar đứng ngay cạnh tôi và nhìn tôi từ đầu đến chân. Mặt nó nghiêm nghị như bác sĩ, và chẳng cần nhiều thời gian để nó hoàn tất việc chẩn đoán. Nó lắc đầu ý rằng ca bệnh này không phải nhẹ. Nó hít một hơi e ngại rồi đưa mắt sang A Kiong. “Dao!” nó đột nhiên hét lớn.

A Kiong vội mở va li lấy ra một con dao gỉ sét. Syahdan và tôi thất sắc. A Kiong kính cẩn trao con da đó cho thằng Mahar và thằng Mahar cầm lấy với cung cách hệt một bác sĩ phẫu thuật.

“Nghệ!” Mahar lại ra lệnh, rõ ràng rành mạch.

A Kiong lại vội vàng bốc thứ gì đó từ va li rồi đưa cho Mahar củ nghệ cỡ ngón tay cái. Vẫn nghiêm nghị như thế, Mahar cắt miếng nghệ ra, giã nát và vẽ một chữ “X” to tướng trên trán tôi nhanh đến nỗi tôi thậm chí không né kịp. Rồi, như thể biết trước bước kế tiếp là gì nên không cần ra lệnh, A Kiong lấy mấy lá cây dành dành từ va li ra thả cho Mahar, thằng này nhanh tay chớp lấy và vừa quất không thương tiếc khắp người tôi vừa lầm rầm khấn khứa.

Không chỉ có thế, trong khi Mahar quất tôi bằng cành lá dành dành, thằng A Kiong vẩy nước khắp người tôi. Tôi cố né và xua tụi nó ra, nhưng không thể được vì thằng Mahar và A Kiong hợp thành một đội ăn ý, nhanh như cắt và làm gì cũng có bài có bản.

Không lâu sau, hai đứa đó thôi hành hạ tôi. Mahar thở phào nhẹ nhõm. Còn cái mặt ngu đần của thằng A Kiong cũng bắt chước Mahar toát lên vẻ nhẹ nhõm tương tự.

“Ba đứa bé thần tiên đang nổi giận vì mày nhìn trộm vào vương quốc gần cái giếng ở trường đó,” Mahar giải thích như thể linh hồn của tôi sẽ bị tổn thương vô phương cứu chữa nếu nó không đến kịp lúc. Chẳng có dấu hiệu gì trên khuôn mặt nó cho thấy nó cảm thấy có lỗi hay ác ý. Mahar và AKiong đã điềm nhiên hợp lực thực hiện một hành động hoàn toàn ngây thơ. Bọn nó không mấy may nghi ngờ cái phương thức chữa bệnh dốt nát ấy.

“Bọn nó khiến mày phát sốt đó,” nó tiếp tục trong khi cất đồng dụng cụ y tế vào va li và trao nó cho A Kiong đầy kiêu cách.

“Nhưng mày đừng sợ gì cả, tao sẽ diệt trừ chúng nó và mai mày có thể đi học lại được rồi!”

Tôi chỉ còn biết chịu đựng và chấp nhận một trong những sự việc kỳ cục nhất đời mình ấy. Và rồi, không nói thêm lời nào, cũng không chào, hai đứa kéo nhau ra về. A Kiong không thốt ra dù chỉ một lời. Và thế là chỉ còn lại tôi - hết như một con mèo mắc mưa - với Syahdan.

Sau hai thầy lang con nít ấy, cô Mus và mấy đứa bạn khác đến thăm tôi. Cô Mus mang cho tôi một viên APC.

CHƯƠNG 27

EDENSOR

NGÀY HÔM SAU tôi có thể đi học lại, và tôi biết đó là nhờ viên thuốc APC của cô Mus.

Nhắc thấy tôi, thằng A Kiong chạy như bay tới nắm lấy tay thằng Mahar lắc lắc lắc để. Thằng Mahar nhướn mày lên, so vai và gật đầu lia lịa. Thằng A Kiong càng cuồng tín thằng Mahar hơn.

Tôi chỉ khỏi bệnh về thể xác thôi, còn tâm bệnh vẫn chưa.

Tôi sống khép mình trong nhiều ngày. Tôi cảm thấy trống trải thất thường. Thật chẳng dễ gì quên được A Ling. Cõi lòng trống rỗng, và nỗi nhớ nhung khiến tim tôi như ai bóp chặt. Trước đây, khi tìm thấy tình yêu đầu đời của mình, tôi trở thành một người lạ lùng. Giờ vượt mất tình yêu ấy, tôi trở thành một người khác. Trước đây, khi tìm thấy tình yêu, lòng tôi lâng lâng một niềm hạnh phúc vụng về, một cảm giác tôi chưa từng nếm trải. Giờ đây khi tình yêu bỏ ra đi, tôi cảm thấy một nỗi u sầu cũng chưa nếm trải bao giờ. Một nỗi u sầu khiến các khớp xương đau nhói. Vậy nên tôi tìm đến pháp sư Mahar nhờ giải đáp thắc mắc.

“Boi, trận ốm tao vừa trải qua ấy là gì?”

Thật là một câu hỏi có thể khiến thằng Mahar bực mình. Thật lòng, tôi biết chuyện gì xảy đến với mình - tôi đang đau khổ vì người yêu bỏ ra đi. Tuy thế, một đứa lập dị như thằng Mahar mới có thể có một câu trả lời ma mị khiến cho tình cảnh của tôi mang một dáng dấp khác. Như hầu hết những người mang trong lòng mối tình tan vỡ, tôi đang bắt đầu suy nghĩ thiếu lý trí.

Mahar nhìn tôi chăm chăm, hơi bực bội, bảo, “Tao bảo mày thế nào hả? Coi chừng chỗ mày đi tiểu ấy!” Nó quay người bỏ đi mất.

Sau khi A Ling đi được hai tuần, trong một lần nghỉ giải lao, tôi - vẫn chán chường thế, dĩ nhiên rồi - đưa Lintang xem cái hộp cô nhờ cha cô trao lại cho tôi. Có ảnh một cái tháp trên hộp.

“Lintang, ảnh này là cái gì thế?”

Lintang ngắm nghía cái hộp.

“Tháp Eiffel đấy, Ikal. Ở Paris, thủ đô nước Pháp,” Lintang nói, giọng có chút ngạc nhiên. “Paris là thành phố của những người tài giỏi; họa sĩ và học giả sống cả ở đấy- Người ta nói đây là thành phố phồn hoa. Nhiều người mơ được sống ở đấy.”

Khi đi học về, tôi nằm lờ đờ trên giường, ngắm soi cái hộp. Rồi tôi mở nó ra. Trong đó có một cuốn nhật ký và một cuốn sách có bìa màu xanh da trời.

Tôi mở nhật ký ra và thật ngạc nhiên biết bao, khắp trên các trang giấy là tất cả những bài thơ tôi đã gửi cho A Ling. Những bài thơ được chép lại, từng bài một, vào nhật ký. Giờ tôi mới hiểu tại sao cô luôn trả lại tôi không sót bài thơ nào. Rồi tôi lấy cuốn sách bìa màu xanh xa trời ra.

Cuốn sách có tên Giá như họ có thể lên tiếng, tên tác giả tôi chưa hề nghe tới lần nào: James Herriot. Tôi không biết tại sao A Ling lại tặng tôi cuốn sách này, nhưng tôi muốn đọc thử xem sao. Tôi nhủ thầm trong bụng nếu đọc hết trang đầu tiên mà chẳng thấy có gì hấp dẫn thì tôi sẽ úp cuốn sách lên mặt ngủ luôn vì giờ tôi cũng buồn ngủ rồi.

Tôi lật trang bìa ra. Bằng phong chữ đều tăm tắp, bố cục không mấy hấp dẫn, nhan đề, tên tác giả và tên nhà xuất bản lần lượt xuất hiện. Tôi lật sang trang đầu tiên của chương một và bắt đầu đọc.

Như một bài hát, Herriot bắt đầu bằng một khúc dạo đầu bất thường nhưng cuốn hút.

Thoạt đầu, ông kể về chuyện ông đỡ đẻ cho một con bò. Ông không mặc áo, mà chuồng bò thì chẳng cửa nẻo gì. Gió thổi điên cuồng khiến từng đợt tuyết thốc mạnh vào nhà kho trút túi bụi xuống lưng ông. Ông nói rằng chưa có ai đem những chuyện thế này viết thành sách.

Sau những dòng ấy, tôi tiếp tục đọc đến dòng tiếp theo rồi tiếp theo nữa; rồi hết đoạn này đến đoạn khác. Có thể lật những trang sách như thế chỉ là một phản xạ thôi bởi vì tôi không hề nhận biết rằng mình đã đọc đến trang ba.

Tôi đọc ngẫu nhiên hết trang này đến trang khác không ngừng lấy một giây. Có lúc thậm chí tôi còn đọc đi đọc lại mãi một đoạn. Chẳng mấy chốc, tôi đã đọc đến trang mười mà vẫn nằm nguyên trên giường đứng tại vị trí cũ, không hề nhúc nhích. Mọi hy vọng và nước mắt nhớ nhung A Ling tan biến theo từng trang sách.

Cuốn sách thần kỳ đó kể về những khó khăn của một chàng bác sĩ thú y trẻ tuổi trong thời kỳ suy thoái kinh tế hồi thập niên 1930. Chàng bác sĩ trẻ ấy, cũng chính là Herriot, làm việc tại một ngôi làng xa xôi hẻo lánh tên là Edensor ở mãi nước Anh.

Tôi cảm thấy, với mỗi câu viết của Herriot, một luồng sinh khí mới len vào tâm hồn tôi. Tôi há hốc miệng, nín thở mỗi khi đọc đến đoạn miêu tả ngôi làng Edensor. Những ngọn đồi nằm rải rác như những đợt sóng nhấp nhô. Tôi hình dung ra những đỉnh núi cao nơi có những con dốc thả mình xuống những ngọn đồi xanh mướt hòa vào thung lũng bao la. Tôi hình dung thấy những con sông vặn mình theo chân thung lũng giữa rừng liễu và những ngôi nhà nông dân dựng bằng sỏi.

Tôi như mê đi với ngôi làng nhỏ Edensor ấy và nhận ngay ra rằng trên thế gian này ngoài tình yêu ra vẫn còn nhiều điều đẹp đẽ khác. Nghệ thuật miêu tả giàu sức lay động của Herriot chinh phục tôi hoàn toàn đến nỗi khi ông kể về con đường làng nhỏ rải sỏi trước ngôi nhà nơi chàng bác sĩ thực tập, tôi có thể ngửi thấy mùi cistuaris loang theo hàng rào chuồng gia súc tỏa xuống đường. Khi ông miêu tả những đồng cỏ trải rộng ngút ngàn trên những ngọn đồi Derbyshire bao quanh Edensor, tôi chỉ muốn đến ngay đó dưỡng thương, để những ngọn gió làng hiu hiu mơn man lên mặt.

Tối hôm ấy, tôi đọc xong cuốn truyện của Herriot và ngay lập tức xem nó như A Ling của tôi và tình cảm tôi dành cho nó không khác nào tình cảm tôi dành cho A Ling. Giờ tôi mới hiểu tại sao cô tặng cho tôi cuốn sách này.

Thật diệu kỳ, tôi bỗng nhiên khỏi bệnh. Tôi đã tìm thấy được một tình yêu mới nằm ngay bên trong chiếc cặp cũ kỹ của mình. Tình yêu đó là Edensor. Sau 480 giờ, 37 phút và 12 giây khóc than vì sự ra đi của A Ling, tôi quyết định thôi than thân trách phận và thôi ám ảnh bởi mối tình đầu.

Tôi đã quay ngoắt 180 độ.

Thay vì cứ hồi tưởng lại mãi cái cửa hàng xập xệ hôi hám Sinar Harrapan và cái khoảnh khắc tim tôi tan nát ở đấy, giờ tôi thường xuyên đến đọc sách ở thư viện Tanjong Pandan. Ở đấy, tôi toàn đọc những cuốn sách về bí quyết thành công, làm thế nào để giao tiếp tốt, những bước để trở nên quyến rũ và một loạt sách khác về phát triển cá nhân.

Tôi tập trung học tập và thôi những dự định vô lý, kỳ quặc. Tôi may mắn tìm thấy phương châm cuộc sống mới của mình trong một tờ báo cũ ở thư viện. Có một bài phỏng vấn giữa một phóng viên Mỹ kỳ cựu và ca sĩ John Lennon quá cố. Huyền thoại Rock ‘n’ Roll ấy bộc bạch, Cuộc sống là những gì xảy đến với bạn khi bạn đang mãi mê vạch ra những kế hoạch này nọ!

Tôi lúng sục hết mấy cửa hàng bên đường ở Tanjong Pandan cho đến khi tìm thấy một tấm áp phích thật lớn in chân dung ca sĩ này. Ngày hôm sau, tôi đến xin cô Mus cho treo trên lớp.

“Này trò,” cô giáo tôi nói, cau mày, nhăn trán, “nói thật với cô đi, em đã làm được điều gì xứng đáng để có quyền treo tấm áp phích này ở đây?”

Cô Mus đưa mắt qua Lý Tiểu Long, Lý Tiểu Long liếc nhìn Mahar, Mahar nhìn tôi ngạo mạn.

Tôi giải thích cho cô rằng mấy năm qua tôi đã tự nguyện lãnh nhiệm vụ mua phần mà chẳng được thưởng công gì. Cô nghiêng nghiêng đầu.

“Thế hả, em nói không được thưởng công gì hả? Em nghĩ hai tai cô điếc hết à? Em nghĩ chuyện người ta kháo nhau ở chợ cá không đến tai cô hay sao, em nghĩ cô không biết rằng em chịu cực nhọc mỗi thứ Hai như thế là để được gặp con gái của ông chủ cửa hàng A Miauw hay sao?”

A, bắt tại trận rồi nhé!

“Em nghĩ rằng cô không biết vào các ngày thứ Sáu em giẫm nát hết chỗ phần còn lại để được gặp cô gái đó hay sao?”

Tôi sừng sốt đen choáng váng; hóa ra cô Mus biết cả. Cô tường tận nhất cử nhất động của tôi suốt thời gian qua. Tôi thấy xấu hổ quá thế.

Tôi đứng đực ra đó. Tôi xin cô Mus tha lỗi. Tôi hôn tay cô, hứa rằng tôi sẽ trả lại cho lớp chỗ phần đã chôn giấu gần gốc cây filicium. Rồi, tôi cố

chuyên đề tài.

“Điều chúng ta cần nhất trong lớp, thưa cô, chính là nguồn cảm hứng!”

Tôi tiếp tục liên hệ tới lời khuyên khơi nguồn cảm hứng của John Lennon.

Dù chỉ là cô giáo làng thôi nhưng cô Mus có nhưng quan điểm tiến bộ. Có thể cô cũng ấn tượng bởi lời thành khẩn của tôi. Sau một hồi phân tích, tôi được phép treo tấm áp phích đó lên.

Như vậy, thật tuyệt, trong lớp tôi giờ đây có những ba tấm áp phích và một biểu tượng vẽ vang.

Rhoma Irama: Hujan duit (Con mưa tiền).

John Lennon: Cuộc sống là những gì xảy đến với bạn khi bạn đang mài mê vạch ra những kế hoạch này nọ!

Lý Tiểu Long: Thế võ rồng - chiến đấu đến hơi thở cuối cùng.

Biểu tượng của Muhammadiyah: Hãy làm điều tốt, tránh làm điều xấu.

CHƯƠNG 28

KHO TÀNG ẨN GIẤU BÊN DƯỚI NGÔI TRƯỜNG CHÚNG TÔI

Một ngày u ám.

Hôm nay, chúng tôi nhận cùng một lúc bốn tin xấu.

Tin đầu tiên: Thầy Harfan ốm nặng. Thầy thậm chí không ra được khỏi giường.

Tin thứ hai: Ông Samadikun không hề ấn tượng với tấm ảnh chụp chiếc cúp chúng tôi thắng được ở lễ hội hóa trang vừa qua. Ông ta gửi trả lại. Nguy cơ trường học bị đóng cửa vẫn treo lơ lửng. Chúng tôi đợi lần thanh tra cuối cùng trong bức bối. Có thể hôm nay, có thể ngày mai. Nói cách khác, trường chúng tôi đang ở trong tình trạng ngàn cân treo sợi tóc và hễ có lệnh là tức khắc bị đóng cửa.

Tin thứ ba thật đáng lo ngại: Ngày càng nhiều thanh tra viên PN đến trường chúng tôi. Thậm chí họ vào cả trong lớp học và khoan nền lấy mẫu vật. Theo nguồn tin từ trưởng nhóm thì thiếc ở đây đạt độ 12; nghĩa là theo ước tính của họ, có khoảng 1.200 ký lô thiếc trong 1.000 mét khối đất.

“Rất cao - từ thời người Hà Lan đến nay chưa thấy nơi nào có mật độ thiếc cao thế này.”

Đứa nào đưa nầy ỉu xiu vì thế có nghĩa là: các máy xúc chắc chắn sẽ đến xới tung ngôi trường chúng tôi lên.

Cô Mus buồn rười rượi. Cô biết chuyện này không phải đùa. Giống như đường cụt không lối thoát vậy.

“Không chỉ có thế đâu,” ai đó trong đội thì thảo ra vẻ giấu giếm, “chúng tôi còn tìm thấy cả ilmenite với tantalum nữa. Thậm chí có thể còn có uranium ấy chứ.”

Tantalum, cùng với ilmenite, kết hợp với nhau làm thành một mặt hàng đắt giá - có giá trị gấp mười lần thiếc.

Chúng tôi cảm thấy đời thật trớ trêu. Bên dưới ngôi trường cũ kỹ xập xệ của chúng tôi - ngôi trường nơi chúng tôi vật lộn với nghèo đói mỗi ngày để tiếp tục sống - lại cất giấu một kho tàng cực kỳ giá trị.

Tin thứ tư: Thăng Mahar.

“Em làm bài tập về nhà chưa?” cô Mus hỏi thăng Mahar và bắt đầu bài diễn văn lê thê quở phạt thăng Mahar về tội tày đình của nó. Cô kể rằng nó đã rơi vào con đường dẫn tới địa hạt của sự huyền bí. Một trong những tiết học đưa nào cũng thích - thể dục - hôm nay phải hủy để cô Mus nói chuyện với nó. Chúng tôi đều ở cả trong lớp cố giúp thăng Mahar trở lại con đường đúng đắn.

Thăng Mahar cúi đầu. Nó là đứa đẹp trai, thông minh và là một họa sĩ trẻ, nhưng rất khó lay chuyển nó một khi đã tin vào điều gì đó.

“Thưa cô, tương lai do Thượng đế định đoạt.”

Tôi thấy cô Mus vấp phải một thử thách lớn lao. Mặt cô tái đi. Có lần mẹ tôi bảo rằng cô giáo hay thầy giáo nào mở mắt cho chúng tôi để chúng tôi có thể nhận được mặt chữ và con số, để chúng tôi biết đọc biết tính thì sẽ được tưởng thưởng mãi cho đến khi lìa đời. Tôi đồng ý với mẹ - nhưng đây không phải điều duy nhất cô làm được. Cô còn mở cánh cửa trái tim chúng tôi nữa.

“Em không có dự định tích cực nào cả; em không chịu đọc hay làm bài tập về nhà nữa. Thời gian em bỏ ra cho Shaman giáp và quay lưng lại với những câu kinh của Đức Alla thế là quá đủ rồi đấy.” Cô Mus lại bắt đầu, giống như bản tin sáng vẫn phát trên kênh Radio Rebublik Indonesia.

Tin khẩn: “Điểm thi của em thấp đột ngột. Kỳ thi giữa kỳ hai sắp đến rồi. Nếu điểm vẫn thấp và em không đạt nổi điểm trung bình, cô sẽ không cho em thi cuối học kỳ. Có nghĩa là em không được tham gia kỳ thi quốc gia để lên lớp.”

Giờ thì nghiêm trọng rồi. Đầu của Mahar càng rũ xuống. Bài thuyết giảng vẫn tiếp tục.

Tin vẫn: “Hãy sống theo đúng lời răn trong kinh Koran cùng truyện Thánh Mohamed và các tín đồ: Đó là nguyên tắc định hướng của trường Muhammadyah. Inshaalla, lạy Đức Alla phù hộ cho em khi lớn lên sẽ có phương kế sinh nhai hợp pháp và một cô vợ mộ đạo.”

Những tin tức khác: “Chủ nghĩa thần bí, khoa học dị thường, mê tín dị đoan, tất cả đều dưới dạng sùng bái thần tượng. Thuyết đa thần là thuyết vi phạm nghiêm trọng nhất đến đạo Hồi. Còn những bài học về tôn giáo vào mỗi thư Ba thì sao? Tất cả những bài học ấy thì sao? Em đã học được gì về những người vô thần trong quá khứ? Em học môn đạo đức Muhammadiyah rồi mà!”

Không khí trong lớp học căng lên. Chúng tôi những mong thằng Mahar sẽ xin cô tha thứ và nói rằng nói rằng nó đã thuộc bài. Ấy vậy mà câu trả lời của nó hoàn toàn trái ngược.

“Em tìm sự thông thái trong thế giới huyền hoặc, thưa cô. Em không muốn làm cô bức mà chỉ muốn tìm hiểu thôi. Sau này Thượng đế sẽ ban cho em một người vợ mộ đạo theo một cách thần bí nào đó.”

Còn dám thế nữa! Cô Mus cố hết sức kiềm chế cơn giận. Tôi biết cô muốn mắng nó một trận. Gương mặt kiên nhẫn của cô đỏ bừng lên. Cô ra khỏi phòng để bình tĩnh lại.

Chúng tôi đổ dồn mắt vào Mahar. Sahara cau mày lại nhìn nó trừng trừng.

“Ra ngoài xin lỗi cô mau đi! Mày còn không biết mình may mắn đến thế nào đâu đấy!” Sahara hằm hè.

Kucai, với tư cách là lớp trưởng, vào cuộc. Nó lớn tiếng, “Chống đối thầy cô cũng giống như chống đối cha mẹ vậy: đồ không vâng lời! Mày chưa nghe đến hình phạt dành cho sự không vâng lời là chúng sa ruột à? Bụng mày sẽ trương phình lên như một quả bí ngô cho xem!”

Kucai nhể móc Mahar, nhưng cặp mắt to cộ của nó lại đậu xuống Harun.

Gương mặt thằng Mahar nhìn rất lạ. Nó vừa có vẻ hối hận lại vừa như muốn giữ chính kiến - bám lấy quan điểm của mình về mọi điều. Chúng tôi không thể dung thứ thái độ thiếu lễ độ đó, nhưng ngay khi chúng tôi

định phản đối nó, thì cô Mus trở lại với một mẫu tin chấn động hơn:

“Nghe cho kỹ đây, cậu nhỏ. Chẳng có chút khôn ngoan nào trong thuyết đa thần cả! Điều duy nhất em sẽ nhận được từ việc thực hành chủ nghĩa thần bí là sự lạc lối, và càng dần sâu vào những niềm tin kiểu đó thì em càng bị tuột sâu hơn vào cái hố không đáy của thuyết đa thần. Và quý sứ sẽ giúp em quật lên từng hòn than mà em đã ném vào trong đám lửa ấy!”

Mahar co rúm người lại, nhưng chuyện chưa dừng lại ở đó. Cô Mus tiếp, “Giờ em phải chấn chỉnh lại đi vì...”

Trước khi ra tối hậu thư, cô Mus bị một lời chào “Assalamu alaikum” cắt ngang.

Cô Mus dừng lại giữa câu, quay ra cửa. Có hai người đang đứng ngay cửa. Cô Mus chào lại và mời họ vào, một ông có vẻ là người có thể lực và một con nhỏ tướng mạo giống con trai. Con nhỏ đó cao gầy. Nó để tóc ngắn, da trắng và ưa nhìn.

Người đàn ông có thể lực đó cố mỉm cười thân thiện. “Đây là con gái tôi, Flo,” ông ta chậm rãi nói. “Nó không muốn đến trường PN nữa và đã bỏ học hai tuần nay rồi. Nó cứ nhất định đòi học ở đây cho bằng được.”

Người đàn ông gãi gãi đầu; ông ta rất bối rối. Từ ngữ thoát khỏi miệng ông ta hết sức khó khăn, như thể chúng nặng hàng chục ký lô vậy. Cách ông nói cho thấy ông đã cố đưa ra lý lẽ với con gái mình nhưng đành thất bại.

Cô Mus cười cay đắng. Hết thử thách này đến thử thách khác, không dứt. Cô còn đang không biết tính sao trước bệnh tình của thầy Harfan. Cô đang phải đối mặt với tất cả những khó khăn của chúng tôi - từ việc dạy dỗ cho đến nguy cơ trường học bị đóng cửa - một mình cô. Chưa hết, lại còn chuyện sớm muộn mấy cái máy xúc cũng sẽ tới đây, rồi thằng Mahar lắm đường lạc lối, ấy mà giờ lại thêm một con nhỏ đáng vẻ giống hệt con trai, hẳn sẽ khó trị. Hôm nay đúng là một ngày kém may mắn của cô Mus.

Flo đứng đung - nó thậm chí không rặn ra được lấy một nụ cười. Nó chỉ nhìn chăm chăm vào cha. Thái độ của con nhỏ xinh đẹp đó tạo nên một

hình ảnh thật ấn tượng. Có vẻ nó là đứa quyết đoán và biết chắc điều mình muốn. Người cha nhìn sang nó với vẻ nhân nhượng, chịu thua, ông ta đi quanh lớp xem xét mọi thứ. Có lẽ ông đang liên tưởng đến một căn phòng hồi cung của Nhật Bản. Với ánh mắt buồn buồn, ông cất tiếng, “Vậy tôi xin giao con gái cho cô nhé cô Mus. Nếu nó gây chuyện gì cô biết tìm tôi ở đâu rồi đấy. Và tôi rất tiếc phải nói ra điều này nhưng chắc nó sẽ gây phiền cho cô đấy.”

Chúng tôi cười ồ lên trong khi cha nó lộ vẻ ngại ngùng. Flo vẫn cứ tro tro thế, như thể những lời nói của cha chẳng mang một ý nghĩa gì. Cha nó xin cáo từ.

“Thôi được rồi, chào mừng em đến với lớp học chúng tôi. Em ngồi cạnh Sahara nhé,” cô Mas bảo Flo.

Sahara vui ra mặt. Nó phúi phúi chỗ ngồi cạnh mình. Nhưng Flo chẳng chịu nhúc nhích. Nó dõi mắt nhìn xa xăm qua cửa sổ. Chúng tôi chẳng hiểu ra làm sao cả.

Rồi Flo quay lại phía chúng tôi, chỉ vào thằng Trapani tuyên bố đồng dạng, “Em chỉ muốn ngồi cạnh Mahar.”

Không thể tin nổi! Câu nói đầu tiên thốt ra từ cái miệng của con nhỏ nhà giàu, chỉ một vài phút sau khi đặt chân đến Trường Tiểu học Muhammadiyah, thật ngang ngược hết chỗ nói. Lớp chúng tôi ít khi có đứa nào dám tỏ thái độ như thế. Chúng tôi không gọi cô giáo của mình bằng cách gọi thông thường, cô ơi, mà phải là thưa cô nữa kìa.

Mặt cô Mus sa sầm lại. Cô vừa chợt nghĩ không biết thằng Mahar và con nhỏ ngỗ ngáo đó có phá tan những nguyên tắc đạo đức của trường này không - và giờ hai đứa lại muốn liên minh với nhau nữa? Cô Mus lại bước lên một nấc thang thử thách mới. Nhìn mặt con nhỏ Flo cũng có thể thấy rõ nó không bao giờ chịu thỏa hiệp. Cô Mus không định tranh luận; chỉ tổ vô ích thôi. Một mặt, Flo có thể không cho rằng bản thân mình là con gái, vậy nên nó không muốn ngồi cạnh Sahara. Mặt khác, có thể nó nghĩ thằng Trapani sẽ chịu nhường nó vì nó là con gái. Đấy, việc không biết mình là ai thường khiến mọi chuyện lằng nhằng thế đấy.

Cô Mus buộc phải đưa ra một quyết định thật khó khăn. Cô ra hiệu cho thằng Trapani ra khỏi chỗ. Con nhỏ Flo vội chạy tới ngồi ngay xuống chỗ ngồi cũ của thằng Trapani bên cạnh thằng Mahar. Mahar ngay lập

tức thể hiện đồng loạt ba dấu hiệu ngôn ngữ cơ thể dễ ghét của nó: nhướn mày, nhún vai và gục gặc đầu. Cảnh tượng ấy thật buồn nôn nhưng nó lấy làm huênh hoang lắm. Đúng là cậu được ước thấy, Đấng Tối cao bí ẩn ban xuống cho nó một cộng sự. Lời nguyện cầu đã linh nghiệm. Kết cục, chỉ có thằng Trapani mất đứt người bạn cùng bàn. Vì chúng tôi không còn cái bàn nào nên nó phải ngồi gần con Sahara khét tiếng tính khí thất thường, cứ thay đổi xoành xoạch như thời tiết. Bản thân con nhỏ Sahara cực ghét chuyện này không muốn cho thằng Trapani ngồi cùng. Nó hứ háy, mày chau lại.

Vào những ngày đầu, chúng tôi lóa mắt luôn mồm xuýt xoa trước những đồ dùng học tập của con nhỏ Flo, nhưng đối với nó những món đồ chẳng có gì đáng nói cả.

Nó có những sáu cái cặp đi cùng với quần áo giày dép mặc hằng ngày. Cặp ngày thứ Sáu thú vị nhất vì nó có tua giống như những túi xách chúng tôi thấy trong các bộ phim Ấn Độ.

Lớp chúng tôi không phải nơi dành cho con nhỏ Flo. Tất cả đồ đạc trong phòng không hợp với nó. Nó giống như con thiên nga lẫn trong đám vịt. Không biết con nhỏ nhà giàu ấy phát hiện thấy gì nơi ngôi trường nghèo rớt này? Tại sao nó lại muốn đánh đổi trường PN xa hoa để lấy cái kho cùi dừa khô là trường chúng tôi đây? Nó đã ăn cắp táo nhà ai mà bị quăng ra khỏi vườn địa đàng của Eden Trang thế?

Hóa ra nó chẳng phải bị đuổi khỏi trường PN hay quăng ra khỏi Eden Trang gì ráo. Nó muốn chuyển sang trường Muhammadiyah vì nó muốn thế, chẳng chịu áp lực từ bất kỳ bên nào, và cả tinh thần lẫn thể xác đều khỏe mạnh - chỉ có đầu óc nó là không được bình thường cho lắm.

Khi chúng tôi hỏi tại sao nó lại chuyển trường, nó trả lời bằng giọng no đủ, giàu sang dĩnh tạt nói ngọng. Câu trả lời của nó khiến chúng tôi đưa nào cũng dựng hết tóc gáy: “Tao thích điệu nhảy của chúng mày ở lễ hội hóa trang. Rất thần bí.”

Câu trả lời ấy giải mã được thắc mắc tại sao nó chọn ngồi cạnh thằng Mahar. Theo châm ngôn của riêng thằng Mahar, số phận có tính chất xoay vần và trong lớp học của chúng tôi, vòng tròn số phận đã kết hợp hai đứa cuồng tín ma quỷ lại với nhau.

Thật lạ, nhưng tại Trường Tiểu học Muhammadiyah nghèo rớt này con nhỏ Flo rất hăng hái, như thể có một thứ gì đó thôi thúc. Nó chẳng bao giờ vắng học và rất lễ phép với cô giáo. Nó đến sớm hơn tất cả, hơn cả thằng Lintang nữa. Nó quét dọn trường, lấy nước từ cái giếng sâu rừng rợn và cần mẫn tưới hoa. Trường Muhammadiyah nghèo khó là cây cầu bắc đến tâm hồn của nó.

Con nhỏ Flo rất thân với Mahar. Sau khi cố xác định sở trường của mình thông qua nhiều trận nổi loạn khờ khạo, rốt cuộc nó đã có thể khám phá ra điều này cùng với pháp sư nhỏ tuổi ấy. Mahar cũng thế. Nó đã tìm thấy người hiểu mình, không bao giờ xúc phạm nó và đề cao tất cả những hành động lạ lùng của nó.

Ai trông thấy hai đứa nó cũng nghĩ là một cặp, một đứa con trai mặt mày sáng sủa và một đứa con gái khá giống con trai thường đi chung với nhau, điên khùng như nhau. Nhưng chúng không hề có mối liên hệ tình cảm kiểu đó. Chúng điên điên như nhau, nhưng người tình đích thực của chúng là thế giới tăm tối của Shaman giáo.

Thật lạ lùng, thằng Mahar tiến bộ thấy rõ từ khi có con nhỏ Flo bên cạnh. Nó bị kéo xa hơn đến thần thoại học cũng như đến mối quan hệ giữa những môn học siêu nhiên và những môn học khác như nhân loại học, truyện thần thoại, khảo cổ học, sức mạnh của phương pháp chữa bệnh bằng đức tin, khoa học cổ đại, nghi lễ và đức tin. Trong chừng mực nào đó, nó nghĩ mình là một học giả về những hiện tượng siêu linh. Con nhỏ Flo là một nhà thám hiểm đích thực. Nó ít quan tâm đến những sự việc thần bí cũng như chẳng thèm mất công tìm hiểu những khía cạnh khoa học, mà nó chủ yếu quan tâm đến việc trải nghiệm càng nhiều chuyện rợn tóc gáy càng tốt. Flo chỉ dùng những trải nghiệm thần bí sâu sắc để kiểm tra bản thân nó, để thấy nó có thể chịu đựng được sự sợ hãi đến mức nào. Nó nghiệm cảm giác run lẩy bẩy trong thế giới đầy ma quỷ rình rập. So với Mahar, Flo thậm chí còn điên hơn.

Một buổi tối mát mẻ sau cơn mưa lớn, Flo tuyên thệ trở thành một thành viên của Chiến binh cầu vồng. Trong lúc một dải cầu vồng cong cong vắt ngang qua bầu trời và sấm nổi rền vang, con nhỏ Flo trịnh trọng cam kết là một thành viên của nhóm chúng tôi.

CHƯƠNG 29

KẾ HOẠCH B

Nhờ ngôi làng Edensor và câu chuyện trong Giá như họ có thể lên tiếng, tôi không còn miên man với những cảm xúc tiêu cực, than thân trách phận. Tôi thực sự bỏ lại đằng sau mối tình đầu lãng mạn nảy nở trong chuỗi tháng ngày đi mua phần.

Đây chính là điều bất ngờ ở trẻ con: khả năng nhanh chóng chữa lành trái tim tan vỡ sau hàng mấy năm trời yêu thương - chính xác là năm năm! À, hóa ra tôi đã phải lòng A Ling từ năm lớp hai cơ đấy, và dấu rằng chúng tôi chỉ gặp có mỗi một lần thôi nhưng đó là tình yêu. Tuy thế tôi có thể bình phục chỉ trong vòng một tuần, và tất cả nhờ vào một cuốn sách. Kỳ diệu thay. Đôi khi người lớn cần phải mất hàng năm trời mới có thể vá lành trái tim tan nát vì một tình yêu thuần khiết kéo dài chỉ ba tuần. Điều gì khiến con người ta càng lớn thì càng ủy mị vậy nhỉ?

Giờ tôi chỉ nhớ đến A Ling như một kỷ niệm đẹp nhất trong cuộc đời mình. Và dấu bây giờ được chào đón bởi một bàn tay gấu với những móng tay như của con chim kền kền ăn xác chết song tôi vẫn cần miễn cùng Syahdan đạp xe đi mua phần vào mỗi buổi sáng thứ Hai.

Mỗi lần đi mua phần, tôi lại theo quy trình cũ và tận hưởng chuỗi cảm xúc như xưa giữa cái mùi thối ỉm của cửa hàng Sinar Harapan. Trong tôi vẫn còn nguyên cảm xúc dành cho mối tình đầu như thế A Ling vẫn chờ tôi ngay đằng sau tấm rèm ốc quen thuộc.

Khi không đi mua phần, tôi mãi mê vùi đầu vào những cuốn sách tâm lý học thực hành về sự phát triển cá nhân và trở nên cuồng tín câu nói gọi nên hoài bão của John Lennon. Sách mở ra cho tôi những cách để nhận ra tài năng của mình - và tôi tin chắc rằng những tài năng đó là viết văn và chơi cầu lông.

Tôi biết thế bởi vì tôi luôn đứng đầu trong các trận đấu cầu lông trong huyện. Ở nhà tôi đầy cúp. Có nhiều cúp đến nỗi mẹ tôi dùng vài cái để

ép kiệt nước ra khỏi quần áo trước khi phơi, hay làm cái chặn cửa, hay đỡ hàng rào chỗ quây lũ gà con. Mẹ dùng một cái làm búa đập quả lai. Thậm chí chiếc cúp có đỉnh nhọn từ trận đấu mới nhất còn được ba tôi dùng để gãi lưng nữa.

Tôi luôn chiến thắng những trận long trời lở đất. Thật tội nghiệp; họ tập tành cả mấy tháng trời, sáng sáng ăn trứng lòng đào với jadam và mật ong đắng để tăng lực, nhưng trước tôi họ vẫn trở nên bất lực.

Thỉnh thoảng tôi làm một cú bỏ nhỏ và lộn nhào hai vòng, đánh trả bằng những cú xì mát trời giáng trong lúc vẫn thao thao chuyện trò với khán giả, và vừa lăn tròn trên nền vừa đỡ cầu chính xác không sai một li. Tôi thường giao những cú bóng thẳng giữa hai chân khi quay lưng lại với đối thủ và tôi thường làm thế bằng tay trái.

Trông thấy tôi chơi, đối thủ yếu bóng vĩa sẽ phát điên lên, và nếu sơ sẩy rơi vào cái bẫy do tôi giăng ra mà nổi tức lên thì họ đã nắm chắc phần thua trong tay. Khán giả hò reo vang dội. Mỗi khi có tôi đấu, chợ vắng tanh quán cà phê đóng cửa, con nít được cho nghỉ học, cu li PN đi làm về sớm, công chức rời sở một lát - nghĩa là nếu trước đó họ đã đến chỗ làm - và những dân biểu chẳng có việc gì làm sẽ đứng đợi sẵn chờ cho đến lúc trận đấu bắt đầu.

“Con cheo cheo tóc xoắn” là biệt danh họ đặt cho tôi. Sân cầu lông gần ủy ban xã rung lên vì tiếng reo hò. Những người không tìm thấy chỗ đứng quanh sân thì leo tít lên mấy cây dừa gần đó để được xem tôi thi đấu.

Tôi nghĩ tất cả những sự thật này đủ để gọi cầu lông - như phân tích trong những cuốn sách về sự phát triển cá nhân - là khả năng vượt trội của tôi.

Đam mê lớn khác của tôi nữa là viết lách. Không có nhiều chứng cứ để xác nhận khả năng đó của tôi, sự đánh giá duy nhất tôi nhận được trong lĩnh vực này là lời bình phẩm của thằng A Kiong rằng những lá thư và bài thơ tôi gởi cho A Ling thường khiến nó cười như ai cù vào nách. Tôi không chắc điều đó có nghĩa là gì - có thể là thật hay hoặc thật dở.

Vậy nên tôi bắt đầu mài giũa hai khả năng này. Tôi luyện tập cầu lông mỗi ngày. Nếu thấy mệt, tôi sẽ nhìn hình John Lennon, với nụ cười mỉm và đôi kiếng tròn, là tôi lấy lại được sự hăng hái.

Như một chuyên gia về phát triển cá nhân giải thích một cá nhân có tính xây dựng phải làm một kế hoạch A và một kế hoạch B.

Kế hoạch A có nghĩa là huy động toàn bộ nội lực để phát triển những khả năng nổi trội của mình - trong trường hợp của tôi, những khả năng này không gì khác ngoài viết lách và cầu lông. Kế hoạch này phải được vạch ra đến từng chi tiết, từ bước một đến khi lên tới đỉnh cao vinh quang. Mỗi lần đọc kế hoạch này lên tôi lại thấy khó ngủ.

Tôi cực kỳ sung sướng khi có một công thức rõ ràng để vạch ra kế hoạch A cho mình: trở thành một vận động viên cầu lông ai cũng biết đến hoặc là một nhà văn nổi tiếng. Nếu có thể thì cả hai luôn. Nếu không thì một cũng được. Và nếu tôi không thể đạt được cả hai mục tiêu đó thì sao cũng được, thật đấy, miễn là tôi không phải làm nhân viên bưu điện.

Khi quan sát những thành viên trong nhóm Chiến binh Cầu vồng, tôi biết bọn nó cũng có những kế hoạch A đặc biệt.

Chẳng hạn như con Sahara, nó muốn trở thành nhà hoạt động xã hội vì quyền phụ nữ. Ước muốn này của nó được khơi nguồn từ những bất công ghê gớm đối với phụ nữ trong các bộ phim Ấn Độ.

A Kiong muốn trở thành thuyền trưởng. Nó nói đó là do nó thích đi du lịch. Tôi nghi lắm. Chắc nó mơ ước như vậy vì cái mũ thuyền trưởng to tướng đấy thôi. Tôi nghi là nó che cái đầu nhẵn hình hộp của mình bằng chiếc mũ lớn ấy.

Kuca, từ giây phút ý thức được rằng nó có những chất của một chính trị gia - ma mãnh, theo chủ nghĩa dân túy và chẳng biết xấu hổ là gì, cộng thêm cái mồm to và niềm khao khát tranh luận - nó đã ôm ấp một hoài bão thật rõ ràng: trở thành một thành viên trong hội đồng lập pháp Indonesia.

Thật bất ngờ, chẳng dè dặt hay ngượng ngùng gì thằng Syahdan tuyên bố nó muốn trở thành diễn viên. Mà nó thì chẳng có lấy chút xíu khả năng diễn xuất nào cả. Trong các buổi biểu diễn văn nghệ của lớp, nó thậm chí chẳng diễn nổi vai nào dù được cầm giấy đọc lời thoại vì nó luôn mắc lỗi. Vậy nên Mahar luôn phân cho nó vai đơn giản như hầu quạt cho công chúa chẳng hạn. Thằng Syahdan không cần nói gì trong suốt buổi diễn. Nhiệm vụ duy nhất của nó là quạt cho công chúa bằng cái quạt lông cồng. Ngay cả thế mà nó còn thường làm không nổi nữa

kia.

Đứa nào cũng thúc thằng Syahdan xem lại ước mơ của mình, nhưng nó không suy chuyển. Nó mặc kệ chúng tôi nhạo báng. Nó muốn trở thành diễn viên, vậy thôi.

“Hoài bão là những lời cầu nguyện, Syahdan,” con nhỏ Sahara khuyên nó. “Nếu Đấng Tối cao nghe thấy lời cầu nguyện của mày, mày có thể tưởng tượng được nền điện ảnh nước nhà sẽ đi tới đâu không?”

Còn với Mahar, nó muốn trở thành một ông đồng tiếng tăm lừng lẫy, được ngay cả những người chống đối nó tôn trọng.

Ước mơ của Samson đơn giản nhất. Nó là đứa bi quan. Nó chỉ muốn làm nhân viên soát vé và bảo vệ rạp hát của làng thôi. Ấy là vì nó thích xem phim và công việc bảo vệ giúp nó thể hiện vẻ nam nhi đại trượng phu. Trong khi đó, thằng Trapani tốt bụng và đẹp trai muốn làm thầy giáo. Và Harun, lúc nào cũng vậy, muốn trở thành thằng Trapani.

Tất cả là nhờ Lintang cả. Nếu không có Lintang, không đứa nào dám mơ gì. Suy nghĩ duy nhất trong đầu chúng tôi - và đầu của mọi đứa con trai sống trên đảo Beliong này - là sau khi học xong tiểu học, hay cùng lắm là cấp hai, chúng tôi sẽ đăng tên vào langkong PN; nói cách khác chúng tôi là những người làm thuê trong tương lai, rồi cả đời quần quật với công việc của những người thợ mỏ, và rồi cuối cùng về làm cu li. Đó là những gì chúng tôi trông thấy xảy ra với cha chúng tôi và ông chúng tôi, hết đời này qua đời khác.

Nhưng Lintang và những khả năng phi thường của nó đã giúp chúng tôi tự tin lên. Nó mở mắt cho chúng tôi thấy rằng chúng tôi có thể trở thành con người lớn hơn so với chúng tôi từng mơ tới. Nó mang lại niềm khích lệ cho chúng tôi, ngay cả khi chúng tôi mang đầy khiếm khuyết, hạn chế.

Bản thân Lintang muốn trở thành nhà toán học. Nếu đạt được niềm mơ ước ấy, nó sẽ là nhà toán học người Mã Lai đầu tiên. Thật tuyệt biết mấy! Tôi luôn thấy xúc động tôi khi nghĩ đến điều ấy; tôi âm thầm ủng hộ kế hoạch ấy của Lintang. Vậy nên tôi thường xuyên cầu nguyện cho ước mơ của nó trở thành hiện thực. Giả dụ, chỉ giả dụ thôi, rằng Đấng Tối cao có yêu cầu ai đó hy sinh mơ ước của mình để Lintang có thể đạt được mơ ước của nó, thì tôi nguyện hy sinh mơ ước của mình ngay.

Lintang đang miệt mài chuẩn bị cho kỳ thi Học sinh giỏi. Nó ngày càng tỏa sáng. Liệu nó có thể giỏi hơn bọn vốn đã nổi danh với giải Học sinh giỏi cấp quốc gia không? Liệu Lintang có thực sự là thiên tài như chúng tôi đã đặt cả niềm tin vào nó không? Chúng tôi sợ rằng sự ngưỡng mộ chúng tôi dành cho nó chỉ đơn thuần mang tính cục bộ. Chúng tôi hy vọng nó không chỉ là chú gà có tiếng gáy vang xa nhất trong chuồng, là con cá to nhất trong hồ. Liệu nó có là thằng chột làm vua xứ mù?

Nỗi lo lắng của chúng tôi hoàn toàn có cơ sở. Trường chúng tôi bị tẩy chay, bị cô lập, vậy nên chúng tôi không có một phương cách đo lường nào cũng như chẳng thể biết được rằng thế giới lấp lánh bên ngoài phát triển chóng mặt đến thế nào. Chúng tôi không biết sự tiến bộ của bọn học sinh PN hay trường nhà nước cô thầy cô giáo có trình độ cao, có những cuốn sách hay, giáo cụ trực quan, thư viện và phòng thí nghiệm hiện đại - đó là chưa kể đến chế độ dinh dưỡng đầy đủ nữa. Chỉ có giải Học sinh giỏi tuần tới đây mới làm khuây nỗi lo lắng và chứng tỏ khả năng thực sự của Lintang. Chúng tôi rất nóng lòng muốn biết sự thật ấy.

Giờ thì, theo như tôi đọc được, một cá nhân tích cực cần có kế hoạch dự phòng được gọi bằng một cái tên rất dài: kế hoạch đối phó với những bất ngờ.

Đây chính là kế hoạch B.

Kế hoạch B được dùng đến khi kế hoạch A thất bại. Quy trình khá đơn giản: nếu anh thất bại, hãy vứt kế hoạch A đi và tìm một tài năng mới. Nếu tìm thấy, hãy làm đúng như quy trình lúc trước đã làm với kế hoạch A. Đây là một phương thức sống siêu đẳng, chắc chắn đây là công trình của những chuyên gia tâm lý học cùng các giáo sư về nguồn nhân lực và các nhà xuất bản sách.

Vấn đề ở đây là, ngoài cầu lông ra, tôi chẳng có tài năng nào khác. Thực ra, tôi cũng có một tài nữa, cái tài mà tôi không thể không tính đến: tài mơ mộng viễn vông. Tôi thấy xấu hổ khi thừa nhận điều đó.

Tôi không thông minh như Lintang hay giỏi nghệ thuật như Mahar. Tôi nghĩ rất lâu và rất nhiều mới có thể vạch ra được kế hoạch B. Thật may là sau mấy tuần giam mình trong phòng để suy nghĩ, tôi đã bất ngờ có một nguồn cảm hứng lạ lùng để hình thành nên kế hoạch B của mình.

Cái hay của kế hoạch B là nó không buộc tôi phải vứt bỏ kế hoạch A.

Ngay cả các chuyên gia có khi cũng chưa nghĩ xa được như thế. Thực chất là nếu tôi thất bại trong lĩnh vực cầu lông và không thành công với nghiệp văn chương - nếu nhà xuất bản coi tác phẩm của tôi là thứ vô văn - thì tôi sẽ chuyển sang kế hoạch viết một cuốn sách về cầu lông!

Chưa điều gì xảy ra cả, nhưng tôi đã mơ về việc cuốn sách ấy sẽ được đón nhận như thế nào rồi. Bìa sách sẽ in những lời nhận xét có cánh từ một cự vô địch giải Thomas Cup, “Từ trước tới nay chưa từng có một cuốn sách thể thao nào như thế. Nhà văn đã thực sự hiểu ý nghĩa của cụm từ *mens sana in corpore sano*[1]”

[1] *Mens Sana In corpore sano* là một cụm từ Latin, có nghĩa là tinh thần khỏe trong cơ thể tráng kiện.

Một chuyên gia tình yêu nổi tiếng của Jakarta sẽ bình phẩm thế này: Cuốn sách này rất cần cho những người béo phì suốt ngày chỉ biết ngủ.

Bộ trưởng Bộ Thanh niên và Thể thao Indonesia: “Một cuốn sách thú vị!”

Bộ trưởng Bộ Giáo dục Indonesia sẽ có một thú nhận gây xúc động: “Tôi đã không đọc sách lâu rồi, rồi cuốn sách này xuất hiện, và cuối cùng tôi đã đọc trở lại!”

Một cự vô địch giải Uber Cup xinh đẹp sẽ thốt lên một cách lộ liễu thế này: “Đọc cuốn sách này khiến tôi chỉ muốn ôm hôn nhà văn ấy thôi!”

CHƯƠNG 30

LỜI HỨA THỨ HAI CỦA LINTANG

Thế là chúng tôi đã có mặt ở đó, trong một căn phòng hình bán nguyệt huyền ảo tại một tòa nhà mang phong cách art deco. Chúng tôi dúm cả vào một góc: Sahara, Lintang và tôi.

Lại một tình huống khiến thanh thế của chúng tôi như ngàn cân treo sợi tóc: giải Học sinh giỏi. Chúng tôi mất hết tinh thần sau khi trông thấy bọn học sinh trường nhà nước và trường PN mang theo những cuốn sách mà chúng tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Bìa sách dày và bóng loáng. Hẳn là đắt tiền lắm.

Rủi ro ở đây còn cao hơn cái lần tham gia lễ hội hóa trang. Cuộc thi Học sinh giỏi là một đấu trường công khai để thể hiện sự thông minh, hay, nếu anh kém may mắn, sự ngu dốt không thể tưởng tượng của anh sẽ bị phơi ra trước bàn dân thiên hạ. Tôi, Sahara và Lintang sẽ chịu tất cả xui rủi đó. Chúng tôi là đội F trong cuộc tỉ thí này. Sẽ như thế nào nếu chúng tôi không thể trả lời câu hỏi mà trở về nhà với điểm 0 tròn trĩnh? Chắc là phải bẽ mặt lắm! À, vấn đề thua về sự tự tin nữa chứ. Đây là vấn đề cốt yếu cho những ai cố gắng giành phần thắng trong khi bản thân lại xuất phát từ những môi trường bị cách ly ra khỏi nhịp điệu phát triển của xã hội.

Chúng tôi đã phải cùng cô Mus nỗ lực hết sức để chuẩn bị. Cô đặt cả hy vọng vào cuộc thi này, nhiều hơn cả dịp lễ hội hóa trang nữa. Cô đã sưu tập những bài toán mẫu và cần mẫn luyện tập cho chúng tôi từ sáng đến tối. Đối với cô, chiến thắng trong cuộc thi này là cách tốt nhất để thuyết phục ông Samadikun không khai tử trường chúng tôi.

Thật không may, dù cô Mus có cố gắng lên tinh thần cho chúng tôi đến thế nào đi nữa, cố khuyên nhủ thuyết phục và trấn an chúng tôi thế nào đi nữa, chúng tôi vẫn cứ cảm thấy khiếp sợ. Những cuốn sách dày cộp bọc bìa bóng loáng trong tay bọn trường PN khiến cho tất cả bao nhiêu tuần học hành miệt mài và những ghi nhớ trong đầu bỗng chốc biến

mất tâm. Chúng tôi chẳng nghĩ ra được điều gì cả.

Tôi cố tưởng tượng cảnh mình ngồi thiền giữa một cánh đồng cỏ xanh mướt ở một nơi bình yên nhất: Edensor. Bình thường thì tôi luôn bình tĩnh lại nhờ hình ảnh tưởng tượng đó. Nhưng lần này nó chẳng giúp được gì. Chúng tôi ngồi ở cái bàn lớn, đẹp làm bằng gỗ cây dái ngựa, sờ vào mát lạnh cả tay. Căn phòng chật ních cổ động viên từ các trường đến. Ba chúng tôi ngồi co người lại. Cổ động viên áp đảo đương nhiên là của trường PN rồi. Có đến hàng trăm đứa và bọn nó mặc những chiếc sơ mi đặc biệt in trên lưng dòng chữ nghe rất kêu: Vidi, vici - Tôi đến, tôi trông thấy, tôi chinh phục. Câu nói đầy tham vọng của Julius Caesar. Thế cũng đủ để làm nhụt chí đối thủ rồi.

Thí sinh tham dự cuộc thi Học sinh giỏi được chọn từ những học sinh giỏi nhất theo những tiêu chuẩn rất khắt khe. Năm nay, bọn nó được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn và khoa học hơn mọi năm nhờ một thầy giáo trẻ nổi tiếng thông minh. Thầy giáo tài giỏi này đã mô phỏng cuộc thi có đầy đủ mọi thứ giống như cuộc thi thật: chuông, ban giám khảo, đồng hồ tính giờ, và nhiều câu hỏi có thể được hỏi. Đó là một thầy giáo mới. Thầy đã từng làm việc tại phòng nghiên cứu và phát triển của một tổ chức đa quốc gia. Thầy được mời về dạy tại trường PN với mức lương ngất ngưỡng và lời hứa hẹn được cấp học bổng để được học lên thạc sĩ và tiến sĩ. Thầy đã tốt nghiệp cum laude[2] khoa Toán và Khoa học Tự nhiên tại một trường đại học quốc gia danh tiếng. Năm nay, thầy được bầu chọn là giáo viên giỏi của tỉnh chúng tôi. Thầy dạy môn vật lý, và mọi người gọi thầy là Cử nhân Zulfikar. Gọi thế để cho biết thầy đã có bằng Cử nhân rồi.

[2] Hạng ưu

Dẫn đầu nhóm cổ động viên cho chúng tôi là Mahar và Flo. Chẳng có mấy đứa, nhưng tất cả đều rất hăng hái. Tụi nó mang hai lá cờ trường Muhammadiyah và nhiều thứ khác thường thấy các fan hâm mộ bóng đá mang theo. Học sinh trường PN xem Flo là đứa phản bội nên đứa nào cũng găm vào nó những ánh nhìn hình viên đạn. Tuy nhiên, giống như Lintang, con nhỏ Flo có thêm để ý. Cho dù gần như chắc chắn bọn trường PN sẽ khiến cho chúng tôi bẽ mặt, con nhỏ Flo vẫn không suy chuyển, nó vẫn một lòng một dạ cổ vũ cho ngôi trường của nó, trường tiểu học Muhammadiyah.

Trong nhóm cổ vũ cho chúng tôi còn có thằng Trapani và mẹ nó. Hai mẹ con nắm tay nhau. Tôi trông thấy bọn con gái thì thảo vào tai nhau, cười rúc rích trong lúc cứ mãi đưa mắt nhìn thằng Trapani. Nó càng lớn càng đẹp trai. Cao, mảnh khảnh, nước da trắng sáng và mái tóc đen dày. Nó có đôi mắt giống như hai quả óc chó còn xanh: trầm tĩnh, dịu dàng và sâu thẳm.

Thực ra, thằng Trapani cũng được chọn vào đội thi đấu. Tổng số điểm của nó cao hơn của con nhỏ Sahara, nhưng điểm Địa lý lại thấp hơn. Cơ cấu thể mạnh của đội chúng tôi như sau: Lintang ôm trọn môn Toán, Khoa học tự nhiên và tiếng Anh; tôi khá giỏi về môn Giáo dục công dân, Lịch sử đạo Hồi, Luật Hồi giáo, tương đối ở môn tiếng Indonesia; hai đứa tôi yếu môn Địa lý, và chuyên gia trong lĩnh vực này không ai khác hơn là con nhỏ Sahara. Do vậy mà, vì lợi ích của đội nhà, thằng Trapani sẵn lòng nhường cho con nhỏ Sahara quyền có mặt trong đội. Nó là đứa đẹp cả người lẫn nét.

Cô Mus đánh giá cao sự nhường nhịn của Trapani và cho phép nó treo bất kỳ tấm ảnh nào nó thích lên lớp. Trapani chớp ngay cơ may ngọt ngào này và treo tấm ảnh cưới cũ của cha mẹ nó chụp tại hiệu ảnh Seruni Salo Manggar. Ấy là một tấm ảnh đen trắng tao nhã.

Cũng giống y như thế, có lẽ để giúp mình mạnh mẽ hơn, Lintang mang theo một tấm ảnh chụp cha mẹ nó đứng cạnh nhau khi họ vẫn còn là một cặp vợ chồng son. Cô dâu và chú rể, mẹ và cha Lintang, bị lèn vào giữa hai cái bình to tổ bố đầy hoa nhựa đủ màu sắc. Phong nền tấm ảnh là một bức tường giấy dán: một cánh đồng cỏ, một chiếc xe ô tô mui kín giữa một gia đình mặt mày hơn hờ, và những cái cây gù đẫy có lá đỏ nhìn rất lạ. Giống nơi nào đó ở châu Âu thì phải.

“Cố lên Ikal,” Trapani động viên tôi.

Lintang mở cái túi mây của nó ra, nhìn vào ảnh cưới cha mẹ, rồi nhét vào lại trong túi, và ngồi yên như cũ.

Tôi không thể ngừng quạt. Không phải vì nóng, mà do tim tôi đang đập loạn lên sợ hãi. Chưa một ngôi trường làng nào từng thắng giải này; ấy là một vinh dự đáng thèm muốn.

Mới tờ mờ sáng sau buổi cầu kinh subuh, một chiếc xe tải không mui đưa chúng tôi đến Tangjong Pandan. Lintang im lặng. Cha mẹ và cả hai

đưa em gái cũng đi theo. Đây là lần đầu tiên cả nhà nó đi xa như thế.

Sahara ngồi giữa. Lintang và tôi ngồi hai bên. Lintang tới chồm người về phía trước trông có vẻ lơ phờ. Nó cảm thấy thua kém, nhụt chí và ngưng ngừng trong một môi trường hoàn toàn xa lạ thế này. Trông nó như hết hơi, giống một người mang toàn bộ gánh nặng bảo vệ thanh danh của chúng tôi vậy. Thỉnh thoảng nó đưa mắt nhìn xuống cha mẹ và hai đứa em gái quần áo cũ sòn đang ngồi túm tụm góc nhìn khung cảnh huyền ảo xung quanh với ánh mắt bối rối, lúng túng.

“Cứ tự tin lên! Điều quan trọng là phải nghe thật chăm chú, nhấn nút thật nhanh và trả lời chính xác!” tôi nói để khích lệ Lintang và Sahara. Hình như bọn nó không để ý gì đến lời khích lệ của tôi.

Lintang và Sahara cứ ngồi ngẩn ra như thế. Tôi trông thấy những đứa đội khác đang bắt đầu thử những cái đẳng trước chúng. Sahara được phân công nhiệm vụ nhấn nút cho đội chúng tôi và đã tập luyện rất nhiều, ấy thế mà giờ nó còn chẳng thể nhắc ngón tay đến gần cái nút. Một nỗi sợ hãi xâm chiếm khiến nó như tê liệt cả người. Tiếng chuông phát ra từ những cái nút đó và tiếng micro khiến chúng tôi khiếp hãi. Chúng tôi chả chịu thử gì cả. Chúng tôi đã thua thậm chí trước cả khi trận đấu bắt đầu. Những cổ động viên cho đội trường Muhammadiyah đọc được sự sợ hãi nơi chúng tôi và họ cũng đâm lo ngay ngáy.

Bầu không khí càng trở nên căng thẳng khi trường ban giám khảo đứng lên tự giới thiệu và tuyên bố bắt đầu cuộc thi. Ngực tôi đập thành thịch, mặt con nhỏ Sahara tái mét, còn Lintang vẫn im như thóc.

Tôi không có dũng khí đối mặt với khán giả. Thậm chí cô Mus và thầy Harfan cũng không đủ dũng khí đối mặt với chúng tôi. Thầy Harfan cúi đầu. Có lẽ thầy đặt quá nhiều mong mỏi vào chúng tôi nên giờ thầy đâm ra thất vọng khi trông thấy chúng tôi xuống tinh thần thế thảm vậy. Cô Mus nhìn về phía đèn lớn treo giữa phòng, trông giống hệt một con bạch tuộc chúa. Đối với hai con người ấy, cuộc thi này là sự kiện quan trọng nhất trong sự nghiệp giảng dạy của mình. Đây là cơ hội duy nhất để họ có thể chứng minh cho ông Samadikun thấy, và sự kiện này đặt họ ở lần ranh được - mất. Lintang cũng mang một gánh nặng tương tự.

Không lâu sau, một người yêu cầu khán giả trật tự để cô có thể đọc câu hỏi. Khoảnh khắc của sự thật đã đến. Tất cả những thí sinh tập trung

cao độ, chuẩn bị lắng nghe câu hỏi và bấm chuông kịp lúc. Thật căng thẳng.

Câu hỏi đầu tiên vang lên khắp phòng.

“Bà là người Pháp, giữa huyền thoại và hiện thực...”

Reng! Reng! Rengggg!

Ngay cả khi câu hỏi vẫn chưa được đọc hết. Thí sinh nào đó đã nhấn chuông sớm. Ai nấy đều giật bản mình. Sahara và tôi vô cùng hồi hộp khi thấy một cánh tay thô ráp vừa mới đưa ra nhấn nút chuông trước mặt chúng tôi với tốc độ nhanh như chớp - cánh tay của Lintang!

“Đội F!” người phụ nữ đọc câu vừa rồi gọi.

“Jeanne d’Arc, thung lũng sông Loire, Pháp!” Lintang trả lời rành mạch, không vấp, không ngắc ngứ, và bằng một giọng mũi Pháp đặc trưng không thể tin nổi.

“Một trăm điểm!” một ông ngồi ở vị trí giám khảo hô to trong khi thăng Lintang được cổ động viên đội trường Muhammadiyah hoan hô vang dội. Cô kia lại tiếp tục.

“Câu hỏi số 2: Dùng phương pháp tích phân để tính diện tích của miền bị chặn bởi hàm y và x trong đó y bằng $2x$ và x bằng 5 .”

Không chút chần chừ, Lintang lại nhấn chuông thật và trả lời đồng dục, “Các cận của tích phân là 5 và 0 , và $2x$ trừ x nhân dx bằng $12,5$.”

Không thể tin nổi! Không chút do dự, không hề viết ra giấy thậm chí không một chút vấp.

“Một trăm!” vị giám khảo lại hô to.

Ông là một huyền thoại của giải Học sinh giỏi. Suốt nhiều năm ông được phân công nhiệm vụ đặc biệt giữ đáp án và hô to một trăm cho câu trả lời đúng và trừ một trăm cho câu trả lời sai. Nhìn miệng ông hô một trăm trông rất kịch tính, như miệng con cá vàng. Nhiều người đến xem cuộc thi Học sinh giỏi chỉ để trông thấy ông hô một trăm.

Cổ động viên đội tôi hò hét và vỗ tay rào rào.

“Câu hỏi số ba: Tính diện tích trong miền lấy tích phân của 3 và 0 cho hàm sáu cộng x trừ x bình phương.”

Lintang nhắm mắt lại một chốc, như nó vẫn thường làm ở lớp mỗi khi cô Mus đưa ra câu hỏi. Không đầy bảy giây sau, nó hét lên, “Muội ba phẩy năm!”

“Một trăm!”

Nhanh như cắt, không chần chừ, không lưỡng lự.

Khán giả sững sốt. Những thí sinh khác sững sờ như thể bị bò bùa mê. Cô Mus chuyển lên ngồi phía trước. Nét lo lắng trên mặt cô biến mất. Cô rầm rầm khấn, “Subhanalla, subhanallah, lạy Đức Alla...”

Cha mẹ Lintang hãnh diện khi trông thấy con trai mình trả lời thật xuất sắc.

Cô kia tiếp tục đọc câu hỏi.

Thằng Lintang ămtron các câu hỏi về toán học và khoa học tự nhiên. Những câu hỏi ở lĩnh vực khác bị các đội khác giành điểm, nhất là đội trường PN. Vòng một kết thúc. Chúng tôi dẫn đầu.

Vòng hai, đối thủ của chúng tôi dần dần nhích đến điểm gần ngang bằng với chúng tôi. Đã vậy con nhỏ Sahara và tôi còn trả lời mấy câu sai nữa, thế là mất đứt bao nhiêu là điểm. Vòng hai kết thúc và tình hình trở nên căng thẳng hơn khi sắp đến vòng thi quyết định.

Vòng ba, đội trường nhà nước bị loại. Thật là một tình huống đáng ngại - đội PN, toàn những đứa thông minh ngang ngửa thằng Lintang, đã đuối kíp điểm số chúng tôi; thậm chí còn vượt qua vài lần nữa.

Mỗi lần một đứa trong đội PN trả lời đúng, hàng trăm cổ động viên reo hò vang dội. Khi đội tôi trả lời đúng cũng vậy. Thật lạ, nhưng có lẽ là vì đội của bọn nó không có cơ hội thắng nên cổ động viên của trường công đã quay sang ủng hộ đội tôi. Toàn bộ số cổ động viên lên đến 1.000 và gần như chia đều cho cả hai đội. Tất cả đều hoan hỉ khi đội mình cổ vũ trả lời đúng một câu hỏi. Người vui nhất là Harun. Cậu ấy vui như hội. Tôi thấy cậu vỗ tay không ngớt và cổ vũ đến khản giọng, nhưng cậu chả hề nhìn chúng tôi. Cậu nhìn ra ngoài cửa sổ. Hình như cậu cổ vũ cho một nhóm cô gái đang chơi kasti ngoài sân hay sao ấy.

Vòng chung kết. Đội trường PN và đội chúng tôi đuổi sát điểm nhau, lúc thì chúng tôi hơn lúc thì đội PN hơn, như những đợt sóng vỗ. Chênh lệch điểm giữa hai đội lúc nào cũng là 100. Cuộc thi đã tiến đến thời điểm quyết định: Một câu trả lời đúng sẽ quyết định người thắng cuộc, một câu trả lời sai kéo theo hậu quả khôn lường.

Tình huống trở nên gay cấn hơn khi điểm số giữa hai đội cứ suýt soát nhau như thế và lúc này chỉ còn năm câu hỏi, điểm chúng tôi ghi được là 1.600 trong khi đội PN là 1.700. Chúng tôi phải giành cơ hội để ngang điểm, nhưng khi cô kia đọc câu hỏi, “Pleng Chard Thai là...”

Chắc như đinh đóng cột, tôi nhất nút và la lớn, “Quốc ca Trung Hoa!”

Và tôi đã trả lời sai.

“Trừ một trăm điểm!”

Mọi người rửa xả tôi. Thật ngu không chịu nổi. Nghe cái tên đã biết là của Thái Lan rồi mà. Nhưng vì A Ling, tất cả mọi cụm từ có ba từ, ví dụ Njoo Xian Ling, đều khiến tôi cứ thế nghĩ về Trung Hoa - như một cái máy.

Sự xuẩn ngốc đó khiến đội tôi lâm vào tình huống nguy hiểm. Tệ hơn nữa, đội PN đã trả lời đúng một câu hỏi về phát hiện khoa học trong di truyền học. Những kiến thức như thế, trên ti vi hay những tạp chí khoa học mới nhất, là những kiến thức chúng tôi không có cơ hội tiếp cận nên đâu có biết.

Thế nên chúng tôi mất cơ hội cho hai câu hỏi, 200 điểm. Trong suốt cả trận đấu rất ít khi chúng tôi thua trường PN số điểm tương tự. Những đối thủ đến từ trường nhà nước chỉ có thể ngồi thộn ra, mặt đờn nào cũng đầy âu lo. Cổ động viên của chúng tôi hồi hộp đến nín thở.

Sự thất bại nhảy múa trước mặt chúng tôi. Đáng buồn thật. Sự giỏi giang của Lintang bị sự kém cỏi của Sahara và tôi làm cho lu mờ - nhất là tôi. Sahara và tôi đã không xứng đáng với niềm mong mỏi của cô Mus, đã không trả lời đúng những câu hỏi nằm trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Tôi thấy mình có lỗi quá thể. Sahara giận tôi lắm. Nó ghé miệng vào tai tôi giận dữ, “Boi, nghe đây! Nếu có câu hỏi nào về địa lý nữa, đừng có mà nhanh nhẩu đoán nữa đấy! Ngậm mồm lại và coi chừng đó!”

Con nhỏ Sahara quả là đứa chẳng nề nang, cứ thế thẳng đuột.

“Đó là hậu quả của việc giao nhiệm vụ cho một đứa không có chuyên môn! Đợi xem hậu quả thảm khốc nhé!”

Đáng nề thật! Ngay cả trong tình cảnh căng thẳng như thế này - lúc mà đội chúng tôi sắp thua đến nơi - mà con nhỏ Sahara vẫn có thể trích dẫn lời dạy của Muhammad, và vẫn còn cãi cọ cho được - đây quả thực là sở thích của nó. Ý nó muốn nói nó mới là chuyên gia về địa lý, và bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến dân số một nước, sản phẩm nông nghiệp và quốc ca chỉ nên để mỗi nó trả lời thôi. Sự giận dữ của nó chẳng để làm gì cả; Sahara thúc cùi chỏ vào mạn sườn tôi, giành quyền trả lời câu hỏi kế tiếp.

“Quốc ca Brunei Darussalam là gì?”

Reng!

“Đội F!”

“Allah Peliharalah Sultan!”

“Một trăm đi...i...i...iễm!”

Nhưng chúng tôi vẫn còn thua đội PN 100 điểm.

Câu hỏi thứ tư trong số năm câu hỏi cuối cùng về một người có tên Ernest Rutherford.

“Người đàn ông gốc New Zealand này đã có đóng góp gì cho khoa học?”

“Ông là người tiên phong trong việc phân chia hạt nhân ra thành các hạt nhỏ hơn,” Lintang điềm đạm trả lời.

“Một trăm điểm!”

Cổ động viên của chúng tôi hứng khởi trở lại khi điểm số bây giờ đã ngang nhau. 1.800 - 1.800. Sự hồi hộp lên đến đỉnh điểm khi chỉ còn một câu hỏi cuối cùng. Mọi người rời chỗ ngồi của mình chen cả lên hàng trước. Trông cô Mus và thầy Harfan như đang lầm rầm cầu nguyện. Thậm chí người đọc câu hỏi cũng thấy căng thẳng.

“Các em hãy nghe cho kỹ nhé. Đây là câu hỏi cuối cùng.” Giọng cô nghe run run.

“Một phát minh khoa học liên quan đến những quan niệm về màu sắc đầu thế kỷ mười sáu đã khởi xướng nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực quang học. Vào lúc đó, nhiều nhà khoa học tin rằng màu sắc đỏ được là nhờ sự hòa trộn giữa ánh sáng và bóng tối, một ý kiến hóa ra không đúng. Lỗi này được chứng minh bằng cách phản chiếu ánh sáng lên thấu kính lõm...”

Reng! Reng! Reng! Lintang hét lên. “Vân tròn Newton!”

Người đọc câu hỏi nở nụ cười hài lòng. Cô ấy nãy giờ vẫn âm thầm đứng về phía đội chúng tôi. Người hô một trăm điểm cùng cười sung sướng. Khuôn miệng cá vàng của ông hô to, “Một trăm đi...i...i...iêm!”

Các cổ động viên đội chúng tôi hò hét nhảy cẫng lên vì vui sướng. Chúng tôi thắng. Tôi không thể tin được điều đó – trường làng Muhammadiyah của chúng tôi thắng. Tôi ôm lấy Lintang. Nó đưa cả hai tay lên cao. Chúng tôi cứ thể nhảy trong niềm vui tung bừng. Nhưng niềm vui ngắn chẳng tày gang. Chúng tôi đang đắm mình trong niềm vui chiến thắng thì nghe thấy có ai đó la lớn từ dãy bên dưới: “Thưa giám khảo! Thưa trưởng ban giám khảo! Tôi cho rằng câu hỏi và câu trả lời đều sai cả!”

Mọi người im bật nhìn cả về phía sau. Người vừa la lớn đó đứng lên bước xăm xăm về phía trước với dáng điệu giận dữ. Ô, thì ra là Cử nhân Zulfikar, giáo viên dạy giỏi môn vật lý của trường PN. Ôi không! Có chuyện rồi. Con nhỏ Sahara và tôi xịu mặt xuống, nhưng Lintang vẫn điềm tĩnh. Khi bước lên tới phía trước, ông thầy đó đứng chống nạnh rất ư trịch thượng rồi bắt đầu thao thao:

“Thí nghiệm với những thấu kính lõm không chứng minh được điều gì cho bài phê bình về thuyết màu sắc liên quan đến ánh sáng và bóng tối trước đây cả. Sự hiểu biết liên quan đến việc tạo ra màu sắc không phải là một vấn đề thuộc quang học, trừ phi ban giám khảo muốn bất đồng với Descartes. Quang học và quang phổ màu sắc là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Trong tình huống mập mờ này, chúng ta đối mặt với ba khả năng: câu hỏi sai, câu trả lời sai, hay câu hỏi và câu trả lời thiếu cơ sở, không theo ngữ cảnh!”

Ôi trời! Lời bình phẩm này quả là vượt ngoài tầm hiểu biết của tôi; quá lạ lẫm và cao siêu. Cứ giống như một buổi bảo vệ luận án thạc sĩ trước ba vị giáo sư phản biện vậy. Nhưng chẳng phải lời nói của vị giáo viên giỏi kia mang hàm ý chê bai hay sao? Và thầy thật thông minh khi khiến ban giám khảo phải nao núng bằng cách trích dẫn quan điểm của Descartes. Ai dám bất đồng ý kiến với chuyên gia học huyền thoại đó cơ chứ?

Hy vọng Lintang có ý kiến phản hồi. Nếu nó không làm được vậy, chúng tôi chấm dứt ở đây. Tôi lo ngay ngáy nhưng chẳng biết làm gì.

Thầy Harfan ngơ ngác. Cô Mus bối rối, mặt cô tái nhợt như có một con bọ câu bằng vàng vừa mới tuột khỏi tay cô. Nếu không phải vì ông thầy Zulfikar đó, chúng tôi đã thắng rồi. Rõ ràng cô Mus muốn bảo vệ chúng tôi, nhưng cũng rõ ràng là kiến thức về vật lý của cô thua xa ông thầy Zulfikar ấy.

Tôi nhìn con nhỏ Sahara. Nó nhanh chóng quay mặt đi như thể nó chưa từng gặp tôi và Lintang vậy. Khán giả và ban giám khảo khựng lại bởi ý kiến phản đối có vẻ như rất thông minh ấy. Chẳng ai phản hồi được khi mà gần như không ai biết thầy đó nói về điều gì. Nhưng phải có người nào đó cứu chúng tôi thoát khỏi tình huống đó chứ. Trường ban giám khảo đứng lên. Lintang vẫn điềm tĩnh và còn cười nữa; nó thấy rất thư thái.

“Cảm ơn về ý kiến phản đối rất hay của thầy. Tôi chỉ có thể nói rằng lĩnh vực của tôi là giáo dục đạo đức Pancasila...”

Thầy Zylfukar lầm bầm gì đó. Thầy ta cảm thấy mình thắng thế. Nhìn mặt thầy có thể thấy thầy muốn chứng tỏ rằng mình đã từng đọc Principia của Isaac Newton, thầy cũng đặt mua dài hạn các tạp chí vật lý quốc tế, và rằng thầy là một con chuột phòng thí nghiệm với kinh nghiệm đầy mình. Thầy là một cử nhân mới tốt nghiệp ngạo mạn cho rằng mình biết tuốt. Bài diễn văn của thầy được chêm vào nhiều câu trích dẫn và thuật ngữ khoa học không đáng tin cậy nhằm để khoe mẽ. Nhưng giờ thì tôi đảm bảo rằng thầy sẽ phải uống một viên APC thôi, viên thuốc đắng nghét được người dân Mã Lai vùng xa xôi nghèo khổ dùng để trị bách bệnh ấy.

Vì đã tin chắc đội trường mình sẽ thắng, thầy Zulfikar, không thể cưỡng lại được mong muốn hạ giá trị chúng tôi, đã chuyển từ ngạo mạn sang

thô lỗ.

“Có lẽ các học sinh trường Muhammadiyah này hoặc ban giám khảo sẽ vui lòng giải thích một chút về thuyết Descartes về hiện tượng màu sắc chẳng?”

Thầy đó đi quá xa mất rồi! Không ai ngờ được chuyện đó. Thầy Zulfikar muốn làm mất thể diện chúng tôi và làm mất uy tín ban giám khảo. Thầy đó tin rằng không ai trong chúng tôi biết về Descartes, và như thế thì sẽ phải hủy câu hỏi đó hoặc chúng tôi tỏ rằng câu trả lời chúng tôi là sai. Và nếu câu trả lời của chúng tôi sai thì chúng tôi sẽ mất 100 điểm và trường PN sẽ thắng. Điều khiến chúng tôi thấy tổn thương nhất là cái lỗi thầy đó nói trường Muhammadiyah, cố tình nhấn mạnh để nhắc mọi người nhớ rằng trường chúng tôi chỉ là một trường tầm thường chẳng có gì nổi trội hết.

Tôi không hiểu những lý thuyết về quang học, nhưng tôi biết một chút về lịch sử của việc phát hiện ra màu sắc. Tôi từng đọc một câu chuyện, và tôi biết rằng Descartes làm thí nghiệm với các lăng kính và những tờ giấy để thử màu, không liên quan đến quang học. Chính Newton mới là bậc thầy về quang học. Thầy Zulfikar rõ ràng là người tự cao tự đại già mồm già miệng cố trấn áp mọi người bằng cách tạo ấn tượng ta đây là người hiểu biết nhiều nhất về lý thuyết màu sắc. Tôi giận lắm và muốn phản đối thầy Zulfikar nhưng kiến thức của tôi lại có hạn.

Cách hành xử của thầy Zulfikar là một vấn đề muôn thuở của Indonesia: những người có học thức lòng vòng nói tới nói lui với những thuật ngữ to tát và lý thuyết cao siêu chẳng phải vì sự tiến bộ khoa học, mà là vì muốn khoe mẽ với những người ít nổi và không thể tìm ra lời lẽ để tranh luận. Những trí thức thích trấn áp và cho ta đây hiểu biết hơn người, như cách thầy Zulfikar thể hiện, nhan nhản khắp nơi. Những người kiểu như thế chỉ là trí thức rơm; những nhà khoa học rơm ngạo mạn khống chế những cộng đồng người không được học hành đến nơi đến chốn hòng tự tăng bốc bản thân lên và làm đầy túi mình.

Tôi nhìn Lintang, cầu cho nó trợ giúp nếu tôi có đứng lên phản đối sự quá đáng của thầy Zulfikar. Tôi thực sự cần nó hỗ trợ. Nhưng sẽ thế nào nếu hóa ra tôi là người sai? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi bị tấn công dồn dập? À, nguy cơ cao đấy. Có thể tôi sẽ nhục nhã hơn thì có. Đây là vấn đề muôn thuở của những người như tôi - người không có kiến thức đầy

đủ. Do vậy mà trong tôi đang giằng co hai thái cực một là mong muốn được lên tiếng phản đối, hai là lưỡng lự không dám. Nhưng tôi thấy giận vì trường mình bị xúc phạm, và tôi cũng tức phát điên khi biết rằng ông thầy Zulfikar đã dẫn chứng nhà khoa học Descartes một cách sai lầm chỉ để đáp ứng cho lợi ích của riêng thầy.

Thấy tôi giận, Lintang nhoẻn miệng cười. Một nụ cười thật bình yên. Tôi biết, như thường lệ, nó thấu được suy nghĩ của tôi. Nó đáp lại cái nhìn chăm chăm của tôi bằng một ánh nhìn mềm mỏng như thể muốn nói, Bình tĩnh nào thằng em. Để thằng anh lo vụ này. Nó vẫn rất điềm tĩnh. Con nhỏ Sahara và tôi thu người lại; hai đứa tôi như muốn núp dưới vòng tay che chở của người bạn vốn là bậc thầy về trí thức – người biết tốt và không hề nao núng cho dù chuyện gì xảy ra đi nữa.

Khi nghe câu thách đố đầy khiêu khích của thầy Zulfikar, trưởng ban giám khảo hít một hơi thật sâu. Ông nhìn quanh các đồng nghiệp mình, những thành viên khác trong hội đồng giám khảo. Ai cũng lắc đầu có ý bảo họ không thể đấu trí tay đôi với thầy Zulfikar.

“Tôi xin lỗi, thầy giáo trẻ. Thay mặt ban giám khảo, tôi phải nói rằng chúng tôi không có đủ kiến thức về lĩnh vực ấy.”

Lời lẽ ông thật khiêm tốn, ông giáo già tội nghiệp ấy. Ông là giáo viên kỳ cựu có trái tim nhân hậu, được mọi người tôn trọng vì hàng mấy chục năm tận tụy với sự nghiệp giáo dục ở Belitong. Trông ông ngượng ngùng và tuyệt vọng, ông đưa ánh nhìn về phía đội chúng tôi, đội F. Lintang mỉm cười và khẽ gật đầu. Thật bất ngờ, trưởng ban giám khảo lên tiếng, “Nhưng học sinh đến từ trường Muhammadiyah này có thể giúp.”

Căn phòng im phăng phắc, ai nấy đều chìm trong lo lắng và mọi người trở nên bức bối hơn khi thầy Zulfikar bồi thêm một lời bình phẩm tàn nhẫn nữa.

“Tôi hy vọng lời phản biện của em ấy chính xác được những câu trả lời lúc này!”

Thầy đó lại đi quá xa nữa rồi! Thầy đó đã cố tình khiêu khích Lintang, và lần này Lintang không thể không có phản ứng gì. Nó đứng lên nói.

“Thưa thầy, nếu thầy phản đối vì câu trả lời không ăn nhập gì với câu

hỏi thì may ra lời phản đối của thầy có thể chấp nhận được. Nhưng ban giám khảo đã hỏi một câu hỏi và câu trả lời đó đã được viết trên giấy trắng mực đen hằn hoi và được cô đọc câu hỏi đọc to lên nữa. Em dám chắc rằng vôn tròn Newton được viết ở đây, và câu trả lời của đội em là vôn tròn Newton. Thế có nghĩa là đội em xứng đáng nhận 100 điểm. Cho dù nó không đúng ngữ cảnh thì cũng chỉ có nghĩa là ban giám khảo đã hỏi một câu hỏi đúng nhưng chỉ là do cách diễn đạt chưa thật thích đáng thôi.”

Thầy Zulfikar vẫn không chịu thừa nhận chuyện đó.

“Nói cách khác, câu hỏi sai vì những đội khác trông đợi một câu trả lời khác!”

Lintang bác đi, “Chẳng có gì sai ở đây cả ngoại trừ thầy, thưa thầy, thầy đã coi thường bản chất của thuyết vôn tròn Newton và muốn hạ thấp điểm của đội em vì tính nhỏ mọn tầm thường.”

Thầy Zulfikar bực mình và nổi đóa. Khán phòng lại như sôi lên. Thầy nhào lên phía trước.

“À, nếu thế thì em hãy giải thích cho tôi nghe bản chất của học thuyết đó đi! Đội của em đạt điểm chỉ vì ăn may thôi, còn thì chẳng biết gì ráo!”

Ôi trời, thật chẳng còn gì để nói nữa. Con nhỏ Sahara cau mặt lại. Sau một lúc ngơ ngác, giờ nó đã trở lại là một con báo, hai hàng chân mày của nó chau lại vào nhau. Đám đông và ban giám khảo sững sốt, ai nấy miệng há cả ra kinh sợ trước trận tranh cãi khoa học đang hồi cao trào diễn ra trước mắt. Họ thậm chí không thể xen vào được. Đây là một vấn đề ngoài tầm hiểu biết của họ.

Nghe từ vôn tròn lặp đi lặp lại nhiều lần, Lintang vẫn tỉnh bơ như không. Rồi nó nhìn chăm chăm vào mẹ nó đang hoang mang ngồi nơi góc phòng. Mặt nó sừng lên, ngực phập phồng. Trông như thể nó đang mang trên người một gánh nặng to tướng vậy. Tôi lập tức hiểu rõ phản ứng của nó. Vấn đề về vôn tròn Newton chắc chắn gọi cho nó nhớ lại chuyện nó buộc phải bán chiếc nhẫn cưới của mẹ nó để có thể tiếp tục đến trường. Có thể thấy rõ là nó đang tức điên lên. Cuộc tranh luận với thầy Zulfikar đã trở thành vấn đề cá nhân đối với Lintang, và đây là cách phản ứng của một nhân tài đang con cáu tiết:

“Bản chất ở đây là rõ ràng Newton đã chỉ đúng những sai sót trong các học thuyết về màu sắc của Descartes, Aristotle, và sau này là Robert Hooke! Ba người này nghĩ rằng màu có những quang phổ riêng biệt. Thông qua thấu kính lõm, mà sau này khai sinh ra định lý vân tròn, Newton đã chứng minh rằng màu sắc nằm dọc theo một quang phổ liên tục và quang phổ đó không được tạo ra bởi những đặc tính thủy tinh, mà là đặc tính cơ bản của ánh sáng!”

Thầy Zulfíkar kinh ngạc! Khán giả chẳng hiểu mô tê gì về thuyết quang học, thậm chí ngay cả gập đầu họ cũng không thể gập. Tôi sung sướng quá. Linh cảm của tôi đã đúng! Tôi muốn nhảy ra khỏi ghế, đứng trên cái bàn trước mặt mà hét tướng lên: Các bạn có biết ai đây không? Đây là Lintang Samudra Basara con trai của Syahbani Maulana Basara, một học sinh thông minh xuất chúng và là người ngồi cùng bàn với tớ đấy! Nào mọi người hãy làm quen với cậu ấy đi!”

Lintang vẫn chưa thôi.

“Newton cho rằng, trừ phi thầy, thừa thầy, thầy muốn nghi ngờ một bản thảo về khoa học đã được chứng minh cách đây 500 năm, rằng tỷ trọng của những phân tử trong suốt quyết định hạt mà chúng phản xạ. Đó là mối liên hệ giữa độ dày của tầng khí quyển và quang học theo định lý về vân tròn màu sắc. Tất cả điều này có thể chỉ được xem xét dưới cái nhìn của quang học. Thừa thầy, làm sao thầy có thể cho rằng những vấn đề này không hề có liên quan gì đến nhau?”

Thầy Zulfikar lão đảo như muốn quy xuống, mặt xanh xám. Thầy ngồi phịch xuống một chiếc ghế, người như thể không còn xương. Dường như thầy chẳng còn biết nói gì. Đôi kính trễ xuống sống mũi gây trông thật thảm hại. Thầy nhận ra rằng việc mù quáng sa vào cuộc khẩu chiến về một điều thầy không nắm vững lắm chỉ tổ khiến sự xuân ngốc của thầy lòi ra trước cặp mắt sáng ngời của những người như Lintang mà thôi. Vậy nên thầy vẫy khăn trắng đầu hàng; Lintang đã đánh gục thầy. Lintang đã buộc thầy phải nuốt chửng một viên APC đắng nghét mà không chiêu ngụm nước nào, và viên thuốc chữa bách bệnh đó mắc kẹt ngay cổ họng thầy.

Các cố động viên cho đội chúng tôi nhảy vòng quanh như một bầy khi đang con khoái chí vì lời tranh luận vừa rồi của Lintang đã mặc nhiên giữ vững vị trí vô địch của chúng tôi trong giải Học sinh giỏi năm nay,

một giải thưởng hàng mấy chục năm qua trường chúng tôi có nằm mơ cũng không thấy. Ấy là một thành tích mà không ai có thể hình dung rằng chúng tôi sẽ đạt được.

Cô Mus giật lá cờ trường Muhammadiyah từ tay con nhỏ Flo. Cô vẫy rồi rút. Mắt cô ngời sáng. Miệng cô mấp máy subhanalla, subhanalla, lạy Đức Alla.

Tôi lại ôm chầm lấy Lintang lần nữa. Tôi chúc mừng nó vì đã có công lớn trong chiến thắng của chúng tôi, và đặc biệt là đã hoàn thành lời hứa thứ hai của mình – lời hứa với mẹ - là sẽ giành được giải thưởng Học sinh giỏi để đáp lại sự hy sinh của mẹ, vì mẹ đã cho bán chiếc nhẫn cưới để nó tiếp tục đi học.

Khi Lintang giờ cúp chiến thắng lên cao, người hùng đầu tiên của chúng tôi, Harun, huyết gió như cao bồi gọi lũ bò về nhà. Harun xúc động bởi chiến thắng của Lintang nhưng cậu ấy lại chúc mừng Trapani. Dù cho Lintang có giỏi đến cách mấy, cậu ấy vẫn cứ thần tượng mỗi một Trapani; đó là người cậu ấy muốn trở thành. Trong lúc đó, bà Frischa, hiệu trưởng trường PN, ngồi trên một chiếc ghế to tướng, quạt lấy quạt để hòng xua đi cái nóng. Bà ngồi cựa quậy không yên, vẻ mặt thất thần như thể tâm trí đang ở tận đâu đâu.

CHƯƠNG 31

NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÓ TÂM LÒNG BAO LA NHƯ BIỂN

Ngày hôm sau, chúng tôi đứng xếp hàng trước tủ trưng bày. Giờ đến lượt Lintang nhận vinh dự được đặt chiếc cúp vào trong tủ. Chiếc cúp vô địch Học sinh giỏi đứng cạnh chiếc cúp lễ hội hóa trang có được nhờ công sức của Mahar.

Hai chiếc cúp đã cho chúng tôi hiểu được tại sao Thượng đế lại ban tặng cho chúng tôi hai người bạn thiên tài ấy. Nhờ Mahar mà chúng tôi đủ dũng khí để đua tranh. Nhờ Lintang, chúng tôi dám mơ ước.

Hai chiếc cúp đúng thật là tuyệt. Chúng như một cặp tình nhân khăng khít. Chúng đứng bên nhau không tách rời như thể đang tuyên bố rằng chúng là tài sản của những chiến binh sẵn sàng đối mặt với bất kỳ khó khăn nào và không bao giờ có cảm giác than thân trách phận, ngay cả khi số phận luôn nghiệt ngã.

Trước đây, người ta tin rằng trí lực cũng như thể lực của chúng tôi, và thậm chí ngôi trường của chúng tôi sẽ đổ sập chỉ sau vài tuần. Không ai từng nghĩ rằng có lúc chúng tôi lại giành được những phần thưởng cao quý đến như thế này. Nhưng hãy nhìn chúng tôi đi, nhìn hai chiếc cúp danh giá đi. Hãy nhìn cách chúng tôi đứng trước chiếc tủ trưng bày thể hiện niềm tự hào to lớn đến thế nào đi. Chúng tôi mạnh mẽ và can trường hơn bao giờ hết. Sự dạy dỗ kiên trì và bền bỉ của thầy Harfan và cô Mus giờ bắt đầu cho thấy những kết quả đầy hứa hẹn. Hai con người tận tâm ấy giờ đang cố nén giọt lệ trong khi đứng nhìn chăm chăm hai chiếc cúp vì biết rằng, từ giây phút này trở đi, không một ai có thể coi thường trường chúng tôi được nữa.

Cho dù sức khỏe đang giảm sút nghiêm trọng, thầy Par Harfan thậm chí còn hăng say giảng bài cho chúng tôi hơn sau chiến thắng ở giải Học sinh giỏi đó. Thầy không biết mệt mỏi là gì, dốc lòng dốc sức chuẩn bị

cho chúng tôi đối mặt với kỳ thi tốt nghiệp sắp đến.

Thầy hướng dẫn cho chúng tôi hàng giờ liền. Thầy làm việc như thể đang chạy đua với cái gì đó. Nên dù phải học cật lực như thế, chúng tôi vẫn quá đôi vui mừng. Phương pháp giảng dạy của thầy Harfan giúp cho những bài học thuộc lòng dường như trở thành bữa ăn thịnh soạn. Những bài toán hóc búa trở thành những trận thi thố, môn số học khó nuốt giờ thành môn giải trí.

Vào những ngày cuối tuần, thầy Harfan đi xe đạp 100 cây số đến Tanjong Pandan mang theo cái giỏ đựng đủ thứ hoa màu từ vườn nhà thầy: dưa, chuối, riềng nếp và cả khoai nướng nữa. Thầy bán những thứ ấy để mua sách cho chúng tôi. Trên đường về, thầy ghé qua thư viện thành phố. Thầy vào đó mượn đề thi tốt nghiệp các năm trước.

Nhưng bệnh suyễn của thầy Harfan đang mỗi ngày một nặng thêm. Thầy còn ho ra cả máu, chúng tôi thường phải nhắc thầy nghỉ ngơi.

“Không lên lớp thì thầy còn mệt hơn ấy chứ,” thầy luôn bảo thế.

“Và nếu thầy có chết, thầy sẽ chết tại ngôi trường này” thầy đùa.

Thầy Harfan cứ tiếp tục làm việc không ngơi nghỉ như thế. Thầy chữa bài tập cho chúng tôi đến tận khuya lơ khuya lắc. Thầy phê thật chi tiết vào tờ kiểm tra của chúng tôi, hướng dẫn cách khắc phục từng khuyết điểm một.

Suốt hàng mấy tháng trời, tối nào cũng vậy, sau buổi đọc kinh Koran chúng tôi lại chạy ào về trường để nhận bài tập làm thêm thầy Harfan giao.

Vậy mà vào một đêm nọ, chúng tôi đợi trong lớp mất một lúc mà không thấy thầy Harfan đến. Chúng tôi bèn đến văn phòng thầy bên cạnh vườn trường. Chúng tôi gõ cửa, nhưng không nghe tiếng trả lời. Chúng tôi mở cửa và trông thấy thầy ngồi gục mặt lên bàn. Tôi gọi thầy, nhưng thầy không đáp lại. Tôi đến gần hơn một chút và thấy thầy như đang ngủ say. Tôi tiến lại gần hơn và gọi thầy lần nữa. Thấy vẫn im lặng. Tôi chạm vào tay thầy, bàn tay lạnh như đá. Thầy không còn thở nữa. Thầy Harfan đã ra đi.

Thầy Harfan đi dạy từ khi mới mười lăm mười sáu tuổi, tính ra đã hơn năm mươi một năm. Chính thầy đã đốn cây trong rừng mang về xây

nên ngôi trường Muhammadiyah này. Thầy đã mang súc gỗ đầu tiên - và nặng nhất trên chính đôi vai của mình, và đó là cây cột chính hiện vẫn còn trong lớp học chúng tôi. Chúng tôi đã đo chiều cao của mình trên cây cột ấy trong suốt những năm tháng qua, để lại trên thân nó đầy những vết cứa. Đối với chúng tôi, cây cột ấy thật thiêng liêng.

Người ta bảo hồi xưa hồi xưa, thầy Harfan cũng có nhiều học trò và giáo viên lắm. Nhưng dần dà, cộng đồng mất niềm tin nơi nhà trường còn giáo viên mất niềm tự hào về nghề nghiệp của mình. Sự phân biệt giáo dục dưới sự áp đặt của PN làm người ta không còn hăng hái cho con em đến trường. Sự phân biệt này khiến cư dân Belitong bản địa tin rằng chỉ con cái của nhân viên PN mới được học ra đầu ra đũa và có cơ hội vào được đại học và rằng chỉ giáo viên PN mới có tương lai. Điều này khiến cho trẻ em bỏ học dần, và dần dà so giáo viên cũng rơi rớt theo. Họ hoặc trở thành cu li cho PN hoặc làm ngư dân.

“Học mà làm gì chứ?” bọn trẻ trong làng hỏi để mà phủ nhận. “Dù thế nào mình cũng không thể tiếp tục được nữa.”

Tình huống càng trở nên tệ hơn khi bọn trẻ làng lóc nhóc không đến trường nhưng vẫn “được việc”. Bọn chúng kiếm ra tiền từ việc hái tiêu, trông coi cửa hàng, làm thợ xảm, mài dũa và phụ việc vặt cho thuyền đánh cá.

Đối với chúng nó, trường học chỉ mang tính tương đối - đặc biệt là với những đứa tìm được công việc có thu nhập như những đứa đủ can đảm vào rừng tìm gỗ trầm hương và đàn hương vàng chẳng hạn. Chúng có thể mua được xe đạp trong khi thầy Harfan, đường đường là hiệu trưởng, phải dành dụm từng rupi một cũng chỉ đủ để thay cái lốp xe mòn vẹt. Giáo dục mau chóng trở thành một nỗ lực vô ích đối với những đứa trẻ bị mắc kẹt trong cái vòng chẳng mấy hy vọng được cấp sách tới trường, phải cật lực vì cái ăn cái mặc hằng ngày dưới sự phân biệt đối xử.

Nhưng thầy Harfan vẫn luôn cần mẫn cố gắng thuyết phục những đứa trẻ ấy rằng học thức thể hiện lòng tự trọng, rằng giáo dục thể hiện lòng sùng kính đối với đấng tạo hóa, rằng học tập không phải lúc nào cũng buộc chặt với những mục tiêu như lấy được bằng cấp hay trở nên giàu có. Học tập là cao quý, là ca tụng nhân bản, là niềm vui khi được cấp sách tới trường và là ánh sáng văn minh. Đó là định nghĩa hết sức thú vị

đến hơi thở cuối cùng mới có thể giữ được. Một cái chết vinh quang, như thầy vẫn hằng mong muốn.

Không có phát súng tiễn biệt, không một vòng hoa viếng, không phần thưởng nào từ chính quyền hay bài phúng điếu từ Bộ Giáo dục, không một lời ngợi ca nào từ bất kỳ ai. Nhưng thầy đã để lại một cái giếng mát lạnh trong tim của mười một đứa học sinh chúng tôi, một cái giếng kiến thức không bao giờ cạn.

Chúng tôi khóc tiễn thầy trong lớp học. Người khóc khiến ai nghe cũng phải thất ruột là Harun. Thầy Harfan như cha của cậu ấy. Cậu khóc quá chừng, không ai dỗ cho nín được. Nước mắt tuôn chảy ướt cả áo sơ mi.

CHƯƠNG 32

THƯ KÝ CỦA CÂU LẠC BỘ NHỮNG NGƯỜI CHUỘNG MÀ

Họ tự gọi mình là Societeit de Limpai, hay đơn giản hơn: Hội Limpai.

Limpai là một con vật huyền thoại siêu nhiên và đáng sợ trong thần thoại Belitong. Đây là một truyền thuyết thú vị, vì nhiều câu chuyện dân gian đưa ra nhiều định nghĩa trái ngược nhau về sinh vật thần bí này. Cư dân vùng biển cho rằng đây là một nàng tiên sống trên núi. Dân miền núi tin rằng đây là một con vật giống như voi ma mút, khổng lồ, màu trắng. Người Mã Lai sống ở đồng bằng thì lại cho rằng đây là một con gió - một cơn gió mà nếu nổi lên thì có thể quật đổ cây và khiến cho lúa ngã rạp hết. Ở các vùng xa xôi hẻo lánh, Limpai có nghĩa là bogey, một con ma màu đen khổng lồ. Thế hệ sau thì không đồng ý với bất kỳ quan điểm nào nói trên. Theo họ, Limpai là một huyền thoại hiện đại, một thần ác mộng hay một điềm báo về cái chết có thể hóa thân thành bất kỳ thứ gì.

Những điều này đều là hiểu lầm cả, bởi vì câu chuyện về Limpai thực ra có những căn cứ hẳn hoi từ những lời giáo huấn của người Belitong cổ xưa truyền từ đời này sang khác để người ta không khai thác rừng và nguồn nước bừa bãi. Những lời giáo huấn đó có một sức mạnh đầy thuyết phục, khiến người ta sợ bị gặp chuyện xấu vì rừng và nước được ma Limpai canh giữ.

Những người lớn được học hành coi Limpai chỉ đơn thuần là mối hoang mang lớn vẩn trong đầu những kẻ ăn không ngồi rồi ngu đần, yếu bóng vía, chẳng có việc gì làm; Limpai là vậy đó.

Societeit hoạt động rất bí mật. Người ta không biết họ họp khi nào và ở đâu, hay họ bàn bạc những gì. Nếu tình cờ bị bắt gặp, họ sẽ nhanh chóng đổi đề tài và thậm chí còn giả vờ không biết nhau nữa. Đó là cách họ che giấu hoạt động của mình. Chẳng phải vì họ làm nhiệm vụ gì

nguy hiểm, gây bạo loạn, hay phạm pháp. Chỉ là để tránh con mắt dòm ngó soi mói về tính chất vô lý của hội. Societeit chẳng qua chỉ là một nhóm người vô dụng quá sùng bái thế giới huyền bí mà thôi.

Có chín thành viên trong Societeit. Để gia nhập hội này cần đạt được những yêu cầu hết sức nghiêm ngặt. Thành viên lớn tuổi nhất của tổ chức, một trưởng cảng về hưu, tuổi năm bảy. Những thành viên nhỏ tuổi nhất là hai đứa quăng mười hai mười ba tuổi. Sáu người còn lại gồm có một nhân viên thu ngân tại chi nhánh ngân hàng Indonesia ở Rakyat, một người Hoa làm nghề mạ vàng, một người thất nghiệp, một người chơi electone không vợ con, một người đang học ngành điện thì bỏ giữa chừng về mở tiệm bán xe đạp, và Mujis anh nhân viên phun thuốc diệt muỗi.

Điều lạ nhất là chủ tịch câu lạc bộ Societeit lại là thành viên nhỏ tuổi nhất. Nó là người sáng lập ra tổ chức này và được các thành viên khác nể trọng bởi nó rất am hiểu về thế giới huyền hoặc và thu thập được không biết bao nhiêu chuyện tào lao cùng bao nhiêu tin tức lẫn lộn. Nó là thằng Mahar chứ chẳng phải ai xa lạ. Còn một đứa nhóc nữa mà tôi nói lúc trước, dĩ nhiên là con Flo rồi.

Societeit hoạt động rất sôi nổi. Họ tiến hành những cuộc thám hiểm đến những nơi xa lạ, tìm hiểu những điều huyền bí, dựng lại bản đồ những địa danh trong thần thoại Mã Lai. Xét theo một góc độ nào đó, họ là những cá nhân dũng cảm nóng lòng muốn xới tung những bí mật của địa hạt huyền bí này với một thái độ hoài nghi không suy suyển - họ không tin vào bất kỳ điều gì trừ phi chính mắt họ trông thấy hay sờ thấy.

Thằng Mahar và con nhỏ Flo khôn khéo lấy Limpai làm tên của băng nhóm đó. Vì con vật ấy mang tính ẩn dụ nên tùy theo cách nhìn nhận của từng người mà hội Societeit có thể được xem như một nhóm nhà khoa học dò người hay những kẻ dị giáo. Triết lý của tổ chức này cũng có nhiều cách hiểu, hết như Limpai vậy.

Họ tiến hành hoạt động với sự hỗ trợ của thiết bị điện tử. Dưới sự giám sát của anh thợ điện nửa mùa, họ lắp ráp một máy dò điện từ trường có thể đọc được những làn sóng trong tầm quan sát dao động từ hai đến bảy miligauss và họ tin rằng đó là khoảng cách có thể quan sát được các hoạt động tâm linh. Họ cũng chế tạo một cái cảm biến tần số có thể phát

hiện được những tần số cực thấp, dưới 60 Herzt. Theo cách suy nghĩ lạ lùng của họ, đó là dải tần số ma cà rồng trò chuyện. Họ cũng trang bị cho mình hương trầm, lô hội, bùa ngải bằng trứng thần lằn chúa và một con gà mái hoang, những thứ được cho là có thể phát hiện nhanh nhất dấu hiệu của ma quỷ.

Một lần, họ đến rừng Genting Apit, nơi rừng rậm nhất Belitong. Khu rừng đó ẩn chứa hàng ngàn câu chuyện kỳ quái, và câu chuyện mà người ta hay nói tới nhất là hiện tượng sương mù ngoại chất. Làn sương mù lẫm rẫm gì đó rồi tự nhiên - có thể là một cách kỳ quái - biến thành hình dạng con người, động vật, hay người khổng lồ. Chẳng hiếm người đã chụp được những hình ảnh đó bằng máy ảnh thông thường. Nhiều người cảnh báo các tay lái xe đi xuyên qua khu vực Genting đừng có nhìn vào gương chiếu hậu vì những con ma thung lũng thường xin quá giang ở băng ghế sau. Đây chính là nơi có những chuyện khủng khiếp được Societeit tiến hành nghiên cứu.

Nói cho gọn là, tổ chức bí mật này rất bận rộn và cần lên kế hoạch về hành chính, quỹ và những thành viên chủ chốt - họ cần một thư ký.

Khi thăng Mahar đề nghị tôi đảm nhận vị trí ấy, tôi lập tức chộp lấy cơ hội. Cho dù chẳng được trả gì ráo, tôi vẫn cảm thấy thật vinh dự vì được bổ nhiệm làm thư ký cho một tổ chức có những thành viên là bạn bè với ma. Tôi cũng sung sướng vì lời đề nghị ấy cho thấy tôi có đủ phẩm giá để có thể giữ quỹ. Ít ra thì điều đó có nghĩa là tôi được tin tưởng dù chỉ bởi những người có đầu óc không bình thường. Nào, bạn tôi ơi, nếu như công việc trên có thể được gọi là một nghề thì lồng ngực tôi giờ đây đang căng tràn niềm kiêu hãnh – làm thư ký cho tổ chức vô hình, tổ chức Societeit de Limpai, là nghề đầu tiên của tôi.

Công việc của tôi đơn giản, có thể xếp gọn trong một cuốn sổ ghi chép. Trách nhiệm của tôi là lưu phí hội viên, giữ tiền, ghi chép những món đồ cá nhân mà các thành viên bán hay đem cầm để mua thiết bị và chi phí đi lại. Những nhiệm vụ khác, theo lệnh của hai chủ nhân - Flo và Mahar - là sắp xếp những cuộc họp kín và rót trà phục vụ thành viên tham dự cuộc họp. Với công việc này, gọi tôi là bồi bàn mới thật công bằng.

Mỗi khi từ các cuộc hành trình bí ẩn trở về, Flo và Mahar luôn mang về trường những câu chuyện lý thú và hồi hộp. Một ngày, hai đứa đó kể

cho chúng tôi nghe rằng ở giữa một khu rừng rậm tối tăm, tụi nó phát hiện ra một số ngôi mộ, kích thước 3x8 mét, khoảng cách giữa các bia mộ ít nhất là năm mét. Vì Mahar tin rằng khoảng cách đặt các bia mộ phải bằng chiều dài từ đầu đến chân, nên có thể suy ra rằng các xác chết được chôn dưới những ngôi mộ này đều là những người khổng lồ dĩ thường.

Flo bắt đầu câu chuyện bằng việc cho chúng tôi xem những cái đĩa và ảnh vẽ gần những ngôi mộ đó. Nó hùng hồn tuyên bố rằng nó ngủ gần những bia mộ nhất và chẳng thấy sợ tẹo nào. Nó kể lại cái trải nghiệm rợn tóc gáy đó cho chúng tôi nghe như thể nó đang kể một giai thoại sinh động về con mèo Ba Tư nhà nó vậy. Tôi muốn nói với nó rằng không phải những món khảo cổ nó tìm được bị vỡ mà chính thần kinh của nó bị vỡ mới đúng.

Tuy thế, phiên bản của Mahar lôi cuốn hơn nhiều. Nó thêm thắt nhiều chi tiết và mối quan hệ giữa những ngôi mộ khổng lồ đó với Belitong và giả định của các nhà khảo cổ học nổi tiếng như Barry Chamis và Harold T. Wilkins. Những nhà khảo cổ này tin rằng đã có thời trên trái đất tồn tại những người khổng lồ đi lang thang.

Mahar rút ra một suy luận hợp logic và vô cùng thú vị: Dựa vào những hăm mộ Belitong, số người pasnuta khổng lồ được tìm thấy ở Omaha và những khung xương không hoàn chỉnh được khai quật từ một khu mộ cổ ở cao nguyên Golan, suy ra đã từng có người cao tới sáu mét.

Những câu chuyện của Mahar luôn chứa đựng kiến thức. Có thể nó là một thằng nhóc lập dị kỳ quái cùng một lúc có thể đặt chân trên hai lãnh địa, chân này ở bên hiện thực, chân kia bên tưởng tượng, nhưng rõ ràng nó là đứa sáng dạ, vừa có kiến thức rộng về thế giới huyền bí siêu linh vừa có lối tư duy chặt chẽ.

Flo và Mahar ngồi vắt vẻo trên một nhánh thấp của cây filicium, hết những nhà truyền giáo từ một ngôi đền Sikh, trong khi đó, chúng tôi - đội Chiến binh cầu vòng, ngồi chồm hổm thành vòng tròn nhường những cặp mắt hau háu tròn xoe lắng nghe những câu chuyện về thế giới huyền bí của hai đứa nó.

Câu chuyện hồi hộp nhất là về cuộc thám hiểm đến một cái hang trên một hòn đảo xa xôi biệt lập.

“Hai đứa tao thám hiểm cái hang đó. Khi giờ cái đèn lên, tụi tao kinh ngạc khi trông thấy một bức họa thuộc thời đồ đá cũ vẽ những người không mặc quần áo gì cả đang ăn sống tụi dơi trong hang,” Flo nhớ lại.

Chi tiết gây sùng sốt chưa phải là việc tìm thấy bức họa mà là, theo Mahar, đó là tiếng thì thào phát ra từ bức họa thời đồ đá cũ kia khi nó đang thi u thi u ngủ.

“Lemuria, Lemuria,” thằng Mahar rên rĩ. “Những bức họa đó rít vào tai tao như tiếng con rắn manau ấy. Tụi mày có biết huyền thoại về Lemuria không đấy?” Mahar run lên sợ sệt.

“Tiếng thì thào đó đến tai tao như một điềm báo trước. Ấy là dự báo kinh hoàng rằng một thế lực ở Belitong sẽ sớm bị sụp đổ!”

Cách hành xử của thằng Mahar luôn khiến chúng tôi thấy bối rối, khó hiểu, thậm chí thỉnh thoảng khó chịu nữa. Nó thích phóng đại. Chỉ cần nói chuyện vài phút đã biết nó là một đứa mơ màng viễn vông thuộc hạng số zách với một thế giới riêng trong đầu. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng thỉnh thoảng những câu chuyện vô lý của nó chẳng sớm thì muộn cũng được chứng minh là đúng - mà điều này thì lặp đi lặp lại luôn.

Vậy nên tôi nghe những câu chuyện của nó hết sức chăm chú và nghiêm túc. Liệu người Belitong có biến mất như người Babylon và Lemuria không? Điều làm tôi sợ hãi là Lemuria. Nhiều người tin rằng câu chuyện về Lemuria không hơn gì một câu chuyện cổ tích, chỉ giống như Atlantis thôi. Tuy vậy, nếu tiên đoán của Mahar là đúng thì liệu câu chuyện về Lemuria có đúng không? Thế giới rừng rợn lemures ám ảnh tôi. Lemures, nguồn gốc của cái tên Lemuria có nghĩa là những linh hồn biến mất. Thảm họa nào treo lơ lửng trên đầu dân đảo Belitong?

Ở thế giới kia, cô Mus đang bắn lên vì chiều hướng phát triển của Mahar. Nó sa đà vào một thế giới huyền bí, chứ không phải nghệ thuật, trong khi nhẽ ra kế hoạch A của nó phải là nghệ thuật kia. Cùng với sự có mặt của con nhỏ Flo, nguy cơ phí hoài tài năng đó đang tăng lên.

Và hôm nay, cô Mus thật sự đau hết cả đầu - cô nhận được một lá thư từ PN cho biết phải dừng tất cả các hoạt động dạy và học tại trường lại vì ba cái máy xúc sắp được đưa tới để khai thác thiếc bên dưới ngôi trường.

CHƯƠNG 33

LÝ TIỂU LONG LÀM TỔNG THỐNG

Thiết bị được đưa tới. Công nhân xây dựng bắt đầu dựng lán trại quanh trường cho cu li. Tiếng gầm rú của những cái mái xúc tới mỗi lúc một gần khiến chúng tôi ngơ ngác lo sợ.

Dù đã được báo trước, cô Mus vẫn kiên quyết lên lớp dạy chúng tôi. Thỉnh thoảng cô phải gào lên khi giảng bài để át đi tiếng ồn phát ra từ mớ máy móc bên ngoài.

Cô Mus đã trả lời lá thư cảnh báo từ PN bằng cách khẩn cầu người đứng đầu PN đừng cho giật đổ trường chúng tôi. Cô cũng xin được gặp trực tiếp ông ta. Lá thư của cô chẳng được ai để ý mấy may.

Chúng tôi đối mặt hết thử thách này đến thử thách khác. Trách nhiệm nặng nề nhất đặt hết cả trên vai cô Mus. Từ khi thầy Harfan qua đời, cô có trách nhiệm dạy tất cả các môn, giải quyết tất cả những khó khăn về tài chính, chuẩn bị cho các kỳ thi, đối mặt với lời đe dọa của ông Samadikun, và giờ là khó khăn lớn nhất: mối đe dọa từ những cái máy xúc. Người thiếu nữ ấy phải một thân một mình đối mặt với tất cả.

Mặc dù chúng tôi đang vấp phải tình huống nan giải ấy, cô Mus vẫn ngẩng cao đầu. Nếu chúng tôi thấy bi quan cô sẽ cùng chúng tôi nói chuyện về hai cái cúp và nhắc cho chúng tôi nhớ rằng đó là phần thưởng dành cho những người không lùi bước trước khó khăn thử thách. Chúng tôi được lên tinh thần và tiếp tục vui vẻ học tập cùng cô Mus.

Nhưng tâm trạng vui vẻ không kéo dài được là bao, bởi vì ngay sau đó chúng tôi nghe thấy tiếng xe phành phạch. Ông Samadikun!

Chúng tôi nhốn nháo chuẩn bị nghênh tiếp ông ta. Cô Mus vội sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy. Chuyển thanh tra lần cuối của ông Samadikun khiến chúng tôi rất lo lắng giờ rốt cuộc đã đến. Nếu thất bại, chúng tôi

sẽ không phải đợi những cái máy xúc làm phần việc của mình. Vận mệnh của chúng tôi nằm cả trong tay ông Samadikun.

Tuy nhiên, lần này chúng tôi thấy lạc quan hơn. Mọi thứ đều đã có: tủ y tế, dù chỉ có mỗi một loại thuốc APC và xi rô chiết xuất từ sâu. Một chiếc bảng đen và khăn lau mới được mua bằng tiền thưởng đợt lễ hội hóa trang vừa rồi. Nhà vệ sinh, chẳng rộng rãi gì mấy - chỉ vừa đủ một cái thùng chôn bên dưới - có nghĩa là bọn học trò chúng tôi không còn phải lúi vủ bụi mỗi khi thấy buồn nữa, ổn.

Áo sơ mi đũa nào cũng đủ cúc. Tóc chải gọn gàng. Đũa nào cũng có dép, dù chỉ là đôi cunghai làm từ lốp xe ô tô. Không đũa nào mang ná cao su. Quần áo vẫn còn bẩn tí chút - đó là quần áo của tôi, Kucai và Syahdan - nhưng chỉ có vài vệt nhựa cây mờ mờ. Bảng điểm của Harun cũng đã được chuẩn bị xong. Chúng tôi đã cố dạy cho Harun rằng câu trả lời chính xác cho phép tính hai cộng hai là bốn. Nhưng mỗi chúng tôi đổ câu ấy, cậu ấy vẫn cứ giơ lên ba ngón tay.

Cô Mus đã hoàn tất các yêu cầu khó khăn của ông Samadikun: máy tính, com pa, bút chì. Cô có thể mua được một vài cái com pa và bút chì bằng tiền công may vá của mình. Và vì máy tính đắt quá nên thay vì đó cô chỉ mua một cái bàn tính. Tuy nhiên điều quan trọng là giờ chúng tôi đã có hai chiếc cúp mà chắc hẳn sẽ gây ấn tượng cho ông Samadikun.

Cô Mus bảo chúng tôi chuyển cái tủ trưng bày từ trong góc ra đặt gần bàn cô để ông Samadikun có thể trông thấy hai chiếc cúp được rõ. Sahara chạy như bay ra giếng và trở về với một cái giẻ lau và chiếc xô. Nó hì hụi lau chùi tủ để hai chiếc cúp được trông thấy rõ hơn.

Giờ chúng tôi đã sẵn sàng chào đón ông Samadikun. Cô Mus cho chúng tôi xếp thành hai hàng, một bên trái, một bên phải tủ trưng bày, thậm chí cô còn dạy chúng tôi mỉm cười hãnh diện khi nhìn hai chiếc cúp nữa kia. Hai chiếc cúp là minh chứng chính cho ông Samadikun thấy được nỗ lực của chúng tôi mà thôi cái ý định đóng cửa trường đi.

Chúng tôi thấy căng thẳng lắm nhưng đã sẵn sàng. Cô Mus cười thật tươi. Cô nhìn quanh để xem có bỏ sót thứ gì không. Đột nhiên, cô khựng lại khi nhìn lên chỗ tường bên trên tấm bảng đen. Trông cô như thể thấy ma. Gương mặt sáng hồng bỗng trở nên tái đi. Chúng tôi nhìn theo hướng mắt cô. Ôi không! Chúng tôi ngay lập tức nhận ra rằng chúng tôi đã quên mất những tấm ảnh Tổng thống, phó Tổng thống và quốc huy

Garuda Pancasila!

Chuyện là do chúng tôi chưa nhận được những thư ấy từ Cabaya Abaani, cửa hàng cung cấp trang thiết bị trường học ở Tanjong Pandan. Chúng tôi cũng đã hết lần này tới lần khác đến hỏi ông chủ tiệm về mấy thứ đó nhưng ông ta bảo tiệm không còn và đang chờ chuyển hàng mới từ Jakarta.

Những tấm ảnh ấy là yêu cầu quan trọng nhất. Không có các ảnh ấy, coi như mọi thứ khác chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Ông Samadikun sẽ không nghe lời phân bua từ chúng tôi. Đối với ông ta, rõ ràng chúng tôi đã quá cầu thả.

Tiếng động cơ phanh phạch ngừng hẳn. Ông Samadikun sắp sửa bước vào. Mới một lúc trước chúng tôi đã sẵn sàng là thế mà giờ đây ai nấy đều ỉu rĩ vô vọng. Cô Mus đứng ngẩn ngơ. Con nhỏ Sahara nức nở khóc. Lớp trưởng Kucai thở dài thườn thượt. Chúng tôi đã cố gắng hết sức để đáp ứng yêu cầu của ông Samadikun và thắng được hai chiếc cúp, vậy mà những thứ đó giờ thành công toi. Trường chúng tôi không thể tránh khỏi bị đóng cửa dưới bàn tay ông Samadikun.

Chúng tôi có thể nghe thấy ông ta dựng chiếc mô tô. Ông ta sắp bước vào lớp rồi. Chúng tôi đang đứng bên bờ vực thẳm. Đột nhiên, đúng lúc tình hình đang hồi gay cấn, thằng Mahar nhảy thốc lên bàn rồi cứ thế chạy băng băng qua dây bàn. Rồi, hết một con khi, nó bám một tay vào tường, tay kia gãi tấm áp phích hình Lý Tiểu Long và John Lenon cùng ảnh cưới cha mẹ Trapani, và giật ra luôn hết mấy cái đinh. Chúng tôi trở mắt ra nhìn, ngẩn tò te; Thằng Mahar quay lại, lại chạy băng băng qua dây bàn, rồi nhảy ầm ầm chộp lấy miếng giẻ lau bảng. Đứng trên bàn, nó nhón chân hết cỡ, người áp sát bảng, khéo léo treo mấy tấm áp phích lên trên tấm bảng đen. Nó cầm tấm giẻ đóng đinh.

Thằng Mahar treo mấy tấm áp phích theo hình tam giác giống như cách người ta treo những biểu tượng về lòng yêu nước của chúng tôi vậy. Ở đỉnh tam giác, vị trí dành cho quốc huy Garuda Pancasila, nó treo ảnh cưới của cha mẹ Trapani. Góc phải là ảnh Lý Tiểu Long đang mỉm cười thể hiện quyền lực của Tổng thống. Cuối cùng là John Lennon treo ở chỗ dành cho Phó tổng thống.

Mahar trở về hàng. Chúng tôi không thể hiểu nổi nó vừa làm cái gì vì quá sợ ông Samadikun và đang mừng tượng trong đầu số phận của

ngôi trường mình, chắc là trường chúng tôi sẽ bị giật đổ chỉ trong phút chốc mà thôi. Ngôi trường cũ kỹ của chúng tôi, đã gần một trăm tuổi, sẽ bị giật đổ chính hôm nay. Trong lúc tinh thần chúng tôi đang bắn loạn lên như thế, ông Samadikun đột nhiên đứng trước mặt chúng tôi.

Không ai dám hó hé hay liếc ngang liếc dọc gì. Cô Mus thì run rẩy.

Ông Samadikun lấy ra tập tài liệu với bảng liệt kê những danh mục cần kiểm tra. Cặp mắt của ông lia khắp căn phòng hết góc này đến góc khác, và rồi ông ta bắt đầu hạ bút. Không nói lời nào. Mặt ông ta vẫn dửng dưng như mọi ngày. Ông ta đặt tờ mẫu thanh tra trên bàn trước mặt chúng tôi. Chúng tôi có thể trông thấy những gì ông ta viết. Tại cột dành cho phần và bàn ghế, ông ta nâng mức hôm trước E) Tệ lên C) Khá. Điểm của chúng tôi thậm chí còn cao hơn trong những cột dành cho tình trạng học sinh, nhà vệ sinh và thiết bị chiếu sáng, tủ y tế, giáo cụ trực quan. Cơ bản là không có vấn đề gì. Nhưng chúng tôi lo ngay ngáy khi ông ta dò tay đến cột biểu tượng quốc gia. Ông ta nhìn lên bên trên tấm bảng đen. Hình như ông ta phải cố lắm để có thể nhìn được lên tới trên ấy. Mắt ông ta nheo lại. Ông ta tháo cặp kính dày cộp ra, rút khăn mùi soa ra khỏi bao, chùi chùi mắt kính rồi đeo lên. Ông dụi mắt, cố nhướn mắt lên xem xét một lần nữa mấy tấm ảnh bên trên tấm bảng đen. Rồi chúng tôi lò mò nhận ra mưu mẹo của thằng Mahar tài năng. Nó biết ông Samadikun mắc tật cận thị nặng nên không thể nhìn rõ mấy tấm ảnh treo tí bên trên tấm bảng đen được.

Ông Samadikun quay lại chỗ tờ mẫu thanh tra. Trong cột dành cho biểu tượng quốc gia, điểm của chúng tôi được nâng từ F) Không có lên thành A) Đầy đủ một cách hết sức ngoạn mục. Ông Samadikun chẳng may hay biết rằng chính quyền tối cao của nước Cộng hòa Indonesia đã bị Lý Tiểu Long và John Lennon soán mất.

Ông Samadikun cất tờ mẫu đánh giá vào túi và mỉm cười. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông ta cười. Nụ cười của ông ta tươi hơn khi trông thấy hai chiếc cúp của chúng tôi. Ông ta vẫn không nói gì, chỉ gật đầu. Rồi ông ta cáo từ. Cái gật đầu ấy có nghĩa là ông ta đã công nhận nỗ lực không mệt mỏi của chúng tôi để cố giữ ngôi trường, và rằng chúng tôi thành công trong việc tự khẳng định mình nên ông ta - hay thậm chí Bộ trưởng Giáo dục Indonesia - không thể đóng cửa trường của chúng tôi được.

Sau khi ông Samadikun đi khỏi, chúng tôi nhìn Mahar thán phục. Như thường lệ, nó phát ra cử chỉ khó ưa nhưng buồn cười đó. Nó cười với thần tượng Lý Tiểu Long của mình trên tấm áp phích thể võ rồng - chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Lý Tiểu Long cười lại với chúng tôi. Khi thằng Mahar hỏi xin cô Mus cho nó treo ảnh Lý Tiểu Long, nó đã đưa ra một lý thuyết rằng định mệnh xoay vần và rằng một ngày tấm áp phích đó sẽ được việc. Hôm nay, cái lý thuyết ngớ ngẩn đó của nó đã được chứng minh là đúng.

CHƯƠNG 34

CON THỎ BỊ LIỆT

Ít ngày sau chuyện thanh tra của ông Samadikun, đơn hàng biểu tượng quốc gia của chúng tôi mới đến nơi. Chúng tôi treo những biểu tượng ấy vào đúng những vị trí trang trọng theo quy định. Lý Tiểu Long và John Lennon không muốn gây chiến nữa. Hai người chấp nhận cuộc đảo chính đó trong hòa bình.

Chẳng được bao lâu. Ba ngày sau, có vài đốc công PN vào lớp xin phép cô Mus cho dỡ mấy tấm ảnh biểu tượng quốc gia xuống. Rõ ràng họ không muốn mấy cái máy xúc giật đổ các biểu tượng quốc gia để rồi bị dính líu vào kiện tụng. Họ biết rằng luật pháp bảo vệ những biểu tượng ấy; trong khi đó, chúng tôi - mười một học sinh, những cư dân bản địa Belitong, công dân Indonesia - và ngôi trường làng nghèo một trăm năm tuổi dường như chẳng là gì cả. Chẳng có luật nào phạt PN nếu họ giật đổ trường và cướp đi quyền học hành của bọn trẻ chúng tôi, và chẳng có luật pháp nào bảo vệ chúng tôi.

Ngày càng nhiều máy móc khai thác được đưa đến, hết cái này đến cái khác. Những cái máy xúc đang đến gần. Những cái máy khổng lồ, to cỡ sân bóng và cao bằng dừa, hướng những cái xúc về phía trường chúng tôi. Ngôi trường ngôi thụp xuống như con thỏ tê liệt cả thân mình khi bị một bầy linh cẩu bao quanh.

Suốt gần hai năm trời, chúng tôi luôn nom nớp dưới áp lực từ phía ông Samadikun. Cuối cùng chúng tôi cũng thuyết phục được ông. Nhưng PN không phải thứ có thể chống lại được. Hàng trăm năm nay, không ai có thể ngăn đường họ trong việc khai thác thiếc. Nếu phải đền bù thì túi tiền của họ vô hạn. Đối với những cái máy xúc, việc đào xới vườn tược, chợ quán, nhà cửa, thậm chí cơ quan chính quyền cũng là chuyện bình thường. Một ngôi trường nghèo xiêu vẹo chỉ là chuyện vặt, chẳng hơn gì một hạt bụi dưới móng tay của PN.

Mặc dù rất mong được giữ lại ngôi trường, nhưng chúng tôi cũng phải

thực tế. Chúng tôi chẳng thể địch lại PN. Và vì thầy Harfan đã qua đời, tinh thần cô Mus không còn quật cường được như trước. Cô đâm ra thường xuyên hỏi chúng tôi liệu cô có thể thôi dạy chúng tôi được không. Chuyện này từ trước tới giờ chưa từng xảy ra.

Cứ đến giờ nghỉ giải lao, chúng tôi lại ngồi ủ ê nhìn một nửa sân trường đã bị phá nát. Đây là thử thách lớn nhất mà chúng tôi từng đối mặt, mỗi ngày trôi qua nỗi thất vọng trong chúng tôi lại lớn dần lên. Cô Mus nhìn chúng tôi bằng ánh mắt vô vọng. Có một điều khiến cô còn sợ hơn cả chuyện ngôi trường bị những cái máy xúc giật đổ, và thầy Harfan quá cố cũng có cùng nỗi sợ ấy. Và rồi cuộc, điều mà hai người sợ nhất đã đến.

Hôm nay là ngày thứ tư không thấy Kucai vác cái đầu to tướng của nó đến lớp. Lớp chúng tôi hỗn loạn cả lên vì thiếu chàng lớp trưởng huyền thoại. Cô Mus hỏi cha Kucai về chuyện đó, thì ông cho biết sáng nào nó cũng đến trường. Cả lớp xôn xao.

Sau khi hỏi thăm nhiều người, hóa ra Kucai theo mấy đứa làng bên cạnh đi hái tiêu thuê.

Hôm thứ Tư thằng Kukai nhận tiền công. Tối hôm đó, sau buổi học kinh Koran ở thánh đường al-Hikmah, Kucai lôi ra một nắm tiền giấu bên trong xà rồng. Nó vừa liếm đầu ngón tay vừa đếm đi đếm lại chỗ tiền đó, hết nhân viên thu ngân cửa hàng cầm đồ. Nó chả biết thừa số tiền ấy là bao nhiêu rồi. Không một lời nào thốt ra từ cái miệng tinh quái của nó. Ấy quả thật là một sự lôi kéo chết người. Lôi kéo hóa ra là biệt tài tiềm ẩn của Kucai.

Ngày hôm sau, đến lượt Samson.

Việc Samson vắng học vào ngày thứ Năm quả thật là bất thường - vì hôm nay có môn Thể dục và Sức khỏe, môn học nó yêu thích.

Chúng tôi chẳng thấy tăm hơi nó đâu trong suốt một tuần. Tối thứ Tư tuần sau đó nó đến lớp học kinh Koran với cơ thể đen trùi trùi và cơ bắp cuồn cuộn, hơn cả trước đây nữa. Nó đi làm cu li cùi dừa khô. Nó lôi từ trong xà rồng ra một cái chai.

“Dầu mọc tóc mới nhất, sản xuất tại Pakistan đây!” nó nói giọng tự hào.

“Đắt lắm đấy nhé,” nó tuyên bố chắc nịch, vuốt vuốt hình một người

đàn ông có râu quai nón trên chai.

“Dầu này làm bằng mồ hôi của thần lẩn đấy! Rất hiệu quả! Thậm chí tụi bay bơi lên trán thì chỗ đó cũng mọc ra tóc được đấy,” nó vừa nói vừa chà chà trán tôi.

Rồi nó mở cúc áo ra. Ôi trời ơi, quả thật là thế rồi! Ngực Samson mọc đầy lông. Hai cánh mũi nó phập phồng sung sướng khi trông thấy tôi trở mắt ra ngạc nhiên đến vậy. Nó cài cúc áo lại, khiến chúng tôi có thể thấy được một sự thật hết sức ấn tượng rằng học sáu năm ở trường chẳng thể mua được một thứ gì, trong khi chỉ vón vện sáu ngày vác cùi dừa khô nó đã có thể mua được một thứ thuốc đặc biệt sản xuất tại Pakistan!

Ngày hôm sau, Mahar biến mất.

Rõ ràng là nó dành thêm thời gian cho công việc mài dừa của nó. Lúc đầu nó làm việc này ngoài giờ học - làm nửa thời gian, nhưng giờ thì toàn thời gian luôn. Chuyển công việc từ bán thời gian sang toàn thời gian như vậy chỉ có nghĩa là: trường ơi, từ giã nhé. Ba ngày sau, thừa lúc thầy giáo dạy kinh Koran không để ý, nó lôi thứ gì đó ra khỏi xà rồng: một cái côn nhị khúc! Vũ khí tối thượng của Lý Tiểu Long! Thăng Mahar vô cùng hãnh diện. Nó đã muốn mua một cái côn nhị khúc như thế này từ lâu lắm rồi, giờ ước mơ ấy mới trở thành hiện thực.

Thật không may, bất kỳ điều gì thăng Mahar làm, ắt hẳn đồ đệ trung thành của nó - thăng A Kiong - cũng nối gót theo sau.

Một buổi sáng thứ Hai, không thấy cái chớp mũi nhòn nhọn và cái đầu hình hộp của thăng A Kiong đâu cả.

Thăng A Kiong không muốn làm xa chỗ sư phụ Mahar của nó. Nó chọn nghề bán bánh. Nó đội thau bánh trên đầu rao bán khắp chợ trong khi thăng Mahar mài dừa tại một cửa hàng của người Hoa.

Thăng A Kiong nói với tôi rằng đội mấy cái bánh ướt trên đầu thực sự có vẻ là một công việc có triển vọng.

“Mày nên làm việc này hơn là lặn xuống nước lấy mấy trái banh golf Ikal à. Bán bánh không nhọc mấy mà lại dễ kiếm, hơn nữa mày không phải đựng độ với lũ cá sấu nữa.”

Tôi nghĩ về những việc chúng tôi thường làm để kiếm tiền, lặn để lấy lên những trái golf bị đám người mới phát, nhân viên PN và những người mới tập tành chơi golf đánh rơi xuống hồ mà họ thì không thể tự mình xuống đó lấy lên được. Rồi chúng tôi bán đám banh đó cho mấy người phục dịch hội đánh golf.

A Kiong vỗ vỗ vào mấy đồng xu nơi cái túi phong phồng, từ đó phát ra tiếng kêu xúng xoảng. Tiếng kêu đó mê hoặc tôi.

Thứ Hai tuần kế đó, tôi - Ikal - bỏ học ra chợ bán bánh.

Kể từ ngày đầu tiên đặt chân đến ngôi trường này, chúng tôi không ngớt đau buồn bởi sự trở trêu. Sự trở trêu mới nhất là Kucai: Lớp trưởng, người mà chúng tôi nghĩ là có thể lên tinh thần cho chúng tôi, đã bỏ học và rồi sau đó kéo theo phản ứng dây chuyền, cái phản ứng có thể khiến trường tôi không còn một đứa học sinh nào. Như tôi vẫn luôn nói bạn rồi đấy, bạn tôi ơi, đó là bản chất cơ hội của chủ nghĩa của một chính trị gia bẩm sinh.

Chỉ còn lại Sahara, Flo, Trapani, Harun, Syahdan và Lintang trong lớp. Thực ra, thằng Syahdan cũng muốn tiếp tục bám trụ, nhưng cô Mus lúc nào cũng than vãn về chuyện ra đi của thầy Harfan khiến không khí trong lớp bao trùm một màu bi quan. Chỉ với một cái huých tay của thằng Kucai, Syahdan linh khỏi lớp để đi làm công việc thợ xảm thuyền.

Một đứa vẫn còn ham học, dù lớp xe mòn vẹt, dù xích xe được buộc chặt bằng dây bện nhựa, và hai lượt đi về thường xuyên đối mặt với nguy cơ bị cá sấu tấn công - đó là Lintang. Nó không mảy may để ý đến mấy đứa trong lớp thi nhau trốn học và cả chuyện mấy cái máy xúc nữa. Nó vẫn cố đến lớp sớm nhất và về nhà cuối cùng.

“Tao sẽ tiếp tục học cho đến khi cây cột thiêng chống đỡ ngôi trường này đổ,” nó nói với tôi giọng chắc nịch.

Cây cột thiêng ấy là một di vật của thầy Harfan, và Lintang luôn xem nó như biểu tượng cho những nỗ lực của trường chúng tôi. Vì cô Mus không thường xuyên đến lớp nữa nên Lintang đảm nhận luôn công việc của cô. Nó dạy tất cả các môn, từ Toán cho đến Lịch sử Hồi giáo, giống như cô Mus. Học trò của nó là Sahara, Flo, Trapani và Harun. Cả năm đứa học sinh trung thành đó kiên quyết tiếp tục học.

Cô Mus vô cùng ngạc nhiên khi nghe Muji bảo cô rằng, nhìn xa, trông cứ như trường chúng tôi vẫn có học sinh đến học ấy. Cô tự hỏi, Những học sinh ấy có thể là ai được nhỉ? Chẳng phải ngôi trường bây giờ phải bỏ trống để cái máy xúc đến làm việc hay sao?

Cô nhảy lên xe đạp, đạp hết tốc lực về phía ngôi trường.

Đến sân trường, cô tựa xe vào cây filicium. Cô nghe thấy lồm bồm tiếng được tiếng mất từ lớp học. Cô hồi hộp lại gần và ghé mắt nhìn qua khe nứt trên tường. Người cô run lên khi thấy Lintang đang kể cho Sahara, Flo, Trapani và Harun nghe câu chuyện tổng thống đầu tiên của Indonesia - Soekarno - cố gắng tiếp tục học tập vì nền độc lập của Indonesia ngay cả khi ông bị quân Hà Lan bỏ tù ở Bandung.

Nước mắt tuôn trào trên mặt cô Mus. Cô đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện ấy để thắp lên ngọn lửa quyết tâm trong lòng chúng tôi, để nhắc nhở chúng tôi rằng dù thế nào đi nữa cũng phải cố gắng bám trường bám lớp.

CHƯƠNG 35

ĐỪNG BỎ HỌC

Tôi đội một cái thau bánh trên đầu nên không thể trông thấy mặt người mua.

Người đó hỏi, “Nè nhỏ, bánh bao bán bao nhiêu đây?”

Tôi sững người. Mới nghe từ đầu tiên tôi biết người đó là ai rồi. Cô Mus đứng chắn ngang trước mặt tôi.

“Ikal,” cô chậm rãi nói, “về lớp đi.”

Tôi thương cô Mus quá, nhưng tiếp tục đi học cũng giống như giữ gió trong lòng bàn tay vậy.

“Mình có thể làm gì khác hơn, thưa cô?”

“Cô có một kế hoạch cuối cùng,” Cô nói.

Tôi phớt lờ khiến cô thất vọng. Rồi cô đến gặp A Kiong và Mahar. Tôi thấy tội nó cũng lắc đầu luôn.

“Đừng từ bỏ hy vọng. Thứ Hai tuần tới hãy đến lớp nhé. Mình sẽ nói về kế hoạch của cô,” cô Mus ra lệnh.

Sau này tôi có nghe nói rằng, sau khi đến gặp chúng tôi, cô Mus đạp xe hàng mấy chục cây số vào những đồn điền tận sâu trong rừng để tìm Kucai. Cô tìm đứa học trò của mình giữa hàng trăm trẻ vị thành niên khác đang hái tiêu thuê ở đấy, không một đứa nào từng đi học.

Cô Mus hỏi bất kỳ đứa nào có thể biết Kucai, cho tội nó xem ảnh Kucai. Sau hai ngày trong đồn điền, ngủ nhờ nhà dân ở đấy, cô Mus đã tìm thấy lớp trưởng của chúng tôi. Cô cũng làm giống ý như những gì thầy Harfan từng làm; thuyết phục những đứa vị thành niên đến lớp.

Sau khi đã nói đến hết nước hết cái với thằng Kucai thờ ở ấy, cô Mus lên

thuyền cùng với những người Sarong. Cô đi thuyền đến đảo Melidang mạn Đông của Belitong để tìm Samson, nó đang làm cu li cùi dừa khô ở đây.

Rõ ràng Kucai và Samson cũng có thái độ giống như A Kiong, Mahar và tôi. Cô Mus rầu rĩ thông báo với tôi rằng Kucai và Samson đã bị tiền làm cho mờ mắt và nhất quyết không chịu đi học nữa.

Chúng tôi không đi học lại bởi chúng tôi không muốn nhen nhóm chút hy vọng để rồi lại thất vọng hơn. Nếu trường tôi chẳng cứu vãn được gì nữa cô Mus lại càng tổn thương hơn, và chính chúng tôi cũng vậy. Nếu chỉ phải đối mặt với khó khăn về tài chính, với một ngôi trường sắp đổ đến nơi, hay những lời xúc phạm dè bĩu của mọi người, những đe dọa từ ông Samadikun, thì chúng tôi còn có thể tiếp tục gắng gượng, chúng tôi sẽ tiếp tục cầm cự đến cùng; nhưng chống lại PN là một điều bất khả. Tôi cố nói thật lý lẽ với cô Mus.

“Hết rồi, thưa cô. Có lẽ mọi người nói đúng. Thôi học đi.”

Tôi có thể trông thấy nắm tay cô ghì chặt ghi đông xe đạp. Rõ ràng cô không đồng tình với tôi. Dù bất kỳ lý do gì, cô cũng không bao giờ chịu nhìn thấy trường Muhammadiyah cũ nát của chúng tôi sụp đổ được.

“Đội trưởng đội khai thác PN bảo sẽ đền bù cho cô bằng cách nhận cô vào trường PN. Cô hãy đón lấy cơ hội đó đi, lương ở đó cao ngất!” thẳng Mahar thúc.

Tin đó mọi người trong làng ai cũng đã biết cả rồi. Cô Mus nhìn thẳng vào mắt thẳng Muhar, “Cô sẽ không bao giờ đánh đổi các em để lấy bất kỳ thứ gì!”

Chiều muộn, khi cuộc nói chuyện của chúng tôi kết thúc, cô Mus tiếp tục đến lưu vực sông Linggang để tìm Syahdan. Cô tìm nó suốt cả buổi tối. Thủy triều dâng cao, gió thổi mạnh, các ngư dân lên thuyền để sửa chữa gì đấy. Đối với Syahdan, công việc xảm thuyền mang lại cho nó nhiều lợi ích hơn là lại quay trở về ngôi trường mà chắc chắn là mai hay một gì thôi sẽ bị san phẳng. Thằng Syahdan nghĩ thế thì cũng chẳng trách gì nó được.

Vào tối thứ Sáu, một tuần sau khi cô Mus đến tìm tôi ngoài chợ. Tôi tình cờ gặp Mujis. Anh nói với tôi điều tương tự như đã nói với cô Mus, rằng

lớp tôi vẫn có học sinh đến học. Tôi muốn tận mắt chứng kiến.

Ngày hôm sau, khi bán hết bánh, tôi đến trường. Sân trường ngổn ngang. Giữa những cái máy khai thác thiếc, trường tôi trông như bị dồn vào một góc, hoàn toàn bất lực. Những cái máy khổng lồ làm việc cật lực gây nên những chấn động mạnh khiến cho ngôi trường chúng tôi run lên bần bật và các tấm lợp trên mái đã rơi xuống và giờ ngôi trường trông như chẳng có mái. Thật nguy hiểm. Chỉ một cơn gió mạnh chút xíu là trường tôi có thể đổ ầm xuống mất.

Chẳng biết cây cột cò bằng tre ngả vàng ấy đã đi đâu? Cái chuông cũng biến mất. Bảng tên trường Muhammadiyah đã rớt xuống, giờ đang nằm thảm thương dưới đất. Vườn hoa tươi đẹp của chúng tôi giờ bị giày xéo hết cả. Bức tường ván cuối cùng phòng học chả thấy đâu, Dân làng kháo nhau rằng trường tôi thế là chẳng cứu vãn gì được nữa nên đêm đến rủ nhau rời bỏ đi mất.

Lớp học chúng tôi thế là trống mất một phía. Những cây cột từng chống đỡ mảng tường ván ấy giờ bị dân sống gần đó lấy làm chỗ cột trâu bò. Nếu một trong mấy con bò đó mà nổi cơn lên giật mạnh một chút thôi là trường tôi ngã luôn. Những thứ còn sót lại là tấm bảng đen, tủ trưng bày bên trong là hai chiếc cúp huy hoàng, cơn mưa tiền của Rhoma Irama, thế võ rồng – chiến đấu đến hơi thở cuối cùng của Lý Tiểu Long, và Cuộc sống là những gì xảy đến với bạn trong khi bạn đang mãi mê vạch những kế hoạch này nọ của John Lennon.

Nhìn qua khe hở ở một bức tường còn sót lại, tôi trông thấy Lintang đang giảng bài toán cho Sahara, Flo, Trapani và Harun. Nó dạy dưới ánh mặt trời gay gắt bởi vì phía trên chỗ cái bảng đen không còn mái che nữa. Mồ hôi chảy ròng ròng, nhưng nó vẫn giảng say mê với đôi mắt sáng bừng trên khuôn mặt. Nó dồn cả tâm trí vào bài giảng, vừa giảng vừa thỉnh thoảng bước lại gần “học trò” của mình.

Chợt Lintang trông thấy tôi. Nó ra khỏi lớp.

“Ồ, mày đây rồi, Ikal!” nó hôn hờ chào tôi.

“Vào đi, vào học đi! Bọn mình đang học toán. Tuyệt lắm!”

Thật cảm động; Lintang không mấy may để ý đến số phận cay nghiệt đang treo lơ lửng bên trên ngôi trường chúng tôi. Tôi hỏi nó, “Sao mày

vẫn tiếp tục được thế hả Lintang?”

Lintang mỉm cười, “Chẳng phải tao đã nói với mày rồi sao, Boi? Tao sẽ tiếp tục học cho đến khi cái cột thiêng chống đỡ ngôi trường này ngã xuống mới thôi.”

Cái cột chính của trường chúng tôi vẫn còn đang đứng vững. Hàng chục những rầm xà khác được gắn kết vào nó và dựa vào nó. Nó giống như một người đang nín giữ cả một gia đình đang trôi nổi trên biển khơi để họ không bị chết đuối.

“Chính mắt mày trông thấy rồi đấy, phải không? Cái rầm thiêng của trường vẫn đứng vững thế kia mà.”

“Nhưng nó sẽ mau chóng đổ thôi,” tôi nói với vẻ tuyệt vọng.

Lintang nhìn chăm chăm vào tôi. Nó từ tốn nói, “Tao sẽ không làm cha mẹ mình phải thất vọng, Ikal à. Họ muốn tao tiếp tục đi học. Tụi mình phải biết ước mơ cao đẹp, Boi, và học là con đường để chúng ta đi đến những ước mơ ấy. Đừng bỏ cuộc, Boi. Đừng bao giờ bỏ cuộc.”

Nó khiến tôi phải nghĩ lại.

“Tụi mình phải tiếp tục đi học, để cho con cái của tụi mình sau này không phải học trong một ngôi trường như thế này, để tụi mình không bị đối xử bất công.”

Giọng Lintang bùi ngùi.

“Đừng bỏ học, Boi. Đừng.”

Tôi giấu mặt mình vào cái thau đang cầm trên tay. Tôi không thể nhìn thẳng vào Lintang. Tôi không đủ dũng khí để nhìn vào mặt con người vĩ đại ấy. Và tôi thấy xấu hổ, xấu hổ với dòng nước mắt đang chảy của mình.

CHƯƠNG 36

NỬA LINH HỒN

Vào ngày thứ hai, cô Mus, Sahara, Flo, Trapani, Harun, Lintang và tôi tập trung dưới tán cây filicium trước trường. Chúng tôi đợi những thành viên khác của nhóm Chiến binh Cầu vòng – những tên đào ngũ đã bỏ hàng ngũ mà chưa được phép.

Như Mahar nói, định mệnh xoay vần. Cô Mus đang trong tình cảnh giống như lúc cô đợi đức học sinh thứ mười ngày đầu tiên chúng tôi vào lớp một. Cô dõi mắt nhìn ra bên ngoài sân trường, nét mặt cô toát lên vẻ vừa lo lắng vừa hy vọng.

Đã sắp mười giờ, mà chưa có đứa nào ló mặt. Chúng tôi đứng như chôn chân trong im lặng náo nùng. Nhưng đột nhiên tôi thấy cô Mus mỉm cười. Đẳng xa, thằng A Kiong xuất hiện, đạp xe với tốc độ kinh người. Nó đạp về phía trường. Sư phụ của nó, thằng Mahar, ngồi đằng sau; có vẻ như nó liên tục thúc thằng kia đạp cho mau. Hai đứa vừa tới là chúng tôi reo hò chào đón.

Ngay sau đó, một đứa nữa xuất hiện từ đẳng xa, rải những bước dài về phía trường hệt như King Kong. Chỉ sau một thời gian làm cu li cùi dừa khô, thằng Samson đã lớn hơn nhiều. Nó bước đi thông thả, dứt khoát và đầy vẻ ta đây trong khi vắt vẻo trên vai nó là một thứ gì đó nhỏ thó đến đũa lông lá. Chỉ khi nó đến gần thì chúng tôi mới biết “thứ” đó là thằng Syahdan.

Vậy là chỉ còn mỗi Kucai, nhà chính trị gia đáng ghét của chúng tôi. Đến mười một giờ, sau hồi lâu chờ đợi, tên đầu sỏ của tất cả những đứa đào ngũ vẫn không chịu vác cái đầu to tướng của nó đến.

Cuối cùng, cô Mus gọi chúng tôi vào lớp. Cô buồn vì chưa thấy Kucai và bảo chúng tôi cần phải làm hết sức để kéo Kucai về lớp. Lập trường của cô Mus trong chuyện này cực kỳ cứng rắn. Những lời lẽ đầy uy lực của cô khiến chúng tôi run sợ.

“Đối với cô, chỉ mất một học trò thôi là coi như cô mất cả nửa linh hồn.”

Chúng tôi nghĩ thầm trong bụng, Sao mà một đứa thôi lại quan trọng đến thế? Nhưng đối với cô Mus, điều này không đơn giản như vậy.

“Chừng nào vẫn còn đứng được thì cô nhất định không để lớp mình mất một em nào.”

Samson cho chúng tôi biết Kucai không thể đi khỏi vườn tiêu được vì nó đã nhận tiền công rồi.

Thông tin đó khiến cho cả tuần sau cô Mus không lúc nào ngơi tay. Cô nhận hàng may nhiều hết sức có thể kham. Cô tranh thủ may cả ngày lẫn đêm để có đủ tiền chuộc Kucai về. Cô phó thác lớp học cho Lintang cả tuần đó. Chúng tôi không bận tâm đến việc lớp học này đã trở thành một cái chuồng ngựa không mái. Chúng tôi không buồn để tâm đến những tiếng động ầm ĩ phát ra từ đủ loại xe của PN tới lui khắp sân trường trong khi máy xúc ngày một đến gần. Lintang vẫn hăng say giảng bài, và chúng tôi là những đứa học trò mẩu mực. Chúng tôi có một cái nhìn mới: những cái máy xúc có thể giật đổ trường chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục học, thậm chí nếu điều đó có nghĩa là học trên một cánh đồng mênh mông. Chúng tôi chỉ có một và chỉ một lựa chọn: tiếp tục học, dù có thể nào đi nữa.

Sau khi đã kiếm đủ tiền, cô Mus lại đạp xe đến giữa rừng, đến đồn điền tiêu xa tít mù để đưa Kucai trở về.

Lớp học sắp tan thì cô Mus trở về cùng với Kucai ngồi đằng sau. Trông người ngợm nó thật thảm hại. Hái tiêu là công việc nặng nhọc. Chúng tôi lần lượt ôm lấy nó trong khi nó nức nở khóc.

Cô Mus tập hợp chúng tôi lại bên dưới gốc cây filicium. Lên giọng để át đi tiếng gầm rú của máy móc, cô Mus nói rằng thầy Harfan chắc chắn sẽ không muốn nhìn thấy ngôi trường của chúng tôi bị giật đổ.

“Đây là lúc chúng ta cần đứng vững,” cô nói, ánh nhìn của cô đập xuống từng đứa một, thấp sáng ngọn lửa ý chí trong từng đứa chúng tôi.

“Chúng tôi sẽ bảo vệ ngôi trường dù cho điều gì xảy ra đi nữa. Chúng ta sẽ phải bảo vệ danh dự của thầy Harfan!” cô Mus nói giọng khàn đi, cô

kìm nén cảm xúc. Hai tay cô run lên. Khi nhắc đến tên thầy Harfan, lòng chúng tôi chùng xuống, đứa nào cũng cố nén tiếng nấc cứ chực bật ra.

“Gạt nước mắt đi,” cô Mus nói với giọng cương quyết khi cố giấu cảm xúc của mình. “Lau sạch nước mắt ngay đi! Bên ngoài lớp học đừng để ai thấy các em khóc.”

Sau khi nói thế, cô Mus phăm phăm bước đi. Chúng tôi theo sau. Cô đi thật nhanh đến chỗ phát ra tiếng ồn, hét lên với những người điều hành máy móc, “Tắt máy đi!”

Họ ngạc nhiên và nhìn nhau dò hỏi.

“Tắt máy đi! Tôi bảo tắt hết máy đi!”

Ngay lập tức tiếng ồn ngưng bật. Những người điều hành, lái xe và cu li bối rối chẳng hiểu mô tê.

“Cứ phá ngôi trường này đi nếu các người muốn, cứ phá đi. Nhưng trước tiên hãy bước qua xác tôi!”

Chúng tôi ngay lập tức dàn thành một hàng rào chắn trước cô Mus. Nếu PN muốn giật đổ ngôi trường chúng tôi và cán qua cô Mus, trước tiên họ phải bước qua xác chúng tôi đã.

CHƯƠNG 37

CÔ GÁI TRẺ THÁCH THỨC VUA THIẾC

Từ đầu ai cũng biết chúng tôi ngấm ngấm thách thức PN. Ai cũng biết cô Mus đã gửi một lá thư bác lại tuyên bố của PN là họ sẽ đào xới trường chúng tôi. Tuy nhiên đến khi hét lên yêu cầu họ cho dừng tất cả các máy móc lại thì cô mới thực sự công khai ý định chống lại vương quốc PN. Suốt hàng trăm năm cai trị, đây là lần đầu tiên PN bị một thường dân công khai thách thức, mà đó lại chỉ là một cô gái nữa chứ - cô giáo của một ngôi trường làng nghèo khổ.

Trong thư, cô Mus nhất quyết đòi gặp cho được người đứng đầu PN. Thật dũng cảm. Trước đây chưa bao giờ có ai dám hành động như thế - ngay cả lãnh đạo chính quyền cũng không dám hó hé gì khi máy xúc tới giật đổ trụ sở mình nữa là.

Vì cô hành xử như thế nên dân làng nghĩ cô bị điên. Mỗi buổi sáng, cô đạp xe hết tốc lực ngang qua chợ vì cô không muốn bị người ta buông lời chế giễu. Nhưng không ai làm thế cả. Cô nhận được sự cổ vũ từ những anh thợ cắt tóc, những cô hàng nước ép cọ, khách uống cà phê và mấy chú giữ xe đạp.

“Cố lên, Mus,” họ hô vang. “Chúng tôi ủng hộ cô!”

Một vài người có đầu óc hẹp hòi bắt đầu dọa dẫm cô Mus. Những kẻ bi quan yếm thế cố gắng giải thích cho cô rằng hành động ngớ ngẩn của cô chẳng đi tới đâu cả. Lúc ấy, việc chống lại thế lực đó được xem như điều cấm kỵ. Thế lực đó vô song. Nhiều người lên tiếng chỉ trích đã biến mất một cách khó hiểu.

Nhưng cô Mus không chịu khuất phục. Cô cứ giữ vững lập trường như thế, nếu chúng tôi thực sự không thể ngăn được PN san phẳng trường học của chúng tôi và cứ tiến hành khai thác thiếc bên dưới nó thì ít ra chúng tôi cũng khiến được lãnh đạo tối cao của PN nghe thấy mà biết

được ngôi trường này có ý nghĩa như thế nào với chúng tôi.

Nhưng cô Mus là ai chứ? Chúng tôi là ai chứ? Chẳng ai cả - chỉ là những dân làng nghèo khổ vô danh tiểu tốt. Trường của chúng tôi cũng chả là gì. Chẳng có quan chức nào có con học ở ngôi trường này để mà đứng ra bảo vệ chúng tôi. Hơn thế nữa, từ hồi nào đến giờ trường chúng tôi không là gì ngoài cái gai trong mắt chính quyền. Người đứng đầu PN ở quá xa chúng tôi. Ông ta sẽ thấy mình thấp kém nếu bỏ thời gian quý giá của mình ra cho chúng tôi. Ông ta có nhiều thứ quan trọng khác để làm hơn là để mắt đến một ngôi trường làng nghèo rớt không tên tuổi. Chuyến này chỉ đáng quý cho PN ủy quyền đội trưởng đội khảo sát, cán bộ quản lý cấp thấp nhất PN, đến gặp cô Mus mà thôi.

Đội trưởng đội khảo sát là một người đàn ông trung niên lịch sự. Ông ta không phải là một điều đình viên sắc sảo. Bản thân ông ta cũng không muốn nhận nhiệm vụ đi gặp cô Mus – có lẽ ông thấy nể nang dũng khí của cô hoặc cảm thấy đối xử như vậy với trường chúng tôi là hoàn toàn sai về mặt đạo lý hay sao đó.

“Tôi được văn phòng cử đến trao đổi với cô về việc di dời trường đến một địa điểm khác để cho máy xúc có thể làm việc,” ông ta nói, không lãng phí thời gian quanh co lòng vòng gì hết.

Cô Mus mỉm cười không nói gì. Ông đợi câu trả lời từ phía cô nhưng cô giáo của chúng tôi vẫn im lặng. Người đội trưởng ấy đủ thông minh để biết rằng cô Mus im lặng có nghĩa là cô đã trả lời rồi. Ông ta cảm ơn và xin cáo lui.

“Tôi sẽ thông báo cho ông chủ quyết định của cô, thưa cô.”

Ông chủ của ông ta, quản đốc, rất khó chịu khi nghe trình bày vụ việc. Lúc đầu ông ta cần nhắc đội trưởng đội khảo sát, người bị ép làm cái việc bẩn thỉu này. Rồi viên quản đốc nổi trận lôi đình vì công việc của mình bị cản trở chỉ bởi một trường làng dám cả gan đứng ngang con đường khai thác thiếc thông suốt của mình.

Diên tiết, viên quản đốc lập tức cho cấp dưới triệu cô Mus đến văn phòng, không chấp nhận cuộc đàm phán kia. Cô Mus chau mày.

“Hãy thưa lại với quản đốc rằng nếu ông ấy cần chúng tôi, có chúng tôi ở đây. Cuộc thương thảo về số phận ngôi trường cần phải được thực

hiện trước sự chứng kiến của các em học sinh, trong lớp học này. Chúng mới là những người chịu thiệt thòi nhất trong vụ này.”

Rốt cuộc viên quản đốc đành phải đến. Chẳng nói chẳng rằng, ông ta lấy ra một chiếc máy tính to tướng và cho cô Mus thấy một con số lớn.

“Tùng này rupi cơ đấy cô Mus ạ. Cô và bọn học sinh có thể mua một mảnh đất rộng gấp mười lần mảnh đất này; cô có thể cho xây một ngôi trường khác tốt gấp mười lần ngôi trường này.” Ông ta nói rõ từng lời với giọng điệu chiêu cố.

“Thưa quản đốc, đây không phải trường của tôi, mà của người dân. Hơn nữa, tôi đã nói đi nói lại rồi: Chúng tôi sẽ không bán mảnh đất hay ngôi trường này, dù nó đổ nát đến như thế nào, với giá bao nhiêu đi nữa.”

Cô nói giọng điềm tĩnh, và qua cách nói của cô ai cũng có thể nhận thấy rằng đối với người như cô Mus tiền bạc không là gì. Mặc dù nghèo thật đấy nhưng cô Mus không bao giờ bị đồng tiền làm cho lóa mắt.

Viên quản đốc thấy khó chịu và trở nên hằn học.

“Được, có lẽ cô và bọn học sinh đây không thực sự đủ tư cách đại diện cho bên bán. Theo như tôi biết, đây là tài sản của cộng đồng tôn giáo, chứ không phải của cô.”

Quan điểm của viên quản đốc quả thật có cơ sở vững chắc xét theo góc độ luật pháp, nhưng trong trường hợp này đưa ra lý lẽ ấy chỉ tổ thiệt cho ông ta mà thôi. Và quả đúng thế thật.

“Đúng thế thưa ông, quả thực đất này là cộng đồng tôn giáo, thế nên nó không thể đem bán được. Đất này đã được ủy thác cho chúng tôi và chúng tôi phải làm tròn trách nhiệm ấy. Quản đốc à, nếu như ông là một người Hồi giáo, liệu tôi có phải giải thích cho ông trách nhiệm có ý nghĩa như thế nào đối với một người theo đạo Hồi không nhỉ?”

Ông quản đốc xấu hổ mặt đỏ tía lên hết như củ cải đường.

Ông trưởng bộ phận khai thác, cấp trên của ông quản đốc, ngùn ngụt lửa giận. Ông ta có tính khí rất thất thường, bắt đầu sự nghiệp với vị trí đứng đầu lực lượng an ninh đặc biệt của PN gồm những thanh niên được trang bị súng AK 47. Ông ta cáu tiết với ông quản đốc vì không

thể lo nổi một chuyện vặt như thế. Đã chán nản, mệt mỏi với những cuộc điều đình thương lượng với nhà đầu tư ở Jakarta và Belitong, thế mà rồi ông lại còn phải thân chinh đến trường tôi để dàn xếp vấn đề có vẻ nhỏ nhoi ấy.

Mặc dù biết sẽ phải đối mặt với một viên chức xấu xa khét tiếng, cô Mus vẫn bình thản. Nhưng Mahar thì không thoải mái như thế. Nó cử Syahdan, mật vụ của chúng tôi, làm một cuộc điều tra. Syahdan báo cáo lại rằng ông trưởng bộ phận khai thác đá đầu óc thì ngu dốt còn bản chất thì ác độc – một sự kết hợp đầy nguy hiểm. Mahar triệu tập các thành viên của Chiến binh Cầu vòng bên dưới cây filicium. Nó bảo rằng tình huống có nguy cơ gay go hơn và thậm chí ngoài tầm kiểm soát nữa. Chúng tôi thảo luận thật kỹ. Cuối cùng, chúng tôi đi đến một giải pháp, nhưng ấy là một giải pháp chúng tôi đã cố tránh. Giải pháp đó là do chính trị gia của chúng tôi, Kucai, đề xuất.

“Tao sẽ mời những phóng viên tao quen biết ở Tanjong Pandan đến đây,” nó bảo.

Kucai quả là thông minh khi đưa ra ý kiến đó.

Ông trưởng bộ phận khai thác mỏ nhào đến trường chúng tôi. Trông diện mạo ông ta rõ ràng là sắp lên cơn giận đùng đùng.

“Cô Mus,” ông ta sấn sổ, “tôi có cần nhắc cho cô nhớ rằng PN do nhà nước sở hữu không nhỉ? Chính phủ đã ban hành những quy định đảm bảo việc tự do hoạt động kinh doanh nhà nước vì lợi ích người dân cơ mà!”

Cô Mus là một cô giáo có phẩm giá với kiến thức sâu rộng và khả năng tự chủ đáng nể.

“Lợi ích người dân?” cô hỏi.

Ấy là một câu hỏi tu từ thể hiện rõ ràng một điều rằng từ người dân mà ông trưởng bộ phận khai thác thốt ra không bao gồm những người dân bản xứ.

“Thưa ông, tôi có cần nhắc nhở ông rằng có những luật bảo đảm bất kỳ một công dân nào cũng có quyền được đi học không? Luật đó có trong hiến pháp của quốc gia. Theo như tôi biết, hiến pháp là luật tối cao của quốc gia. Để tôi trích điều luật ấy ra cho ông nghe luôn nhé?”

Ông trưởng bộ phận khai thác sừng sốt. Ông đã đánh giá cô Mus quá thấp. Và giờ trông ông như thể vừa bị một viên gạch rơi trúng người. Lẽ ra ông nên học hỏi kinh nghiệm từ ông đội trưởng khảo sát và ông quản đốc mới phải.

“Nếu ông cứ nhất quyết làm như thế thì chúng tôi sẽ tự cột chúng tôi vào ngôi trường này.”

Ông trưởng bộ phận khai thác muốn nổi cơn tam bành lên ngay lúc này, nhưng ông nhận ra có một vài phóng viên đang đứng trong góc sân sàng chụp một tấm ảnh mà nhất định ngày mai thể nào cũng xuất hiện ngay trên trang nhất. Và bên trên tấm ảnh ấy là dòng tít: Quan chức PN xử sự thô lỗ với cộng đồng thiểu số hay Ông trưởng bộ phận khai thác không biết gì về hiến pháp!

Ông trưởng bộ phận khai thác lâm vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan. Ông phải thừa nhận rằng cô Mus đúng. Ông cũng sợ bị hê lên mặt báo. Các phóng viên có thể đọc được dự định của ông từ những lời lẽ báng bổ và cách hành xử thô lỗ của ông dưới một ngôi trường Hồi giáo cổ. Chúng tôi biết rằng trên thế gian này có hai thứ không thể chống đối được: Thượng đế và phóng viên.

Ngày hôm sau, tin tức về sự kháng cự của chúng tôi xuất hiện trên báo chí địa phương. Và chỉ cần như thế thôi, cái nhà kho cùi dừa khô của chúng tôi trở nên nổi tiếng. Khắp nơi người ta râm ran kháo nhau về chuyện một cô gái trẻ dám chống lại Vua Thiếc, và mười một học sinh của cô đột nhiên biến thành “những anh hùng mẫu mực”. Những bài báo giúp chúng tôi nhận được niềm thông cảm lớn lao và cũng đẩy lên những bàn tán xôn xao nơi các quán cà phê vỉa hè.

Chẳng mấy chốc, cũng thông qua những câu chuyện trà dư tửu hậu ấy mà bỗng dưng cô Mus biến thành một luật sư nhà nước tốt nghiệp một trường đại học hàng đầu của Jakarta giả dạng cô giáo trường làng đến dạy tại trường Muhammadiyah. Người ta còn bảo, để cho việc giả trang hoàn hảo, cô còn giả vờ làm cô thợ may vá nữa. Và hóa ra thầy Harfan lại là một kỹ sư xe đạp, người đã mất năm mươi một năm giả dạng làm ông giáo nghèo. Để cho việc giả trang hoàn hảo, thầy cũng giả vờ trồng sản trong vườn nhà nữa.

Những đứa học sinh thực ra là con nhà giàu. Cha mẹ chúng hóa trang

chúng thành những đứa trẻ nghèo. Người ta cho rằng chúng tôi làm tất cả điều ấy để lột trần thái độ đối xử bất công của PN đối với người dân Belitong.

Cùng với tin đồn đó, trường chúng tôi – ngôi trường chưa từng được ai đến thăm hay được ai chiếu cố dành chút thời gian – giờ trở nên đông nghịt.

Những chính trị gia, đảng viên, thành viên của cơ quan lập pháp lũ lượt kéo đến, cả những quan chức cấp cao của chính phủ nữa. Họ đột nhiên quan tâm đến cảnh ngộ cùng cực của chúng tôi. Từ trước đến nay, chắc hẳn là họ cứ thế đi qua trường tôi trên đường đến văn phòng làm việc xa hoa của họ mà chưa từng để ý đến nó bao giờ. Cứ như thế họ vừa phát hiện ra rằng có một ngôi trường nhỏ nhoi bên rìa khoảnh đất đó vậy.

Cái tin rằng có trữ lượng thiếc lớn nằm bên dưới ngôi trường chúng tôi, cộng thêm cơ hội tạo dựng hình ảnh thể hiện sự quan tâm đến những con người thấp cổ bé họng, khiến mắt họ sáng trở lại. Như một câu tục ngữ Mã Lai xưa: ở đâu có mật ở đó có ong. Vì có quá nhiều người thông cảm với trường tôi nên những chính trị gia, đảng viên, dân biểu và quan chức nhà nước đột nhiên đổ xô về vây quanh chúng tôi.

Có những người sẵn sàng đại diện cho chúng tôi và tình nguyện thay mặt chúng tôi phát biểu. Và đột nhiên, ai nấy đều trở nên rộng lượng. Có người còn muốn cho cô Mus tiền vì những năm tháng dạy học không lương bổng; có những tổ chức và cơ quan sẵn sàng đứng ra sửa chữa cho trường chúng tôi.

Vì tất cả những đề nghị giúp đỡ ấy chỉ mang tính vụ lợi cá nhân nên cô Mus khéo léo chối từ. Một cơ quan muốn quyên góp một máy bơm nước song hết lần này đến lần khác cô Mus đều không nhận. Nhưng họ không chịu bỏ cuộc, thế là một khuya họ cho lắp cái máy bơm vào giếng trong khi chưa được sự đồng ý của cô. Sau khi lắp xong, họ chụp ảnh gần cái máy bơm, lấy ngôi trường chúng tôi làm nền.

Cô Mus nhiều lần phải trả lời phóng viên. Thậm chí có vài lần tôi cũng được hỏi và chụp ảnh nữa. Cứ hễ có ai hỏi đến là tôi run lấy bầy. Tôi không biết họ hỏi gì và tôi nên trả lời ra sao. Điều quan trọng nhất là chúng tôi được chụp ảnh. Người thấy vui nhất khi được chụp ảnh dĩ nhiên là Harun. Mỗi lần được chụp ảnh, cậu đều giơ lên ba ngón tay.

Trong khi đó, Kucai toét miệng cười hỉ hả. Nó thấy khoái chí vì sự nghiệp chính trị của mình đang tiến triển tốt đẹp. Nó có thể ma mãnh thật, nhưng lần này quả là chúng tôi phải đứng nghiêm mà chào nó. Sự quan tâm từ mọi phía nhiều đến nỗi rốt cuộc đã đến Taikong.

Taikong là cấp trên của trưởng bộ phận khai thác. Ông ta chỉ đứng sau lãnh đạo cao cấp nhất của PN. Đây là một chức vụ đáng hãnh diện. Vì chức vụ này cao trọng đến như vậy nên người ta thường giữ cái danh Taikong cho đến tận lúc đã về hưu – chẳng hạn như thầy giáo dạy kinh Koran cho chúng tôi được gọi là Taikong Razak.

Taikong nói chuyện khác với cấp dưới của mình – đội trưởng đội khảo sát, quản đốc, và trưởng bộ phận khai thác – vì ông được học hành tử tế. Ông không ra lệnh hay đe dọa vô tội vạ.

“Chẳng phải tôi thách thức gì PN cả. Và tôi không đấu tranh cho ngôi trường này mà là cho hàng ngàn trẻ em nông thôn Mã Lai.”

Taikong gật đầu.

“Nơi này không chỉ là một ngôi trường, thưa Taikong. Nơi này đã trở thành một biểu tượng, một biểu tượng của niềm hy vọng được cấp sách đến trường của những trẻ em nghèo khổ. Nếu ngôi trường này sụp đổ, trẻ em nông thôn sẽ mãi mắc kẹt trong những vườn tiêu, nhà máy cùi dừa khô, những chiếc thuyền đang chờ xảm và những cửa hàng của người Hoa. Chúng sẽ thiếu tin tưởng vào những ngôi trường làng và không tin vào việc học nữa.”

Taikong nhìn cô Mus không chớp mắt, ông thấy kinh ngạc. Ông nói rằng nếu có quyền quyết định ông sẽ cho dừng chuyện này lại ngay.

“Nhưng quyền nằm trong tay người cao hơn nữa, cô Mus ạ.”

Chúng tôi hoan hô khi Taikong nói ông sẽ sắp xếp một cuộc gặp giữa chúng tôi và người đứng đầu PN. Mặc dù khả năng trường tôi có thể được cứu là rất nhỏ nhoi, nhưng ít ra chúng tôi đã có thể được gặp người đứng đầu PN.

CHƯƠNG 38

HÓA RA THIÊN ĐÀNG LẠI Ở NGAY LÀNG MÌNH

Rốt cuộc, với sự giúp đỡ của Taikong, lá thư của cô Mus đã được thư ký PN hồi âm. Chúng tôi được thông báo người đứng đầu PN sẽ dành thời gian gặp chúng tôi.

Khắp làng người ta râm ran khảo nhau về cuộc gặp sắp tới – chuyện chưa từng thấy từ trước đến nay. Nhiều người liên hệ với cô Mus xin được làm đại diện cho chúng tôi. Cô từ chối tất, chỉ muốn đi cùng đám học trò của mình.

Chúng tôi có thêm những người ủng hộ mới. Những bức xúc về PN lâu nay chôn chặt trong họ giờ bùng lên. Hóa ra họ rất bức xúc. Họ rất quan tâm đến cuộc gặp sắp tới của chúng tôi. Và cho dù những nỗ lực của chúng tôi chắc chắn sẽ không nên cơm cháo gì nhưng sự tiên phong của chúng tôi cũng mở mắt cho họ, cho thấy rằng một tập đoàn, thậm chí là một tập đoàn công hữu, cũng không được đối xử với người ta sao cũng được. Những người lâu nay vẫn lớn tiếng bảo cô Mus là đồ điên đang cuống cuống rút lại những gì mình đã nói. Họ không bao giờ hình dung ra nổi cô lại được người đứng đầu PN đồng ý cho gặp.

Chúng tôi dồn sức cho cuộc gặp sắp tới, cô Mus cùng với sự trợ giúp của chính trị gia phe chúng tôi – Kucai – thảo một bài diễn văn dài năm trang. Chúng tôi mượn trụ sở thôn cái máy đánh chữ. Sahara đánh máy.

Bài diễn văn bắt đầu bằng trích dẫn lời nói đầu của Hiến pháp 1945. Kế theo đó là lịch sử giáo dục đạo Hồi ở Belitong. Rồi đến câu chuyện về những trẻ em Mã Lai nghèo không bao giờ tin vào việc học hành. Và đương nhiên không thể sót câu chuyện đầy kịch tính về những cuộc đấu tranh cho sự nghiệp giáo dục của những anh hùng vô danh như thầy Harfan và những người tiên phong khác nữa. Và cả hai chiếc cúp danh giá là thành tích không thể chối cãi của chúng tôi.

Như thằng Kucai đề nghị, trước khi khép lại bài diễn văn, cô Mus trích dẫn Điều 33 trong Hiến pháp rằng mọi công dân đều có quyền được học hành. Và sau cùng, câu kết của bài diễn văn hết sức súc tích: Vì vậy, thưa Ông, xin đừng đóng cửa ngôi trường.

Theo đúng kế hoạch, chúng tôi tập trung trước cổng chính Điện Tang. Chúng tôi mặc bộ quần áo tươm tất nhất mình có. Trông như cái áo lành lặn nhất của Syahdan và Mahar vẫn thiếu một vài chiếc cúc. Bộ quần áo bảnh nhất của Lintang lốm đốm nhựa doi, còn tôi thì mặc chính cái bộ tôi vẫn mặc lúc đi nhà nhờ, bộ tôi nhận được vào dịp đạt giải ba cuộc thi azan năm trước.

Trước khi đến văn phòng chính của PN ở Điện Trang, chúng tôi đã cùng nhau cầu nguyện. Vừa hồ hởi vừa phấn khích.

Bảo vệ mở cổng mời chúng tôi vào.

Chúng tôi bước vào Điện Trang, và hàng bao nhiêu năm sau chúng tôi vẫn không thể quên được những gì xảy ra kế tiếp. Chúng tôi đi tùm tùm vào nhau, càng bước càng sợ sệt vì quá sững sốt. Miệng chúng tôi cứ há hốc luôn khi nhìn thấy những thứ mà chúng tôi chưa bao giờ có thể hình dung, ngay cả trong những giấc mơ tuyệt đỉnh.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi – ngoại trừ Flo – trông thấy Điện Trang. Chúng tôi có cảm giác mình không còn ở Belitong nữa.

Tòa nhà gần chúng tôi nhất giống hệt một tòa lâu đài. Từ lâu đài đó phát ra một điệu nhạc lạ lùng mà giờ tôi mới biết là nhạc cổ điển. Những con vật kỳ lạ lang thang trên khắp sân. Một vài tháng trước chúng tôi mới biết tên những con vật kỳ lạ này từ Himpuman Pegetahuan Umun, một cuốn sách về kiến thức phổ thông. Chúng là gà tây, công, bồ câu Anh và chó xù. Chúng được tự do rong chơi không ai canh giữ.

Có một vài con mèo trông cũng lạ lắm. Chúng tôi chưa hề thấy những con mèo như vậy. Chúng rất khác bọn mèo làng lúc nào cũng có vẻ như muốn ăn vụng gì đấy. Những con mèo này rất tao nhã, đẹp đẽ và no đủ. Nhìn mặt là biết ngay chúng luôn được nuông chiều rồi. Bạn tôi ơi, nếu bạn muốn biết, đó chính là mèo Angora đấy!

Vì sống trong Điện Trang nên con nhỏ Flo cố làm cho ra dáng một

hướng dẫn viên. Nhưng chúng tôi không màng để ý đến những lời huyền thuyên của nó vì chúng tôi như bị những căn nhà lộng lẫy xa hoa đó bỏ bùa.

“Những căn nhà đó được xây từ hồi nơi này còn là thuộc địa Hà Lan. Xây theo lối kiến trúc thời Victoria đấy,” con nhỏ Flo giải thích.

Tấm rèm của những căn nhà đó vừa lớn vừa nhiều lớp. Khu vườn thì rộng cỡ sân trường chúng tôi. Cỏ trên sân được cắt xén gọn ghẽ và xanh mượt như sân golf. Có một chỗ đậu xe và một cái hồ xung quang trồng huệ tây rất đẹp.

“Thưa cô...,” con Sahara thì thầm giọng run run, “hóa ra thiên đàng lại ở ngay làng mình cô nhỉ.”

Cô Mus như người bị lạc lối, không biết nơi đây là nơi nào. Cô nín thở, không thốt nên lời.

“Subhanallah, em oi, lạy Đức Alla xin hãy che chở cho con... nhìn nơi này mà xem.”

Bảo vệ đưa chúng tôi đến văn phòng chính của PN ở giữa khu phức hợp Điền Trang. Rồi chúng tôi được mời vào phòng thư ký. Ở đó cô Mus gặp lại những bạn học cũ giờ làm thư ký PN và nhân viên hành chính – Midah, Aini, Nizam, Izim và Nurul. Họ trông giàu có hơn cô Mus nhiều. Họ mặc quần áo diêm dúa trong khi quần áo của cô thật giản dị.

Một ông mặc áo khoác safari đến gần bảo chúng tôi vào phòng họp. Phòng họp thật choáng ngợp. Bàn ghế cái nào cũng to tướng và ngạo nghễ. Chúng tôi thấy căng thẳng. Không lâu sau đó một người đàn ông mà chúng tôi ngay lập tức tin chắc chính là người đứng đầu PN, có ba người mặc com lê đi cùng. Trông ông có vẻ uy quyền nhất, những người xung quanh ông xun xoe như thể tranh nhau được ông sai bảo. Một trong ba người mặc com lê đó là Taikong.

Người đứng đầu PN hoàn toàn không giống như chúng tôi đã nghĩ; chúng tôi tưởng ông sẽ giống như ông quản đốc, đáng sợ và háo thắng. Nhưng đứng trước mặt chúng tôi đây, người đứng đầu PN rất khác. Hóa ra ông là người có vóc dáng nhỏ bé. Mặt ông nhăn nhui và có vẻ rất thông minh. Tóc ông đã bạc và thưa hơn nhiều so với tuổi. Trông ông dễ gần, có vẻ sẵn sàng lắng nghe người khác. Ông nhìn cô Mus một

lúc rồi mỉm cười.

Một người phụ nữ đứng lên chào hỏi gì đó rồi nói với cô Mus, “Hãy nói cho chúng tôi biết lý do cô cùng học sinh của mình đến đây để gặp ông giám đốc.”

Cô Mus sửa lại chiếc jilbab rồi đứng lên. Chuyện xảy ra sau đó là một ký ức mà suốt cả đời này tôi không thể nào quên. Mặc dù cô Mus từng trải qua nhiều thử thách, từng bị ông Samadikun và ông trưởng bộ phận khai thác đe dọa nạt nộ, thế nhưng đây là lần đầu tiên tôi thấy cô run rẩy. Cô mở bài diễn văn dài năm trang của mình.

Chúng tôi chuẩn bị tư thế để lắng nghe cô Mus run rẩy đọc lời mở đầu bài diễn văn, cũng là lời mở đầu hiến pháp, cuộc chiến không ngừng nghỉ vì sự nghiệp giáo dục, trường tôi là biểu tượng của giáo dục dành cho những người nghèo khổ, số phận của trẻ em Mã Lai nghèo, và giáo dục là quyền con người. Chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng vỗ tay hoan hô cô sau khi một đoạn diễn văn chấm dứt. Nhưng cô Mus vẫn im lặng, nhìn chăm chăm vào trang giấy trước mắt. Một lúc trôi qua. Nhưng có vẻ như cô không thể đọc được chữ nào trong bài diễn văn của mình.

“Xin mời cô trình bày,” người phụ nữ lên tiếng.

Cô Mus vẫn thế. Trông cô như muốn nói hàng ngàn điều nằm ngoài năm trang giấy này. Không một lời nào được thốt ra từ miệng cô. Những người bạn học của cô sốt ruột.

“Nào, Mus, đây là cơ hội của cậu. Nói đi!” chị Nurul thì thào.

Cô Mus vẫn im lặng. Người đứng đầu PN nhìn cô Mus không giấu nổi ngạc nhiên.

“Ngài giám đốc hạ cố gặp cậu đã là một điểm phúc. Cậu bảo cậu muốn trình bày chuyện gì đó cơ mà, nói đi chứ!” chị Izmi làu bàu.

Cô Mus vẫn im thin thít. Chúng tôi nhìn nhau xôn xao. Cô giáo chúng tôi sao thế nhỉ? Chẳng lẽ cô sợ đến thế hay sao? Chị Nizam gõ gõ vào tập tài liệu trên bàn trước mặt, thất vọng khi thấy cô Mus này giờ vẫn không thốt nổi một lời nào.

“Nói điều cần nói đi chứ Mus! Sao thế?” chị Nizam nổi đóa.

Người phụ nữ lúc này cố xoa dịu mấy người bạn cô Mus. Kucai trông cũng sốt ruột, như thể nó muốn giật lấy bài diễn văn từ tay cô Mus. Có thể nó muốn tự đọc trước người đứng đầu PN.

“Thưa cô, sao thế ạ?” Sahara thì thào.

Cô Mus vẫn nín thinh. Người đứng đầu PN nói, “Nào cô giáo, đừng sợ. Nói đi.”

Thay vì trả lời, cô giáo chỉ nhìn trân trân vào người đứng đầu PN. Mắt cô mở to và người cô run lên. Cô nắm mấy tờ giấy trong tay chặt hơn. Như thể cô đang bị một thứ gì đó ám ảnh. Là học trò của cô nhiều năm nay, bản năng mách bảo tôi chuyện này là thế nào. Cô hẳn là đang nhớ tới thầy Harfan. Cô bị ám ảnh bởi gương mặt những người sáng lập nên ngôi trường Muhammadiyah ở Belitong – những người vì dựng nên ngôi trường này mà đã từng bị đe dọa, tổng giam, tra tấn, lưu đày, gạt ra ngoài lề cuộc sống và bị giết bởi những kẻ thực dân cầm quyền. Cô không thể chịu nổi cái suy nghĩ phải một mình bảo vệ ngôi trường này. Dù sao đi nữa, cô đâu có chống lại nhà chức trách thực dân, mà thực ra cô đang chống lại những người đồng xứ của mình. Mắt cô ầng nước, nhưng cô không khóc. Cô Mus không bao giờ muốn mình tỏ ra yếu đuối trước mặt đám học trò.

Không ai nói lời nào. Cô Mus lấy một thứ gì đó gói trong tấm khăn tay. Cô bước lại gần người đứng đầu PN trao nó cho ông.

Rồi cô quay lại chỗ ngồi.

Người đứng đầu PN mở cái gói đó ra. Bên trong là một hộp phấn. Ông mở hộp ra, lấy ra một vài mẫu phấn đã được cô Mus dùng dở.

“Cám ơn, cô giáo.” Người đứng đầu PN nói.

Chúng tôi cáo lui.

CHƯƠNG 39

NGƯỜI BUÔN CÁI NGHÈO

Chúng tôi trở về nhà với hai bàn tay trắng. Chúng tôi đã không hoàn thành nhiệm vụ. Cô Mus đã quá ủy mị và xúc động đến nỗi không thể đọc nổi bài diễn văn bảo vệ trường chúng tôi. Chính chúng tôi cũng không thể làm gì được. Khung cảnh xa xỉ đầy uy nghiêm của Điền Trang đã đánh gục chúng tôi, đã khiến cho nhuệ khí của chúng tôi tiêu tan hoàn toàn. Thật đúng như những người đã nói trước đây: Điền Trang và PN quá mạnh, không ai đủ sức đối đầu.

Chúng tôi chỉ có thể cam chịu số phận an bài. Mọi điều chúng tôi đã làm để giữ lại ngôi trường – đối mặt với thanh tra giáo dục, cố hết sức giành được những phần thưởng danh giá, thách thức Vua Thiếc – tất cả đều chẳng mang lại ý nghĩa gì. Trường chúng tôi sẽ biến mất khỏi mặt đất. Chúng tôi phải chấp nhận số phận nghiệt ngã đó.

Chúng tôi thống nhất đến trường vào ngày thứ Ba tuần sau để lấy những thứ giá trị còn lại – hai chiếc cúp danh giá. Ấy là những thứ giá trị duy nhất mà chúng tôi có được, chúng chỉ có giá trị đối với chúng tôi mà thôi. Chúng tôi cũng thống nhất sẽ chia tay nhau bên dưới tán cây filicium. Thật cay đắng quá.

Tuy nhiên, khi đến trường vào buổi sáng thứ Ba hôm ấy, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên – tiếng ồn ã hỗn loạn khiến chúng tôi khiếp sợ hàng tháng giờ chẳng nghe thấy gì nữa. Chúng tôi rất kinh ngạc khi thấy những công nhân PN đang dỡ lán trại của cu li và đội ngũ nhà bếp đang thu dọn mọi thứ như thể họ đang sửa soạn để chuyển đi. Những cái máy xúc lâu nay trực chỉ hướng Đông thẳng tiến hòng san phẳng trường tôi giờ đang đổi sang hướng Bắc.

Cô Mus lao đi khắp sân trường để tìm hiểu xem chuyện gì.

Một chiếc xe hơi sang trọng lăn bánh vào sân trường. Một người đàn ông bước xuống xe tiến tới gần cô Mus. Đó là Taikong. Ông mỉm cười,

vừa cười vừa nói với chúng tôi. Nghe ông nói, chúng tôi muốn nhảy cẫng lên vì sung sướng.

“Người đứng đầu PN đã lệnh cho đội trưởng đội máy xúc quay về.”

Cô Mus xúc động ghê gớm. Cô đưa tay ôm ngực. Cô cảm ơn Taikong và vội vã quay về trường. Chúng tôi chạy theo cô. Cô Mus nâng bảng tên trường đã bị rơi xuống nằm thảm hại dưới đất. Cô chùi tấm bảng bằng đầu chiếc khăn jilbab cho đến khi nhìn rõ chữ trên đó.

Sau khi được cô Mus lau tới lau lui, tấm bảng lại bừng sáng trở lại phản chiếu lấp lánh ánh mặt trời. Ngôi trường cũ của chúng tôi đã vùng dậy từ cõi chết, nó đã hồi sinh.

Chúng tôi sung sướng đến mê ly khi giành lại được ngôi trường. Cô Mus kéo lá cờ đỏ trắng lên. Nó lại tung bay ngạo nghễ cùng với gió, bụi và tiếng động cơ đang lùi xa dần. Chúng tôi nhảy vòng quanh cột cờ.

Cô Mus giao cho chúng tôi nhiệm vụ khôi phục lại ngôi trường. Chúng tôi sửa lại mái, treo lại tấm bảng lên tường, tẩn thêm một cây cột nữa để trường không bị đổ và gầy dựng lại vườn hoa bị xéo nát.

Điều lạ lùng là, sau khi nghe tin trường tôi sẽ không bị mấy cái máy xúc giật đổ nữa, đám chính trị gia, đảng viên, dân biểu – những người đã từng đến đây thăm trường chúng tôi – đột nhiên biến mất tăm. Họ bị mù trở lại. Người ta quay về với sự vô tâm.

Ngay cả cái tổ chức lắp máy bơm cho chúng tôi dù chưa được sự đồng ý của cô Mus cũng đã đến lấy máy về, lần này cũng chẳng thèm hỏi han gì.

Kinh nghiệm đã dạy cho chúng tôi một điều quan trọng liên quan đến sự nghèo túng; cái nghèo là một mặt hàng. PN hủy kế hoạch khai thác thiếc ở trường tôi, điều đó không có nghĩa là chúng tôi bớt nghèo đi. Chúng tôi không bị tổng đi thì chẳng còn xung đột nào với PN nữa. Không ai có thể lợi dụng tình huống này để tổng tiền PN hay trở thành một anh hùng đích thực, không có lá phiếu nào từ sự vụ này cả. Sẽ không có tấm ảnh buồn bã nào đi kèm với những lời đề nghị được viên trợ. Sự rút lui của mấy cái máy xúc đã khiến cho giá trị thị trường của cái nghèo nơi trường chúng tôi tụt xuống một cách thảm thương.

CHƯƠNG 40

LỜI HỨA CỦA TÔI VỚI CÔ MUS

Từ sáng trời đã xám xịt, rồi mưa trút ào ào. Chúng tôi bì bõm trên con đường lầy lội đến trường, che đầu bằng tất cả những gì có thể vớ được.

Tất cả mười một học sinh đã vào lớp cả, nhưng cô Mus chưa đến. Mưa mỗi lúc một nặng hạt. Sấm chớp đi cùng. Chúng tôi kiễ chân lên ghé mắt qua những chỗ trống nơi bức tường ván ghép. Chúng tôi đợi cô Mus, đứa nào cũng thấy lo. Rồi cô xuất hiện từ đằng xa, chạy lúp xúp dưới con mưa tầm tã, băng qua sân trường, che đầu bằng một tàu lá chuối, thỉnh thoảng dừng lại dưới một gốc cây gayam trồng nơi hàng rào phía Bắc sân trường.

Chúng tôi nhìn cô ái ngại. Không ai nói lời nào, nhưng tôi biết tim đứa nào cũng rung lên trong cảm giác xót xa xen lẫn với tự hào và ngưỡng mộ. Hết chướng ngại này đến chướng ngại khác bị chinh phục bởi một người phụ nữ trẻ tuổi gầy gò có vẻ yếu đuối. Những hãy nhìn mà xem, cô mạnh mẽ biết bao nhiêu.

Cô Mus trông thấy chúng tôi đứng dàn thành một hàng xuyên qua khe hở trên tường. Cô ướm sững cả người. Nhưng cô bật cười khanh khách, nóng lòng muốn đến với đám học trò của mình. Như bao lần, chúng tôi lại cảm nhận được rằng đối với cô, chúng tôi là những đứa trẻ Mã Lai quý giá nhất. Cô Mus không muốn mất đi dù chỉ là một đứa thôi, và cô cũng giống như một nửa linh hồn của chúng tôi vậy. Chúng tôi thấy mình thật may mắn làm sai khi Thượng đế gọi đến cho một cô giáo như cô Mus. Sự tận tụy của cô quả thật không lời lẽ nào nói hết được. Khi cô Mus băng qua sân trường, tôi thầm hứa với bản thân: lớn lên tôi sẽ viết một cuốn sách về cô.

Cô Mus nhanh chóng hâm nóng lại tinh thần chúng tôi. Trường chúng tôi lại trở về như ngày xưa, mọi việc diễn ra bình lặng êm đềm, vẫn ngẩng cao đầu dù ở địa vị thấp kém hèn mọn, và cứ thế bình thản trong nghèo túng.

Lại đến ngày phát bảng điểm. Ấy thật sự là một ngày vui bởi vì hôm ấy cũng có mặt cha mẹ chúng tôi nữa. Sau khi nhận bảng điểm, chúng tôi sẽ học một tháng để chuẩn bị thi tốt nghiệp. Những điểm trên năm màu xanh, điểm năm và những điểm thấp hơn màu đỏ. Nếu có quá ba con điểm đỏ, chúng tôi sẽ không được phép tham gia kỳ thi đó.

Vị trí thứ nhất tiếp tục thuộc về Lintang, tôi xếp thứ nhì. Harun không thích bất kỳ con số nào ngoài con số ba, vậy nên cậu xin cô Mus điểm ba cho tất cả các môn học trong phiếu học tập của cậu ấy. Cậu ấy nhìn cả một hàng toàn số ba ấy mà cười tít cả mắt. Cậu vui ngay khi lời thỉnh cầu ấy lôi cậu tụt xuống vị trí thứ tư từ dưới lên.

Và thật tình cờ là Kucai, lần đầu tiên trong sự nghiệp chính trị của mình, thừa nhận sai sót. Đúng là chúng tôi quen làm bán thời gian sau giờ học, nhưng Kucai đã xúi giục các thành viên của đội Chiến binh Cầu vòng bỏ học để làm việc toàn thời gian. Với cung cách thật lễ phép, nó xin cô Mus hạ điểm Đạo đức xuống còn hai. Điểm của nó vốn đã thấp tè rồi, giờ lại hạ xuống nữa thành ra thứ hạng của nó tụt thảm hại, đứng sau cả Harun.

Cô Mus không quá ngạc nhiên về Harun và Kucai, nhưng có hai cái tên khiến cô lúc nào cũng bận tâm và đau hết cả đầu. Điều khiến cô phiền muộn nhất là có hai học trò đã không còn thiết tha đến việc học nữa vì tội nó đang phát cuồng lên với những hiện tượng dị thường, một vi phạm nội quy trầm trọng đối với trường Muhammadiyah và đối với đạo Hồi nói chung. Tệ hơn nữa là việc vi phạm đó xảy ra tại một trường đạo Hồi. Hai đứa nó chẳng ai khác ngoài thằng Mahar và con nhỏ Flo.

Do cứ mãi vắn vơ với tổ chức bí mật mà hai đứa nó thành lập – Societeit de Limpai – điểm của Flo và Mahar tụt dốc còn nhanh hơn cả vận động viên nhảy dù tự do. Những con số đỏ chói xếp ngay hàng trong phiếu điểm của tội nó giống như tấm lưng ai đó bị dikerok – kiểu cạo gió bằng đồng xu. Tội nó chỉ nhận được điểm xanh về Kiến thức nông nghiệp, Thủ công, Nghi thức và tiếng Indonesia – mà mấy môn này thì không phải môn quyết định. Điểm của con nhỏ Flo tệ nhất. Các môn Toán, Anh văn và Khoa học, nó nhận một đàn ngỗng đang bơi – ba con 2. Điểm của nó thậm chí còn tệ hơn cả Harun nữa.

Mahar và Flo đang lâm vào tình trạng đầu sôi lửa bỏng, và rất có thể hai đứa nó sẽ ở lại lớp. Tội nó đã nhận đến ba thư cảnh báo rồi. Vì vấn đề

đáng lo ngại như thế nên cha của Flo bí mật cùng bà Frischa, hiệu trưởng trường PN, lôi kéo Flo trở về trường PN, và bà Frischa hứa sẽ cho Flo những điểm cao nhất ngưỡng. Để cố dụ dỗ Flo, bà Frischa cho một thầy giáo PN trẻ ăn mặc hào nhoáng đến tiếp cận nó.

Tôi hôm ấy, lúc đi ngang qua chợ trên đường về nhà sau khi xem trận đá bóng, chúng tôi thấy bà Frischa và ông thầy giáo làm trò hề đó đang đi mua sắm. Flo tiến tới gần bà Frischa hết như một cao bồi sắp bước vào trận quyết chiến.

“Em là Flo, Floriana.” Nó chào bà Frischa. Thầy giáo bảnh bao nọ lịch sự gật đầu chào lại rồi nở nụ cười ngọt ngào nhất của mình.

“Vui lòng nói cho ông thầy này biết em sẽ không đời nào bỏ cô Mus và trường Muhammadiyah đâu.”

Chỉ nói thế thôi rồi Flo bỏ đi ngay. Bà Frischa và thầy giáo ăn mặc chải chuốt kia đứng tên tờ ra đó. Thế là cái ý định dụ dỗ con nhỏ Flo về lại trường PN bị phá sản.

Con nhỏ Flo và thằng Mahar nghĩ nát óc hòng tìm ra cách giải quyết vấn đề nan giải này. Tụi nó đang trong tình thế tiến thoái lưỡng nan. Hai đứa nó muốn tiếp tục đi học, nhưng đồng thời cũng không thể nào thoát ra được thế giới siêu thực kia.

Đột nhiên, Mahar nghĩ ra được một chiêu hết sức ngớ ngẩn. Tụi nó sẽ thử một cách mà tụi nó biết rõ: một cách nhanh chóng theo kiểu Shaman giáo. Một cách độc nhất vô nhị, ngớ ngẩn và tính rủi ro cao.

Mahar, và tiếp đó là Flo, rất tin sức mạnh siêu nhiên đó có thể cho chúng một giải pháp kỳ diệu để cứu vớt những con điểm đang tuột dốc không phanh, và chúng biết ai là người có khả năng tập trung một nguồn năng lượng nào đấy có thể giúp hai đứa. Ông ta đã chứng minh được sức mạnh ấy khi chỉ đường đi tìm Flo vào cái hôm nó bị lạc trên núi Selumar. Đương nhiên, người có sức mạnh vô song này, nửa người, nửa ma, không ai khác chính là Tuk Bayan Tula.

Theo Flo và Mahar, chuyện trường lớp chỉ là vấn đề còn con đối với vua pháp sư. Tụi nó tin rằng vị pháp sư nửa người nửa ma đó có thể sửa con điểm sáu thành chín, điểm bốn thành tám, điểm đỏ thành điểm xanh dễ như bỡn.

Nghĩ ra được một kế hoạch chẳng nhọc công gì ấy, tụi nó bèn nhảy cẫng lên cười khoái chí. Những đám mây đen từ lời quở trách của cô Mus lâu nay vẫn che phủ gương mặt tụi nó giờ trôi biến đi đâu mất. Trong lớp, tụi nó cứ hí ha hí hửng suốt mà chẳng buồn để tâm gì đến việc học.

Mọi thành viên của Soceteit háo hức mừng ý tưởng đến thăm Tuk Bayan Tula trên đảo Hải tặc. Hóa ra họ muốn đến thăm vị pháp sư mà họ thần tượng từ lâu lắm rồi. Nhưng rủi ro không phải là ít. Nếu Tuk Bayan Tula không sẵn lòng đón tiếp, các vị khách sẽ không bao giờ quay trở về được. Nhưng họ sẵn sàng đón nhận rủi ro ấy miễn là có cơ hội nhìn thấy mặt Tuk Bayan Tula, dù chỉ một lần.

Đi thuyền đến đảo Hải tặc là chuyện quan trọng nhất và đáng kể nhất trong các hoạt động dị thường của Siceiteit. Chi phí cực đắt. Họ phải thuê một con thuyền có động cơ ít nhất là bốn mươi mã lực và một thuyền trưởng dày dặn kinh nghiệm – một người Sarong. Ông ta đòi trả công rất cao vì ông ta có thâm niên trong nghề, biết tiếng tăm của Tuk Bayan Tula và không muốn chết rồ dại.

Mọi thành viên của Soceteit cố gắng quây góp tiền. Mahar cầm chiếc xe đạp thừa hưởng từ ông nội. Flo bán vòng cổ và lắc tay vàng của mẹ nó. Mujis đem bán tài sản quý giá nhất của mình, đài radio bán dẫn Philip hai dải tần. Ngoài ra anh còn nhận phun thuốc diệt muỗi tại nhiều nơi khác nữa, đến tận cả Tanjong Pandan. Thậm chí anh không chỉ nhận diệt muỗi, mà còn cả diệt chuột, thằn lằn, cả kiến nữa – diệt tất. Còn người thất nghiệp thì đi thu dọn rác bán lấy tiền. Người bỏ học nửa chừng vay tiền của cha. Người chơi electron sống một mình thì đem cần chiếc electron, cần câu com của anh. Người thợ mạ vàng gốc Hoa đập con heo đất giữa tiếng khóc ran của bầy con. Người thu ngân ngân hàng BRI làm việc thêm giờ cho đến nửa đêm. Viên trưởng cảnh về hưu đem cầm cái tủ trưng bày bằng thủy tinh – phải bốn người mới khiêng nổi – khiến cho bà vợ nổi trận lôi đình. Còn tôi thì làm thuê cho bác đưa thư.

Sắp đến ngày khởi hành, ai nấy đều hồi hộp. Khi số tiền đóng góp được thảy cả trên bàn, chúng tôi đếm được 1,5 triệu rupi. Thật bất ngờ! Số tiền đó – hầu hết là tiền xu xếp thành chồng – va vào nhau xúng xoảng.

Tôi run quá vì chưa lần nào trong đời tôi thấy ngần ấy tiền. Đó là chưa tính đến chuyện vì là thư ký nên tôi kiêm luôn nhiệm vụ giữ quỹ nữa.

Tôi chạm vào số tiền đó và sững cả người trước cái cảm giác mình vừa trở thành người giàu có. Hóa ra đối với một người nghèo từ khi còn là trứng nước, ấy là một cảm giác thật đáng sợ.

Tôi giữ tiền cẩn thận trong túi và không bao giờ rời khỏi nó. Nhỡ đâu có ai nảy sinh lòng tham thì chết. Tiền quả thật có sức cám dỗ khủng khiếp.

Chúng tôi khởi hành vào tối hôm sau. Nhiều ngư dân cảnh báo chúng tôi rằng mùa bão đang tới và thật liều lĩnh khi đến đảo Hải tặc vào lúc này. Nhưng chúng tôi không chùn bước. Lực hút từ sức mạnh siêu nhiên của Tuk Bayan Tula quá lớn, và quyết tâm của Flo cùng Mahar giải quyết cho được vụ điểm chác của mình cũng lớn không kém. Chúng tôi không hề hay biết tử thần đang đợi mình ngoài khơi.

CHƯƠNG 41

ĐẢO HẢI TẶC

Lúc bốn giờ chiều thứ bảy, chúng tôi dong thuyền thẳng tiến về đảo Hải tặc.

Thoạt đầu ai nấy đều hồ hởi. Những chú cá heo bơi theo nô giỡn, mặt trời chiếu sáng tươi vui. Nhưng chẳng mấy chốc khi giờ cầu nguyện magirb đến, thuyền chúng tôi bắt đầu chao đảo. Những ngọn sóng cao dần. Càng đi ra xa, thuyền càng khó điều khiển.

Thời tiết mới lúc trước vẫn còn êm ả là thế mà giờ gió nổi lên ào ào. Mây đen cuồn cuộn kéo đến. Ánh chớp liên tục lóe lên xé toạc bầu trời.

Thuyền trưởng cố chống chọi nhưng động cơ bốn mươi mã lực không ăn thua gì. Ông ta sợ nếu chúng tôi cố chống lại sóng, thuyền sẽ bị lật úp. Sóng nổi điên cuồng.

Chúng tôi mau chóng nhận ra mình đang lâm vào tình cảnh hiểm nghèo. Mà cơn bão thực sự thậm chí còn chưa đến. Những đợt sóng khổng lồ liên tục cuộn lên. Chúng tôi túm tụm vào nhau bu quanh cột buồm cố bám chặt lấy, hết như người đang đối mặt với Tử thần.

Chúng tôi đang yên đang lành mà chỉ trong nháy mắt đã phải vật lộn để giành lấy sự sống. Tôi thấy hối tiếc vì đã nghe theo những kẻ dỏ điên dỏ tỉnh của hội Soceteit đi gặp một pháp sư mà đến mạng sống của mình còn chẳng quan tâm. Tôi trông xuống mặt biển đen ngòm, chẳng thể tưởng tượng nổi bên dưới đó có gì. Tôi sợ sẽ bị chìm vào cái thế giới lạ lẫm tăm tối đó.

Chúng tôi bất lực, như thể bị bàn tay một người khổng lồ hất qua hất lại đùa chơi. Rồi cơn bão đến vùi dập con thuyền xoay vòng vòng như con quay. Chúng tôi ngã sóng soài cả ra boong. Thuyền trưởng nhanh chóng hạ cánh buồm đã bị gió đánh cho toi tã, đóng khoang, hất những vật sắc nhọn ra và tắt máy. Ông ta ra lệnh cho chúng tôi buộc người vào

cột buồm. Chúng tôi quấn dây thừng vào thắt lưng mấy vòng và buộc người vào cột buồm để khỏi bị văng xuống biển.

Khuôn mặt thuyền trưởng toát lên vẻ vô vọng. Ông ta cũng buộc người vào cột buồm. Nếu chúng tôi chết chìm hết thì khi rơi xuống đáy, thì thể mỗi người sẽ lửng lảng ở đâu mấy sợi dây thừng hết những xúc tu bạch tuộc.

Sóng vẫn không lặng hơn chút nào. Ngày một dữ dội hơn thì có. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm lúc này là đợi thuyền chìm. Giây phút chúng tôi sợ hãi đã đến. Từ xa chúng tôi trông thấy một con sóng cao khủng khiếp lừng lững tiến tới. Ai nấy đều run lên kinh hãi. Con sóng ghê gớm đó đổ ập xuống là gãy đôi cột buồm. Một nửa đổ xuống thân tàu chọc thủng một lỗ lớn khiến nước tuôn vào ào ạt.

Mujis, Mahar và anh người Hoa nãy giờ vẫn bám cột buồm bị nửa cây cột kia tông mạnh vào, ngã lăn trên boong. Nếu khoang chưa đóng thì chắc bọn họ đã làm mồi cho lũ cá rồi. Họ hét lên hoảng sợ. Tôi nghĩ chắc thế là hết rồi, nước biển chẳng mấy nữa mà đổ lòm vì lũ cá mập sắp mở tiệc tới nơi. Nhưng đúng lúc gay go nhất, tôi nghe văng vẳng tiếng ai đó la lên. Viên trưởng cảnh về hưu khẩn nguyện trong lúc chúng tôi đang bị quăng quật dữ dội còn nước thì sắp nhấn chìm thuyền rồi. Nhưng dần dần, những đợt sóng dịu đi một cách thần kỳ.

Viên trưởng cảnh vẫn liên tục cầu khẩn, và đợt sóng lúc mỗi lúc một lắng dần. Chỉ một lúc sau những đợt sóng kinh khủng lùi dần, mây đen cũng tản ra. Chúng tôi sững sốt trước sự thay đổi chóng vánh ấy. Những con sóng dữ dội trở nên hiền hòa, và một lúc sau gió lặng, giống như một cái quạt vừa được tắt đi. Con bão chết người biến mất như chưa từng xảy ra. Tôi thường nghe câu chuyện của người Sarong rằng nếu gặp chuyện không may ngoài khơi và họ chẳng thể làm gì để tự cứu mình thì phương kế cuối cùng là viện đến sự giúp đỡ của đấng Allah thông qua lời cầu kinh. Chúng tôi đã chứng minh rằng điều đó hoàn toàn đúng.

Đêm xuống.

Thuyền trưởng quan sát mặt trăng và những ngôi sao chiếu sáng lấp lánh trên bầu trời. Ông cho nổ máy. Con thuyền lại tiếp tục hành trình.

Không lâu sau đó thuyền trưởng tắt động cơ và nhìn xung quanh bằng

đôi mắt nhà nghề. Chúng tôi trông thấy những bóng đen thấp thoáng đằng trước, nhìn không rõ lắm vì sương mù che mất tầm nhìn. Chúng tôi vô cùng lo lắng, ngờ rằng một mối nguy hiểm khác sắp xuất hiện – cướp biển, những con vật to lớn, hay có khi là một con bão khác. Bất thành linh, thuyền trưởng chỉ tay và hét lớn giọng khàn đặc:

“Đảo Hải tặc!”

Hòn đảo đứng trơ trọi, như một vật thể lạ, xung quanh là biển. Nhìn đảo Hải tặc người ta dễ có cảm giác nó không muốn bất kỳ du khách nào viếng thăm. Có thể nghe thấy từng đợt hú dài của lũ chó hoang, tiếng lầm rầm của những hồn ma ám đảo.

Hòn đảo toát lên vẻ thần bí, khiến người ta cảm thấy như mình đang ở trong nghĩa địa; cảm giác về sự bội giáo, phản bội, sự nổi loạn chống lại Thượng đế. Có tiếng gào thét của những con vật bị hiến tế. Người ta có thể ngửi thấy mùi máu, mùi xác chết hôi thối phảng phất trong không khí; và khói nhang nghi ngút vờn ma gọi quỷ.

Có tiếng chó tru trong đêm tối tĩnh lặng nhưng chẳng thấy chúng đâu, thỉnh thoảng nghe như tiếng trẻ em khóc hay tiếng bà già van xin tha thứ trong khi bị lửa địa ngục thiêu đốt. Những âm thanh đó khiến chúng tôi hồn xiêu phách lạc. Đúng là Tuk Bayan Tula có khả năng thôi miên vật to lớn thật. Vào lúc đó, tôi phải thừa nhận rằng Tuk Bayan Tula, dù cho ông ta ở đâu đi nữa, thật sự là một pháp sư đầy quyền năng.

Chúng tôi xuống thuyền và men theo lối đi về phía cửa hang. Chúng tôi nhận thấy những chiếc lá cọ được sắp sẵn cho từng người ở ngay miệng hang. Chúng tôi đã được chào đón và phải sẵn sàng chấp nhận rủi ro có thể mất mạng tại đây.

Bên trong hang, chúng tôi thấy một tấm vải mỏng bay phàn phật. Từ từ, hết một làn khói bốc lên từ chỗ cúi ướm, một bóng người to lớn xuất hiện. Tôi trông thấy bóng người đó chuyển động mà không chạm đất. Mọi người đều nghi ngờ sự tồn tại của ma thuật, nhưng chính mắt tôi trông thấy một người lừng lờ trong không khí, chuyển động qua lại hết một vật thể không trọng lượng. Bóng hình đó có ma thuật, và khiến tất cả người Mã Lai đều kinh sợ, ông ta là người duy nhất có đủ pháp thuật để băng qua biển, ông ta nửa người nửa ma. Ông ta là Tuk Bayan Tula.

Chúng tôi kính cẩn đứng xung quanh, cách Tuk Bayan Tula hai mét. Một tấm vải đen bao quanh người ông ta. Cả râu và tóc đều có màu nâu, dài, đã bạc, rối bù. Xương gò mà nhô cao cho thấy ông ta có khả năng thực hiện những hành động tàn bạo không thể tưởng tượng nổi. Lòng mày rậm và cao cho thấy ông ta chẳng sợ một thứ gì, kể cả Thượng đế. Đặc điểm nổi bật nhất của ông là đôi mắt, sáng như mắt gấu, rất một màu đen.

Pháp sư nửa người nửa ma đó không thân thiện. Mahar đứng như bị bỏ bùa nhìn ông ta chằm chằm, không đủ dũng khí đến gần. Flo lại bên Mahar giật giật tay nó. Đưa con gái lạ lòng đó lôi Mahar về phía ông pháp sư không chút chần chừ.

Rất cẩn trọng, thằng Mahar thì thầm gì đó với Tuk Bayan Tula. Pháp sư chẳng để ý gì. Ông dõi mắt nhìn xa xăm ra đại dương lung linh ánh trắng. Mahar, bằng giọng lí nhí đến nỗi hầu như chẳng ai nghe thấy, kể cho ông ta nghe về mối nguy hiểm chết người chúng tôi đã trải qua trên đường đến gặp ông.

“... bão... gió to... cột buồm bị gãy... khẩn cầu...”

Tuk Bayan Tula nghe không mấy hứng thú. Mahar tiếp tục câu chuyện kể cho ông ta nghe lý do chúng tôi đến đây.

“Flo và con... sắp bị đuổi học rồi... tụi con nhận ba thư cảnh cáo vì những con điểm đỏ rồi... tụi con muốn nhờ ngài giúp để thi đậu.”

Thình lình Tuk Bayan Tula quay về phía Mahar và Flo. Hai đứa ngỗ ngược đó mặt tái không còn giọt máu. Ông ta vỗ vai Mahar và lắc đầu. Mahar sung sướng muốn ngất. Các thành viên Soceiteit hãnh diện vì thủ lĩnh của mình được vị pháp sư có sức mạnh vô song bấy lâu nay họ vẫn giữ trong lòng một hình ảnh thiêng liêng chạm tay vào. Mahar biết nó cần phải làm gì. Nó lấy một mảnh giấy và cái bút ra kính cẩn trao cho Tuk Bayan Tula. Pháp sư cầm lấy nó và trở vào hang nhanh như chớp.

Những gì xảy ra sau đó rất lạ lùng. Chúng tôi nghe thấy những giọng nói lớn ầm ĩ vang lên từ bên trong hang, như có cả mười người đang đánh nhau. Chúng tôi rúm rúm cả lại, đề phòng, co rúm người trước những tiếng hú của bầy thú vô hình.

Rõ ràng là Tuk Bayan Tula đang đánh nhau với những con dã thú trong

đó. Dường như để thực hiện lời thỉnh cầu của Mahar, ông ta phải đánh nhau với hàng ngàn con ma. Mặt nó lộ vẻ hối hận. Nó không thể chịu được ý nghĩ rằng thần tượng yêu quý của nó sẽ phải chết chỉ vì lời thỉnh cầu được thi đậu của nó.

Bụi cuộn từ trong hang bốc ra vì trận đánh dữ dội với bầy thú dữ bên trong. Trận chiến vẫn dữ dội cho đến khi rốt cuộc chúng tôi nghe thấy tiếng thét thua cuộc. Hàng chục cái bóng như những xác chết phủ vãi đen bay ra khỏi hang, xuyên qua những ngọn cây santigi rồi biến mất vào đại dương.

Tuk Bayan Tula quay ra cửa hang với bộ dạng tả tơi. Tấm vải che chân ông giờ rách bươm, khuôn mặt ông nhàu nhĩ. Tôi giật mình kinh hãi khi trông thấy một con người có sức mạnh nhường ấy mà giờ lại trở nên rã rượi như thế. Ông đã làm hết sức mình để hoàn thành lời thỉnh cầu của Flo và Mahar để giúp tụi nó khỏi bị đuổi học.

Tuk Bayan Tula giơ cao lên một cuộn giấy cùng với dáng điệu như thể muốn nói, Hãy nhìn đây, những con sâu bé mọn vô dụng. Không một ai, người hay ma, có thể chống lại ta. Ta chế ngự tất cả ma quỷ từ địa ngục sâu thẳm để có được phép màu chống lại quy luật tự nhiên. Điểm thi của các người sẽ biến mất trong bóng đêm để cứu các người. Hãy đón nhận lấy phần thưởng này vì các người là những đứa trẻ can đảm dám chống lại Tử thần để đến gặp ta.

Tuk Bayan Tula đưa cuộn giấy và thăng Mahar đón lấy bằng hai bàn tay hết một người ăn xin chết đói đến nơi giờ tự nhiên có người đến cho thức ăn vậy. Flo, Mahar và tất cả thành viên của Soceiteit cúi đầu tạ ơn Tuk Bayan Tula. Tôi không muốn cúi đầu, khiến thăng Mahar bức bối ra mặt.

Mahar cho cuộn giấy vào trong cái hộp trước đây từng dùng để đựng cầu lông. Nó lặn cái hộp vào bên trong áo khoác.

Tuk Bayan Tula ra điều kiện là về đến nhà chúng tôi mới được mở cuộn giấy đó ra, rồi ông chỉ tay về hướng con thuyền ra hiệu đã đến lúc chúng tôi trở ra. Nhanh như chớp, và thoảng như cơn gió, ông biến mất, biến mất khi bóng đêm và khói hang từ trong hang ủa ra trùm lấy ông.

Chúng tôi vội ra con thuyền. Thuyền trưởng ngay lập tức nổ máy, và chúng tôi cho thuyền chạy như ma đuổi. Chúng tôi thống nhất sẽ mở

cuộn giấy ba ngày nữa, dưới tán cây filicium, sau giờ học.

CHƯƠNG 42

THÔNG ĐIỆN CỦA PHÁP SƯ

Thật bất thường. Giữa trưa mà cả đám người tập trung ở sân trường. Tất cả các thành viên của Chiến binh Cầu vòng đều ở đó. Cả hội Soceiteit de Limpai nữa. Nhóm đó được phái đến đảo Hải tặc hôm đi cùng Flo cũng có ở đây.

Mahar cũng mời cả thuyền trưởng, những kẻ ăn không ngồi rồi lê la quán xá, bác đưa thư, những chủ thuyền và một vài người hiểu mang máng những chuyện kỳ bí. Ai cũng háo hức được chứng kiến giây phút mở thông điệp mang về từ đảo Hải tặc.

Mahar thỉnh cầu Kucai mời mấy người bạn phóng viên của nó từ các báo ở Tanjong Pandan, những người đã từng ủng hộ chúng tôi trong mấy vụ cái máy xúc. Đối với Flo và Mahar, hành trình đến đảo Hải tặc để gặp vị pháp sư quyền năng vô song Tuk Bayan Tula là một sự kiện phi thường cần được chia sẻ với tất cả dân Belitong; nhiều người cũng đã cất công bỏ của ra để đến đó nhưng tất cả đều thất bại. Hoặc là bị Tuk Bayan Tula đuổi về hoặc làm mồi cho cá.

Kucai chuyển lời thỉnh cầu đó đến cho các phóng viên. Tuy nhiên, mấy vị này là những người duy lý, không muốn dính líu đến Shaman giáo của Flo và Mahar.

Câu chuyện Soceiteit đã đến được đảo Hải tặc và lại còn mang được thông điệp của pháp sư trở về nữa nhanh chóng lan truyền khắp làng và ngay lập tức tiếng tăm của Soceiteit nổi lên như cồn. Vì cuộc hành trình điên khùng thành công đó, người ta không buông lời gièm pha Soceiteit nữa. Họ ngay lập tức trở thành một hội vô cùng đáng nể và không còn bị xem là một phường rặt những kẻ vô công rồi nghề phí phạm thời gian ngó nga ngó ngẩn nữa. Chính vì thế chiều nay có rất nhiều người tụ tập trong sân trường chúng tôi. Họ đến để chúc mừng Mahar vì chiến tích Shaman giáo kia, để nghe những câu chuyện làm thỏa trí tò mò về vị pháp sư nửa người nửa ma, và để tìm ra loại công thức diệu kỳ mà

pháp sư ban tặng giúp những học sinh dở ngọm có thể thi đậu.

Điều buồn cười là, vì thành công của Soceiteit, người ta cũng mong muốn trở thành một thành viên mới của tổ chức ma quỷ này. Họ xem Mahar như người kế vị Tuk Bayan Tula, xem Flo là một pháp sư mới rất có năng lực. Họ sẵn sàng từ bỏ lối tư duy lành mạnh để đổi lấy kiểu tư duy kỳ dị của Mahar. Vì thư ký của Soceiteit, tôi tất bật với việc ghi danh những người hăng hái gia nhập hội đó.

Flo và Mahar sốt ruột đợi cho đến lúc cô Mus ra về. Nếu biết sự tình, thế nào cô cũng dẹp cái vụ làm lễ mở thông điệp đó mất.

Sau khi cô Mus ra về, Flo và Mahar ra khỏi lớp mặt mày rạng rỡ. Tất cả lục tục kéo hết ra gốc cây filicium, ai nấy đều hăng hái rón ràng.

Flo và Mahar hớn hở vì giờ cái gánh nặng về mấy con điểm kém đã được nhắc ra khỏi vai. Tụi nó tin rằng Tuk Bayan Tula sẽ cứu vớt tương lai tụi nó, như ông đã từng cứu con nhỏ Flo trước đây.

Mahar chọn đứng nơi có rễ cây nhô ra, chỗ cao nhất. Mọi người đặc biệt dành chỗ đó cho nó. Giống như đứng trên một cái bục vậy. Mahar giữ vẻ nghiêm trang. Nó lia mắt khắp lượt mọi người.

Như thường lệ, trước khi thực hiện nghi thức, Mahar đọc một bài diễn văn. Sự thật là nó bị nghiền đọc diễn văn. Nó cầm chặt cái hộp đựng cầu lông trong đó có cuộn giấy của vị pháp sư bảo đảm cho sự nghiệp học hành của nó và con nhỏ Flo.

“May mắn luôn mỉm cười với những người dũng cảm!” giọng nó sang sảng.

Một tràng pháo tay rộ lên, và các thành viên Soceiteit vỗ to nhất, hưởng ứng lời mở đầu bài phát biểu hùng hồn.

“Chúng ta đã bán những thứ quý giá, chấp nhận rủi ro bị biến mất trên cõi đời này dưới bàn tay của Tuk Bayan Tula, nhưng cuối cùng, chúng ta đã chứng minh được Soceiteit de Limpai không phải là một nhóm kẻ ngốc!”

Những thành viên hội Soceiteit hãnh diện gật đầu với nhay và đặc biệt là với vị thủ lĩnh của mình, Mahar.

“Chúng ta đã chế ngự được biển cả, suýt chết đuối, nhưng cuối cùng nhờ vào lời khẩn của vị trưởng cảng mà chúng ta được cứu thoát.”

Ông trưởng cảng nở mày nở mặt khi được thủ lĩnh khen ngợi, dù rằng bà vợ ông vẫn còn cần nhằn về chuyện ông đem bán mất cái tủ kính. Ông đưa hai tay đặt lên ngực và cúi người liên tục hết như người Nhật Bản.

“Chính mắt chúng ta đã chứng kiến Tuk Bayan Tula chiến đấu dữ dội với bọn ma quỷ để có được thông điệp này! Với tư cách là người đứng đầu Soceiteit, tôi cảm thấy được ông ấy trọng vọng lắm!”

Rồi nó làm cái cử chỉ buồn cười nhưng đáng ghét của mình.

“Cận tâm lý học, siêu hình học và siêu linh đã được chứng minh là luôn hữu dụng trong bất kỳ lĩnh vực nào!” Rồi nó chỉ vào chúng tôi, bạn học nó.

“Này các cậu! Các cậu có thể đọc sách cho đến khi mắt lồi ra. Các cậu có thể học cho đến khi kiệt sức, nhưng Tuk Bayan Tula sẽ giúp tớ và Flo giỏi hơn các cậu. Chúng tớ có thể lên hết lớp này đến lớp khác cho đến khi không còn lớp nào để lên nữa thì thôi!”

Bụng tôi cuộn lên vì cố nín cơn cười, nhưng tôi không khỏi kinh ngạc khi Mahar hùng biện sao mà tài thế. Bài diễn văn của nó hay hơn bất kỳ bài diễn văn nào của nhà chính trị gia Kucai, thậm chí còn hay hơn mấy bài diễn văn Bộ trưởng Bộ giáo dục nữa ấy chứ.

Rồi thời khắc trọng đại cũng đến.

Mahar mở cái hộp cầu lông dán rõ kỹ ra. Mặt nó đầy căng thẳng và hồi hộp. Nó sắp đọc bản tuyên ngôn độc lập giải phóng nó và con nhỏ Flo thoát khỏi thuộc địa giáo dục. Hết sức cẩn thận, nó rút cuộn giấy ra khỏi cái hộp.

Nó chưa chịu mở ra ngay mà kết thúc bài diễn văn bằng tiếng đàng hăng.

“Đây là vinh dự cao nhất dành cho Soceiteit de Limpai.”

Ai nấy đều hăm hở muốn biết vị pháp sư vô song đó viết những điều kỳ diệu gì. Tim họ đập loạn lên. Mọi người đồn sát Mahar. Ai không đến

gần được thì leo lên những cái nhánh thấp của cây filicium vì họ muốn chứng kiến cảnh đọc thông điệp ấy. Mặt Flo đỏ lựng lên vì háo hức. Nó cứ nhảy loi choi, nóng lòng xem thông điệp ấy. Một cách từ tốn, Mahar mở cuộc giấy và những con chữ rõ ràng hiện ra:

Đây là chỉ dẫn của Tuk Bayan Tula:

Nếu các người muốn thi đậu,

Hãy mở sách ra mà học đi!

CHƯƠNG 43

ELVIS ĐÃ ĐI KHỎI TÒA NHÀ

Đến là bực với cái thằng Samson cứng đầu cứng cổ. Cả bọn cãi nhau một trận nảy lửa dưới tán cây filicium. Một chọi chín. Nó cứ bảo thủ một cách ngớ ngẩn. Nó không chịu thua.

Chủ đề cuộc cãi cọ thật ra chẳng có gì to tát. Chẳng là đêm hôm trước, chúng tôi rủ nhau đi xem phim Pulau Putri tức Đảo Công nương. Phim có sự góp mặt của danh hài Indonesia huyền thoại, S. Bagyo. Trong phim, S. Bagyo bị dạt vào một hòn đảo hoang, chỉ có đàn bà con gái sống ở đó thôi. Vương quốc trên đảo bị một mụ phù thủy xấu xí đe dọa. Chỉ cần mụ ta cất tiếng cười khùng khục thôi là khán giả cũng đủ vãi tè ra rồi.

Mỗi tháng hai lần, sau mỗi buổi kinh magrib chúng tôi đi xem phim tại một tòa nhà hết chuồng bò thường là nơi tụ họp của cu li. Các bộ phim được PN chiếu cho con cái những người không phải là nhân viên PN xem. Nó còn được biết đến với cái tên gọi là rạp chiếu bóng cu li. Rạp chiếu bóng đó chất lượng cực kỳ tồi, nó có hai cái loa phóng thanh hiệu TOA để khuếch đại âm. Vì sàn nhà không được thiết kế như sàn của một rạp chiếu bóng thông thường nên khán giả ngồi tít phía cuối không trông thấy rõ thứ gì cả. Mười đứa chúng tôi, cả con Flo nữa, ngồi hết cái ghế băng ở tít cuối rạp.

Con cái nhân viên PN xem phim ở một nơi khác tên gọi là Wisma Ria (Nhà Vui). Ở đó chiếu phim một tuần ba lần. Có xe buýt màu xanh đến đưa đi đón về. Và đương nhiên có một biển hiệu cảnh báo bên ngoài, “Không phận sự miễn vào.”

Chúng tôi đâu hay biết rằng bộ phim có cái tên thật mỹ miều kia – Đảo Công nương – thực ra là một bộ phim kinh dị. Mới xem cái tít, chúng tôi ngỡ rằng mình sẽ được xem những công nương bôi da bằng kem dưỡng, chạy loăng quăng nô giỡn cười đùa trên bãi biển.

“Tuyệt cú mèo,” thằng Kucai hơn hở.

Nhưng chúng tôi chung hững. Chỉ một lát sau khi bộ phim được chiếu, một nụ phù thủy xuất hiện với tiếng cười khùng khục ma quái. Cười đến đâu ma cà rồng xuất hiện đến đấy S. Bagyo chạy trốn chết.

Ngồi tí phía sau, tôi có thể trông thấy những đứa con nhà cu li co rúm người lại trên ghế mỗi khi nụ phù thủy góm ghieếc đó xuất hiện. Bọn con gái kêu ré lên. Một vài đứa không đủ dũng khí để tiếp tục xem đã bỏ chạy thực mạng ra khỏi cái rạp chiếu bóng đổ nát và không trở lại nữa.

Từ chỗ mình, tôi trông thấy thằng Samson ngồi phía bên trái không xem gì cả. Nó cứ rúc đầu vào nách thằng Syahdan. Thằng Syahdan thì rúc vào nách thằng A Kiong. Còn thằng A Kiong thì dưới nách thằng Kucai và Kucai thì dưới nách tôi. Còn Trapani và tôi thì dúi cả vào nách thằng Mahar. Thằng Trapani khóc rống lên như đứa nhỏ đòi mẹ mỗi khi đến cảnh nụ phù thủy phá hoại một ngôi làng. Thằng Mahar thì cúi đầu xuống hết như đang tụng kinh.

Những đứa vẫn đang ngồi đường hoàng ngay ngắn là con nhỏ Sahara, Flo và Harun. Tụi nó phá lên cười ầm ĩ mỗi khi đến cảnh S. Bagyo chạy như điên hòng thoát được nụ phù thủy. Khi rốt cuộc anh ta chạy thoát, tụi nó vỗ tay ầm ầm.

Trên đường về, chúng tôi nắm tay nhau. Khi đi ngang qua bãi tha ma, tay thằng Trapani lạnh như đá.

Ngày hôm sau vào giờ nghỉ giải lao buổi chiều, thằng Samson một mực khẳng khẳng rằng chính S. Bagyo mới là người rượt đuổi nụ phù thủy. Tại sao nó có ý nghĩ đó thì chúng tôi chịu. Tất cả chúng tôi nhất loạt phản đối vì quả thực là trên màn ảnh chúng tôi đều thấy điều ngược lại cơ mà.

“Không thể nào,” thằng Kucai cãi.

“Tao thấy mày run lên dưới nách thằng Syahdan mà,” thằng A Kiong lý sự.

Samson cố bảo vệ ý mình. “Chứ mày có xem không mà nói? Theo như tao biết, chỉ có con nhỏ Sahara, Flo và Harun là không rúc đầu vào nách đứa nào thôi.”

Con Sahara liếc xéo chúng tôi vẻ khinh khỉnh. “Con trai tụi bây toàn là đồ hèn!” nó nói giọng đanh đá.

Harun gật đầu tán thành.

“Không phải thỉnh thoảng mới nhìn lên màn ảnh một chút mà tụi tao không biết câu chuyện thế nào đâu nhé,” thằng Kucai nói, dồn thằng Samson vào thế bí, nhưng mắt lại đậu lên tôi.

Nghe thấy mấy từ thỉnh thoảng mới nhìn lên màn ảnh, con nhỏ Sahara càng khinh khỉnh hơn.

“Con trai tụi bây thấy mà thảm!”

Harun và nó vỗ tay nhau ăn mừng câu nói đó. Samson đốp chát lại thằng Kucai, “Á à! Thế mà ỹ thì biết cái gì? Sửa lại đầu tóc đi kìa.”

Chúng tôi cười khúc khích. Còn Kucai lấy lược ra thật.

Chúng tôi tranh cãi quyết liệt, nhưng thằng Trapani thì đứng đờ người ra. Đạo này nó trầm hơn thường lệ và nhiều khi cứ thấy nó ngẩn ngẩn ngơ ngơ thế nào ấy.

Samson bám dính cái ý kiến sai lè của nó. Tôi biết tại sao. Nó thấy xấu hổ khi phải thừa nhận rằng mình đã rúc đầu vào nách thằng Syahdan. Nó không muốn hình ảnh một bậc trưởng phu của nó tan tành mây khói chỉ vì mỗi chuyện nó sợ xem một bộ phim.

Trận đấu khẩu càng trở nên gay gắt. Chúng tôi cần một người hòa giải có kiến thức rộng và lời lẽ thông thái để kết thúc cuộc chiến vô nghĩa này. Không may, đấng thông thái, đấng luôn giúp chúng tôi tìm ra giải pháp, vắng học đã hai ngày nay. Và chẳng một tin tức gì.

Ngày hôm sau, Lintang lại không đến lớp, và chúng tôi bắt đầu lo lắng. Trong cả mấy năm học cùng nhau, nó chưa vắng lần nào. Dù mưa gió, dù có bận làm công việc nạo cùi dừa khô. Dù đang mùa thu hoạch trái. Những cây cao su đã được lấy mủ vào tháng trước. Chắc có chuyện nghiêm trọng nào đó nên nó mới vắng học như thế, nhưng nhà nó thì quá xa, chúng tôi khó mà biết được tin tức gì được.

Thứ Năm đến, thế là Lintang đã nghỉ học được bốn ngày rồi. Lớp học trống vắng khi thiếu nó.

Tôi tha thiết nhìn chăm chăm chỗ ngồi trống trơn bên cạnh. Tôi buồn bã liếc nhìn nhánh cây filicium nơi nó thường leo lên ngồi xem cầu vồng. Nó không có ở đây. Chúng tôi cảm thấy thất vọng và buồn bực. Trong giờ học, tôi nhìn vào chiếc cúp giải Học sinh giỏi đầu tiên, thành tựu lớn lao nhảy mà cậu bé miền biển nghèo khó mang về cho trường chúng tôi. Tôi nhớ Lintang quá thể.

Thiếu Lintang, lớp học không còn như trước nữa – hình như nó không đầy đủ trọn vẹn, nó đã mất đi sức hấp dẫn, và động cơ học tập của chúng tôi cũng đã đi đâu mất. Ai nấy đều trở nên trầm lắng hơn. Chúng tôi nhớ những câu trả lời rất cừ của nó, chúng tôi nhớ lời lẽ thông thái của nó, và chúng tôi nhớ những lần nó tranh luận với cô giáo. Thậm chí chúng tôi còn nhớ cái đầu tóc lúc nào cũng rối bù, cả đôi dép rách bươm và cái túi bằng song mây.

Cô Mus cố tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra với nó, cô hỏi han những người có thể đã đi ngang qua làng chai của Lintang. Tôi hình dung những khả năng xấu nhất, trong lòng bứt rứt không yên. Chúng tôi đợi cho đến cuối tuần,

Sáng thứ Hai tuần sau, chúng tôi hy vọng Lintang sẽ xuất hiện cùng nụ cười rạng rỡ và câu chuyện gây sững sốt mới nhất của mình. Nhưng cũng không thấy nó đến. Chúng tôi đang tính đến chuyện tới tận nhà nó xem sự thể thế nào thì một người gầy gò đi chân đất xuất hiện. Ông ấy đến từ làng của Lintang. Ông trao cho cô Mus một lá thư.

Cô Mus đọc thư. Chúng tôi cùng cô Mus đã trải qua không biết bao nhiêu chuyện buồn bã đau lòng. Những thử thách triền miên giáng xuống cô, nhưng lần này là lần đầu tiên tôi thấy cô khóc. Những giọt nước mắt rơi xuống lá thư. Không đưa nào hiểu chuyện gì xảy ra. Tôi bước đến bên cô và cô đưa lá thư bảo tôi đọc. Lá thư chỉ vón bện mấy dòng.

Thưa cô,

Cha em mất rồi. Ngày mai em đến trường để chào cô và các bạn.

Học trò của cô,

Lintang.

Vì là con trai cả của một gia đình ngư dân nghèo khổ, Lintang phải đỡ đầu mẹ, mấy đứa em, ông bà nội ngoại và cả mấy ông chú không nghề nghiệp. Nó không có mấy may cơ hội được tiếp tục đến trường vì nó buộc phải đi làm để kiếm cái ăn cho ít nhất bốn con người ấy. Gánh nặng khủng khiếp đó giò đặt trọn lên đôi vai của cậu bé ấy vì người cha hiền từ gầy gò của cậu đã qua đời. Người đàn ông mang hình dáng cây thông ấy đã mất rồi. Khi xác ông được chôn, thì niềm hy vọng lớn lao của đứa con trai duy nhất của ông cũng bị chôn vùi theo, cái chết của ông cũng giết luôn những hoài bão cháy bỏng của đứa con trai. Hai con người phi thường đến từ miền biển ấy đã bị chôn vùi trong sự trớ trêu của số phận.

Chúng tôi sẽ chào nhau dưới tán cây filicium.

Lòng tôi tê dại. Trống rỗng. Lintang chưa đến chào nhưng thằng Trapani đã suýt trượt. Sahara và Harun ngồi nắm tay nhau thút thít. Samson, Mahar, Kucai và Syahdan liên tục rửa mặt, “để cầu nguyện”, tụi nó khẳng khẳng như vậy, nhưng thực ra là không muốn đứa nào thấy mình khóc. A Kiong như người mất hồn và muốn ở yên một mình. Flo, đứa chỉ vừa mới quen biết Lintang và khó có cái gì khiến nó cảm động thì giờ cũng mặt ủ mày ê. Nó nhìn chăm chăm xuống đất mắt ngân ngấn. Lần đầu tiên tôi trông thấy nó buồn.

Chúng tôi phải chia tay với một thần đồng. Nó là thành viên sáng giá nhất của Chiến binh Cầu vồng, một tinh hoa trong đội chúng tôi. Nó đã mang đến cho chúng tôi thành tựu cao quý nhất mà chúng tôi từng có được, nó là một anh hùng giúp giá trị của trường tôi được nâng cao. Tôi nhớ trí thông minh tỏa sáng của nó khi nó cầm loại bút không phù hợp ngày đầu đi học. Tôi nhớ sự sáng dạ và trái tim trong sáng của nó. Nó là Issac Newton, Adam Smith và André Ampère của tôi.

Lintang giống như ngọn hải đăng. Nó giống như ngôi sao dẫn đường cho thủy thủ lạc giữa biển khơi. Nó tỏa ra một nguồn năng lượng, niềm hưng khởi và sức sống to lớn. Gần nó chúng tôi được tắm trong ánh sáng, suy nghĩ thông suốt, nó đã khơi dậy lòng ham hiểu biết và mở đường cho chúng tôi đến với kiến thức. Nhờ nó chúng tôi đã học được đức tính khiêm tốn, quyết đoán và tình bằng hữu. Giây phút nó nhận chuông trong cuộc tranh giải Học sinh giỏi cũng chính là lúc nó thổi bùng lên trong chúng tôi niềm tin vào bản thân, khiến chúng tôi dám ước mơ, chiến thắng số phận và có hoài bão.

Lintang hết như một ngôi sao tỏa sáng lúc bình minh trong khi mọi người vẫn còn yên giấc. Ánh sáng tỏa ra từ ngôi sao ấy thấp sáng bầu trời không cần ai biết đến, không cần ai quan tâm. Như một ngôi sao băng, Lintang một mình khám phá những hành tinh tri thức, rồi tắt dần, và hôm nay thì biến mất. Chỉ ba tháng nữa là đến kỳ thi tốt nghiệp, tôi cảm thấy buồn khôn tả vì cậu bé tài năng siêu việt ấy, một người dân bản xứ trên hòn đảo giàu nhất Indonesia phải bỏ học vì nghèo quá. Hôm nay, một chú chuột nhắt sẽ chết đói trong một cái kho đầy gạo.

Chúng tôi đã cười, khóc và nhảy cùng nhau quanh đồng lửa. Chúng tôi không bao giờ chán với những ý tưởng mới mẻ và có tính đột phá của nó. Nó vẫn chưa đi mà tôi đã nhớ đôi mắt biết cười của nó, nụ cười vô tư của nó và từng lời nói thông thái thốt ra từ miệng nó rồi. Tôi nhớ cái thế giới thông minh rộng lớn đến vô tận có trong đầu nó và đức khiêm tốn bất tận của nó.

Câu chuyện của Lintang là một câu chuyện không hiếm gặp ở đất nước này, câu chuyện về những đứa trẻ thông minh xuất thân từ những gia đình nghèo khó không ai thêm để mắt đến. Cái ngày mà người đàn ông với hình dáng cây thông sợ hãi bao năm trời nay rốt cuộc đã đến. Hôm nay, tôi mất đi người bạn ngồi cùng bàn suốt mấy năm qua. Mất mát này đau đớn hơn tất cả vì mất đi tài năng Lintang là mất mát lớn nhất của tôi từ trước tới giờ. Điều này thật không công bằng. Lintang, người đã phải chiến đấu với tử thần để được đến trường, giờ phải bỏ học. Khi trường chúng tôi sắp sửa bị giật đổ, nó đã không ngừng lên tinh thần cho chúng tôi. Tôi căm ghét những người sống xa hoa ở Điền Trang.

Tôi ghét chính mình và những đứa bạn cùng lớp vì không thể giúp gì được cho Lintang vì gia đình chúng tôi quá nghèo. Cha mẹ chúng tôi cũng phải giật gấu vá vai chạy ăn từng bữa.

Khi Lintang đến, mặt nó không biểu lộ cảm xúc gì. Tôi biết lòng nó đang quặn thắt, cố nén cảm xúc để nói lời chia tay. Ngôi trường, bạn bè, sách vở và những bài học là tất cả đối với nó. Đó là tình yêu và cuộc sống của nó.

Bầu không khí im lặng bao trùm. Chim chóc vẫn chuyền cành ríu rít trên cây filicium giờ cũng im bật. Tim ai nấy chùng xuống, mắt ngấn lệ vì đành phải để viên ngọc kiến thức ra khỏi trường. Chúng tôi ôm lấy

Lintang chào tạm biệt. Nước mắt nó lặng lẽ rơi, nó ôm chúng tôi thật chặt như thể không muốn rời xa. Người nó rung lên khi tâm hồn cao quý của nó bị buộc phải rời trường.

Tôi không thể chịu nổi khi nhìn khuôn mặt đau khổ của nó, và dù cố gắng đến mấy thì tôi cũng không thể thắng nỗi nỗi buồn đang dâng lên, tôi khóc cạn nước mắt. Rồi tôi khóc thầm, không nước mắt; thật đau đớn. Tôi thậm chí không thốt nổi một từ cho ra hồn để nói lời tạm biệt. Đứa nào cũng nức nở. Cô Mus mím chặt môi, nuốt nước mắt vào trong, hai mắt cô đỏ hoe. Nhưng không một giọt nước mắt nào rơi khỏi khóe mắt cô. Cô muốn chúng tôi mạnh mẽ. Ngực tôi nhói lên khi thấy cô như thế. Chiều hôm ấy là buổi chiều buồn bã nhất trong lịch sử Belitong, từ lưu vực sông Linggang cho đến bãi biển Pangkalan Punai, từ cầu Mirang cho tới Tanjong Pandan. Ấy là buổi chiều buồn nhất trên đời.

Ngay lúc đó, tôi nhận thấy rằng tất cả chúng tôi thật sự là những người anh em của ánh sáng và lửa. Chúng tôi thề một lòng với nhau dù cho sấm chớp đi đùng, dù cho lở xoáy có làm sụt núi lở non. Lời thề của chúng tôi được viết lên thất trùng thiên, được những con giao long thống trị biển Đông chứng giám. Chúng tôi cùng nhau làm nên dải cầu vồng đẹp nhất thế gian này.

CHƯƠNG 44

ĐOÁN Ý THƯƠNG ĐỀ

12 năm sau

Một phụ nữ trung niên đi cùng ông tên là Dahrodji tiến lại gần tôi. Lại rắc rối – chắc chắn là rắc rối rồi!

“Thưa bà, nếu muốn nổi giận, bà cứ trút hết lên đầu anh chàng cầu thả này,” Dahrodji cấm ca cấm cử nói.

Người phụ nữ, dù khá đứng tuổi nhưng vẫn còn khá thu hút, nhìn tôi soi mói. Bà than phiền một lúc rồi thôi. Cách bà trang điểm, cách bà phát âm chữ R và G là lạ, cách bà nhướn mày, và cách bà nhìn tôi khiến tôi có cảm tưởng bà sống ở nước ngoài đã lâu và bà đã ngán ngẫm với tính thiếu hiệu quả của đất nước này quá thế.

Hắn là bà gặp phải một vấn đề gì nghiêm trọng lắm. Đúng thế, nó rất nghiêm trọng. Tại tôi mà lá thư hoàn thuế từ hải quan cho bức tranh bà mua bên nước ngoài đến tay bà quá trễ. Tôi đã nhầm lẫn trong lúc phân loại thư. Lẽ ra tôi nên gộp nó vào hộp Giawi nhưng chẳng biết sao lại thả vào hộp Gunung Sundur. Đã là con người thì ai mà chẳng mắc lỗi chứ!

Tuần này tôi nhầm lẫn ba lần. Tôi đổ thừa là do việc nhiều quá. Dahrodji, trưởng bộ phận, không muốn nghe bất kỳ điều gì về những rắc rối của tôi. Tôi không thể đảm đương nổi khối lượng thư từ ngày càng lớn cũng như số lượng mã bưu điện lạ lẫm ngày càng nhiều.

Tôi bất lực nhìn ba bao thư đánh dấu Union Postale Universelle trong khi người phụ nữ kia luôn miệng phàn nàn. Lúc đó, tôi căm ghét tính cầu thả của mình quá thế. Một trong những dấu hiệu của sự thất bại là bị khách hàng mắng trước cả khi kịp ăn bữa sáng. Tuy thế, sau một thời gian dài làm việc ở bưu điện, tôi đã tự trang bị cho mình một mảnh khoe để có thể điếc đặc tạm thời. Do vậy đối với tôi, tay người phụ nữ

kia chỉ như đang vung vẩy hết Greta Garbo trong một bộ phim trắng đen không tiếng.

“Hoe vaak moet ik je nog zeggen!” Bà ném vào tôi mấy lời đó rồi quày quả bỏ đi. Tôi đúng, phải không? Câu nói của bà có nghĩa là “Tôi đã kêu ca nhiều lần rồi mà cậu vẫn cứ làm sai!”

Tôi lại lơ đãng đưa mắt nhìn ba cái bao thư.

Mặc dù hơi chán vì mới bị mắng cho một vố nhưng tôi vẫn phải phân loại thư, vì lúc tám giờ sáng, ca đầu phải chuyển thư đặc biệt. Tôi là nhân viên bưu điện, người phân loại thư, làm việc trong bộ phận chuyển thư vào thời điểm nhạy cảm – ca sáng bắt đầu từ lúc subuh, tờ mờ sáng.

Tôi chìm sâu trong nỗi sợ hãi về sự trêu ngươi của số phận. Kế hoạch A của tôi từ mấy năm trước là trở thành nhà văn và vận động viên cầu lông đã tan thành mây khói, mắc kẹt dưới đáy của thùng phân loại thư. Thậm chí kế hoạch B là một nhà văn viết sách về cầu lông cũng chẳng nên cơm cháo gì, mặc dù tận sâu đáy lòng mình tôi vẫn còn giữ lại những lời khích lệ ngọt ngào từ những cựu vô địch cầu lông và Bộ trưởng Giáo dục.

Tôi đã viết xong cuốn sách. Không dưới 34 chương với 100.000 chữ. Để viết được ngần ấy, tôi phải nghiên cứu nhiều về liên đoàn cầu lông. Thậm chí tôi còn nghiên cứu văn hóa đại chúng và những khuynh hướng phát triển cá nhân để cho cuốn sách thêm phần phong phú. Ngay cả cái tên cũng rất kêu: Cầu lông và kết bạn. Indonesia chưa từng có một cuốn sách như thế. Rủi thay, vì lý do thương mại, sau khi cân nhắc, chẳng có nhà xuất bản nào chịu in cuốn sách. Họ ưa chuộng loại sách khiêu dâm đầy rẫy bao cao su, rồi thủ dâm, rồi nào là cực khoái bởi lẽ những loại sách như thế dễ sinh lãi hơn nhiều. Những nhà xuất bản ngó ngán ấy quên bém cái nguyên tắc mens sana in corpore sano mất rồi.

Giờ nhìn tôi mà xem, không hơn gì một người ngày ngày cố trấn an mình. Và dù cố trấn an đến bao nhiêu, cố khiến mình mạnh mẽ đến thế nào đi nữa thì tôi vẫn phải ngoi ngóp dưới cái đồng thất bại đang chắt cao lên mãi. Trước đây, cô Mus và thầy Harfan đã dạy tôi không được cúi đầu trước đông tố, nhưng vào lúc này, định mệnh đã giáng xuống tôi một cú nốc ao kỹ thuật – một cú KO.

Thế rồi, vào một buổi sáng khó chịu, dưới cơn mưa như trút, tôi dùng dây dựa dẻo bó bốn bản sao cuốn sách của tôi cùng với sáu đĩa bản mềm của cuốn sách lại. Tôi buộc kèm một cái chặn giấy bằng thiếc nửa ký, loại thường được cột vào các bao thư. Tôi chạy về hướng cầu Sempur, Bogor, Tây Java. Rồi, trái tim tan vỡ của tôi nhói lên, tôi nhắm nghiền hai mắt và ném kế hoạch B – cuốn sách về cầu lông tôi đã hăm hở viết xuống sâu dưới đáy lòng Ciliwung. Nếu không bị mắc kẹt dưới mấy hòn đá dưới đáy, nó sẽ trôi theo dòng nước xiết thẳng tiến về Jakarta, mang theo cả những giấc mơ của tôi.

Bất cứ khi nào cảm thấy hoài nghi, tôi thường chạy đến nơi đẹp nhất mình từng biết đến – cái nơi tôi đã phát hiện ra từ hồi còn bé khi một tình yêu lớn lao rơi xuống đời tôi lần đầu tiên ấy. Đó là một ngôi làng xinh xắn với những vườn hoa có tường đá xám bao quanh và những con đường mòn trong cánh rừng rợp bóng mặt. Ôi, Edensor, cỗi niết bán trong trí tưởng tượng của tôi.

Ngôi làng ấy là nơi chữa lành trái tim tan vỡ của tôi. Cuộc sống càng trở nên khó khăn, tôi càng năng đọc đi đọc lại cuốn sách của Herriot. Tôi thường đến thăm Edensor trong những giấc mơ của mình. Khi tỉnh dậy, tôi thấy ngực đau nhói vì da diết nhớ A Ling, và cuộc sống trở nên không thể nào chịu nổi.

Một ngày, sau khi phân loại thư xong, tôi tới ngồi một mình dưới tán cây bên đồng Sempur gần nhà trọ, trông ra dòng Ciliwung sóng gợn lăn tăn mà trách móc Thượng đế. “Đức Allah, chẳng phải trước đây con đã xin Người nếu có bất con làm gì thì làm chứ đừng bắt con làm nhân viên bưu điện hay sao? Và đừng cho con làm nghề gì phải bắt đầu từ lúc subub nữa?”

Rõ ràng Thượng đế đã ban tặng cho tôi những gì trái ngược với lời cầu xin của tôi. Thì ra đó là cách làm của Người. Nếu ta xem những lời cầu nguyện và những điều Thượng đế ban tặng là các biến trên hàm tuyến tính của Người, thì chúng không khác gì mùa mưa. Ta chỉ biết đoán mà thôi. Để tôi kể cho bạn nghe chuyện này, bạn tôi à, hành động của Thượng đế rất lạ. Ngài, Thượng đế ấy, không theo một nguyên tắc hay định đề nào cả.

Vậy nên giờ tôi mới ra thế này đây. Có khi nhân viên cục thống kê chính phủ sẽ nói về kiểu người như tôi là những người làm việc trong lĩnh vực

dịch vụ công cộng, tiêu thụ 2.100 calo mỗi ngày, và cận nghèo.

Cái nghèo, người bạn chí cốt không rời. Chúng tôi đã là bạn chí thân từ lúc tôi còn nằm trong bụng mẹ cơ. Tôi là một em bé nghèo, một đứa trẻ nghèo, một thiếu niên nghèo và giờ là một người nghèo. Tôi quen với cái nghèo như thể làm quen với việc tắm gội hằng ngày vậy.

Sống một thân một mình, không ai đoái hoài, làm việc mười tiếng đồng hồ mỗi ngày, và nằm ở độ tuổi 20-30, đó là đặc điểm theo nhân khẩu học của tôi. Nhưng đặc điểm tâm thần học của tôi là: một người cô độc đang khát khao tốt độ được ai đó để mắt đến. Những người tiếp thị sẽ xem tôi như một khách hàng tiềm ẩn cho các sản phẩm làm bóng tóc, thuốc tăng chiều cao, sản phẩm ngăn rụng tóc, thắt lưng, thuốc khử mùi, hay bất kỳ sản phẩm nào có thể làm tăng sự tự tin. Thế giới không ngó ngang gì đến tôi và đất nước này chỉ biết tôi qua sổ sổ lao động có chín con số ở công ty bưu điện nhà nước: 967275337.

Công việc phân loại thư chẳng có gì vui. Công việc này không được học sinh trường PN biểu diễn trong tiết mục nghề nghiệp tại buổi lễ hóa trang. Mỗi ngày, tôi ngấp đầu trong hàng chục cái bao đựng thư từ từ những đất nước mà ngay cả cái tên tôi cũng chưa hề biết đến. Mồ hôi bê bết với bụi bặm. Tương lai dành cho tôi là về hưu trong nghèo túng, thường xuyên đến những trạm xá tình thương nhờ vào tiền bảo hiểm của chính phủ, và rồi chết trong tủ sắt không một ai bên cạnh.

Sau khi xong việc, tôi mệt quá nên chẳng thể giao du gì với ai, và có lẽ bởi vì quá mệt mỏi và chán nản với những giấc mơ không thành, tôi bắt đầu lâm vào một chứng bệnh điển hình của những người chịu áp lực: mất ngủ. Mỗi đêm, nửa tỉnh nửa mê, tôi lơ mơ nghe những câu chuyện wayang trên radio. Hết câu chuyện rồi mà tôi vẫn không ngủ được, và tôi bắt đầu nằm nghe đài cho đến sáng. Bệnh thần kinh rõ ràng đang dần dần nảy mầm trong người tôi.

Sau một đêm khổ sở như thế, sáng sớm – rất sớm, trong khi người Belitong vẫn còn rúc trong chăn ấm đệm êm thì tôi phải lục tục dậy sửa soạn đi làm. Tôi bò ra khỏi giường trong tiết trời giá lạnh và gò người trên con đường dọc theo sông Ciliwing vẫn còn đang phủ mờ sương sớm, xe đến bưu điện để phân loại hàng ngàn lá thư. Khi người Belitong thức dậy, vươn vai ngáp dài rồi rúc lại vào chăn như sâu bướm hay thành thoi vừa đọc báo vừa nhâm nhi cốc trà nóng kèm bánh mì nướng,

thì tôi cũng dùng bữa sáng của mình – những lời kêu ca từ quý bà người Hà Lan nọ.

Cuộc sống của tôi bây giờ là thế đấy. Tương lai của tôi không sáng sủa và tôi không có bất cứ ý niệm gì về những điều mình sẽ đạt được trong cuộc sống này. Mọi thứ đều thiếu chắc chắn. Chỉ có một điều không trật vào đâu được là tôi là một kẻ thất bại. Tôi rửa xả bản thân mỗi lần phải đứng trên sân bưu điếm vào ngày 17 hằng tháng trong buổi lễ chào cờ của Liên đoàn Nhân công Chính phủ Indonesia.

Nếu vẫn còn có gì gọi là tốt đẹp trong cuộc đời tôi thì đó là Eryn Resvaldya Novella. Con bé lanh lợi, ngoan đạo, xinh đẹp và nhận hậu. Hai mươi một tuổi. Tôi gọi con bé là người linh thiêng bởi vì nó vừa được nhận phần thưởng dành cho sinh viên xuất sắc nhất tại một trường đại học danh giá nhất Indonesia, nơi nó học ngành tâm lý học. Cha của Eryn là anh tôi, mới bị PN sa thải nên tôi gánh trách nhiệm chu cấp chi phí học hành của đứa cháu gái.

Cứ trông thấy Eryn và niềm say mê học tập của nó, thái độ tích cực của nó và sự thông minh ánh lên trong đôi mắt nó là những mệt mỏi sau ngày làm việc của tôi chột tan biến đâu mất. Tôi sẵn sàng làm thêm những công việc linh tinh khác như dịch tiếng Anh, đánh máy, hay phôtô ngoài giờ làm. Tôi hy sinh tất cả, kể cả phải bán đi chiếc máy cát xet, tài sản có giá trị nhất của tôi, để có tiền cho Eryn ăn học.

Trải nghiệm cay đắng với Lintang thật đau buồn. Có lúc tôi làm việc thật cật lực cho Eryn có tiền ăn học để nguôi ngoai cái mặc cảm tội lỗi vì trước đây không thể giúp đỡ Lintang. Eryn đã mang đến cái cảm giác rằng dù cuộc sống của tôi có khốn khổ đến mấy, có thất bại như thế nào đi chăng nữa thì ít ra tôi vẫn còn có ích phần nào cho thế giới này. Cuộc đời tôi chả có gì để cho tôi tự hào nhưng tôi muốn cống hiến đời mình cho một điều quan trọng nào đó. Eryn là điều có ý nghĩa duy nhất trong cuộc sống của tôi.

Eryn đang lâm vào tình trạng hoảng loạn. Đề cương luận văn của nó hết lần này đến lần khác bị thầy hướng dẫn từ chối. Chắc cũng đến mấy chục lần rồi. Nó đã học xong và giờ còn năm tháng nữa để tìm một đề tài phù hợp cho luận văn tốt nghiệp. Cùng với lá thư từ chối gần đây nhất, thầy hướng dẫn của nó đính kèm mười lăm trang liệt kê đề tài của những sinh viên khác đã chọn. Tôi xem tất cả những tên đề tài đó. Đúng

là gần ba mươi sinh viên chọn nghiên cứu về sự rối loạn nhân cách, hàng chục đứa khác chọn viết về sự thỏa mãn nghề nghiệp, hội chứng Down và dạy trẻ. Vô số sinh viên khác viết về bệnh tự kỷ.

Thầy hướng dẫn của Eryn yêu cầu nó nghiên cứu về một điều gì đó mới mẻ, khác lạ, điều gì đó sẽ mang đến đột phá mang tính khoa học vì nó là sinh viên đạt giải thưởng. Tôi cũng đồng ý với thầy.

Thật ra, Eryn đã nghĩ đến một chủ đề chưa sinh viên nào nghiên cứu. Nó hăng hái nói với tôi nó sẽ nghiên cứu một tình trạng tâm lý theo đó một cá nhân hoàn toàn bị phụ thuộc vào một cá nhân khác đến mức không thể làm bất cứ điều gì nếu thiếu người mà anh/ cô ta bị phụ thuộc. Nó đã trình bày ý tưởng với thầy hướng dẫn và ông đã đồng ý.

Cái khó ở đây là loại tình trạng đấy rất hiếm thấy. Đã từng có một vài trường hợp sống phụ thuộc, nhưng ở mức độ thấp nên không cần điều trị đặc biệt. Eryn đang tìm kiếm một trường hợp phụ thuộc ở mức độ cao. Khi tiến hành tìm kiếm đối tượng cho bài nghiên cứu của mình, nó đã liên hệ với nhiều nhà tâm lý học, giáo sư đại học, bệnh viện thần kinh, các bác sĩ làm việc ở bệnh viện thần kinh trên khắp Indonesia. Gần bốn tháng ròng rã mà Eryn vẫn không tìm thấy một trường hợp nào. Nó dần trở nên nản lòng.

Nhưng, hôm nay, vận may đã mỉm cười với Eryn. Nó nhận được một lá thư từ giám đốc bệnh viện thần kinh Sungai Liat ở Bangka cho biết họ đang điều trị một trường hợp mà Eryn đang tìm kiếm.

Chúng tôi thấy phấn khởi ghê gớm vì đảo Bangka nằm cạnh đảo Belitung. Hai hòn đảo này thuộc cùng một tỉnh, Bangka – Belitung. Vậy nên khi Eryn bảo tôi đi cùng nó, tôi ngay lập tức xin nghỉ việc. Chúng tôi cũng định về thăm quê nhà ở Belitung.

Bệnh viện tâm thần Sungai Liat cũ lắm rồi. Nó được người Hà Lan cho xây và người Belitung gọi nó là Zaal Batu hay phòng đá, vì những bức tường phòng khám được làm toàn bằng đá. Vì không có bệnh viện tâm thần nào khác tại Belitung – đến giờ này vẫn y như thế - nên người dân nơi đây khi mắc chứng thần kinh trầm trọng thường được chuyển bằng đường thủy đến bệnh viện thần kinh ở Bangka. Vì lý do đó mà trong suy nghĩ của người Belitung, Zaal Batu luôn mang một ý nghĩa đau đớn, tuyệt vọng và tăm tối.

Khi chúng tôi đến nơi, tiếng cầu kinh râm ran từ khắp các nhà thờ xung quanh Zaal Batu. Chúng tôi bước vào tòa nhà màu trắng cũ kỹ có những cái cột cao ngất ngưỡng ấy.

Ngoài mấy cái cột đó còn có những cánh cửa sắt với ổ khóa to cộm, những phòng thuốc đầy chai lọ thấp, những cái bàn khám có thể đẩy đi được, nhân viên đồng phục trắng, những bệnh nhân nói chuyện một mình hay nhìn băng quơ bằng ánh mắt dài dại. Ở đó tỏa ra mùi bệnh viện.

Một y tá nam lại gần chúng tôi. Anh ta biết chúng tôi đã có hẹn, nên mở cửa ngay. Chúng tôi bước vào một hành lang dài giữa hai dãy phòng bệnh. Tôi nhìn vào mặt mấy bệnh nhân đằng sau những chấn song thép. Tôi cảm thấy những chấn song đó dần biến thành mấy chục cái chân người, và nơi khoảng trống giữa những cái chân đó, tôi trông thấy một khuôn mặt rõ quen thuộc. Nỗi buồn tỏa ra từ bệnh viện tâm thần lại mở ra căn phòng tối trong đầu tôi – nơi Bodenga ẩn náu.

Người y tá đưa chúng tôi đến phòng giáo sư Yan, giám đốc bệnh viện, người đã viết thư cho Eryn. Vị giáo sư ấy có khuôn mặt điềm tĩnh, và ông liên tục lần tasbih – tràng hạt.

“Đây là một trường hợp luyện mẫu nghiêm trọng.” ông nói với giọng nặng nề.

“Anh thanh niên này không rời khỏi mẹ mình lấy một phút. Nếu tỉnh giấc mà không thấy mẹ thì anh ta lập tức hét lên cuồng loạn. Tình trạng phụ thuộc kinh niên này cuối cùng khiến bà mẹ cũng phát điên theo. Cả hai đã ở đây gần sáu năm nay.”

Câu chuyện thật quá đau lòng.

Giáo sư Yan dẫn chúng tôi đến một căn phòng biệt lập. Tôi không dám hình dung những gì mình có thể sẽ trông thấy ngay sau đó. Tôi có đủ dũng khí để chứng kiến sự đau đớn khủng khiếp đến nhường ấy hay không? Tôi có nên đợi ở ngoài không? Nhưng đã quá muộn – giáo sư Yan đã mở cửa căn phòng ấy mất rồi.

Chúng tôi đứng ngay bậc cửa. Căn phòng rộng và im lặng đến ghê người. Ánh sáng duy nhất tỏa ra từ một bóng đèn thấp lè tè không đủ chiếu sáng lên trần. Chẳng có đồ đạc gì ngoài một băng ghế hẹp dài ở tít góc phòng.

Và ở ngay trên chiếc ghế dài đó, cách chúng tôi khoảng mười lăm bước chân, hai con người đáng thương ấy ngồi sát vào nhau, một mẹ một con. Nét mặt họ lo lắng, như thể họ đang van xin được cứu vớt.

Người con trai gầy trơ xương ngồi thẳng lưng, mái tóc dài phủ hết mặt. Tóc mai, lông mày, cả râu quai nón rậm và rối bù. Da xám xịt.

Người mẹ thì yếu ớt mảnh dẻ. Mắt bà ẩn chứa nỗi sợ hãi cùng cực. Bà mang đôi dép tông quá khổ. Nét mặt bà chất chứa nỗi chịu đựng căng thẳng.

Hai con người đó nhìn chúng tôi lần lượt từng người một nhưng đầu vẫn không ngẩng lên. Người con trai bám lấy tay bà mẹ. Khi chúng tôi vào phòng, anh ta nép sát hơn vào mẹ. Tôi xin phép ra khỏi căn phòng đau đớn đó; cảnh tượng đó ập lên người tôi như thể một tấn gạch vập.

Giáo sư Yan giúp Eryn phỏng vấn hai bệnh nhân. Một tiếng rưỡi đồng hồ sau, cuộc phỏng vấn kết thúc.

Eryn ra dấu cho tôi vào chào hai mẹ con bệnh nhân ấy. Tôi trở vào căn phòng và cố mỉm cười mặc dù tim tôi như vỡ ra khi hình dung nỗi đau mà họ phải chịu đựng.

Ba chúng tôi ra khỏi phòng. Eryn và giáo sư Yan đi trước tôi. Tôi ra cuối cùng nên quay người lại đóng cánh cửa. Và ngay lúc ấy, tôi giật bản mình – có tiếng người gọi.

“Ikal...”

Eryn và giáo sư Yan cũng sững sốt không kém. Chúng tôi nhất loạt quay người lại. Không có ai khác trong phòng ngoài chúng tôi và hai con người đáng thương kia. Tiếng gọi đó rõ ràng là phát ra từ căn phòng mà chúng tôi vừa mới ra khỏi. Tôi do dự định đến mở cửa phòng.

“Ikal,” giọng nói ấy lại vang lên.

Đúng là một trong hai bệnh nhân đó gọi tên tôi.

Tôi xoay nắm cửa và vội bước vào. Tôi cẩn trọng tiến về phía hai con người đó, rồi dừng lại cách họ chừng ba mét. Cả hai đứng lên. Tôi quan sát họ thật kỹ. Người mẹ gục đầu xuống còn người con trai thì đang

khóc. Mỗi anh ta run lên khi liên tục thốt gọi tên tôi như thể anh đã đợi tôi từ mấy năm nay. Anh vẫy tôi đến gần. Vẫn chưa hết bàng hoàng, tôi bước tới đằng trước để nhìn họ rõ hơn. Người thanh niên vén tóc để lộ khuôn mặt, và tôi lặng người đi vì kinh ngạc. Tôi không thể tin vào mắt mình. Tôi như muốn hét lên. Tôi biết người thanh niên đó – Trapani.

CHƯƠNG 45

KẾ HOẠCH C

Xe buýt đưa chúng tôi trở lại ngôi làng, đi ngang qua cửa hiệu Sinar Harapan. Cửa hiệu chẳng hề thay đổi, vẫn một mớ hỗn độn như thế. Bên cạnh mọc lên một cửa hiệu mới Sinar Perkasa – Tia sức mạnh. Anh cu li khiến tôi chú ý. Anh ta cao lớn, tóc dài chấm vai cột lại phía sau như một chiến binh samurai, tay áo xắn lên. Tôi chẳng mấy ngạc nhiên nếu tên cửa hiệu được lấy cảm hứng từ vẻ ngoài của anh cu li nọ.

Anh cu li đó trông rất dễ gần và vui vẻ làm công việc của mình. Anh vác một lượng lớn hàng đã có người mua; mỗi vai một bao gạo, cái lộp xe đạp thì tròng vào cổ, lại còn ôm cả mớ túi ni lông nữa. Anh tếu táo thách ông chủ chất thêm hàng nữa đi vì anh còn sức để vác thêm mà. Vừa cười phá lên ông chủ vừa chất thêm một bao gạo nữa lên vai anh cu li. Anh cu li biến thành một cửa hàng bách hóa di động, thật không tin nổi anh lại có thể mang được ngần ấy.

Tôi cố nén cười khi nhìn anh cu li mang cả núi hàng tiến về phía chiếc xe tải nhỏ đang chờ. Tấp tễnh đi bên cạnh anh là một phụ nữ béo núc, người mua cả đồng hàng đó. Một người khác đứng trước cửa hiệu hét lên giọng lo lắng bảo anh cu li đừng có mà ôm đồm quá như thế. Anh cu li vẫn vênh mặt bước đi mặc dù bước chân của anh mỗi lúc một loạng choạng.

Tôi chuyển sang nhìn cửa hiệu Sinar Harapan và cười thầm khi nghĩ về những kỷ niệm trong quá khứ liên quan đến cửa hiệu này. Những xúc cảm đẹp đẽ vẫn nguyên vẹn, dù giờ tôi đã là một người lớn. Rõ ràng, tình yêu của tôi còn đậm sâu hơn đáy những can dầu hỏa vẫn xếp chặt ních bên nhau trong cửa hiệu kia. Bên trong chiếc xe buýt lụ khụ này, trong nỗi u hoài vẫn chưa nguôi ngoai, tôi chợt cảm thấy mình thật may mắn khi ít ra cũng đã thổ lộ được lòng mình. Tôi biết chẳng phải ai cũng có được cơ hội ấy, không phải ai cũng có một trải nghiệm tình yêu đầu đời hồi hộp ly kỳ như thế. Dẫu đã mất đi tình yêu đầu đời ấy, tôi vẫn

xem mình là một trong những kẻ may mắn.

Chúng ta có thể trở thành những kẻ hoài nghi, luôn nghi ngờ vì đánh lừa chỉ một lần và bởi chỉ một người. Nhưng rõ ràng chỉ cần một tình yêu chân thành cũng đủ để thay đổi toàn bộ nhận thức về tình yêu của ta. Ít ra, trong trường hợp của tôi thì đúng như thế. Mặc dù, suốt cả thời thanh niên của tôi, tình yêu thường đối xử với tôi không tử tế gì nhưng tôi vẫn tin vào nó, tất cả nhờ cô gái có bộ móng tay đẹp đến diệu kỳ ở cửa hàng Sinar Harapan. Giờ cô ở đâu? Tôi không biết, và lúc này tôi cũng không muốn biết. Bức tranh về tình yêu đó đẹp như một ao sen bừng nở, và tôi muốn nó cứ như thế. Nếu tôi không gặp lại A Ling, hình ảnh đó có thể phải mờ đi. Có thể hiện tại tay cô nổi gân xanh, da gợn sóng, bụng chảy xệ, mắt bọng. Cô đã từng là thần Vệ Nữ của biển Đông và tôi muốn nhớ về cô với hình ảnh ấy.

Tôi lấy trong túi ra cuốn sách A Ling tặng – Giá như họ có thể lên tiếng – bằng chứng tình yêu đầu đời của chúng tôi. Ngồi đây trên buýt, tôi nhận ra ngay rằng toàn bộ cuộc sống giờ đây đã rách tả tơi vì luôn được tôi mang theo bên mình. Tấm gương của Herriot, ngôi làng Edensor ông miêu tả và mối liên quan giữa cuốn sách với tình cảm tôi dành cho A Ling đã khơi nguồn cảm hứng cho tôi nắm lấy tương lai với thái độ lạc quan.

Một tuần sau khi quảng bản thảo Cầu lông và kết bạn xuống sông Ciliwing, tôi đọc được bản thông báo về một học bổng thạc sĩ tại một nước thuộc Liên minh châu Âu.

Tôi liền về nhà, vớ lấy giấy bút rồi ngồi vào bàn, đặt tờ giấy ngay ngắn trước mặt và bắt đầu thảo một kế hoạch với những bước thật rõ ràng. Đây là kế hoạch C của tôi: tôi muốn học tiếp!

Tôi học như điên để chuẩn bị thi vào trường Đại học nơi Eryn đang học. Sau khi tôi thi đậu, cuộc sống của tôi dường như đã biến thành một trận chiến. Tôi làm công việc phân loại thư cả ngày lẫn đêm và làm bất kỳ công việc linh tinh nào có thể tìm được để có tiền trả học phí. Tôi chưa tốt nghiệp đại học, nhưng vẫn quyết tâm giành học bổng thạc sĩ từ Liên minh châu Âu. Tập trung! Tập trung! Đó là câu thần chú của tôi.

Tôi nhanh chóng hoàn tất chương trình đại học và không bỏ phí chút thời gian nào, tôi viết đơn xin học bổng của Liên minh châu Âu.

Tôi dành toàn bộ thời gian trau dồi kiến thức để tham gia bài kiểm tra giành suất học bổng ấy. Tôi đọc sách cật lực.

Tôi đọc trong khi phân loại thư, trong khi ăn, trong khi nằm trên giường nghe những câu chuyện wayang trên radio. Tôi đọc sách trên angkol, xe tải công cộng. Tôi đọc trên becak, xe xích lô, khi ông chủ nói xách mé, và cả trong lễ chào cờ. Nếu người ta có thể đọc trong lúc đi ngủ thì tôi cũng có thể làm được như thế. Có khi tôi đọc trong lúc chơi bóng; tôi thậm chí đọc trong khi đang đọc. Mấy bức tường trong phòng trọ đầy rẫy những công thức tính, những bài kiểm tra GMAT, các thì động từ.

Vào tối thứ Bảy, tôi đi chợ Anyar ở Bagor. Tại một kaki lima – quầy bán hàng lưu động – tôi gặp một người Minang bán áp phích. Một khuôn mặt hiền lành với đôi kính tròn khiến tôi chú ý. Tôi biết rằng ở quãng đời này tôi cần cái gì đó khơi nguồn cảm hứng, khao khát, hoài bão. Tôi mua một tấm. Tối hôm ấy, John Lennon mỉm cười trên bức tường phòng trọ của tôi. Bên dưới tấm áp phích, tôi viết câu nói giàu ý nghĩa của ông để luôn nhắc nhở mình cần phải tích cực hơn nữa: Cuộc sống là những gì xảy đến với bạn trong khi bạn đang mải mê vạch kế hoạch này nọ.

Tôi mau chóng trở thành vị khách trung thành của thư viện LIPI (Viện Khoa học Indonesia) ở Bogor. Giờ tôi luôn đòi làm ca phân loại thư subub mà trước đây tôi ghét cay ghét đắng để được về nhà sớm học bài. Khi công việc nhiều quá, tôi tóm tắt bài đọc trên những mẫu giấy nhỏ - phương pháp ghi nhớ theo mẹo mà trước đây Lintang đã dạy cho tôi. Tôi đọc những mẫu giấy nhỏ ấy trong khi đợi người giao thư đến dỡ những bao thư từ xe tải xuống.

Ở nhà tôi học tới khuya lắc khuya lơ. Lúc này căn bệnh mất ngủ kia đâm ra có ích. Tôi là người mất ngủ làm việc có năng lực dễ sợ. Bất cứ khi nào thấy mệt, tôi lại mở cuốn Giá như họ có thể lên tiếng. Herriot và tôi lại thành bạn chí cốt.

Mình phải giành được suất học bổng ấy, Không một lựa chọn nào khác. Mình phải giành được! Đó là những lời cứ vang lên trong lòng tôi mỗi khi tôi đứng trước gương. Suất học bổng đó là một tấm vé thoát khỏi cuộc sống chả có gì đáng tự hào của tôi hiện giờ.

Bài kiểm tra đầy căng thẳng đó kéo dài liên tục hàng tháng. Nó bắt đầu bằng vòng sơ khảo tại một sân bóng chật ních thí sinh. Bảy tháng sau, tôi vào đến vòng chung kết, phải trải qua một buổi phỏng vấn tại một

học viện danh tiếng ở Jakarta. Ở vòng cuối này, người phỏng vấn tôi là một cựu công sứ có gương mặt ưa nhìn và thích hút thuốc. “Một thói quen góm chết,” tôi nhớ Morgan Freeman nói thế trong một bộ phim.

Tôi đến viện và, lần đầu tiên trong đời, tôi đeo cà vạt. Cái thứ đó quả thật không muốn làm bạn với tôi.

Một phụ nữ mời tôi vào một căn phòng. Quý ông ưa thuốc lá đó đã an tọa với điều thuốc gắn trên môi.

Ông ta bảo tôi ngồi trước mặt ông và ông quan sát tôi thật kỹ. Hẳn là ông ta nghĩ anh thanh niên nhà quê này chắc chắn sẽ khiến những kiều bào Indonesia ngượng chết đi mất. Rồi ông đọc lá thư trình bày động cơ của tôi – lá thư mà mỗi người tham gia đều phải viết để trình bày lý do họ cảm thấy mình xứng đáng được nhận học bổng.

Vị cựu công sứ rít một hơi thuốc thật sâu và rồi, như một trò ảo thuật, không thấy một chút khói nào nhả ra cả, như thể ông nuốt trọn khói vào trong và để nó nguyên trong ngực một lúc. Mắt ông lim dim, chậm rãi chớp vài cái khi ông tận hưởng chất độc nicotine đang được đưa vào người. Rồi, bằng một nụ cười thỏa mãn đến rợn người, ông nhả khói ra và nó trôi thoảng qua trước mặt tôi.

Mắt tôi cay sè và tôi cố chống lại cơn ho cùng cảm giác buồn nôn, nhưng tôi có thể làm gì chứ? Người đàn ông ngồi trước tôi đây đang nắm giữ tấm vé tối quan trọng cho tương lai của tôi. Mặc dù cơn nôn mửa gần như không kiềm chế được nữa, tôi vẫn cố ngồi thật ngay ngắn và đáp lại ông ta bằng nụ cười gượng gạo như kiểu của mấy cô tiếp viên hàng không.

“Hừm, tôi thích là thư trình bày động cơ của anh đấy. Những lý do anh đưa ra và cách anh diễn đạt bằng tiếng Anh rất ấn tượng.” ông ta nói.

Tôi lại cười, lần này giống nụ cười của một nhân viên bán bảo hiểm.

Ông ta chưa biết đàn ông Mã Lai vốn khéo ăn nói hay sao, tôi thầm nghĩ.

Rồi, vị cựu công sứ xem đến đề xuất nghiên cứu của tôi, trong đó có lĩnh vực tôi tập trung nghiên cứu, tài liệu nghiên cứu và tên đề tài tôi sẽ nghiên cứu nếu tôi nhận được suất học bổng đó.

“Ái chà, cái này cũng khá thú vị đấy!”

Ông muốn nói tiếp, nhưng điều thuốc thân yêu của ông dường như quan trọng hơn. Ông ta lại rút thuốc. Tôi dám cá rằng nếu ngực ông ta được chụp X-quang, chắc chắn nó chỉ toàn một màu đen. Người đàn ông này thông minh nổi tiếng, không chỉ trên đất nước này mà còn trên khắp thế giới nữa. Những đóng góp của ông cho đất nước này không phải là ít, vậy sao ông có thể chẳng hiểu gì về khói thuốc?

“Ừm, ừm... chủ đề này đáng được nghiên cứu thêm đấy, rất thử thách. Ai hướng dẫn anh viết cái này đây?” Ông mở rộng miệng cười, thông thả nhả khói.

Tôi biết đây là một câu hỏi tu từ không cần câu trả lời. Tôi chỉ cười. Trường Muhammadiyah, cô Mus, thầy Harfan, Lintang và đội Chiến binh Cầu vòng chứ ai nữa, tôi thầm trả lời.

“Tôi đợi rất lâu rồi mới có một đề xuất nghiên cứu như thế này đấy. Rồi nó cũng đến, và lại từ một nhân viên bưu điện! Anh đã ở đâu gần đây thời gian, anh bạn trẻ?”

Lại là một câu hỏi tu từ nữa, tôi cười, và nghĩ, Edensor chứ đâu.

Đề xuất của tôi là nghiên cứu sâu hơn về phương thức định giá chuyên giao. Tôi đưa ra phương thức này chuyên để giải quyết vấn đề giá cả trong dịch vụ lần viễn thông, và nó cũng có thể được sử dụng như một phương thức tham khảo để giải quyết những cuộc tranh chấp kết nối giữa những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông. Tôi phát triển phương thức đó sử dụng phương trình nhiều biến, nguyên lý trước đây Lintang đã dạy tôi.

Không lâu sau đó, tôi bắt đầu đi học tại một ngôi trường đại học ở châu Âu. Hiện giờ tôi nhìn cuộc sống của tôi từ một góc độ khác. Hơn thế nữa, tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì đã trả được món nợ ân tình cho trường Muhammadiyah, cho cô Mus, cho thầy Harfan, và cho đội Chiến binh Cầu vòng.

CHƯƠNG 46

LỜI HỨA THỨ BA CỦA LINTANG

Chiếc xe buýt cà khở lặn bánh qua khỏi khu chợ. Cửa hàng Sinar Harapan từ từ biến mất khỏi tầm mắt. Tôi vội xuống xe băng qua đường về nhà mẹ tôi.

Tôi nghe bài hát Rayuan Pulau Kelapa - Đảo dừa quyền rũ vọng ra từ nhà hàng xóm. Đó là nhạc hiệu của Radio Republik Indonesia, có nghĩa là đã đến bản tin trưa. Một ngày yên tĩnh và nóng bức. Nhưng sự yên tĩnh đó bị phá vỡ bởi một tiếng còi dài phát ra từ một chiếc xe có tải trọng mười tấn. Đó là chiếc xe trục kép có mười tám bánh với bề rộng một mét.

Một người thanh niên nhỏ thó nhấp nhô trên chiếc ghế tài. Anh quá bé so với chiếc xe tải quá cỡ. Anh đang chở cát thủy tinh.

“Thế là cuối cùng cậu cũng trở về, Ikal. Hôm nay bận quá. Tối trại nhé,” anh hét lên.

Tôi bỏ bốn cái túi trên vai xuống, nhưng chỉ kịp vẫy tay. Tôi đứng vẫy tay giữa đám bụi tung lên mù mịt trong khi anh lái xe đi mất.

Ngày hôm sau, tôi đến khu trại theo lời mời của anh tài xế nhỏ người ấy. Những cái lán rải dọc khắp bờ biển, và không có cửa - hết như chuồng gia súc. Đây là nơi hàng chục tài xế chở cát nghỉ lại chờ tới ca của mình. Họ phải thay nhau làm liên tục hai tư tiếng một ngày để đổ cát đầy mấy cái sà lan. Những cái sà lan chất hàng ngàn tấn của cái của Belitong. Chúng đi tới đâu thì chẳng ai biết được.

Tôi bước vào trại nhìn quanh quất. Ở chính giữa có một lò sưởi lớn giúp họ sưởi ấm chống lại những cơn gió lạnh thổi từ biển vào. Trong góc xếp lô xô những can dầu, gói thuốc lá, bình rượu da, đủ loại chìa khóa, cái bơm dầu, trống, và một bình đựng nước uống. Mọi thứ lộn xộn bừa bãi. Những cái bình màu đen, mấy cái đĩa thiếc, những hộp thuốc diệt

muối, cà phê và vỏ mì ăn liền vung vãi trên sàn nhà bẩn, và ở đó còn lẫn lóc mấy tấm thảm cầu nguyện nữa. Một tờ lịch ảnh phụ nữ mặc đồ bikini treo xộc xệch trên tường. Dầu đã là tháng Năm, nhưng cũng chẳng ai thèm quan tâm đến việc đổi sang tờ khác, vẫn cứ để tháng Ba - rõ ràng tất cả đều đồng ý người mẫu tháng Ba hấp dẫn nhất.

Người lái xe chào tôi hôm trước là một trong mấy chục lái xe ở trong những cái lán này. Anh ngồi đối diện tôi trên ghế sofa gần lò sưởi. Anh nhếch nhác, khắc khổ, chưa vợ con và thiếu ăn - là Lintang.

Tôi không nói gì. Rõ ràng cậu đã rất mệt mỗi khi chiến đấu với định mệnh. Công việc nặng nhọc khiến cho cánh tay cậu cứng cáp, nhưng phần còn lại của cơ thể thì gầy gò hơn hém. Dù làn da cậu khô róc, dính đầy dầu mỡ, nhưng ánh nhìn thông minh trong mắt cậu và nụ cười hóm hỉnh dễ mến vẫn vẹn nguyên trên khuôn mặt. Tóc cậu cháy nắng rối bù. Lintang và toàn bộ con người cậu gợi nên một niềm thương cảm, thương cảm vì trí thông minh bị phí hoài.

Tôi vẫn im lặng. Ngực tôi thắt lại. Chỗ lán trại này được xây trên doi đất nhô ra biển. Tôi nghe thấy có tiếng Bùm! Bùm! Nhìn ra cửa sổ phía bên phải, tôi trông thấy một chiếc tàu kéo đang chầm chậm đi qua, kéo theo một sà lan. Tiếng động cơ phát ra từ chiếc tàu kéo khiến cho mấy cột rầm của cái lán rung chuyển. Khói đen bốc cuồn cuộn. Con tàu phá tan sự tĩnh lặng của biển, để lại những ngọn sóng và nước tung lấp lóa, dầu nổi loang lổ khiến mặt nước trông như được làm từ thủy tinh đa sắc.

Tôi dán mắt vào con tàu đang nổ bình bịch, nhưng lúc đó tôi cảm thấy như thể nó không chuyển động, mà thay vào đó là cả mấy căn lán và tôi đang chuyển động. Lintang, này giờ vẫn ngồi yên quan sát tôi, đọc được ý nghĩ của tôi.

“Thuyết tương đối của Einstein về tính đồng thời,” cậu nói, khởi đầu buổi trò chuyện. Cậu ngậm ngùi cười. Niềm mong ước được đi học hẳn khiến cậu đau lòng lắm.

Tôi cũng mỉm cười. Nghiêm túc mà nói, tôi hiểu rõ ràng Lintang không trải qua những điều tôi từng trải qua. Hai con người nhìn một sự vật từ hai góc nhìn khác nhau nên có nhận thức khác nhau. Chính vì vậy Lintang mới nói đến tính đồng thời. Như thế cũng có lợi cho cách nhìn nhận cuộc sống của chúng tôi hiện giờ.

Một lát sau, tôi lại nghe tiếng Bùm! Bùm! nữa. Hóa ra một chiếc tàu kéo khác di chuyển theo hướng đối diện chiếc lúc nãy. Đuôi con tàu trước vẫn chưa khuất khỏi tầm nhìn. Tôi nhìn bên trái rồi bên phải, so sánh chiều dài của hai con tàu vừa đi qua.

Lintang quan sát cử động của tôi. Tôi biết cậu đang đọc ý nghĩ của tôi. Cái tài này của cậu không bao giờ khiến tôi hết ngạc nhiên cả.

“Nghịch lý,” tôi nói.

Lintang cười.

“Tương đối,” cậu đáp.

Tôi nói nghịch lý vì tôi - một vật thể đứng yên - đoán kích cỡ của chiếc tàu kéo sẽ khác so với suy đoán của những người trên chiếc tàu kéo.

“Không, không phải nghịch lý, mà là tương đối,” cậu lại giải thích. “Vật thể đứng yên và vật thể chuyển động sẽ có những đánh giá khác nhau về kích thước của một vật thể đang chuyển động. Đây là một giả thuyết đã được chứng minh, thời gian và khoảng cách không mang tính tuyệt đối, chỉ tương đối thôi. Einstein đã phản bác Newton bằng khái niệm này, và đó là tiền đề của thuyết tương đối đã giúp Einstein trở nên nổi tiếng.”

Ôi, Lintang! Từ khi chúng tôi còn nhỏ, tôi chưa khi nào thôi ngưỡng mộ con người nhỏ bé đang ngồi trước tôi đây. Người ngồi cùng bàn năm xưa, người giờ đây là một cư dân sống trong cái lán dành cho cu li, vẫn còn lạnh lợi lắm. Dẫu là đôi mắt biết cười của cậu đã trở nên giống như hai hòn bi thủy tinh sậm màu vì thời gian thì trực giác của cậu vẫn nhạy bén như mắt điều hâu đang soi xuống bầy gà.

Đắm chìm vào những suy nghĩ như thế, tôi nhìn cậu thật lâu thật kỹ và cảm thấy buồn vô hạn. Suy nghĩ của tôi lại bay bổng đến một miền tưởng tượng xa xăm, tôi hình dung thấy cậu mặc quần tây trắng và áo gi lê polyester gọn ghẽ bên ngoài sơ mi dài tay màu xanh nước biển, khi cậu lên bục để trình bày bản báo cáo tại một diễn đàn khoa học danh giá. Bài báo cáo đó có thể là về một ý tưởng đột phá trong lĩnh vực sinh học biển hay vật lý nguyên tử.

Có thể cậu còn đáng được đi lại nhiều nước trên thế giới, được nhận nhiều học bổng cao quý hơn nhiều người tự cho mình là trí thức nhưng

chỉ đơn thuần là những nhà khoa học dỏm chẳng làm nên trò trống gì cho xã hội ngoài những con điểm và đồ án tốt nghiệp của mình. Và những người chỉ biết bản thân mình - chỉ chăm chăm làm lợi cho mình. Tôi muốn đọc thấy tên của Lintang bên dưới một bài báo trong tạp chí khoa học. Tôi muốn nói cho mọi người biết rằng Lintang, chuyên gia di truyền học duy nhất, một và chỉ một mà thôi, ở Indonesia, người đã thông thạo tam giác Pascal ngay từ cấp tiểu học, và người hiểu được vi phân và tích phân ngay từ khi còn rất nhỏ, và là một học sinh trường Muhammadiyah ở Belitong, bạn cùng bàn của tôi thời tiểu học.

Nhưng hôm nay, Lintang chỉ là một người đàn ông nhỏ bé ngồi đợi đến ca làm nặng nhọc. Làm việc cả ngày lẫn đêm, ngậm ngùi từ bỏ niềm khao khát cao quý là được trở thành một nhà toán học để làm công cho những ông chủ thủy tinh đổi lấy vài đồng tiền công còm. Tôi nhớ da diết ngày xưa lúc trước cậu nhắm mắt lại không thấy mười giây mà có thể giải được một bài toán hóc búa. Khi cậu hét vang, "Jeanne d'Arc!" Khi cậu đứng trên bục vinh quang nhận cúp Học sinh giỏi, cậu khiến cho chúng tôi tự hào và tự tin biết mấy. Giờ cậu ngồi đây nơi góc lán, không biết tương lai sẽ ra sao.

Tôi buồn bã nhìn quanh căn lán. Tấm ảnh cưới của cha mẹ Lintang treo trên tường. Tôi vẫn còn nhớ tấm ảnh ấy. Lintang đã mang nó theo trong cuộc thi Học sinh giỏi. Tấm ảnh chụp với phong nền giả, một cánh đồng cỏ, một chiếc ô tô mui kín với một gia đình hạnh phúc đứng vây quanh, những cái cây lạ có lá đỏ giống như được trồng đâu đó ở châu Âu. Cho đến hôm nay, tôi vẫn thường tưởng tượng cảnh Lintang trở thành một nhà toán học Mã Lai. Nhưng hình dung đó bốc hơi đâu mất vì nơi đây, trong cái lán không cửa nẻo gì đây, Isaac Newton của tôi đã quy hàng số phận.

"Buồn làm gì, Ikal. Ít nhất thì mình cũng đã giữ lời hứa với cha, là mình sẽ không làm nghề đánh cá."

Những lời đó như xát thêm muối vào lòng tôi, và giờ tôi thấy giận. Tôi thất vọng vì có quá nhiều đứa trẻ thông minh buộc phải bỏ học nửa chừng vì lý do tài chính. Tôi nguyên rủa tất cả những kẻ ngu dốt mà cứ làm ra vẻ thông minh. Tôi căm ghét những đứa trẻ con nhà giàu không chịu học hành đàng hoàng.

CHƯƠNG 47

ĐẢO BELINGTON, HÒN ĐẢO CỦA TRỞ TRÊU

Và đây là phần buồn nhất của câu chuyện. Vì không một chiếc lá nào rơi mà Thượng đế không biết nên cũng chẳng hề vô lý khi so sánh PN với tháp Babel. Chúng giống nhau thật vì khi tỉnh của chúng tôi, Bangka-Belitong, được thành lập, tên gọi tắt chính thức của nó là Babel.

Đầu thập niên 1990, giá thiếc thế giới tụt thê thảm từ 16.000 đô la một tấn xuống còn 5.000 đô. PN sụp đổ ngay tức thời. Mọi xí nghiệp sản xuất đều đóng cửa; hàng ngàn nhân công mất việc làm. Đây là đợt sa thải thợ lớn nhất ở Indonesia, có thể là nhất thế giới nữa.

Có lẽ thời hoàng kim của PN, đã được xây trên cái nền tảng đạo đức giả giống như Babylon và Lemuria, nên Thượng đế đã trừng phạt nó bằng cách đập cho nát vụn. Rõ ràng, sự hủy diệt không cần phải được viết ra trong Talmud[1] thì mới xảy ra trong thực tế.

[1] Tập hợp những văn bản cổ về luật và truyền thống Do thái.

Không một lời cảnh báo, công ty Gulliver lừng lững hàng trăm năm nay bất thành linh sụp đổ chỉ trong vài ngày. Vậy nên Babel là một bài học cần phải chú ý. Thượng đế đã hủy diệt sự ngạo mạn ở Belitong như ngài đã từng hủy diệt sự suy đồi ở Babylon.

Sự rớt giá thảm hại của thiếc không chỉ bồi khủng hoảng kinh tế toàn cầu mà còn bởi vì người ta đã phát hiện ra nguyên liệu thay thế thiếc. Chưa hết, tôi tặc hơn nữa là một số nước như Trung Quốc đã phát hiện ra nước mình cũng có trữ lượng thiếc lớn. Cho nên PN rơi vào tình trạng thoi thóp như con cá tự nhiên đang bơi lại bị vớt ra khỏi bể rơi phạch xuống sàn phòng khách.

Chính quyền trung ương, hàng năm trời nay đều đặn nhận cống nộp đến hàng tỷ rupi, đột ngột ngoảnh mặt làm ngo như thể chưa từng biết

đến hòn đảo nhỏ bé này. Để mặc người dân Belitong khóc than vì sự bồi thường bất công từ việc sa thải hàng loạt; dù gì thì một khi mía không còn ngọt nữa thì sẽ bị vứt ra lề đường thôi. Thuật ngữ đoàn kết và thống nhất bốc hơi đâu mất khi con gà mái thôi đẻ trứng vàng. Đảo Belitong, đã từng lấp lánh ánh sáng xanh như có hàng triệu con sứa đang bơi, đột nhiên tối sầm lại hết một con tàu ma đang trôi vờ - tối tăm, không ai đoán hoài, và đơn độc.

Những người chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ cú nốc ao đó đương nhiên là nhân viên PN sống ở Điền Trang. Không chỉ bởi họ mất đi vị thế và hình tượng, mà còn bởi họ đã có một cuộc sống ổn định lâu dài trong một nơi vững như bàn thạch giàu có xa hoa thế mà dùng một cái rơi vào tình cảnh trắng tay không được chế độ bảo trợ nữa. Đúng là một cuộc thảm sát thanh danh quy mô lớn.

Kỳ verloop đến những nhà nghỉ PN xa hoa ở Java hai lần một năm giờ buộc phải đổi lại bằng trồng trọt, leo trèo, đánh bắt cá, đào xới, giảng dạy, thăm dò và lặn ngụp để nuôi sống gia đình. Câu chuyện của Mahar về những bức tranh Lemuria trong hang thì thậm chí báo một thế lực to lớn ở Belitong sẽ sụp đổ cuối cùng đã thành hiện thực. Thế lực ấy là PN Timah. Lemure: những linh hồn bị đầy đọa giờ trôi dạt. Cư dân của Điền Trang đang rơi vào nghịch cảnh. Họ tìm kiếm thức ăn trong rừng và dưới sông, sống sơ khai như người Mã Lai cổ trong quá khứ.

Vì không quen sống khổ nên áp lực của những nhân viên đó lại trở nên nặng nề hơn, đó là chưa kể đến gánh nặng do con cái nhất quyết không chịu hạ thấp tiêu chuẩn sống khi chúng vẫn sống và học tập tại những trường đại học tư đắt đỏ ở Jakarta. Rồi họ phải đối mặt với đột quỵ, phẫu thuật tim, chết bất đắc kỳ tử, hay vì con cái bỏ học nửa chừng, và vì hàng núi nợ chồng chất. Họ chết ngạt vì nuốt phải cái muỗng bạc của mình [2].

[2] Trong tiếng Anh có thành ngữ "Born with a silver spoon in mouth" - sinh ra với muỗng bạc trong miệng - để chỉ những người giàu.

Những người không thể chấp nhận thực tế bèn sống ô nhục bằng cách lù lùng gặt. Những người không thể chấp nhận bị đột ngột trắng tay bước đi dương dương tự đắc với niềm hãnh diện giả tạo để khoe trương thế lực và giàu sang mà giờ đây không còn bên họ nữa. Họ rốt cuộc sẽ trở thành đề tài đàm tiếu trong các quán cà phê vỉa hè mà thôi. Những

kẻ tự dối gạt mình và chịu sự hành hạ của hội chứng mất quyền lực không trụ được lâu. Họ mau chóng vào nằm tại Zœal Batu, bệnh viện tâm thần ở đảo Bangka. Bánh xe số phận đã thành linh chuyển hướng với tốc độ cao và hất hết đám hành khách rơi cả ra ngoài.

Thanh thế của trường PN biến mất vào lòng đất. Một số lớn học sinh rời khỏi trường, thậm chí rời cả đảo Belitong cùng với gia đình, trở về quê hương của họ. Không thế thì họ còn biết làm gì chứ? Belitong chẳng phải là nơi chôn nhau cắt rốn của họ. Cứ để nó trở thành một hòn đảo ma. Cứ để dân bản xứ hứng chịu hậu quả. Những học sinh còn lại của trường PN được chuyển tới những trường nhà nước ở Tanjong Pandan.

Trận chiến

Điền Trang trở thành chốn không người.

Những ngôi nhà xây theo lối Victoria ở Điền Trang, khu vui chơi hết trong câu chuyện thần tiên Cô bé Lọ Lem, ngay lập tức biến thành dãy ngọn núi Cácpát nơi chỉ có Dracula và gia đình đó sinh sống. Buổi tối, nơi đó đen ngòm không chút ánh sáng. Những cây đa không còn tươi tốt đẹp đẽ nữa mà trở về với đặc tính thực sự của nó là nơi trú ngụ của ma quỷ. Tán lá rậm rịt của chúng che phủ hết con đường chính như thể chúng đứng đó để tiêu diệt tất cả những gì đi ngang qua bên dưới. Những cái hồ nhân tạo trở thành chỗ ở cho bọn thần lẩn bạo chúa.

Năm 1998, người Indonesia đòi cải cách. Những sinh viên dũng cảm lật đổ tổng thống Soeharto, người đã nắm quyền lực trong suốt ba mươi hai năm. Chế độ Trật tự Mới của ông ta sụp đổ.

Người Belitong cảm thấy Điền Trang đã từng được chế độ Trật tự Mới bảo vệ nên ngay lập tức cho rằng nó vô chủ. Thừa lúc Jakarta đang hỗn loạn, một đêm, hàng ngàn người tấn công Điền Trang. Điền Trang trở thành bãi chiến trường.

Người bản xứ - những người vì khoảng cách do PN tạo ra đã nén căm thù đối với PN hàng mấy chục năm nay, những người cảm thấy mình bị đối xử bất công, những người có tài sản bị hủy hoại và những người có đất đai bị giành lấy - đã cướp phá những ngôi nhà theo lối Victoria ở Điền Trang danh tiếng vô chủ này. Cảnh sát đặc nhiệm PN chạy trốn chết. Như tầng lớp vô sản đứng lên chống lại giai cấp tư sản vì bị đối xử thậm tệ, họ đập đổ tường, giật đổ mái, bắt ngỗng, xô hàng rào, cướp

cửa, giật tung khung cửa, đập vỡ bất kỳ thứ gì làm bằng thủy tinh họ gặp phải, cạy gạch sàn, lấy rèm cửa và ôm chạy về.

Những biển Không phận sự miễn vào bị giật cả xuống mang về nhà như chiến lợi phẩm về Bức tường Berlin. Một vài người giận quá còn ngồi nghỉ một lát trên trường kỷ và ăn tại bàn sứ đất tiền, giả vờ là nhân viên PN rồi mới quay trở lại với việc cướp phá.

Nhà của viên chức cao nhất PN, đứng ngạo nghễ hết lâu đài trên đỉnh Samak, nhìn ra biển Đông, bị cướp phá và san phẳng. Máy phát điện lớn nhất châu Á - gọi là IC - bị đốt cháy rụi.

Bệnh viện PN cũng bị đập phá tan tành. Thuốc vung vãi khắp đường. Xe lăn và bàn khám được mang hết về nhà.

Lúc đó, tôi có thể ngửi thấy mùi gì đó rất hôi thối; đó là những cái khay Revenol. Đó là mùi của người giàu có không ngó ngang đến người nghèo.

Trận cướp phá đó kéo dài mấy ngày trời. Những dây điện thoại được cuộn cả lại. Dây cáp điện cao thế vẫn đang truyền điện bị cắt bằng xẻng, phát ra những tia lửa giống như mưa sao băng. Những cái máy xúc bị cưa ra từng mảnh đem cân ký bán. Một triệu đại ngu dốt và hùng mạnh bị phá tan thành từng mảnh vụn. Cùng với nó, ánh sáng của tất cả những gì thể hiện quyền lực của một tập đoàn khiến Belitong nổi tiếng khắp thế giới như một hòn đảo Thiếc cũng tàn lụi theo.

Điều lạ lùng là những cư dân bản xứ giờ tự do khai thác thiếc bất kể chỗ nào họ muốn để vực dậy kinh tế của đảo Belitong. Họ đào thiếc trong sân nhà và bán như bán củ khoai ở chợ thiếc tự họ dựng lên. Trước đây PN xem hành động đó là phá hoại.

Những người bản xứ sàng thiếc thủ công. Thậm chí họ còn mở những ngôi trường mới và ngày càng nhiều đứa trẻ như Lintang được cứu vớt. Ở đảo Belitong, không phải một tập đoàn khổng lồ, chẳng phải chính phủ, mà chính những người nghèo khó đã đòi lại một nhân quyền cơ bản - quyền được học tập.

CHƯƠNG 48

ĐỪNG BỎ CUỘC

Trường chúng tôi vẫn đứng vững vài năm sau khi chúng tôi ra trường. Câu nói Những thứ đã không thể làm bạn chùn bước thì nhất định làm bạn mạnh mẽ hơn đã được trường tôi nhiều lần chứng minh.

Nhìn lại chúng tôi đi: Chúng tôi đã tiếp tục tồn tại dầu những lời đe dọa của ông Samadikun hung dữ đến đâu, chúng tôi đẩy lùi được những cái máy xúc muốn xóa sổ ngôi trường, và chúng tôi vẫn sống sót trước những khó khăn về tiền bạc đe dọa hằng ngày. Nhưng trên tất cả, chúng tôi vẫn đứng vững trước những khó khăn cận kề nhất: sự đe dọa từ chính bản thân chúng tôi, đó là thiếu tin tưởng vào sức mạnh của giáo dục, và tự ti.

Chúng tôi tự ti ghê gớm, là hậu quả do bị một tập đoàn thâm nhập vào mọi ngóc ngách cuộc sống chúng tôi, phân biệt đối xử có hệ thống và bỏ mặc hàng năm trời. Áp lực đó khiến chúng tôi không dám đua tranh và không dám ước mơ. Nhưng hai người bạn đặc biệt của chúng tôi - Mahar và Lintang - đã giúp chúng tôi có được dũng khí, và hai thầy cô của chúng tôi - cô Mus và thầy Harfan - là những người bảo vệ giúp chúng tôi ngẩng cao đầu dù khó khăn đến đâu đi nữa.

Thế nhưng, cuối cùng thì, trường chúng tôi rớt cuộc cũng mất. Chúng tôi khuyu xuống vì một kẻ thù vô hình, mạnh nhất, độc ác nhất, vô nhân tính nhất và khó chống lại nhất. Như một khối u ác tính nó gặm dần những học sinh, những thầy cô giáo, và ngay cả chính hệ thống giáo dục. Kẻ thù đó là chủ nghĩa thực dụng.

Giáo dục hiện hành không còn giữ quan điểm về học tập như thầy Harfan trước đây nữa – kiến thức, chính là chân giá trị, và giáo dục chính là sự ca tụng Đấng Tạo Hóa. Học không phải phương tiện để thăng tiến, kiếm tiền hay làm giàu. Thầy xem học tập là ca tụng nhân bản, là thanh cao, là niềm vui khi cấp sách đến trường và là ánh sáng văn minh. Trường học ngày nay không còn là nơi để xây dựng nhân

cách, mà là một phần của kế hoạch tư bản để làm giàu và nổi tiếng, để khoe khoang học vị và quyền lực.

Vì thế mà không có cha mẹ nào muốn đưa con đến học ngôi trường làng Muhammadiyah nữa. Ngôi trường đổ nghiêng hơn. Cây cột thiêng mà chính thầy Harfan đã mang về ngày đầu tiên dựng trường ấy – cây cột chúng tôi đã khắc chiều cao của mình lên đó ấy – đã nghiêng tới mức không làm sao có thể dựng lên được nữa.

Một buổi tối buồn, sau cơn mưa, dải cầu vồng bảy màu xuất hiện trên bầu trời, bắt đầu từ thượng nguồn sông Mirang, rồi cong xuống bên trên rừng đước gần cầu Linggang. Lúc cầu vồng xuất hiện, cây cột nghiêng nghiêng xuống thêm chút nữa, rồi đổ. Một ngôi trường huyền thoại gần 120 tuổi đã ngã xuống chẳng ai hay biết. Cùng với nó, sân khấu diễn ra vở kịch tuổi thơ Chiến binh Cầu vồng cũng sụp đổ. Ngày hôm sau, người ta thấy ngôi trường nằm dài ra đất hết một con thú bị thương nặng.

Sau khi trường tôi sập do bị gió giật mạnh, cô Mus tạm ngưng việc dạy, dành toàn bộ thời gian may quần áo cho khách. Nhưng dạy học mới là nghề cô thực tâm mong muốn. Tôi chưa từng thấy một ai yêu nghề như cô Mus và tôi cũng chưa từng thấy ai vui với nghề như cô. Sau này cô quyết định đi dạy lại và trở thành giáo viên tại một trường tiểu học nhà nước. Tuy thế, cô Mus thừa nhận rằng cô vẫn không bao giờ gặp được học sinh nào siêu phàm hơn Lintang và Mahar.

Bụng tôi quặn lên bởi cố nén cơn cười khi trông thấy anh cu li cố hết sức tha cả đám hàng hóa bên ngoài cửa hàng Sinar Perkasa. Cậu đi khệnh khạng hết một con đười ươi, như khi tôi đá vào háng cậu trong vụ liên quan đến bệnh thần kinh số năm ấy: kích cho ngực nở bằng hai nửa trái banh tennis.

Nhiều năm trôi qua, nhưng tôi vẫn nhận ra cậu ngay. Samson thực sự không bao giờ muốn làm xấu hình ảnh bậc đại trượng phu của cậu. Cậu cố gắng hết sức để tha hết ngàn ấy hàng đến chiếc xe tải nhỏ rồi chất cả vào thùng xe.

Samson nhận tiền từ người phụ nữ chủ xe béo núc. Cậu cảm ơn, gật đầu hết sức lễ độ, rồi quay trở lại cửa hàng. Cậu đưa tiền đó cho người chủ cửa hàng rồi người này xòe nắm tiền huơ huơ lên hàng hóa để lấy hên. Cô vợ ông chủ lắc đầu. Tôi ngay lập tức nhận ra người chủ cửa hàng

nhờ hình dạng cái đầu của anh ta: cái đầu của A Kiong vẫn hình hộp thể.

Tuy nhiên, cậu vẫn tốt số hơn tôi. Ít ra cậu còn có vợ. Thật ra, vợ của A Kiong chính là Sahara - kinh địch thời đi học của cậu.

Cứ hể có thời gian là Samson, A Kiong và Sahara lại đi thăm Harun.

Harun lại kể câu chuyện về con mèo tam thể sinh được ba con mèo con - cũng tam thể - vào ngày thứ ba của tháng. Cũng như trước đây, Sahara lại lắng nghe hết sức chăm chú và toàn tâm toàn ý. Nếu lúc trước Harun là một đứa trẻ nhốt trong cơ thể một người lớn thì giờ cậu là một người lớn bị nhốt trong tâm trí một đứa trẻ.

Harun cũng đều đặn đến thăm Trapani khi Trapani ra viện Zaal Batu. Cậu đạp xe đến nhà Trapani cách đó bốn mươi cây số, vào mỗi chiều thứ Sáu. Cậu luôn khởi hành lúc ba giờ.

Ước vọng của Harun vẫn không thay đổi chút nào, cậu vẫn còn muốn trở thành Trapani khi cậu lớn lên. Nhiều lần, Harun buồn vì giấc mơ không thành của mình, tôi nghĩ vì Trapani là một người lớn và Harun thì đã già rồi. Mãi tôi mới hiểu ra điều này, song tôi cũng không hoàn toàn chắc chắn. Ấy thật là một vấn đề hóc búa.

Nếu xem xét hoàn cảnh của chúng tôi bây giờ, thì những hoài bão trở thành giáo viên của tôi, hoài bão của Harun, của Trapani và ước mơ trở thành nhà toán học của Lintang đều bị vỡ tan. Và rõ ràng A Kiong đã quên rằng cậu từng mơ được đội lên cái đầu hình hộp của mình chiếc mũ thuyền trưởng, và vợ cậu - Sahara - cũng không trở thành người đấu tranh cho nữ quyền.

Buồn nhất, theo tôi nghĩ, là Samson. Cậu thậm chí không thể trở thành một nhân viên xé vé ở rạp chiếu phim nữa. Cậu luôn là người bị quan nhất trong số chúng tôi. Ở đâu tôi cũng thấy người kém may mắn nhất trên thế giới là người bị quan.

Trong khi đó, Syahdan vẫn đeo đuổi ước mơ làm diễn viên nhưng cậu chỉ được xếp vào hạng bèo bọt ở Jakarta. Cậu đã gia nhập một nhóm ca kịch nhưng ở Indonesia người ta hiếm khi xem ca kịch. Có vẻ Syahdan đã lạc mất đầu đó ở Jakarta. Chúng tôi không còn nghe gì về cậu nữa.

Còn Mahar, cậu cũng không bao giờ từ bỏ ước mơ không thực của mình

là trở thành một pháp sư thanh sạch. Nhưng cũng như trước đây, cậu không suy nghĩ nhiều về chuyện như thế. Cậu vẫn tin rằng tương lai do Thượng đế quyết định và cậu thành tâm chờ đợi số phận luân hồi của cậu. Hơn nữa, cậu đang bận rộn với việc sáng chế món đồ chơi truyền thống cho trẻ em: lá câypinang hantu mà chúng tôi đã từng chơi trong mùa mưa.

Flo, thành viên gia nhập Chiến binh Cầu Vòng sau cùng, không bao giờ khép lại ước mơ của mình. Sau này chúng tôi được biết cô cưới người thu ngân ngân hàng BRI, cũng là thành viên hội Soceiteit de Limpai giờ đã giải tán. (Sau hành trình đến đảo Hải tặc rồi nhận được thông điệp buồn cười từ Tuk Bayan Tula, Mahar, với tư cách thủ lĩnh đã đình chỉ toàn bộ hoạt động của Soceiteit.)

Trong suốt thời đi học của đội Chiến binh Cầu Vòng, Kucai luôn đứng bết mỗi khi nhận bảng điểm. Cậu luôn bị chúng tôi bêu riếu vì cái tội điểm kém. Cậu liên tục nhận ngỗng - điểm hai - cho môn toán. Liên tục nhận dơi - điểm ba - cho các môn khoa học tự nhiên. Cậu và Harun luôn xếp bết lớp. Nhưng hay nhìn cậu bây giờ đi - cậu, người chúng tôi cho là dốt nhất - là tín đồ của thánh Muhammad duy nhất trong lớp tôi đạt được ước mơ của mình.

Kucai là người quảng giao, ngay từ khi còn nhỏ cậu đã hiểu rất rõ văn hóa của chúng tôi và cách hệ thống giá trị của xã hội chúng tôi vận hành. Nếu một người theo chủ nghĩa dân túy đủ mảnh khảnh để trở thành phụ mẫu của dân thì anh ta có cơ may thành công trong lĩnh vực chính trị. Vậy nên ngay từ đầu, Kucai kiên quyết giữ những phẩm chất nổi trội nhất: người theo chủ nghĩa dân túy, người tranh cãi áp đảo, biết tốt, và không biết xấu hổ. Cuối cùng, cậu trở thành ứng cử viên cho một đảng chính trị và rồi thành công trong kế hoạch A khi giành được ghế trong Quốc hội. Vậy thì ai là người tài giỏi đích thực? Lintang hay Kucai? Lintang, người luôn đứng đầu lớp, hay Kucai, đứa đứng bết?

Khi Kucai được bầu làm dân biểu, cậu khao chúng tôi tại một quán cà phê. Rồi cậu cảm ơn chúng tôi, đặc biệt là Lintang, người thật sự khơi gợi khát khao nơi cậu. Mặt cậu húp lên vì cố nén nước mắt.

“Lintang, cảm ơn vì nhờ cậu mà tớ mới có ngày hôm nay,” Kucai nói với giọng chính trị gia hạng ba của cậu.

Mắt cậu ạng nước. Cậu nhìn Lintang buồn bã, nhưng mắt lại dán chặt

lên Harun.

Cứ nhìn vào thực tế thì không thể nói trước được tương lai của những thành viên đội Chiến binh Cầu Vòng là như thế nào. Nhưng chúng tôi cảm thấy mình thật may mắn vì đã có cơ hội được học tại ngôi trường nghèo khó của chúng tôi với hai người thầy cô phi thường, những người đã giúp chúng tôi biết giá trị của giáo dục, say mê học tập và tận hưởng niềm vui được cấp sách tới trường.

Chúng tôi nhận ra rằng con người chúng tôi hôm nay đã được hình thành từ thời tiểu học. Nhưng bài học quý giá nhất từ những năm tháng diệu kỳ đó là bài học mà thầy Harfan đã dạy cho chúng tôi, và tôi có thể nhìn thấy trên tất cả những khuôn mặt của thành viên đội Chiến binh Cầu Vòng. Chúng tôi đã thấm nhuần tinh thần cho hết sức mình, chứ không phải nhận hết sức mình. Chúng tôi luôn biết ơn bài học ấy, ngay cả trong nghèo túng. Thầy Harfan và cô Mus nghèo khổ đã mang đến cho tôi tuổi thơ đẹp nhất, tình bạn đẹp nhất và tâm hồn phong phú, một thứ gì đó vô giá, thậm chí còn có giá trị hơn những khao khát mơ ước. Có thể tôi lầm, nhưng theo ý tôi, đây thật sự là hơi thở của giáo dục và linh hồn của một chốn được gọi là trường học.

Tôi cảm thấy mình thật may vì đã tiếp tục được học tại một đất nước cách xa đất nước mình, sau đó tôi còn đi du lịch bụi nhiều nơi khác nữa. Đi đến đâu tôi cũng tìm hiểu xem thử người ta giao tiếp với nhau trong một hệ thống đặc thù như thế nào, và người ta nhìn nhận cuộc sống của mình như thế nào. Tôi thích cái nghề không chính thức của mình - người quan sát cuộc sống.

Tôi gặp gỡ lãnh đạo của các tôn giáo khác nhau. Tôi hỏi họ về lẽ sống. Tôi thấy có người tìm kiếm bình yên trong cuộc đời này bằng việc sống theo lối rày đây mai đó. Tôi cũng thấy có người hành hương đến Mecca, Ấn Độ, Bethlehem và Himalaya, tìm kiếm bình yên trong tâm hồn bằng cách hy sinh bản thân hoàn toàn cho một tín ngưỡng nào đó. Thậm chí tôi hay gặp những người mạo hiểm tìm kiếm bản thân mình trong tuyệt vọng, để rồi đôi khi cảnh sát lại phải đi tìm họ.

Tôi cố rút ra một kết luận từ tất cả những trải nghiệm đó. Tuy thế, rõ ràng là tôi không cần phải đi đâu xa; tôi không cần phải chế ngự thế giới hay gặp nhiều người. Kết luận cuối cùng, lẽ sống tôi tin tưởng, là một triết lý đơn giản tôi rút ra được từ những năm tháng không bao giờ

quên tại trường tiểu học Muhammadiyah mà cuối cùng đã ngã xuống vì một cơn gió lớn.

Lẽ sống cũng đơn giản như chính ngôi trường khiêm nhường ấy. Số phận, nỗ lực và định mệnh như ba ngọn núi xanh nâng niu lòng nhân ái và đu đưa vỗ về chúng. Những ngọn núi ấy cùng nhau tạo nên tương lai, song ít ai hiểu được làm thế nào mà chúng có thể tương hợp với nhau như vậy. Những ai thất bại trong một khía cạnh nào đó của cuộc sống đổ hết lỗi cho Thượng đế. Họ thấy nếu họ nghèo, đó là vì Thượng đế bắt số họ phải như thế. Những ai đã mệt mỏi vì luôn phải gồng mình lên thì buông xuôi, đợi bàn tay định mệnh thay đổi số phận. Những ai không muốn làm việc cực nhọc thì chấp nhận số phận vì họ tin là nó không thể thay đổi - xét cho cùng, mọi thứ đều được định trước cả rồi, hay họ tin như thế. Do vậy mà vòng tròn của cái xấu cứ bao vây trong sự uể oải biếng nhác. Nhưng điều tôi biết chắc từ những năm tháng học tại ngôi trường nghèo khổ ấy là một cuộc sống làm lụng vất vả cũng giống như lấy trái từ trong một cái giỏ mà hai mắt đều bị bịt. Dù cuối cùng ta lấy được trái gì thì ít nhất ta cũng đã có trái. Trong khi đó, cuộc sống không phải làm lụng vất vả thì cũng giống như tìm một con mèo đen trong căn phòng tối om với hai mắt nhắm tịt, mà con mèo thì không có ở đấy.

Tôi tin chân lý này là điều khiến tôi luôn muốn học và muốn làm việc thật nhiều. Tôi tin rằng chính niềm tin của tôi, chứ không phải do tôi là một sinh viên sáng dạ, đã giúp tôi hoàn thành việc học ở châu Âu. Tôi trở về Indonesia và làm việc cho một công ty viễn thông.

Khi tôi đang làm việc ở công ty năm 2004, một cơn sóng thần đổ ập vào Aceh. Hàng trăm ngàn người thiệt mạng. Tôi đăng tên làm tình nguyện viên ở Aceh ba tuần.

Trên đường ra sân bay Aceh sau khi xong việc, tôi trông thấy một cô gái quần jilbab. Cô đứng trên vệ đường cầm băng rôn. Đằng sau cô là một ngôi trường đã bị sóng thần phá hủy. Trên băng rôn có dòng chữ: Cố lên, đừng bỏ học nhé.

Tôi sững sốt. Cô gái ấy có thể là một cô giáo lắm chứ, một cô giáo đang cố tập trung đám trẻ nhỏ còn lại của mình sau thảm họa. Tôi thấy mình cố nuốt nước mắt vào trong khi chứng kiến cảnh tượng ấy. Tôi xúc động bởi cái sức mạnh nơi cô, và lúc đó tôi lại nhớ đến một cô giáo - người đã

có lần bảo tôi rằng đối với cô mất một đứa học trò cũng chẳng khác nào mất một nửa linh hồn.

Rồi tôi nhớ đến lời hứa xưa kia của mình - lời hứa năm lớp sáu khi tôi trông thấy cô Mus băng qua sân trường, đội trên đầu tàu lá chuối dưới trời mưa. Tận sâu trái tim nhỏ bé của tôi lúc ấy, tôi hứa sẽ viết một cuốn sách về cô Mus. Cuốn sách sẽ là món quà tôi dành cho cô, bằng chứng rằng tôi thực sự trân trọng và đánh giá cao tất cả những gì cô đã làm cho chúng tôi.

Hai ngày sau, ở Bandung, tôi đi làm về và bắt đầu viết cuốn sách. Những ngày sau đó, tôi khúc khích cười, xúc động, bực bội và khóc nức nở lúc nửa đêm - một mình. Tôi say sưa viết cho đến lúc nhìn lại đã thấy được 600 trang.

Cuối cùng, tôi thở phào nhẹ nhõm khi viết một vài dòng trên trang đầu cuốn sách: Dành tặng cho thầy cô của tôi, cô Muslimah Hafsari và thầy Harfan Effendy Noor, và mười người bạn thời thơ ấu của tôi, những thành viên đội Chiến binh Cầu vồng. Tôi đặt tên cho cuốn sách là Chiến binh Cầu Vồng.

Setiap warga negara

berhak mendapat pendidikan

(Un dang-Undang Dasar Republik Indonesia, Pasal 33)

Mọi công dân đều có quyền học hành

(Hiến pháp Nước Cộng hòa Indonesia, Điều 33)

Hết